C.V. GHEORGHIU

KIẾP ĐỌA ĐÀY

cũng một kiếp người

NHÀ XUẤT BẢN THANH HÓA

C.VIRGIL GHEORGHIU

KIẾP ĐỌA ĐÀY

(MINH HÀ lược dịch theo bản tiếng Pháp)

LA TUNIQUE PEAU

THÁI VŨ hiệu đính

5.11.1989

NHÀ XUẤT BẢN THANH HÓA
1989

Cuốn: BI KỊCH MỘT THÂN PHẬN CON NGƯỜI

CONSTANTIN VIRGIL GHEORGHIU sinh ngày 15 tháng 9 năm 1916 tại Raznoeni — Neamtz, Ru-ma-ni, cha là linh mục ở xứ Moldavie. Ông học triết học và thần học ở Đại học Bucarest và Heidelberg (Đức). Sau khi tốt nghiệp, trước khi là nhà báo — làm thơ rồi viết văn — ông được bổ nhiệm làm tùy viên văn hóa tại bộ Ngoại giao Ru-ma-ni, ở Zaghreh, trước thế giới chiến tranh lần 2.

Cưới vợ được năm ngày thì thế chiến bùng nổ, bọn thân phát xít Hit-le ở Ru-ma-ni ám sát Thủ tướng có xu hướng dân chủ Armand Calinesco, ông căm phẫn chống lại chúng và viết thi phẩm lấy tên Armand Calinesco *(1939), tiếp đó thi phẩm* Calligraphie sur la neige *(Ghi trên tuyết) (1940), được giải thưởng Hoàng gia về thi ca thời đó. Cuốn* Bờ sông Dniestr bừng lửa *xuất bản ở Bucarest của ông, nói lên lòng căm phẫn tột độ của ông chống bọn thân phát xít đã tàn sát một phần ba dân số miền Bessarabie, quê hương ông. Cuốn sách bị đả kích, ông viết cuốn* Người lữ hành cô đơn *để phân trần « bất cứ ở đâu, trước cảnh tàn phá giết chóc dã man, thi sĩ không thể không căm phẫn ».*

Năm 1943, Ru-ma-ni đứng về phía Liên-xô chống phát xít Hít-le, ông và vợ đang làm việc ở bộ Ngoại giao Ru-ma-ni ở Zaghreh, bị quân Đức bắt giam.

Khi Đức quốc xã thua trận, quân đội Mỹ bắt giam vợ chồng ông mỗi người mỗi nơi. Hai năm sau (1947), được thả ra, vợ chồng ông mới gặp lại nhau ở Heidelberg, nhờ viết cuốn Giờ thứ 25 nổi tiếng (tán tụng Mỹ). Năm 1948, Gheorghiu sang Pháp, rồi sang Mỹ một thời gian, trở lại Pháp.

C. V. Gheorghiu sống một cuộc đời dường như là âm thầm với những dằn vặt về thân phận con người, về tình yêu quê hương, đất nước tha thiết. Tâm tư ông luôn luôn nghĩ đến một đấng cứu thế đầy lòng nhân ái tuy trong hầu hết tác phẩm ông thường phản ánh thực trạng xã hội một cách hạn chế, thiên lệch theo thế giới quan của ông. Cuối cùng, nhà văn trở thành tu sĩ.

Ngày 23 tháng 5 năm 1963, tại ngôi nhà thờ Ru-ma-ni ở Pa-ri (Pháp) C. V. Gheorghiu được thụ phong Linh mục.

Những tiểu thuyết của Gheorghiu đều do ông viết bằng tiếng Ru-ma-ni và tiếng Pháp. Có thể kể như sau: La Vingt-cinquième Heure, La Seconde Chance, L'homme qui voyage seul, Les Mendiants des Miracles, Les Sacrifiés du Danube, v.v... *Cuốn* La Maison de Petrodva *là cuốn sách duy nhất nói về tình yêu đầy dằn vặt của ông.*

NHÀ XUẤT BẢN THANH HÓA

1.

Thị xã với những người gác đêm bị giết một cách khó hiểu

– Xin mời đại tá an tọa. Đã hai năm qua, chúng ta cùng trông coi thị xã này. Tôi là thị trưởng còn đại tá là cảnh sát trưởng đã từng gặp nhau hàng ngày tại văn phòng của tôi. Hôm nay chúng ta họp với nhau lần cuối, bởi vậy, tôi sẽ không yêu cầu đại tá cho biết tên người gác đêm – trong số ba mươi bốn người còn sống – sẽ bị giết chết đêm nay. Không! Tôi đã hết sức lo lắng hỏi đại tá điều ấy suốt ba tuần lễ vừa qua. Đêm nay có thể cũng như những đêm trước, tôi tin rằng bọn cướp sẽ y hẹn. Ba tuần qua, chúng chưa lần nào vắng mặt. Chúng cũng chưa hề chậm một giây. Chúng hành động đúng giờ như kim đồng hồ, hết sức chính xác: nghỉ hai đêm, đêm thứ ba đi cướp của giết người. Chúng không ưa thay đổi thói quen, kế hoạch của chúng. Đêm nay, chúng lại sẽ giết người trong thành phố của chúng ta.

Xin đừng bận tâm, tôi không chỉ trích đại tá. Chỉ trích hay không thì bọn cướp vẫn cứ giết người như thường.

– Thưa ngài thị trưởng, thực tình tôi không thể hiểu nổi. Hẳn rằng khó ai có thể làm hơn được tôi. Tôi đã làm tất cả những gì có thể làm để ngăn cản bọn

chúng giết người, giữ đừng sầy « xịt căng đan ». Tôi cũng cho là chỉ mấy giờ nữa thôi, bọn cướp lại hành động. Và một lần nữa, chúng ta lại không biết gì hết. Người thấy sao được ma. Không phải là lỗi của cảnh sát. Bọn cướp giống như người vô hình đã ba tuần nay, chúng cướp bảy nhà băng bằng cách đục thủng cửa bọc sắt, trần nhà, phá tủ sắt. Chúng cướp đi hàng tỷ bạc. Song chẳng để lại một dấu vết nào. Bốn người gác đêm bị giết nữa! Vậy mà cả thành phố không có một ai hay biết gì hết. Còn đêm nay làm sao họ có thể nghe được? Tất nhiên, bọn cướp vô hình sẽ đục thủng tủ sắt ngân hàng thứ tám. Và có lẽ người gác đêm thứ năm sẽ bị hạ sát, bị cắt cổ như bốn người trước. Tôi tự thấy bất lực, không biết phải làm gì để ngăn cản bọn chúng. Tôi không làm được gì hơn nữa! Tuyệt đối chẳng làm được gì hết. Chịu! Tất cả những gì sức người có thể làm được, tôi đã dốc hết sức mình. Chắc chắn là trên quả đất này không ai có thể làm hơn được. Nếu có ai biết tôi cần phải làm thêm gì nữa, xin cứ chỉ giáo, tôi sẽ thực hiện ngay.

— Đấy không phải là điều tôi muốn bàn với đại tá, mặc dầu vấn đề này quan trọng và cấp bách thực. Chúng ta đã bị tình thế qua mặt. Tôi phải báo cho đại tá biết điều sau: bọn cướp đã ghi thêm vào bản danh sách nạn nhân của chúng tên hai người: đại tá và tôi. Cả hai chúng ta đã bị thanh trừng, bị huyền chức. Nghĩa là bị đuổi, bị đá đít. Bằng một cú điện thoại! Đấy là điều đại tá chưa biết mà tôi muốn báo. Bản thân tôi được biết điều đó cách đây nửa giờ.

— Thưa ngài thị trưởng, quyết định đó đã chính thức chưa?

– Hết sức chính thức. Quyết định của chính phủ mà. Ngày mai những người thay thế chúng ta sẽ đến đây: một ông thị trưởng và một ông chỉ huy trưởng cảnh sát.

– Họ cứ đến! Hắn cũng chẳng làm được gì hơn. Không ai làm được. Chúng ta đã dốc hết sức mình. Chúng ta chẳng có lỗi gì hết. Nếu có phải khiển trách, chúng ta chỉ đáng khiển trách vì thiếu may mắn. Đối với cảnh sát, may mắn cũng quan trọng không kém gì đối với việc chơi «ru lét». Chính may mắn đã tạo ra những thám tử tài ba.

– Đại tá thế mà còn may, vì đại tá được giao một chức vụ chỉ huy khác. Cố nhiên chức vụ mới sẽ kém quan trọng hơn bây giờ, nhưng dù sao, cũng là một chức vụ chỉ huy. Đối với tôi, vấn đề khác hẳn. Một ông thị trưởng bị biến cố nhận chìm và bị huyền chức là một người bỏ đi. Hết thời luôn, cho đến khi xuống lỗ. Đừng hòng kiếm được một địa vị chính trị khác. Tôi không quan trọng hóa vấn đề khi nói rằng sự nghiệp của tôi đã chấm dứt. Tôi đã ngã gục, đã chết rồi! Đã bị bọn cướp giết mấy người gác đêm, giết chết. Tôi cũng đã chết như bốn người gác đêm kia.

– Thưa ngài thị trưởng, thiết tưởng ngài không có gì để tự trách mình trong vụ này cả.

– Có chứ, đại tá. Cố nhiên tôi không phải là thủ phạm sát hại những người gác đêm và cướp của nhà băng. Nhưng tôi đã phạm tội là bỏ sự nghiệp danh tiếng của một giáo sư đại học để nhảy vào chính trường. Đó là một lỗi lớn. Nó làm cho tôi nhớ đến chuyện con bò, sau khi đã để cho sữa chảy đầy vào thùng,

lại lỡ quớ đá đổ thùng, làm cho bao nhiêu sữa chảy vào đống phân. Tôi cũng phạm một tội tương tự. Ngày hôm nay, tôi phải đền tội. Tôi đã đào ngũ ra khỏi giáo giới và chọn chính trị. Tôi đã chọn cái dễ dãi. Mặc dù tôi biết trước rằng không có gì vĩ đại trong chính trị. Trong mọi hoạt động của con người, ta có thể đạt đến chỗ vĩ đại, trừ chính trị. Trên chính trường, càng tiến, ta càng ngập sâu vào đống bùn. Càng thành công, con người càng bẩn. Tôi đã biết như vậy mà vẫn cứ nhào vô. Vì cái lỗi không thể tha thứ được nói trên nên ngày hôm nay, tôi mới bị rơi xuống, rơi xuống một cách nhục nhã bởi đòn giáng của một bọn ăn cướp giết người; nhục nhã ghê gớm vì bọn đạo tặc sát nhân này lại không nhắm vào cá nhân tôi. Tôi cũng bị rơi vào một «lô» cùng những người gác đêm bị đâm cồ tại chòi canh. Đối với tôi, như vậy là năm mươi năm tranh đấu đã cáo chung. Tôi đã vất vả từ khi mới lên sáu. Đã phải theo học một cách cực nhọc trong trường học của cơ quan cứu tế xã hội vì tôi là một đứa mồ côi. Rồi phải chịu đựng cực khổ trong các ký túc xá học sinh và lưu xá sinh viên nghèo. Rồi còn phải gắng gỏi chống lại sự đói khát và sự khinh khi của đám sinh viên con nhà giàu ở các lớp cao đẳng và đại học. Cuối cùng, khi đến đích và sắp hụt hơi, tôi đã giành được một ghế giáo sư đại học; lẽ ra, lúc bấy giờ, tôi phải tự mãn vì đã không ngã gục như bao nhiêu bạn đồng song ở lại. Tôi lại bỏ đại học để đi làm chính trị để trở thành thị trưởng. Đấy là một hành vi đáng phỉ nhổ! Nhục nhã và mất hết lý trí khi vừa đến đích. Hôm nay, một bọn sát nhân đạo tặc loại tôi ra khỏi chính trường. Người ta gọi điện thoại để cách chức tôi như đuổi một tên đầy tớ bất lực và bất xứng. Tất cả những tai

họa ấy đều do lỗi tự tôi mà ra, bởi tôi đã tình nguyện gia nhập thế giới hạ cấp của chính trị. Tôi phải lãnh đủ mọi hình phạt của hoạn giới. Một người đã là chính khách rồi, bây giờ không còn là chính khách nữa mà chỉ còn là người dân thường thôi, sẽ khổ sở vô cùng, sẽ nhục nhã vô cùng...

— Thưa ngài thị trưởng, hy vọng là mọi việc rồi cũng sẽ được dàn xếp ổn thỏa. Trong chính trường, tất cả đều có thể được dàn xếp...

— Không thể được! Người ta không thể giữ tôi ở lại chức vụ được. Tôi chấp nhận chuyện này. Chính phủ phải cách chức tôi để thỏa mãn quần chúng. Ba tuần nay, tôi là con thú phải hạ nhục, là con người thị trưởng bất lực một thị xã đã để cho đạo tặc tự do giết người gác đêm cướp nhà băng. Bất kỳ một nhà báo nào cũng có nhiệm vụ hạ nhục tôi, lên án tôi. Tôi là thị trưởng một thị xã đã để cho bọn đạo tặc, cứ ba đêm một, lại đến đục thủng két sắt nhà băng, khuân bạc bỏ đi. Thành thực mà nói, họ bị bắt buộc phải tống cổ tôi đi. Phải cách chức tôi. Phải tống khứ tôi ra khỏi cái ghế thị trưởng sơn son thiếp vàng này. Mặc dù vậy, tôi vẫn thấy quá nhục nhã, nhục nhã đến độ tôi phải nói cho đại tá biết điều đáng ghê tởm sau: mấy người gác đêm bị giết trong vọng gác của họ quả là những nạn nhân vô tội, đáng thương. Cố nhiên rồi. Nhưng tôi, ông thị trưởng André Scriban, tôi thèm được như họ trong lúc này. Tôi muốn được nằm yên dưới ba thước đất như họ còn hơn là sống để làm ông thị trưởng bị thải hồi công khai vì bất lực. Tôi xin lỗi vì đã bắt đại tá phải nghe quá nhiều. Nhưng ông là người đầu tiên mà tôi dám tâm sự, sau khi bị huyền chức. Và bây giờ tôi xin từ biệt đại tá. Tôi chỉ có bấy nhiêu để nói với ông mà thôi. Chúng

ta còn có trách nhiệm trong vài giờ đồng hồ nữa. Đêm nay từ bây giờ đến sáng mai tôi vẫn còn là ông thị trưởng bất lực đã để cho đạo tặc hoành hành tự do. Đại tá vẫn còn là cảnh sát trưởng. Vậy đại tá cứ chọn những biện pháp mà ông cho là hữu hiệu hơn cả. Đại tá cứ gắng hết sức mình. Như đã từng cố gắng trong thời gian qua. Xin tạm biệt đại tá.

– Thưa ngài thị trưởng, dám chắc là đêm nay, bọn cướp sẽ không đột nhập nổi bất kỳ một cơ sở nào trong số ba mươi bốn cơ sở tài chính và ngân hàng của thị xã, trừ phi chúng là những tên đạo tặc vô hình. Tôi đã điều động thêm nhiều đơn vị cảnh sát. Đã thiết lập những vòng đai rất chắc quanh mọi cơ sở nói trên. Đã bố trí lính gác dầy đặc khắp nơi. Đã chặn mọi ngã đường. Đã bố trí người gác trên các mái nhà, gốc cây, miệng ống cống. Suốt đêm, sẽ có hàng trăm lính gác cần mật mọi nhà băng. Khắp nơi đều có những vòng rào cảnh sát. Dám chắc đêm nay, bọn đạo tặc kia sẽ không thể làm ăn trót lọt. Chim cũng chưa chắc đã vô nổi, huống chi người.

– Những đêm trước, đại tá cũng đã bố trí những hàng rào cản ấy, những vòng đai cảnh sát ấy, những lính canh ấy. Đại tá cũng đã báo cáo với tôi, đích thân đại tá đã báo cáo những biện pháp bố phòng ấy, với những lời lẽ và danh từ ấy đêm nào cũng như đêm nào. Vậy mà bọn găng tơ vẫn làm ăn trót lọt, đêm nào cũng như đêm nào. Chúng nó đã bẻ gãy khóa, đục thủng tủ sắt, cuỗm hết tiền bạc. Chúng nó còn đâm cổ bọn gác đêm nữa.

– Nhưng đêm nay, tôi quyết không nhắm mắt, thưa ngài thị trưởng.

– Đại tá không ngủ một phút nào hết cũng không ăn thua gì đâu. Không phải tôi muốn làm cho đại tá nản lòng. Nhưng chúng nó đã thành công trong việc vượt qua các vòng đai của đại tá đến bảy lần rồi, có lẽ đâu lần thứ tám chúng lại thất bại? Hình như lính canh và cảnh sát chẳng có nghĩa gì hết đối với chúng nó. Đêm nay, chúng lại sẽ vào hốt tiền bạc của nhà băng mà chúng đã nhắm êm như ru. Chẳng ai thấy gì đâu. Đại tá chẳng làm gì được chúng hết. Ngay từ đầu, đại tá đã vận dụng mọi phương tiện để cản chúng rồi mà. Đến một giới hạn nào đó, ta phải thú nhận rằng mình bất lực. Chính đại tá đã nói là trên trái đất này, không một người nào có thể làm hơn được.

Tuy nhiên, tôi vẫn chúc đại tá gặp may. Vì như đại tá vừa nói, thám tử xuất sắc nhất là người gặp nhiều may mắn...

Trong phòng, chỉ có tiếng «tích tắc» của chiếc đồng hồ vàng lớn giữa một bầu không khí lặng như tờ. Hai người, ông thị trưởng và ông chỉ huy trưởng cảnh sát, không có gì để nói với nhau nữa. Cả hai đều là nạn nhân của xui xẻo. Họ không thể giải thích được vụ «xịt căng đan» này. Vì việc chính quyền không tóm cổ được cái «băng» ăn cướp giết người đang khủng bố dân chúng, hạ sát những người gác đêm là một việc không thể quan niệm được. Cảnh sát có những phương tiện khá hùng hậu. Nếu cảnh sát không bắt được bọn cướp tức là trong việc này, phải có một cái gì gian manh. Một cái gì bất thường. Dân chúng đã chứng kiến cảnh những vòng đai cảnh sát an ninh chiều nào cũng vây kín các trụ sở ngân hàng. Đã nghĩ là không thể nào vượt qua được những vòng đai ấy, vậy mà bọn cướp vẫn cứ vượt qua đều

đều. Chẳng ai thấy gì hết! Chẳng ai nghe gì hết! Cũng chẳng ai biết chúng nó vào lúc nào, ra lúc nào. Chẳng ai biết chúng nó giết những người gác đêm lúc nào nữa. Có thực chúng là những tên đạo tặc vô hình không? Không thể có người vô hình. Khoa học đã cương quyết phủ nhận. Vì vậy, mọi người đều đi tìm chìa khóa của bí mật này.

Vì có một bí mật thực.

*
* *

2.

Tại sao những người gác đêm bị hạ sát?

Đã ba giờ sáng! Với ông thị trưởng Andre Scriban, đêm ấy là một đêm trắng. Một đêm đầy chua chát. Một đêm của cô đơn. André Scriban bỗng nhận thức ra rằng bi kịch đời của ông không hẳn đã là bi kịch riêng tư cá nhân; vì lịch sử một con người chỉ là lịch sử của dân tộc mẹ rút gọn. Con người bằng xương bằng thịt, suốt cả cuộc đời trên trần thế, cũng sống đúng trong một bi kịch, sống y như bi kịch sống của dân tộc mẹ suốt bao nhiêu thế kỷ.

Trong xứ sở này, mọi biến cố của cá nhân hay tập thể, cũng đều mang tàn tích của đế quốc Thổ-nhĩ-kỳ. Người ta trở thành bộ trưởng, thị trưởng, cảnh sát trưởng y hệt như trong đế quốc Thổ, một anh bạch đinh bỗng nhiên trở thành tướng lĩnh quan chức, vương công... Một anh dân quèn, phút chốc có thể trở nên một nhà đại quý tộc, nếu đức vua cao hứng cho anh ta được hưởng ơn mưa móc. Đức Vua đã thay thế cho số mệnh. Đức Vua không cần biết đến tài năng, đạo đức và công lao của người được ân sủng. Đức Vua chọn lựa và quyết định theo hứng. Chẳng theo luật lệ nào khác hơn là hứng. Người được Đức

Vua ban cho quyền tước, chàu báu hôm nay thì ngày mai cũng có thể bị Đức Vua chặt đầu chẳng vì lý do gì hết. Hứng của Đức Vua hết sức thất thường.

Người Thổ đi khỏi xứ sở này lâu lắm rồi nhưng còn để lại tàn tích. Con người ở đây chỉ là đồ chơi của lịch sử. Thị trưởng André Scriban đã cố gắng vươn lên để trở nên một con người chế ngự được mọi sự việc và chế ngự được lịch sử bằng ý chí và công lao. Ông ta không từ bất kỳ một thứ gì. Ngay khi mới lên sáu, André Scriban đã làm việc cật lực, chịu thiếu thốn mọi thứ, chịu đựng tất cả để đạt được lý tưởng thành một nhà thông thái. Nhưng đến khi được bổ làm giáo sư đại học, ông ta lại không dùng đến sở học thu thập được nhờ công lao và lòng can đảm. Ông ta đã để cho xã hội xung quanh ông lôi cuốn. Đã ép mình theo các tập tục mà người Thổ để lại đã khắc sâu vào đời sống của xứ sở này. Ông ta đã thành hôn với một thiếu nữ giàu có thuộc thành phần thượng lưu thiểu số, nàng Despina Xantopol. Nhờ cuộc hôn nhân này, André Scriban được bổ nhiệm làm thị trưởng của thị xã. Có thể rồi bộ trưởng và sau đó thủ tướng, và tiếp tục giữ chức thủ tướng đến mãn đời. Y như những vương công dòng Xantopol đã cha truyền con nối, thay nhau cầm quyền hết đời nọ sang đời kia. Vậy mà một bọn đạo tặc sát nhân đã vào trong thành phố hoành hành và làm cho quần chúng nổi giận đối với chính quyền khiến cho ông tổng trấn bị hy sinh, bị vứt ra cho quần chúng dày xéo cho hả giận. Không cần biên bản. Không cần điều tra điều triết gì hết. Cũng không cần biết ông tổng trấn có bất lực tham nhũng ngu ngốc hay không nữa. Người ta cứ cách chức ông ta. Bằng điện thoại! Không cho khiếu nại!

Y hệt như lối giải quyết công việc của các Đức Vua Thổ xưa.

Thị trưởng Scriban nghĩ đến tập quán các nước Tây phương là những nước duy nhất mà ở đó con người đã tranh thủ được điều kiện tôn trọng nhân cách. Ở Tây phương, người ta tiến thủ một cách chậm chạp. Tất cả đều khó khăn và đều đòi hỏi một công lao liên tục. Không thể trở thành ông thị trưởng chỉ vì là chàng rể nhà Xantopol. Tất cả những gì do con người dựng nên với hai bàn tay mồ hôi, chí kiên nhẫn và óc sáng tạo đều tồn tại lâu dài. Không ai được tất cả trong một « cú » nhưng cũng không ai mất hết trong một « cú » như đánh xổ số.

Người ta đã bưng Scriban đặt vào ghế thị trưởng mà không cần biết đến thành tích đức độ và tài năng, chỉ vì ông ta là đấng trượng phu của tiểu thư Xantopol Bây giờ người ta cũng cách chức ông y hệt như vậy. Y như con người ông ta không có vậy. Ở các nước Tây phương, phải tranh đấu cả đời mới được làm thủ trưởng nhưng khi đã giành được địa vị ấy, người ta sẽ giữ được mãi. Ở đây, hễ được nhà Xantopol chọn làm khách giường đông là ông ta khắc được làm thị trưởng dù ông ta có dốt đặc cán mai. Y như bao nhiêu người khác trước ông ta. Nhưng bây giờ, ông ta đã bị thất sủng, bị loại ra khỏi cuộc đời. Chỉ vì một « băng » sát nhân vô hình.

Ông thị trưởng cố tìm hiểu vì sao suốt ba tuần qua quân sát nhân chỉ giết những người gác đêm mà thôi. Tập trung tư tưởng để gắng tìm hiểu vấn đề này! Ông đã dồn sức tưởng tượng, nhưng không được, đã tìm hiểu cách vượt tường dày như chiến lũy, vượt các bức lưới sắt, các cửa bọc thép của nhà băng... mà

bọn cướp đã áp dụng. Ông cũng không hiểu chúng làm thế nào để vào lọt các bức tường bọc thép, của kho chứa bạc dễ như chơi như vậy. Kỳ cục hơn nữa, khó hiểu hơn nữa là việc chúng nó vào lọt những tòa lâu đài xung quanh lính tráng gồm hàng trăm tên canh gác nghiêm ngặt. Làm gì có những tên cướp vô hình. Vậy mà bọn này đã tiến vào các nhà băng và hoạt động y như những người biết biến hóa vậy. Y như những con người không thân thể, không trọng lực. Chúng băng qua tường, vượt các vòng đai cảnh sát, xuyên qua cửa sắt y như ma quỷ.

Thị trưởng Scriban hoàn toàn dốt đặc về khoa cảnh sát, trộm đạo và sát nhân. Ông ta không hề đọc truyện trinh thám và không chú ý đến những mục «chuyện vặt». Trong vụ cướp này, điều làm ông bực bội nhất là nạn nhân chỉ gồm toàn những người gác đêm. Bốn người đã bị bóp cổ chết. Cả bốn đều nghèo khổ. Bây giờ chỉ còn lại ba mươi bốn người. Hàng đêm, đến giờ trực, họ sợ đến tái người vì biết rằng một người sẽ bị hạ sát trong đêm. Như đêm nay, trước khi mặt trời mọc, một nạn nhân sẽ bị đâm cổ. Chắc chắn sẽ bị giết! Nhưng chưa biết là ai. Vì vậy, cả bọn run như cầy sấy trong vọng gác. Suốt mọi đêm trước, cứ đến sáng, lúc bấy giờ là đã có một người đã chết.

André Scriban không ngủ được vì tìm không ra giải đáp cho mối thắc mắc:

— Tại sao chúng nó chỉ giết những người gác đêm, chỉ giết độc có họ mà thôi?

Và ông đưa ra những lập luận giải đáp:

— Bọn cướp giết những người gác đêm vì bọn này đã chạm chán với chúng nó khi chúng nó xông vào nhà băng. — Nhưng ông vẫn thấy lập luận này chưa

ồn, vì bọn cướp ắt phải gặp cảnh sát, an binh gác xung quanh các trụ sở ngân hàng và các đường phố. Cảnh sát và an ninh rất nguy hiểm cho bọn cướp. Họ võ trang mạnh hơn. Họ có trung liên, có xe hơi có đèn pha. Cánh gác đêm chỉ có súng lục rĩ, cũ mèm. Vậy sao bọn cướp lại chỉ giết những người gác đêm, không đụng đến cảnh sát an ninh? Chỉ giết những người gác đêm, khốn khổ! Vì sao?

– Mệt quá! Nghĩ không ra. Ông thị trưởng nghĩ thầm như vậy và muốn buông xuôi. Nhưng một tiếng nói khác trong lòng ông nhắc nhở:

– Ngài thị trưởng, ngài có bổn phận phải suy nghĩ. Hãy ráng đi!

– Nhưng tôi đâu có còn là thị trưởng nữa sau đây bốn giờ đồng hồ. Tôi sẽ không bao giờ nghĩ đến vụ này nữa. Vì tôi đâu còn có trách nhiệm phải lo nữa?

– Ông phải suy nghĩ chứ? Ông cũng là nạn nhân của chúng nó kia mà. Xem nào: Tại sao chúng nó chỉ hạ sát bọn gác đêm mà thôi? Lại nữa, ông có cho rằng bọn cướp này có tài tàng hình, vượt qua vòng đai như chơi hay không?

– Ai lại đi tin nhảm như vậy? Làm gì có người vô hình đi xuyên qua tường, cửa sắt, vượt vòng đai cảnh sát dễ như ma quỷ?

– Ấy thế mà chuyện ấy đã xảy ra trong thị xã của ông đấy. Ba tuần qua, quân cướp đã vượt tường vượt qua vòng đai cảnh sát, đi xuyên qua cửa ngõ. Chẳng ai thấy, chẳng ai nghe chúng. Bảy nhà băng bị cướp, bốn người gác đêm bị đâm cổ. Và ông thị trưởng mất cái ghế thị trưởng sơn son thiếp vàng. Một vị thị trưởng mà nghĩ đến giả thuyết có người vô hình thần

thông biến hóa quả là một giai thoại kỳ thú. Giá ngài bố vợ mà biết chuyện này...

– Không, bọn găng tơ đâu có phải là người có tài biến hóa. Không có thể có chuyện như vậy! Hơn nữa nếu tàng hình được chúng nó cần gì phải giết bọn gác đêm vì bọn này đâu có thấy chúng nó?

Vấn đề này ám ảnh thị trưởng Scriban. Ông biết rằng nếu nạn nhân là những người khác không phải là bọn gác đêm, thì dân chúng sẽ không phẫn nộ dữ dội như hiện nay. Họ có vẻ xúc động mạnh. Sự phẫn nộ của họ đã bùng lên như lửa cháy. Họ đã đòi treo cổ ông thị trưởng. Đòi xử tử cảnh sát trưởng. Sự chống đối tự hình thành và bùng nổ một cách bất ngờ. Không ai nghĩ rằng bọn gác đêm lại được dân chúng quan tâm như vậy. Cái nghề rẻ mạt, chẳng ai thèm biết. Nhưng bây giờ cái chết của những con người khốn khổ ấy đang thúc đẩy quần chúng nổi dậy. Giết những người gác đêm cũng hèn nhát khốn nạn chẳng khác gì tàn sát con nít. Quần chúng không thể tha thứ được.

«Có lẽ bọn sát nhân giết bọn gác đêm để châm cho ngọn lửa phẫn nộ trong lòng quần chúng cháy bừng. Nhưng sự căm phẫn ấy có lợi gì cho chúng đâu? Chúng nó giết cả những người chẳng làm hại gì cho chúng cả, nếu hai bên đụng đầu nhau, khi chúng đi ăn cướp. Vậy là chúng giết ầu sao? Hay là có lý do rõ rệt?» Bỗng nhiên ông thị trưởng có một ý nghĩ đặc biệt: «Những người chuyên thức đêm, thức suốt mọi đêm trong đời vì nghề nghiệp, cho nên họ có thể thấy được những điều mà những người đêm ngủ ngày thức không thể thấy nổi. Giả thuyết này đúng tức là bọn gác đêm có cái đặc tài thấy bọn cướp vô hình. Và vì bọn gác đêm thấy được những

điều mà những người khác không thấy -- nghĩa là bọn cướp – nên chúng nó phải giết đi để giữ kín bí mật, khỏi lo hậu họa.»

Lời giải đáp thầm nói trên của André Scriban làm cho ông ta tự cảm thấy xấu hổ với chính mình: «Vậy là chính ta đã cho rằng có người vô hình rồi. Có thực như vậy không?». Ông tự trả lời: «Bọn cướp đâu có thể tàng hình biến hóa. Nhất định là không rồi! Nhưng chỉ có bọn gác đêm thấy được chúng nó mà thôi, còn cảnh sát, hiến binh thì đừng hòng, dân chúng cũng thế. Trong vũ trụ có hàng vạn hàng triệu vật thể chỉ có một số nhỏ thấy một cách rõ ràng, còn đa số không thể nào thấy được. Như bầu trời chẳng hạn. Trẻ con người lớn thuộc mọi tầng lớp người trong xã hội đều thấy được Trời. Mọi dân tộc giàu nghèo, thuộc mọi màu da Trắng Vàng Đen Đỏ và cả mọi giống người Lai, đều thấy Trời. Bầu Trời, không gian bao giờ cũng chỉ là một, không thay đổi trước mặt mọi người.

Nhưng chỉ có các đấng Thánh, các nhà tiên tri và các đại thi hào là thấy rõ Trời mà thôi. Quần dân chỉ thấy một bầu Trời lồng lộng xanh ngắt ban ngày và lấp lánh muôn vì sao ban đêm. Lại nữa người có quang cụ sẽ thấy bầu Trời rõ hơn một người mắt thường. Tuy thế, thấy được những gì hiện hữu trong bầu Trời vẫn là một thiên ân đặc biệt dành cho một số rất ít ỏi người trần.

Phi công, phi hành gia, du khách không gian thấy Trời gần hơn, có nhiều chi tiết hơn...

Như thế, phải chăng nghề nghiệp đã giúp cho bọn gác đêm đặc tài nhìn thấy trong đêm tối, vốn là đặc tài mà người ngày thức đêm ngủ không cách nào có

được? Có lẽ chỉ một mình bọn gác đêm trông thấy bọn cướp vì thế chúng mới bị hạ sát.

Như vậy, những người gác đêm là nạn nhân chính của bản thân mình về đặc tài riêng kia.

Loại nạn nhân như vậy, nạn nhân của chính thiên tài của mình, nhan nhản trong lịch sử loài người...

Bọn gác đêm đã thấy bọn cướp trong khi cảnh sát thì mù tịt. Vì vậy, họ bị chúng giết. Bọn cướp chỉ hạ sát những ai thấy chúng!

Thị trưởng André Scriban tin chắc là mình đã nắm được chìa khóa của bí mật. Tính chất hèn nhát khốn nạn của bọn cướp nhà băng giết bọn gác bắt đầu được sáng tỏ. Bọn cướp là những người vô hình đối với cảnh sát, những người mà cảnh sát đừng hòng thấy. Chỉ có bọn gác đêm thấy được chúng mà thôi. Cũng như chỉ có những bậc hiền triết đạo hạnh mới được thấy thiên thần.

Giữa lúc André Scriban đang miên man suy nghĩ thì điện thoại reo vang. Người gọi là đại tá Prétorian, chỉ huy trưởng cảnh sát.

— «Thưa ngài thị trưởng, chúng tôi vừa tóm cổ được một tên cướp, lúc nó đang đương nhiên phạm pháp. Xin mời ngài tới ngay».

— Chỉ có một tên chứ không phải nhiều tên sao, đại tá?

— Chúng tôi mới bắt được một. Nếu có nhiều, chúng tôi cũng sẽ bắt được hết. Bắt được một là sẽ bắt được hết; chỉ có việc bắt được tên đầu đàn là đáng kể. Có thể nói rằng vụ này là thắng lợi lớn nhất trong đời tôi.

Thưa ngài thị trưởng, chúng tôi xin đợi ngài ở trụ sở cảnh sát. Ngài có thấy là trong đời, mọi việc đều có thể dàn xếp, khi tưởng như đã hỏng hết rồi. Chúng ta lại thành công, xin mời ngài đến ngay cho...

Thị trưởng Scriban đi thay y phục. Đồng hồ đã quá năm giờ. Suốt đêm, ngài không chợp mắt được một phút. Hôm nay, ngài André Scriban sẽ không bị mất cái ghế thị trưởng sơn son thiếp vàng, mà còn được gắn mề-đay. Tình thế đã xoay chiều thuận lợi cho ngài mặc dù ngài chẳng có liên quan gì đến sự xoay chiều ấy. Ngài chỉ là thứ người máy, một thứ tượng múa rối. Định mệnh đã đưa đẩy cuộc đời của André Scriban theo chiều hướng của nó, không cần biết con người liên hệ có xứng đáng hay không. Đấy là sự nô lệ nhục nhã nhất của con người phải chịu trong điều kiện sống trên cõi đời này. Bởi vì, ngài thị trưởng André Scriban tối qua và bây giờ cũng chỉ là một con người ấy, không hay và cũng không dở hơn. Ông ta không thay đổi trong đêm vừa qua, không giá trị hơn tối hôm qua. Ấy thế mà hôm nay, khi ra khỏi dinh thị trưởng ngài sẽ được quần chúng hoan hô nồng nhiệt ngoài các đường phố, không kem gì sự đả đảo đòi xử tử ngài mà quần chúng đã dành cho ngài chiều hôm qua. Vì sao có sự thay đổi này? Vì cảnh sát đã bắt được một tên sát nhân, nghĩa là vì một thành tích công tác của chính quyền mà ngài thị trưởng không có dự phần và cũng chẳng đóng góp gì hết.

* * *

3.

Hung thủ sa lưới

Trụ sở cảnh sát đèn thắp sáng trưng như ngày hội. Mọi người đều vui vẻ. Người ta ôm nhau, hôn nhau và tán tụng nhau không tiếc lời. Khi ông thị trưởng đến, lính gác tươi tỉnh chào mừng như bồi bàn chào khách quý. Ngoài phố, tin «bắt được một tên sát nhân» đã lan ra khắp mọi nơi, dù mới có năm giờ rưỡi, trời chưa sáng rõ.

Đại tá Prétorian bắt tay ngài thị trưởng thật chặt và nói:

— Tôi sung sướng quá. Đây là thắng lợi lớn nhất đời tôi. Thưa ngài thị trưởng, xin mời ngài dùng với chúng tôi một ly cà phê.

Đầu tóc rối bù, râu ria lởm chởm, đồng phục nhàu nát và cổ sơ mi rất bẩn không làm mất được vẻ tươi tỉnh hân hoan của cảnh sát trưởng. Ông ta nói:

— Thông thường, người chiến sĩ chiến thắng vào lúc sắp buông súng, khi không còn tin vào thắng lợi nữa vì quá mệt mỏi, vì phải chờ đợi quá lâu dài. Chính lúc không tin gì hết thắng lợi lại đến. Bao giờ cũng thế! Bây giờ thì chúng ta đã nắm được đầu tên sát nhân rồi. Nó đã ở trong tay ta. Cơn ác mộng đã

chấm dứt đúng vào lúc ta không còn chịu được nữa. Đúng vào lúc tình thế không kéo dài được nữa.

– Tên sát nhân là ai?

– Thưa ngài, nó là một nhân viên ngân hàng. Nó đã làm cho cảnh sát quân đội và cả nước cùng bị nghẹt thở, bị lên cơn sốt ba tuần lễ nay. Nhưng không một ai có thể nghi ngờ nó nếu gặp ngoài đường. Thưa ngài thị trưởng việc đời đều như vậy. Con người càng nguy hiểm bao nhiêu bề ngoài lại càng có vẻ đàng hoàng bấy nhiêu. Càng có tội, con người lại càng có vẻ bình thường.

– Nó còn trẻ hay đã có tuổi rồi?

– Thưa, trẻ. Rất trẻ là đằng khác. Nó mới vào làm kế toán cho Ngân hàng Quốc gia chừng hai tháng nay. Nhưng không phải chỉ có thế! Điều ghê gớm là nó đã làm việc cho trên mười cơ sở kinh doanh, hầu hết là ngân hàng lớn. Thưa, ngài có tưởng tượng được một chuyện như vậy không? Tại mỗi một nhà băng, nó đều xin vào làm việc như một nhân viên cắc ké và chỉ làm chừng hai hay ba tháng mà thôi. Nghĩa là chỉ làm trong thời gian cần thiết để nghiên cứu đặng hiểu rõ cơ sở. Ban ngày, nó là nhân viên ngân hàng; ban đêm, nó kéo bọn trời đánh mang theo đủ đồ nghề, đi hốt bạc và giết người gác đêm. Lẽ nhân viên ngân hàng, nó bị bọn gác đêm nhận ra mặt. Không muốn để bị tố cáo, nó giết người nhận ra mặt nó. Đấy là lý do khiến bọn găng tơ chỉ giết người nhận diện ra nó. Bọn gác đêm là những người duy nhất biết được rằng tên găng tơ là nhân viên của ngân hàng.

Điều đáng ngạc nhiên là trong số nhân viên của nhà băng mà chúng tôi đã thẩm vấn kỹ lưỡng, không

có một ai nghi ngờ nó hết. Đáng lý ra, họ phải nghi ngờ nó. Việc nó luôn luôn đi xin việc rồi lại xin chóng thôi dễ làm cho người ta nghi nó mới phải. Nhưng mà không, người ta thường nghi những người lương thiện và không bao giờ nghi ngờ hạng sát nhân.

– Thành tích này của đại tá rất đáng đề cao. Tôi thành thực khen thưởng đại tá. Đại tá bắt được tên sát nhân này vào phút chót như thế nào? Câu chuyện ra sao, hở đại tá?

– Thưa, tôi quyết tâm đạt cho bằng được cái việc tưởng không thể làm nổi đó. Tôi thức suốt đêm, kiểm soát từng nhà băng, từng góc phố. Và di chuyển không ngừng suốt cả đêm. Đến 4h30, tôi sắp gục, chịu không nổi nữa. Tôi sắp bỏ cuộc. Đúng lúc ấy, điện thoại reo trong văn phòng tôi. Cái máy điện thoại kia, trước mặt ngài. Tôi không nghĩ rằng nhân viên lại có thể đem đến cho tôi nguồn tin quan trọng ấy qua nó. Vậy mà có nguồn tin quan trọng đó. Điện thoại báo cho tôi biết là có người vừa lẻn vào ngân hàng Quốc gia và nhân viên đã nổ súng. Nhưng tên kia đã vào lọt trong ngân hàng. Tôi liền tức tốc đến đó.

Tôi đã hỏi nhân viên thuộc cấp:

– «Sao tên găng-tơ đã lọt vào Ngân hàng như thế nào? Xung quanh ngân hàng, có hàng chục lính gác, an ninh, có những đội tuần tiễu và nhân viên canh chừng nữa. Vậy mà có người lọt vào tận ngân hàng không gặp qua một ai chận lại, là nghĩa thế nào?»

Tôi giận đến phát điên, vì không có một người nào giải thích được là đã có một người đi cạnh họ mà không bị phát giác. Lính gác và lính tuần tiễu

nín thinh. Tất cả đều quả quyết là không thấy ai đi qua hết.

Cuối cùng, một nhân viên chịu trách nhiệm canh chừng trên mái tòa nhà cạnh ngân hàng, thấy bóng một người đang len đi dọc theo bờ tường đến cửa chính ngân hàng như một bóng ma. Trước khi nhân viên trinh sát này kịp báo động, phạm nhân đã mở cửa hàng rào và cửa chính ngân hàng. Thế là nhân viên này liền nổ súng bắn tên găng tơ luôn mấy phát. Nhưng nó đã biến mất vào trong ngân hàng. Lúc bấy giờ đã có báo động, mọi người đều chạy tới.

Một nhân viên trinh sát thứ hai cũng báo là y có thấy tên găng tơ mở cửa nơi hàng rào và đã bắn ngay nhưng không trúng. Mọi người định theo vào trong, nhưng cửa ngoài vòng rào đã khóa lại. Tên cướp, sau khi vào trong ngân hàng còn khóa trái cả cửa chính nữa. Mọi người liền đi gọi người gác đêm lấy chìa khóa. Anh ta sợ gần chết. Người gác đêm đã mất hết tinh thần nên không lấy được một lời khai nào hết. Y khai là đã ngủ quên và mới tỉnh dậy khi có tiếng súng nổ về phía ngân hàng. Nhiều phát đạn ghi dấu lỗ chỗ nơi vọng gác của y. Y khai :

« Tôi không thấy ai vào hết. Tuyệt nhiên không có một ai. »

— Y run như cầy sấy, mặt xanh lét, nên không thể cho chúng tôi biết gì hơn. Y mở cửa vòng rào và mở cửa chính nhà băng để cho chúng tôi vào một cách khó khăn. Vào phía trong chúng tôi thấy ngay những giọt máu nhỏ trên bậc tam cấp bằng đá hoa. Vậy là tên găng tơ đã bị thương. Những giọt máu còn nóng hổi. Lúc này mọi người đã yên trí là tên găng tơ đang nấp đâu đó trong nhà băng. Không phải

là ma hay một cái bóng mà các nhân viên trinh sát đã nhắm bắn. Họ cho rằng đấy là một người, một tên găng tơ thực sự. Và tên găng tơ đó có chìa khóa của Ngân hàng, vì nó đã mở và đã đóng cửa sau khi đã lọt vào trong ngân hàng. Chúng tôi cho là có nhiều tên găng tơ và bọn tăng viện cho chúng. Chúng lục soát nhà băng có phương pháp và rất thận trọng. Chúng tôi biết là có bọn găng tơ phía trong đã đợi chúng nó nơi các khúc quẹo cầu thang, đằng sau các cánh cửa. Chúng tôi đã tiến hành lục soát y như trong một cuộc bao vây địch quân. Chúng tôi đã rượt đuổi bọn găng tơ qua các hành lang dài bất tận, trong những hầm bọc sắt những văn phòng và trên mái nhà. Suốt thời gian này, chúng tôi đều nín thở, giữ tư thế sẵn sàng. Chúng tôi kêu chúng đầu hàng trước khi mở một cánh cửa. Chúng tôi có đông người, đều rút súng lục ra cầm tay.

Thị trưởng André Scriban hỏi:

— Thế nó trốn ở đâu?

Đại tá Prétorian:

— Thưa, nó đâu có trốn. Nó ngồi trong một văn phòng, văn phòng của nó. Cố nhiên, mặt tên găng tơ tái ngắt. Nó sợ, run như cầy sấy, nói không ra tiếng. Nhưng nó lại ngồi trước bàn giấy, tảng lờ như đang làm việc. Nó viết những con số trên một cuốn sổ.

— Các ông muốn gì? Tên găng tơ đã hỏi như vậy khi chúng tôi ập vào văn phòng. Bởi vì chúng tôi gồm có sáu người, người nào cũng chỉa mũi súng vào người nó. Nó đứng dậy giơ hai tay lên và vừa la vừa run: « Các ông muốn làm gì tôi? » Chúng tôi biết ngay nó là hung thủ. Một chiếc mù soa buộc nơi tay trái của nó. Chiếc mù soa đẫm máu tươi. Những

giọt máu rơi nơi các bực tam cấp là máu của nó. Chính nó là người đã lẻn vào nhà băng và không chịu lên tiếng khi những người hiến binh đã bắn nó. hô nó đứng lại.

Nó còn la tiếp: « Các ông muốn gì tôi » và tỏ ra sợ hơn trước. Chúng tôi còng tay nó điệu đi. Nó dãy dụa và la: « Các ông muốn gì tôi?. Tôi đang ở trong văn phòng và đang làm việc. Tôi là nhân viên ngân hàng. Các ông không tin tôi sao? Các ông cứ coi giấy tờ của tôi đi. Các ông cứ lấy giấy tờ của tôi trong túi tôi này. Các ông sẽ thấy tôi là nhân viên nhà băng. Các ông phải tin tôi. Đây này, tên tôi có ghi trên cánh cửa đây này... ».

Đại tá Prétorian kể tiếp.

— Tôi bèn hỏi nó: « Ai cho phép mày đến làm việc giờ này? »

Nó trả lời:

— Chẳng ai cho phép cả.

— Mày chỉ có một mình hay có bọn đồng lõa trong nhà băng?

— Tôi làm gì có đồng lõa. Các ông muốn gì tôi?

— Chìa khóa mày dùng để mở và khóa trái cửa hàng rào và cửa chính nhà băng ở đâu?

— Tôi không có chìa khóa?

— Vậy thì mày làm thế nào để vào được khi mày không có chìa khóa? Đứng trên nóc nhà kia người ta đã thấy mày đi vào. Người ta đã bắn mày. Mày đã bị thương. Nhưng mày đã chạy trốn. Nhìn xem, có phải vết thương của mày đang rỉ máu không? Chìa khóa mày dùng mở cửa Ngân hàng ở đâu?

– Tôi đã thưa với ông là tôi không có chìa khóa. Cửa đã mở sẵn rồi.

Đại tá Prétorian nói với thị trưởng:

– Lúc đó tôi bạt tai nó một cái rất mạnh, vì một câu trả lời như vậy đáng được ăn đấm, hoặc bạt tai. Rồi tôi nói với nó:

– Mày bắt đầu làm bậy khi mày kể với chúng tao rằng cửa nhà băng vẫn mở ban đêm; mày đã chọn một con đường rất xấu. Tao tưởng mày phải thông minh hơn chứ. Chìa khóa đâu?

Đại tá Prétorian kể tiếp với ông thị trưởng:

– Nó không trả lời. Chúng tôi liền xét người nó. Không thấy chìa khóa trong người. Cũng không có khí giới. Chúng tôi tiếp tục lục soát nhà băng để tìm đồng bọn của nó và để tìm xem chìa khóa và đồ nghề dùng để đục tủ sắt giấu ở đâu. Còn nó, chúng tôi giải nó về đây và đã cho nó biết rằng sự chối cãi không ích gì cho nó hết. Chúng tôi đã nói với nó:

– Mày đã bị bắt lúc đang quả tang phạm pháp. Như vậy, người ta không cần lời thú tội của mày. Khi có chuyện quả tang phạm pháp, người ta bắt ngay thủ phạm mà không cần thú nhận. Như mày chẳng hạn, mày có thể thoát khỏi tội treo cổ với điều kiện là khai gấp và khai thực không quanh co giấu diếm về chỗ chôn giấu của cướp được và đồng bọn của mày là những ai.

Chúng tao chỉ cần biết có chừng ấy thôi. Còn tất cả những gì khác mày có thể kể ra, chẳng có giá trị gì hết.

Thị trưởng André Scriban hỏi đại tá Prétorian:

– Nó có trả lời không?

Viên chỉ huy cảnh sát đáp :

– Thưa, nó im lặng. Chúng tôi cũng không gạn hỏi thêm. Nó im như thóc. Nếu nó chịu khai chỗ giấu hàng trăm triệu đã cướp được và khai chỗ trốn của bọn đồng bọn, chúng tôi đã tiếp tục hỏi thêm nữa.

– Nó nhất quyết không chịu nói sao ?

– Thưa ngài thị trưởng, việc tên găng tơ này không chịu khai là chuyện thường, tự nhiên. Chưa có bọn găng tơ nào, nhứt là loại găng tơ quốc tế, lại chịu khai với cảnh sát trong lần thẩm vấn đầu tiên. Chúng tôi biết rõ điều này. Bao giờ cũng phải chờ, phải ép buộc, vì chưa có tên găng tơ nào giấu được lâu sự thật trước cảnh sát. Bao giờ chúng tôi cũng buộc chúng phải khai. Tên sát nhân của chúng ta cũng sẽ khai như những đứa khác. Nó sẽ nói trong ngày hôm nay, đến trưa là cùng.

– Tôi có thể gặp nó không ?

– Thưa ngài, cố nhiên được. Có điều xin ngài tha lỗi cho chúng tôi về việc tên cướp sẽ trình diện ngài đã bị đánh đau, người ngợm không còn nguyên lành nữa. Chúng tôi không làm sao khác hơn được, vì phải làm gấp, rất gấp. Trước khi nó trấn tỉnh lại.

Viên đại tá ra lịnh dẫn tên găng tơ vào phòng...

Bỗng nhiên thị trưởng thấy động tâm. Mặt ông ta trở nên nhợt nhạt. Có thể ông ta sợ hãi ? Sự thực là như vậy. Cả đời chưa bao giờ thị trưởng André Scriban lại thấy một tên sát nhân gần như vậy. Ông ta cũng đã gặp bọn sát nhân trên màn ảnh và trong sách vở. Nhưng ngay trên màn ảnh và trong sách vở, André Scriban cũng chỉ thấy rất ít mà thôi. Vốn liếng truyện trinh thám của ông không đáng kể. Các hiểu biết về

phim ảnh tội ác cũng vậy thôi, rất nghèo nàn. Đây là lần thứ nhất Scriban thấy bằng chính mắt của mình, và thấy rất gần, một hung thủ đã làm cho thành phố khiếp đảm suốt ba tuần qua. Tên sát nhân làm cho cả nước run sợ, vì nó mà ông ta bị cách chức không được làm thị trưởng. André Scriban đã chờ với tất cả lo lắng để xem bằng chính cặp mắt mình, cái mẫu người sắp trình diện trước mắt ông ta, tên sát nhân ghê gớm. Có giống hay khác hẳn những con người ông ta thường gặp ngoài đường phố? Nhưng để xem, cử chỉ và hành động của nó có khác gì với cử chỉ hành động của những người trần khác hay không?

4.

Đối diện với tên sát nhân

-- Thưa ngài thị trưởng, tên sát nhân đây. Chúng tôi xin ngài xét qua rồi cho chúng tôi lãnh lại nó gấp. Chúng tôi phải tính ngay công việc với nó, phải lợi dụng nó triệt để, buộc nó phải khai hết và khai gấp. Thưa ngài, hẳn ngài cũng đồng ý với chúng tôi là phải đập sắt khi còn nung đỏ. Bởi vậy, xin ngài giao gấp nó cho chúng tôi, chúng tôi không muốn cho nó kịp hoàn hồn. Tôi đã chuẩn bị sẵn một « ê kip » thẩm vấn, gồm những người có đủ bản lãnh làm cho những lời thú nhận của kẻ tình nghi phải vọt ra, ý như trước kia, Moïse đã làm cho nước phải chảy ra từ những hốc đá. Có thể nói là những thẩm vấn viên này còn bắt cả người câm, bắt cả những người chết rồi phải khai. Nếu cần lấy lời chứng của gỗ đá, họ cũng sẽ bắt được gỗ đá phải lên tiếng. Nhất định họ phải thành công.

Đại tá Prétorian vừa dứt lời thì hai nhân viên cảnh sát cũng vừa áp giải vào văn phòng trang nhã của viên cảnh sát trưởng, một thanh niên cao lớn tóc vàng mắt xanh, hai tay bị còng, chân bị xích và mặt mũi rách nát, bầm máu.

Thị trưởng André Scriban tự nhiên cúi mặt khi chàng thanh niên bước vào. Không phải ông mà là

con người ở trong bộ phẩm phục chức quyền đã thấy bất nhẫn trước cảnh tượng ấy. Vị giáo sư, nhà trí thức và nhà nhân bản học nơi con người ông cảm thấy hổ thẹn. Cảnh sát không bao giờ mềm lòng biết thương hại. Họ bao giờ cũng lạnh lùng. Ngược lại, giáo sư Scriban cảm thấy xấu hổ khi phải nhìn chàng thanh niên đẹp trai hết sức vừa bị đánh đập tơi bời, thân thể rách nát bầm máu.

Một người dân cày không học hành chữ nghĩa gì hết mà bắt được một bức tượng ngoài đồng, sẽ đem về đánh chùi sạch sẽ vừa nâng niu o bế vì cái Đẹp sẽ gợi ra trong lòng người ta sự kính trọng. Phá hư cái Đẹp tức là phạm tội. Tên cướp này rất đẹp trai. Nhưng cảnh sát đã phá hư hết cái Đẹp bằng việc tra tấn bức tượng sống này, đã làm cho quần áo y rách bươm bằng sự dày xéo, dẫm đạp lên thân thể chàng thanh niên này.

Tên cướp không nói không rằng. Nó cố gắng giữ phong độ. Nhưng giữ sao được phong độ nhân phẩm khi bị chà đạp xuống, bị quất vào mặt. Cái nhìn của con người không thể còn trong sáng và cao quý khi mắt bị tím bầm và rách nát vì roi vọt.

Tên sát nhân có đôi bàn tay tuyệt đẹp, trắng trẻo, ngón dài và thon thon, y như ngón tay của giới quan quyền. Cái còng trông có vẻ quá rộng so với cổ tay mảnh mai, nhỏ nhắn của nó. Tên sát nhân bị đánh đau ghê gớm, nhưng bên ngoài, y có vẻ không đau bao lắm. Vì bị đánh quá nhiều, người y như bị tê hẳn đi, mất hết cảm xúc.

Đại tá Prétorian nạt lớn:

– Mày không biết chào hỏi ai bao giờ sao? Mau lạy chào ngài thị trưởng và nghe ngài dạy.

André Scriban đỏ mặt, như ông giáo sư trẻ tuổi đã đỏ mặt khi thấy một học sinh tỏ ra sợ sệt khi bị kêu lên trả bài. Vả lại, ông thị trưởng cũng không biết phải hỏi tên cướp này những gì. Hỏi bọn cướp là công việc của cảnh sát. Ông thị trưởng không biết hỏi gì vì ông thấy nó đang chịu đau đớn ê chề trước mặt ông. Ông không thể thấy nơi chàng thanh niên đang đứng trước mặt, là một cái gì khác ngoài một sinh linh đang quằn quại, đang chịu chà đạp. Ông cảm thấy thương hại cho nó. Ông không thể nhìn nó nữa. Tên sát nhân giờ này chỉ là nạn nhân của những hình phạt tàn độc. Sát nhân và nạn nhân chỉ là một. Ông thị trưởng vừa cảm thấy căm giận (tên sát nhân) vừa thương hại (nạn nhân), cũng là một con người, con người trong chàng thanh niên trước mặt.

Với cảnh sát, không có những vấn đề như vậy. Người cảnh sát thấy trắng là trắng, đen là đen, người phạm tội và người vô tội, có và không. Người cảnh sát thiếu đi một ý niệm. Ông thị trưởng không phải là người của cảnh sát. Ông thấy toàn bộ bức tranh. Trước mặt ông ta, có một người đồng thời là một tên sát nhân đã giết bốn người gác đêm, cướp bảy nhà băng, nhưng tên cướp của giết người này cũng là nạn nhân khốn khổ của sự tra tấn cảnh sát.

Ông hỏi nó:

– Chú mày bao nhiêu tuổi?

Đặt câu hỏi này, thị trưởng Scriban muốn tránh né vấn đề chính, nhưng ông lại đụng đến căn bản của vấn đề. Ông hỏi nó tuổi để đặt nó vào phạm vi tổ quốc và trong môi trường đích thực của nó: tuổi trẻ.

– Thưa ngài, hai mươi ba tuổi.

Tên găng tơ đã lấy lại can đảm. Khi khai tuổi, nó đã được đem trở về xứ sở, là tuổi trẻ. Nó cảm thấy được yên ổn. Nó ở nhà và nó đang ở nhà nọ.

– Chú mày quê ở đâu?

– Thưa ngài, ở về phía bắc. Tôi sinh ra trong vùng núi, nhưng tôi sống ở tỉnh.

– Tên chú mày là gì?

– Thưa ngài tên tôi là Roland Panselin,

Ông tổng trấn gật gù:

– Tên chú mày rất đẹp. Chú mày có hiểu Panselin nghĩa là gì không?

– Thưa, đấy là một tên riêng, tên của tôi.

– Panselinos, theo tiếng Hilạp, có nghĩa là « Mặt trăng tròn » chú mày hiểu chưa? Ta biết chắc là cha mẹ bà con vì nhìn thấy đầu tóc vàng rực như mặt trăng của những người giống như chú mày – đã chọn cái tên Panselinos nghĩa là những người có đầu tóc vàng chói rực rỡ như trăng tròn... Chú mày có biết điều này không?

– Thưa ngài, tôi có biết.

– Vậy là chú mày có biết tiếng Hilạp?

– Thưa ngài, biết nhàng nhàng thôi.

– Chú mày làm nghề gì?

– Thưa ngài, tôi là phụ kế toán tại Ngân hàng Quốc gia. Người ta vừa bắt tôi ở đó.

– Chú mày làm cho Ngân hàng Quốc gia từ bao giờ?

– Thưa trước đây hai tháng.

– Trước đó, chú mày làm việc ở đâu?

– Thưa ngài, tôi làm phụ kế toán cho một nhà băng khác, Thương Mại Ngân Hàng.

– Chú mày làm cho Thương Mại Ngân Hàng được bao lâu?

– Thưa chỉ có một tháng thôi.

– Còn trước đó nữa, chú mày làm ở đâu?

– Thưa tôi làm cho Ngân hàng Kỹ Nghệ.

– Vậy là chú mày thích nhà băng lắm, theo những điều ta vừa mới biết. Nhưng chú mày không ở lâu trong một nhà băng nào hết. Mỗi nhà chú mày chỉ ở lại trong thời gian cần thiết để nghiên cứu và lấy tin tức, rồi chú mày sẽ trở lại, vào ban đêm, với đồng bọn để đục két sắt để cuỗm hết bạc mang đi.

Tên găng tơ im lặng.

– Vậy là chú mày thú nhận rằng việc đi làm cho các nhà băng chỉ là đi điều tra cho đảng cướp của giết người của chú mày chứ gì?

– Thưa ngài, tôi đâu có thú nhận như vậy?

– Nhưng chú mày cũng không chối điều này chứ gì?

– Thưa ngài, tôi không chối. Khi bị bắt đến đây, mỗi lần chối là tôi bị đánh. Đánh rất tàn nhẫn, đánh đến hộc máu, cho nên tôi sẽ không chối gì hết. Như vậy, tôi mới khỏi bị đánh, khỏi mang thương tích.

– Sáng nay, lúc gần 5 giờ, chú mày làm gì trong trụ sở nhà băng?

Tên găng tơ lặng thinh.

– Chú mày không muốn trả lời ta sao?

Im lặng.

– Chìa khóa chú mày dùng để mở cửa nhà băng lúc người ta bắn chú mày bị thương, để đâu rồi?

– Thưa ngài, tôi không có chìa khóa ?

– Không có chìa khóa thì chú mày làm thế nào mà vào được nhà băng ?

– Thưa ngài, cửa nhà băng đã mở sẵn rồi.

– Cửa ngoài hàng rào đã mở sẵn ? Cửa chính nặng hơn một tấn và bọc sắt, cũng mở sẵn ? Vậy là, theo chú mày, mọi cửa đều mở sẵn, chú mày chỉ có việc đẩy cửa vào, có phải vậy không?

– Thưa vâng.

– Chú mày nghe đây. Cho đến giờ phút này, ta thấy thương hại cho chú mày, nhưng nếu chú mày vẫn cứ muốn qua mặt với ta thì ta cũng dành chịu, không thương hại chú mày được nữa. Muốn cảnh sát không đánh đập tra tấn mà chú mày lại đi kể những chuyện đến đứa con nít cũng không ngửi được như vậy sao?

– Thưa ngài, tôi không nói dối.

– Chú mày dám nhắc lại rằng cửa Ngân hàng Quốc gia đã mở sẵn sao ? Ba tuần nay, từ khi chú mày và các đồng bọn của chú mày gieo kinh hoàng cho cả thành phố, tất cả các nhà băng được canh gác cẩn mật suốt ngày suốt đêm, y như canh giữ một căn cứ bị vây hãm. Mọi nhân viên cảnh sát đều được huy động và đặt trong tình trạng khẩn trương xung quanh các nhà băng, đêm nào cũng như đêm nào. Suốt ngày, nhà băng đều đóng cửa, đều khóa chắc y hệt như một pháo lũy. Chuột cũng không thể chui lọt vào. Đấy là một sự kiện, một sự thực không một ai là không biết. Vậy mà chú mày lại nói rằng cửa nhà băng lớn nhất, ban đêm lại mở toang ra. Nếu muốn nói dối, con ơi, ít nhất con cũng phải tìm ra những câu chuyện nghe có lý. Đừng « tấu » lên những chuyện dối trá làm cho

cả những người kiên nhẫn nhất cũng phải nóng mặt. Những lời khai dối trá của chú mày làm cho ta có ý nghĩ là bị khiêu khích. Dù ta là thị trưởng, ta chống lại sự tàn bạo, chống lại việc tra tấn và chống lại sự tra khảo, kể cả tra khảo những tên phạm trọng tội, những tên sát nhân, nhưng trong trường hợp của chú mày, ta hiểu ngay rằng cảnh sát không thể bình tĩnh được. Họ buộc phải quá tay, đánh chú mày nát mặt. Ta mong chú mày phải biết điều và khai ra chỗ giấu chìa khóa chú mày đã dùng để mở cửa nhà băng.

– Thưa ngài tôi không có chìa khóa. Tất cả cửa đều mở sẵn. Tôi đã khai thật rồi.

Đại tá Prétorian lên tiếng:

– Thưa ngài thị trưởng, ngài đã mất công vô ích. Xin Ngài để đấy cho chúng tôi làm. Trong vòng một hay hai giờ nữa, nó sẽ không khai láo nữa. Nó sẽ nói hết. Sẽ nói hết sạch, cho người nó nhẹ hơn khi bị treo cổ.

Thị trưởng Scriban cố thuyết phục tên găng tơ:

– Gieo gió thì phải gặt bão. Ta thực tình thương hại chú mày hết sức. Nhưng chính chú mày đã tự định đoạt lấy số phận mình bằng cách nói nhăng nói cuội. Ta không làm gì hơn được. Tại sao chú mày lại tự hại một mình như vậy? Làm thế chú mày được gì?

Viên cảnh sát trưởng lên tiếng đáp thay cho tên găng tơ:

– Thưa ngài nó muốn tranh thủ thời gian. Bọn găng tơ này, chúng nó quái quỷ lắm, bao giờ chúng nó cũng có kế hoạch. Tên này biết là nó khai ra quá sớm, đồng bọn sẽ không tha mạng nó. Bởi vậy, nó cần kéo dài vài giờ đồng hồ để cho đồng bọn kịp đi trốn và

giấu biến của cướp được. Nhưng chúng nó sẽ không thành công đâu, vì chúng tôi sẽ nhanh hơn chúng nó.

« Chỉ trong buổi sáng mà thôi, ông nội này sẽ phải khai. Và thưa ngài, không phải vì cảnh sát tàn bạo và nhân viên cảnh sát đều là những hung thần khát máu, mà chúng tôi sẽ dần cho nó nát xương, bởi vì nó nhứt định nói láo để cứu đồng bọn và giữ của cướp được. Chúng tôi sẽ xé cho da che thân nó rách ra từng mảnh, sẽ đem từng bắp thịt của nó lên máy cán, sẽ đem nó ra đốt trên lửa đỏ. Không nhân nhượng nó. Cuối cùng nó sẽ phải khai ra sự thật. Như tất cả những người khác đã phải khai ra sự thật sau khi rơi vào tay chúng tôi.

Thị trưởng Scriban cố van nài tên găng tơ :

– Khai đi, con khai ra sự thật đi ! Con phải khai vì quyền lợi của chính con, nếu không, con sẽ không sống nổi đâu.

– Thưa ngài, – tên găng tơ đáp : – Các cửa của ngân hàng đều mở sẵn. Đấy là sự thật.

– Cảnh sát trưởng Prétorian lên tiếng gọi nhân viên và ra lệnh :

– Điệu cổ thằng này đi gấp. Đem nó đi cho khuất mắt.

Tên găng tơ ra khỏi, ông Scriban cũng đứng dậy ra đi. Ông cảm thấy bấn loạn. Và nổi giận. Với ông, đây là một thất bại ghê gớm. Ông thấy không gặp tên sát nhân là hay hơn. Bây giờ, ông chỉ có một mối bận tâm : Rời trụ sở cảnh sát càng sớm càng hay. Để cho cảnh sát làm việc... Cảnh sát biết cách nói chuyện với bọn người phạm trọng tội và bọn sát nhân. Đây không phải là chuyện dễ làm, không dễ cả với các nhà thông

thái biết rất nhiều thứ tiếng. Nói với bọn găng tơ và sát nhân, trên thực tế, là chuyện hết sức khó. Cả đức Chúa nhân từ bao la cũng không hiểu ngôn ngữ của bọn trộm cướp sát nhân. Đức Chúa đã phải nhốt chúng nó lại, dưới địa ngục, đời đời, kiếp kiếp. Vậy thì một con người ông, một thị trưởng lại có thể làm nhiều, làm hay hơn đức Chúa hay sao?'

5.

Bố ráp quán Mảnh Trăng

Sáu giờ sáng, đại tá Prétorian ghé qua trụ sở thị trưởng báo cáo:

– Tôi đã ra lệnh cho lục soát nhà tên cướp và bao vây cả khu phố nó ở. Tôi phải đích thân trông coi cho tụi nhỏ lục soát tại chỗ, đồng thời cho thẩm vấn mọi nhân viên ngân hàng có biết tên cướp. Tôi cũng gửi ảnh nó cho báo chí, hy vọng là chúng ta sẽ nhanh chân hơn, không cho bọn cướp kịp tẩu tán tài vật cướp được và trốn đi xa.

Thông thường, gia đình bà con và xóm giềng, nhà cửa và vật dụng của tên cướp có thể cho chúng ta biết nhiều hơn lời cung khai của nó. Vật chứng nhiều khi giá trị hơn nhân chứng. Còn về nhân chứng, tôi hy vọng nhiều nơi con vợ của nó.

Ông tổng trấn Scriban hỏi:

– Nó có vợ rồi sao?

– Nó lấy con gái một lão chủ quán. Nó ở luôn nơi quán của bố vợ, quán này tên là Mảnh Trăng, có vẻ khả nghi lắm. Khu phố này là một trong những khu phố tồi tàn nhất và gần như ở ngoài thành phố. Tôi hy vọng tìm được tài vật bị mất tại đây, giấu dưới một

cái thùng « ton-nô » nào đó trong quán, dưới hầm rượu. Hy vọng có thể trình lên ngài trưa nay thành quả bắt được trọn ổ bọn cướp và thu hồi hết mọi khoản tài vật. Bọn cướp có thể là năm hay sáu tên tất cả.

Nói xong, đại tá Prétorian vội vã cáo từ. Ông ta rời trụ sở thị trưởng trên một chiếc xe hơi sơn đen lộng lẫy.

Cùng lúc, một đoàn xe cam nhông chở lính và cảnh sát bao vây khu Mảnh Trăng, khu phố của tên đạo tặc Panselin.

Quán Mảnh Trăng ở sát bia phía nam thành phố. Lúc bấy giờ, trời mới hừng sáng. Xe cam nhông chở cảnh sát chạy ào ào vào khu Mảnh Trăng. Thợ thuyền còn ngái ngủ đi làm sớm hờ hững nhìn đoàn xe chạy hết tốc độ trên những con đường đất nện, đến đậu quanh quán Mảnh Trăng. Họ không chú ý vì phải đến nơi làm việc cho kịp giờ. Nhưng họ hơi ngạc nhiên vì tính chất quan trọng của cuộc hành quân này. Có quá nhiều xe, quá nhiều lính tham dự, y hệt như trong ngày lễ quốc khánh. Cuộc hành quân này khác hẳn những lần bố ráp quen thuộc thường xảy ra nơi khu phố này.

Quán Mảnh Trăng ở chính giữa khu Mảnh Trăng. Quán có những tấm riềm che bằng gỗ, sân thượng lót ván, mái bằng gỗ quét hắc in. Quán còn đóng cửa. Nói cho đúng, quán Mảnh Trăng không có giờ đóng giờ mở cửa nhất định; đóng hay mở cửa tùy theo khách. Ngày cũng như đêm, bao giờ lão chủ quán Kyr Christaki cũng sẵn sàng chờ khách. Lão mở cửa khi khách đi chưa đến cửa quán. Lão rình khách không biết mệt. Giờ nào lão cũng sẵn sàng tiếp khách. Không gì làm cho Kyr vui sướng bằng sự có mặt của khách trong

quán. Lão giang rộng hai tay đón khách như đón anh em thân thiết. Lão thắp ngọn đèn dầu lớn. Lão phục dịch khách như thái giám hầu hạ vua chúa, luôn luôn cúi rạp mình xuống khi khách kêu một món gì ăn, dù một cốc rượu. Nhưng không may cho lão là khu Mảnh Trăng lại nghèo xơ nghèo xác. Khách ở khu phố này đâu có đến quán thường xuyên được như ý họ muốn vì không có tiền. Lão lại không bán chịu. Tuy vậy kẻ thù chính của Kyr chưa phải là nghèo khổ mà là giấc ngủ. Giấc ngủ mới là kẻ cạnh tranh đáng sợ của lão và của quán Mảnh Trăng. Giấc ngủ đã giật hết khách của lão. Ngồi sau quầy, Kyr mơ ước một thế giới không có giấc ngủ, một thế giới mà mọi người không cần ngủ và có thể ngồi suốt đêm tại quán Mảnh Trăng.

Khu phố này, cũng gọi khu Mảnh Trăng, tọa lạc phía nam ngoại vi thành phố. Thành phố chính ở phía Bắc. Về phía Nam là một khu đất rộng mênh mông rào dây thép gai, lối vào bị cấm triệt để. Đất này là đất của nhà binh, thuộc về công binh xưởng.

Công binh xưởng ở đây bốn phía có tường bao kín trông giống như nhà tù, cách quán Mảnh Trăng chừng hai cây số. Xưởng này chế đạn thuốc súng, lựu đạn bom và những thứ hỏa khí khác cho quân đội. Dân chúng khu Mảnh Trăng đã, đang và sẽ làm việc cho công binh xưởng. Ai làm ai không, chỉ là vấn đề tuổi tác. Công việc này rất được dân chúng nghèo tán thưởng vì quân đội, không như các chủ nhân khác, trả lương đều đặn và còn có phụ cấp già yếu cho thợ khi họ không còn làm nổi súng đạn nữa. Công việc ở đây lại chắc chắn không sợ bị mất việc vì không có nguy cơ xưởng bị đóng cửa. Thợ thuyền ở đây làm việc 10 giờ mỗi ngày. Tan sở, họ ghé lại quán trên đường về nhưng không ghé lâu. Vì họ đã buồn ngủ.

Đã mệt lử. Làm bom đạn suốt ngày, họ không thể la cà lâu được nơi quán. Họ phải về ngủ. Họ phải ra về mặc dù còn tiếc rẻ cái ánh sáng vui vẻ và những cái bàn lớn sơn trắng của quán nằm lẫn giữa những ngôi nhà đất, nhà gỗ ổ chuột của họ như đang ngủ vật ngủ vạ. Vì vậy Kyr thù giấc ngủ của mọi người. Thù cả giấc ngủ của chính lão nữa. Vì, đối với người ưa hoạt động như lão, ngủ là không kiếm ra tiền. Những giờ ngủ là những giờ mất đi duy nhất trong đời Kyr. Sáng nay, lính bao vây nhà Kyr như một đồn giặc. Lính đội nón sắt mang tiểu liên. Chuẩn bị xung phong vào quán. Những người thợ đứng xem đều mỉm cười. Họ yên chí là lính chỉ vào quán Kyr để bắt bạc giả hoặc tìm những đồ vật bị mất trộm. Có thể đây là một vụ oa trữ đồ gian. Nghĩa là một vụ tiền bạc. Lão Kyr chủ quán là một người rất say mê tiền bạc. Nhưng lão say mê khác với thiên hạ. Tiền bạc là tình yêu độc nhất của lão. Một tình yêu tuyệt đối. Một tình yêu không có kích thước.

Như mọi mối tình chân chính, lão không thèm biết đến tất cả những gì không phải là tiền bạc trên trời, ngoài biển, trên mặt đất và dưới lòng đất nữa. Cho đến các giấc mơ của lão cũng chỉ có là những giấc mơ tiền bạc. Thượng đế cấp cho lão hai bàn tay chỉ để «vồ» tiền và quơ bạc trên quầy hàng bỏ túi. Kyr Christaki kinh sợ cả các bữa ăn hàng ngày và rất khó chịu khi phải ăn uống. Ăn, theo lão, nghĩa là phung phí tiền bạc. Uống, tức là ném tiền vào cổ họng và vào bụng. Tất cả những niềm vui và nỗi lo lắng của Kyr đều tùy thuộc vào tiền. Bởi vậy, mọi người đều nghĩ rằng cảnh sát vây nhà lão từ lúc trời còn tối cũng chỉ vì một vụ tiền nong bẩn thỉu nào đó mà thôi. Do đó họ đều cười và không mấy để ý.

Kyr Christaki góa vợ từ lâu. Lão là người Pinde, thân hình chắc chắn lực lưỡng. Lão sống rất đơn giản, đơn giản đến chỗ gần như khổ hạnh. Lão thông minh nhưng lại vô học và rất thực tế. Một người tiêu biểu cho những hốc đá của núi non ở quê hương lão. Nghe tiếng xe hơi dừng trước cửa quán, lão tung tấm chăn đay (cũng thô và chắc như da của lão) xuống rồi đứng dậy. Khoác cái áo len dày cồ đứng trông giống như áo nhà binh, vào người xong, lão bước xuống thang ra mở cửa cho cảnh sát vào. Rất bình tĩnh từ tốn, cái bình tĩnh từ tốn của người lớn, Kyr Christaki thừa biết là cảnh sát đến không phải để đem tin lành cho lão. Cảnh sát đến là có chuyện. Nhưng lão đâu có phải là một thứ người chết nhát gan thỏ đế. Lão là một mỏm đá.

Đúng lúc Kyr đang mở cửa, chiếc xe hơi đen của cảnh sát trưởng cũng vừa xịch đỗ trước cửa. Vì vậy, cửa vừa mở là Kyr đã chạm trán ngay với ông đại tá cảnh sát trưởng Prétorian nổi tiếng « hắc », đứng lù lù trước mặt. Nhưng lão không lùi. Lão không phải là thứ người chịu để cho thiên hạ trấn áp dễ dàng. Lão chấp nhận mọi cuộc đối thoại với bất kỳ ai. Lão đã sẵn sàng đối đầu với viên cảnh sát trưởng dễ sợ này ; cũng như lão sẽ đối đầu, nếu cần, với đạo tặc, với thú dữ và với cả quỷ sứ cũng như với thiên thần. Bao giờ lão cũng sẵn sàng đối đầu với bất kỳ ai. Lão nghĩ là đã sinh ra trên đời là phải chấp nhận mọi cuộc chạm trán trong đời sống hàng ngày của kiếp người.

Nói vậy nhưng lúc trời còn chưa sáng mà đã thấy đích thân cảnh sát trưởng nổi tiếng dữ đứng trước cửa, lão cũng thất kinh hồn vía. Lão có cảm tưởng như bị nện một búa thực mạnh vào giữa mặt. Lão thấy tối tăm mặt mũi. Nhưng lão vẫn không động đậy.

không nháy mắt. Vẫn nhìn thẳng vào mặt cảnh sát trưởng. Cố tìm, cố đoán cho ra tội trạng mà cảnh sát sẽ buộc lão. Nhưng Kyr Christaki đã thất bại; lão không tìm được gì hết nơi nét mặt và ánh mắt của đại tá Prétorian. Viên chỉ huy cảnh sát là một quyển sách mở rộng đặt trước mắt người mù chữ Kyr Christaki. Lão chẳng đọc được gì hết, chẳng biết được gì hết. Đại tá Prétorian thuộc về một giai cấp khác, một thế giới khác, xa cách với lão như người của một hành tinh khác.

Kyr Christaki muốn biết và phải biết gấp tại sao cảnh sát lại đến xét nhà lão. Không đọc được trên nét mặt đại tá Prétorian gì hết, Kyr quay sang dò xét trên nét mặt đám nhân viên đứng xung quanh viên cảnh sát trưởng. Đám nhân viên và lính tráng này, gồm tất cả mười hai mạng, cũng đang quan sát nét mặt lão để dò xét. Bởi vậy, Kyr Christaki không dò được gì hết. Lão bứt rứt khó chịu hết sức vì không đoán ra ý muốn của cảnh sát. Từ trước đến nay Kyr Christaki thường đoán ra ý định và cảm nghĩ của mọi người dù lão không đứng gần họ. Ba mươi năm nay, lão đã đứng sau quầy hàng để quan sát mọi người. Lão biết hết tất cả những gì của người đứng trước mặt lão. Có thể nói rằng lão biết rõ số tiền trong túi của người khác khi bước vào quán, dù lão đứng trong quầy xa với khách. Lão đếm được tiền trong túi của khách qua mấy lớp vải, qua cả lớp da của cái bóp hay cái ví. Sở dĩ lão biết được vì mọi lớp da của cái bóp hay cái ví người thường khai ra số tiền trong túi bằng các cử chỉ, lời nói, cách nghe người khác nói. Nhắm mắt không nhìn mà chỉ nghe một người nói mà thôi, Kyr cũng biết đại khái số tiền trong túi người ấy. Người khách có một ngàn bạc vào quán gọi rượu

có một giọng nói khác với người khách có vài chục ngàn. Lão chưa bao giờ lầm. Bịt chặt tai lại, lão cũng vẫn biết rõ túi tiền của khách nhờ mắt. Cách đầy cửa quán, cứ chỉ lúc kéo ghế, lối đốt thuốc lá của người khách nói rõ và rất đúng sức nặng của cái ví tiền trong túi. Đây là một môn học trong nghề bán quán, môn học mà lão nắm vững từ bao giờ rồi.

Nhưng lúc này, Kyr Christaki lại không đọc được gì hết nơi nét mặt và cử chỉ của đại tá Prétorian và đám cảnh sát viên thuộc cấp. Đại tá Prétorian là một mẫu người khác biệt hoàn toàn với phân số nhân loại sống tại khu Mảnh Trăng. Một mẫu người khác hẳn. xa lạ hoàn toàn với thế giới ngoại ô. Người ta có thể biết hết cây cỏ trong mảnh vườn của mình nhưng không thể biết được kỳ hoa dị thảo nhiệt đới: con người có thể hiểu biết hết những gì có trên trái đất nhưng trái đất ở đây chỉ có nghĩa là quê hương mà thôi; đâu có thể biết hết những gì nơi đất lạ quê người? Ông cảnh sát trưởng, đối với Kyr Christaki, là một người xứ khác, một người có tác phong và cử chỉ hoàn toàn xa lạ. Một người của hành tinh khác với trái đất, trước mắt người dân khu Mảnh Trăng. Một người của giai cấp khác, của môi trường khác. Một người ăn thức ăn khác, nói một ngôn ngữ khác, mặc những thứ vải khác, sống trong những loại nhà khác. Ngay cả khi nói đến tiền bạc, những người cỡ như đại tá Prétorian cũng nghĩ và nói khác với dân chúng khu Mảnh Trăng. Như một ngàn đồng là một món tiền lẻ tiền vặt đối với những người cỡ như đại tá Prétorian; ngược lại với dân chúng khu Mảnh Trăng, đấy là một món tiền rất lớn.

Không biết được ý định của viên cảnh sát trưởng, Kyr cho rằng cách đương đầu hay nhất là khiêu khích,

là tấn công trước. Ý nghĩ này đã đưa lão đến quyết định lên tiếng chất vấn ông cảnh sát trưởng bằng những lời lẽ và giọng nói cau có bất mãn:

– Thưa đại tá cảnh sát trưởng, các ngài đến lôi cổ tôi dậy vào lúc trời còn tối như thế này... vì sao ạ? Tôi có tội gì ạ?

Hỏi xong, Kyr Christaki bình tĩnh chờ đợi. Lão cho rằng trận đấu đã khởi diễn. Nếu Kyr Christaki là rắn độc, khi thấy mặt đại tá Prétorian, lão sẽ «chui» xuống đất trốn. Nếu lão là thỏ đế, lão sẽ «vù» gặp khi chạm mặt với viên cảnh sát trưởng. Nhưng Kyr lại là người. Lão lại là người Pinde. Lão chấp nhận chiến đấu. Bất kỳ trận chiến đấu nào lão cũng nhận hết. Không những chấp nhận, lão còn châm ngòi cho nó nổ bùng ra, nếu phải chờ đợi. Đến khi đã chấp nhận chiến đấu rồi, Kyr không mấy lo lắng về sự thắng hay bại của mình. Suốt trong thời gian chiến đấu, người tham dự chỉ có một mối ưu tư: chịu đựng những đòn không thể tránh thoát và trả lại những đòn độc hại hơn. Tại xứ Pinde quê hương, mọi người đều phải chiến đấu chống lại những người khác, chống lại ác thú của rừng núi, chống lại ác quỷ và chống lại thiên thần. Chống và không bao giờ lùi. Như Kyr đang chống lại đại tá Prétorian bây giờ:

– Thưa ông chỉ huy trưởng cảnh sát, xin ông làm ơn cho biết tôi bị tội gì? Vì sao mà các ông lại vây kín nhà tôi? Vì sao các ông lại lôi cổ tôi ra khỏi giường ngủ khi trời chưa sáng?

Đại tá Prétorian:

– Chúng ta đến đây không phải vì lão đâu. Mà vì thằng rể lão, vì thằng chồng con gái lão...

Kyr Christaki hoang mang không hiểu gì hết:

– Vì thằng Panselinos sao? Vì thằng Panselinos mà các ngài phải đem theo cả đoàn cam nhông đầy nhóc lính và «cớm», y như đi vây một căn cứ quân sự sao? Chừng nấy người và súng ống xe cộ ở đây đều vì thằng Panselinos sao?

Hỏi xong, Kyr Christaki không nhịn được, phải phá ra cười. Tiếng cười của lão dòn tan nghe như tiếng thác đổ. Tiếng cười rất thành thực. Tiếng cười dòn giã. Người ta có cảm tưởng như tiếng cười của Kyr Christaki đang tung ra từng nắm đá lửa phát đi những tia lửa cháy sáng. Tiếng cười ấy cũng làm cho ta nghĩ đến những lát cuốc đang bổ vào đá cẩm thạch chan chát.

Kyr cười một lúc mới nín được. Lão hỏi tiếp:

– Thưa đại tá, ngài đem trọng pháo đi bắn chim sẻ hay sao đây? Thưa, đây là chiến thuật mới của cảnh sát chắc? Lão dừng lại một chút để thở rồi nói tiếp:

— Lạ thực! Tôi chưa bao giờ thấy cảnh này cả. Có điều đại tá muốn làm gì mà chả được? Dùng tàu bay phản lực để săn ruồi cũng chẳng có sao hết. Đấy là quyền của đại tá mà!

Kyr Christaki vẫn cười ngặt nghẽo. Lão cảm thấy thoải mái. Rất thoải mái, thư thái hân hoan là đàng khác. Bởi vì, lão nghĩ như vậy là mọi chuyện đều đã trở về với trật tự, đã xảy ra đúng với trật tự... sau khi nghe lời giải thích của đại tá Prétorian về lý do cảnh sát vây nhà lão. Lão cảm thấy thoải mái vì nghĩ rằng lão có thể yên tâm trong trường hợp lão thấy mọi người cùng đem đệm ra đốt vì họ cho rằng không có đệm là không còn những chuyện gian dâm, hoặc

thấy cảnh sát huy động toàn lực để bắt một thằng nhóc con chơi nghịch, buộc vỏ đồ hộp vào đuôi mèo... Nghĩa là khi xã hội còn ngờ nghệch ngờ ngẩn, Kyr Christaki càng yên bụng, khỏi phải lo sợ nhiều. Con người nói chung càng đần độn, đời sống lại càng bằng phẳng bình yên và Kyr lại càng vững bụng tin tưởng. Lão lập luận rằng thế giới khi còn ngu đần là còn khỏe mạnh. Lão chỉ phải lo lắng và sợ hãi khi cảnh sát trở nên thông minh. Chỉ trong trường hợp này, lão mới phải gặp những chuyện bất ngờ tai hại, mới phải gặp những phản ứng sấm sét nổ bùng, những đổi thay sâu xa tận gốc rễ. Chừng nào chưa có chuyện này nghĩa là chừng nào sự ngu đần còn ngự trị trên đời sống, lão còn có quyền ngủ khì, ngủ thực đầy giấc. Vì mọi người còn để cho lão yên, chưa ai đụng chạm gì đến lão.

Đại tá Prétorian không nói gì hết với lão. Ông ta lạnh lùng ra lệnh cho thuộc hạ :

— Còng lão lại ?

Kyr Christaki tái mặt. Nhưng lão vẫn đứng yên, bất động. Đứng thẳng. Trên bực cửa quán. Lão nói :

— Vậy là các ông đến vì tôi đấy chớ ? Như thế các ông bịa ra chuyện thằng Panselinos để làm gì ? Phải rồi tôi cũng ngu thực. Muốn bắt Panselinos, các ông đâu có đi đến hai người ?

— Chúng ta đến đây vì thằng Panselin trước, vì lão sau. Chắc chắn lão là đồng lõa của nó, của thằng rề quý của lão.

— Tôi, tôi là đồng lõa của Panselinos sao ? Kyr lớn tiếng hỏi lại ông cảnh sát trưởng rồi phá lên cười

lớn lần thứ hai. Lão quên mất rằng hai tay lão đã đút vào công. Lão lại cảm thấy yên tâm dù lão đã bị câu lưu. Yên tâm vì cảnh sát tỏ ra còn hồ đồ ngốc nghếch hơn lúc nãy nữa. Chả hồ đồ mà lại coi lão, Kyr Christaki, là đồng loã của Panselinos. Chẳng có gì ngô nghê hơn, tối tăm hơn được nữa. Buộc tội như vậy chẳng khác gì bảo rằng ông Churchill đã nhờ tướng De Gaull mới chống lại Hitler ! Nghĩ như vậy cho nên Kyr Christaki đã « diễu » với cảnh sát một cách ngang nhiên, ồn ào :

– Được biết một chuyện tiếu lâm hay như thế này bị bắt cũng không đáng kêu van một chút nào hết. Các vị đáng được thưởng những thứ huy chương cao nhất vì đã có công tưởng tượng ra một chuyện ly kỳ như thế này, vì đã ban cho tôi cái vai trò đồng lõa của thằng Panselinos. Bây giờ tôi xin các ngài làm ơn bắn gấp tôi đi. Tôi đã yên tâm nhắm mắt rồi vì có sống đến một triệu năm nữa cũng không biết được gì hay hơn, lạ hơn cái ngớ ngẩn của các ngài. Xin làm ơn bắn gấp giùm tôi đi !

Đại tá Prétorian vẫn bình tĩnh, ông ta nói với Kyr :

– Cho lão hay là chuyện này rất quan trọng. Rồi lão sẽ biết. Coi chừng đến lúc muốn đùa cũng không được nữa. Bởi vì lão có thể bị treo cổ không chừng...

– Bị... vì thằng Panselinos ?

– Roland Panselin, rể lão, đã bị bắt sáng nay, hồi năm giờ, lúc đang quả tang phạm pháp. Nó là thủ phạm những vụ giết người gác đêm cướp nhà băng đã làm xôn xao dư luận suốt ba tuần nay.

– Không ! Vô lý lắm ! Hết sức vô lý !

– Kyr Christaki, lão nghe ta hỏi đây : Con rể lão giấu của cướp được ở đâu ? Đồng lõa nó gồm những ai ? Nếu lão chịu khai lão mới có hy vọng thoát khỏi bị xử giảo. Không khai lão sẽ phải chịu một hình phạt như thằng rể : treo cổ !

Kyr Christaki hình như không nghe đại tá Prétorian. Lão lầm bầm : « Panselinos, đạo tặc ? Panselinos, đạo... ». Lão gần như mê đi một chặp. Y như đàn bà. Chưa bao giờ Kyr bị một đòn mạnh như vậy bao giờ. Chưa bao giờ lão bị xúc động dữ dội đến như vậy.

Nếu Panselin, rể lão, quả thực là tên cướp đã giết mấy người gác đêm, đã đục thủng bảy cái kho chứa tiền của bảy nhà băng thì nó phải có hàng triệu triệu.

Panselinos là sở hữu của hàng triệu triệu đồng mà lão, Kyr Christaki, sống bên cạnh hắn ta – lại không cảm thấy, không ngửi thấy mùi « hơi đồng ». Như vậy có nghĩa là lão đã chết, lão đã chết nhưng chưa biết rằng mình đã chết. Là người đã từng đếm tiền của khách giấu kín trong ví, trong túi xuyên qua vải, xuyên qua da, không hề sai, nhưng lão lại không hay biết gì hết về cả một kho tàng tiền của ở sát bên cạnh lão, Kyr Christaki nghĩ rằng lão hết sống rồi. Bởi, với lão, sống chỉ để khám phá ra những chỗ có tiền đặng « vồ » lấy mà thôi ! Tiền của ở sát nách mà không biết thì sống ở chỗ nào ?

– Thưa đại tá, tôi không hay biết gì hết. Giữa tôi và rể tôi, luôn luôn có chuyện bất hòa. Tôi chỉ coi nó như một thứ đồ vật trong nhà. Một thứ đồ vật tôi phải mua về, thế thôi. Con gái tôi đã lớn tuổi, muộn

chồng : tôi mua cho nó một thằng chồng. Như mua cho nó áo quần, giày dép. Chỉ có thế thôi, chẳng có gì hơn nữa.

– Giải nó về, bắt nó khai ngay. Nó phải khai tiền của cướp được giấu ở đâu, đồng lõa gồm những ai. Bắt khai những gì nó biết. Khai hết ! Và phải khai gấp. Tôi muốn thu hồi tài vật và nắm đầu trọn ổ trong ngày hôm nay.

* * *

6.

Mọi người gác đêm đều là người Thổ-nhĩ-kỳ

Giữa lúc đại tá cảnh sát trưởng Prétorian còn ở khu Mảnh Trăng, đại tá Baltag, cánh tay mặt của đại tá Prétorian, thẩm vấn Panselin lần thứ hai.

– Mày lấy vợ từ bao giờ ?

– Thưa, mới có hai năm nay.

– Vợ mày nói sao khi hàng đêm mày bỏ nhà để đi cướp nhà băng ? Vợ chồng mày ngủ chung phòng chung giường phải không ? Vậy vợ mày hẳn phải biết việc làm của mày chứ ? Chẳng lẽ mày lại khai rằng vợ mày không biết gì hết sao ?

– Thưa, tôi đâu có bỏ nhà đi ban đêm. Tôi chỉ ra đi lúc sáng sớm, rất sớm mà thôi.

– Đồng ý ! Cho là mày đi lúc bốn hay năm giờ sáng gì đó, vợ mày không hỏi mày đi lúc trời chưa sáng hay sao ?

– Thưa, không. Vợ tôi không hỏi gì hết vì lúc tôi đi, nó đâu đã thức dậy.

– Không có lần nào vợ mày thức dậy lúc mày ra đi, không có lần nào nó hỏi mày, vì tò mò hoặc vì ghen tuông ? Vì sao mà mày lại đi làm lúc trời chưa sáng, sở còn lâu mới mở cửa ?

– Thưa, không! Giọng nói của Panselin nghe bùi ngùi, buồn buồn. Vì sự thực, vợ y chưa bao giờ thức dậy để hỏi y lấy một lời. Chưa bao giờ!

– Đàn bà trên trái đất này đều tò mò và hay ghen, phải không Panselin? Vậy có phải là mày muốn nói là vợ mày không ghen?

– Thưa, đàn bà không có ghen buổi sáng bao giờ.

– Mày nói sao?

– Thưa, đấy là chuyện thường. Nếu người chồng ra đi vào buổi chiều hay buổi tối, bà vợ có thể nghi và nổi cơn ghen. Kể cả những bà điềm đạm và lạnh nhạt nhất cũng đâm nghi. Ngược lại, nếu anh chồng ra đi lúc mờ sáng, bà vợ sẽ không ghen. Không! Bả yên bụng lắm và sẽ không thèm dậy. Vì bả biết chồng chỉ có đi làm, nên bả yên tâm ngủ kỹ. Vợ tôi không dậy lúc tôi ra đi là vì vậy đó, thưa ông.

– Rồi sẽ xét lại cái lý thuyết kỳ khôi này của mày sau. Tạm cho là mày nói thực đi. Bây giờ nói chuyện khác. Cảnh sát biết mày ra ngoài sớm để làm gì nhưng mày vẫn cứ ngoan cố không chịu. Cho mày hay là mày đừng mong ra khỏi đây mà còn sống nếu mày không trả lời câu hỏi rõ ràng sau đây: chìa khóa mày dùng để mở cửa nhà băng đâu rồi?

– Thưa, cửa nhà băng đã mở sẵn rồi. Tôi đã trình như vậy, thưa ông.

– Có phải mày không muốn trả lời tao thì nói đi...

– Thưa, tôi đã thưa rằng tôi không có chìa khóa, cửa nhà băng mở sẵn rồi.

Đại tá Baltag gọi lớn: «Dẫn người gác đêm của ngân hàng quốc gia vào đây cho tôi». Rồi quay lại nói với Panselin:

– Tao cho gọi người sẽ bị mày hạ sát tối nay vào đối chất với mày.

Người gác đêm ngân hàng quốc gia được dẫn vào. Panselin nhìn người mới vào với cặp mắt của dã thú bị săn đuổi. Người gác cũng nhìn lại Panselin với đôi mắt đầy lo lắng và xót xa đau đớn.

– Tên của mày là gì? – Đại tá Baltag hất hàm hỏi người gác đêm của nhà băng.

– Thưa, tôi tên là Muhammad Ali.

Muhammad Ali đã có tuổi, người gầy gò và nhỏ thó, áo quần rất nghèo nàn. Người lão chẳng lớn hơn một đứa bé bao nhiêu. Da nâu sậm. Mặc dù nhỏ con, nét mặt trái xoan đều đặn mũi cao và đôi môi rất thanh của Ali lại chứng tỏ rằng lão thuộc về một dân tộc văn minh. Dòng giống của lão đã từng chế phục mọi dân tộc khác bằng đao kiếm và lửa đạn qua trường kỳ lịch sử. Bởi vậy, người gác đêm Muhammad Ali áo rách ăn đói vẫn giữ lại một vài nét cốt cách. Một vài dấu vết chứng tỏ rằng lão là con cháu của giống người đã từng làm chủ thế giới. Thực vậy, nơi những tập thể như tập thể của Ali, vẫn còn một vài di tích của quá khứ huy hoàng. Những di tích ấy ngày nay vẫn tồn tại nơi tác phong cử chỉ và ngôn ngữ của những người nông dân Tây-ban-nha, Ma-rốc và một vài dân tộc châu Á.

– Chú mày người Thổ phải không?

Muhammad Ali ngập ngừng. Hình như lão cảm thấy hổ thẹn khi phải thừa nhận điều này. Lão như là một mảnh của chiếc bình quý đã vỡ. Đế quốc Thổ-nhĩ-Kỳ mênh mông của lão không còn nữa. Đồng bào lão tan tác ra khắp các lục địa. Y như các mảnh vỡ của chiếc bình quý.

– Thưa đại tá, tôi người Hồi. Và nói tiếp: «Mọi người gác đêm trong thành phố này đều là người Thổ».

Chỉ huy cảnh sát Baltag sửng sốt. Ông không hề biết chuyện này. Và ông thắc mắc không hiểu giữa quốc tịch của những người gác đêm và những vụ ám sát đồng loạt này có liên quan gì hay không. Nhưng ông gạt ngay giả thuyết này. Những người gác đêm bị giết vì lý do nghề nghiệp mà thôi, chẳng có liên quan gì đến tôn giáo quốc tịch.

– Tại sao chỉ có người Thổ làm nghề gác đêm mà thôi? Lão có biết tại sao lại có chuyện lạ như vậy không?

– Thưa, không. Người Thổ chúng tôi quá nghèo nên bằng lòng làm mọi việc mà chúng tôi tìm được. Chúng tôi chỉ tìm được những việc mà mọi người, sung sướng hơn chúng tôi, không chịu làm.

– Lão nói chưa đúng hẳn. Người ta đều muốn dùng người Thổ gác đêm trước mọi người khác. Vì sao vậy?

– Thưa, tôi cũng không rõ nữa. Người ta nói rằng mục đồng bên Mỹ toàn người Basque. Ở đây, mọi người gác đêm đều là người Thổ, chúng tôi cũng không hiểu vì sao nữa. Có thể vì người Thổ trung thành hơn cả cũng nên. Nếu chúng tôi được lệnh giữ nhà chủ, chúng tôi sẽ làm tròn bổn phận, dù mất mạng cũng không từ. Đây là một huấn điều truyền đời của chúng tôi. Thị vệ và cấm binh canh giữ hoàng cung nội điện của các đức vua Thổ thường nằm ngủ ngoài bực cửa cung điện. Muốn vào hay ra đều phải bước qua xác họ. Có thể nói chúng tôi trung thành hơn cả chó nữa. Vì vậy mà chúng tôi được chọn để gác ngân hàng, kho, nhà...

– Lão có biết tên cướp này không?

Muhammad Ali liếc trộm chàng thanh niên bị xiềng xích trước mặt lão với ánh mắt đầy lo lắng và đáp nhỏ:

– Thưa không.

– Nó là người sẽ hạ sát lão đêm nay như bốn người anh em của lão đã bị nó giết. Số lão hên đấy, lão biết chứ? Nếu cảnh sát không nắm được đầu nó thì đêm nay lão sẽ vào quan tài nằm như mấy người kia. Bốn người đã chết cũng là người Thổ phải không?

– Thưa phải.

– Lão biết họ chứ?

– Thưa vâng! Chúng tôi biết nhau hết. Người Thổ ở đây chỉ là một tập thể nhỏ bé. Mấy người vừa chết là bạn của tôi, hai người là anh em cô cậu.

– Chính nó là thủ phạm đấy. Nó đã giết bạn và anh em của lão. Đêm nay, nó đã vào để giết lão đấy.

Muhammad nghe chăm chú. Lão bị xúc động. Nhưng tuyệt nhiên lão không tỏ ra sợ hãi. Chỉ huy cảnh sát thắc mắc:

– Tại sao lão không biết nó? Nó làm việc ở nhà băng lão sáu tháng rồi, lão phải biết nó mới phải chứ.

– Nó có thể là nhân viên nhà băng nhưng tôi vẫn không biết nó. Nhân viên làm việc ban ngày trong khi chúng tôi lại chỉ làm đêm mà thôi. Khi nhân viên đến làm việc thì chúng tôi đã nghỉ rồi. Vì vậy, chúng tôi đâu có biết mặt các thầy làm việc bàn giấy của ngân hàng, trừ ông thủ quỹ mà thôi.

– Vậy là các người như mặt trăng và mặt trời không gặp nhau bao giờ dù cùng làm một sở. Bây giờ

lão nghĩ sao khi tên ăn cướp này bảo rằng ngày nào nó cũng đến ngân hàng vào buổi sáng trước giờ mở cửa rất lâu. Có thể như vậy không?

– Thưa không đúng! Không ai có quyền vào nhà băng trước ông quản đốc. Chính tôi có bổn phận không cho ai vào hết. Kể cả ngài tổng giám đốc cũng không được vào trước giờ mở cửa.

– Biết đâu có người vào mà lão không hay biết gì hết thì sao?

– Thưa không thể được.

– Lúc tên găng tơ này bị bắt, lão có thấy nó vào không?

– Thưa không. Nhưng tôi biết là không phải một mình nó vào được. Mọi dây chuông báo động đều bị cắt trước rồi. Nghĩa là phải có một tên đồng lõa với nó vào trước để phá hỏng mọi hệ thống an ninh và báo động. Bởi thế nên tôi mới không thấy nó vào, theo lẽ, hễ động vào cửa chính nhà băng là còi báo động hú lên ngay. Nhưng bọn cướp sáng nay đã chặn không cho còi hú được. Tôi không hiểu sao nữa vì chỉ có người ở trong nhà băng mới làm được việc này.

– Tên cướp này nhứt định cho rằng cửa đã mở sẵn.

– Như vậy thì chính tên đồng lõa của nó đã mở ra.

– Có phải là lão cho rằng tên đồng lõa của thằng này có chìa khóa?

– Thưa, chắc chắn như vậy. Tôi cũng xin thưa thêm là chìa khóa để mở cửa nhà băng chúng tôi không phải là dễ có. Đấy là loại chìa bí mật làm ở ngoại theo «com măng» đặc biệt. Hai năm lại thay khóa một lần. Các nhà chế tạo và thợ lắp khóa đều được mời đặc biệt đến từ nước ngoài tới.

– Lão có chắc là nhất định không có chuyện cửa mở vì quên khóa hay không ?

– Mỗi đêm có nhiều toán tuần tiễu đi qua cửa, cứ một giờ lại có một toán. Mỗi giờ, người gác lại phải kiểm soát xem cửa có khóa hay không và phải ghi vào sổ giờ kiểm soát của từng người. Bổn phận của người gác đêm buộc họ phải làm việc này. Đêm nay còn có các toán tuần tiễu của cảnh sát, của hiến binh. Chính tôi cứ ba giờ một lần phải đi kiểm soát lại cửa ngõ. Mọi cửa đều đóng chặt khóa chắc. Không ai vào và cũng không có ai ra được.

Đại tá Baltag quay lại hỏi Panselin :

– Mày nghe ra chưa ? Ai mở cửa cho mày vào ?

– Thưa tôi không biết ! Tôi thấy cửa đã mở sẵn.

– Mày vẫn cứ khăng khăng bảo rằng cứ mỗi lần mày đến nhà băng vào khoảng từ bốn đến năm giờ sáng để học bài thi mày đều thấy cửa mở sẵn.

– Thưa vâng.

Trả lời xong, Panselin tái mặt. Y đi đến chỗ không tin được những lời khai bố láo của chính mình.

– Nếu mày bảo đến học ở nhà băng thì sách vở đâu cho chúng tao xem đi. Học thì phải có sách vở và sách vở của mày hẳn phải cất nơi bàn giấy của mày chứ ?

Panselin lặng thinh. Baltag hỏi tiếp :

– Sao ? Mày không muốn trả lời ? – Rồi Baltag quay sang hỏi Ali :

– Theo ý lão thì phải có một tên đồng lõa lẻn vào nhà băng trước Panselin, phải không ? Cảnh sát đã xét thực kỹ đến cây kim cũng không lọt mà vẫn không thấy ai hết. Vậy tên cướp thứ hai ở đâu ?

– Thưa tôi làm sao biết được. Nhưng tôi biết chắc rằng phải có nhiều tên, ít nhất cũng phải có một đứa nữa ngoài tên này. Vì một người không thể vào nổi nhà băng chúng tôi, phải có một «ê-kíp» mới vào được. Tên này phải có đồng bọn và đồng bọn nó giữ chìa khóa. Chắc là tên đầu đảng. Tên này bị bắt vì lính gác trên mái nhà thấy nó. Nhưng còn những tên khác lính không thấy. Những tên này quan trọng hơn nhiều, y như ngoài đời vậy, thưa đại tá. Những gì ta thấy được không quan trọng mấy mặc dù ta mất nhiều công khó nhọc vào đấy. Những gì không thấy được mới đáng kể.

– Thôi được rồi. Bây giờ lão về đi, có cần gì ta sẽ cho gọi lại... Rồi quay sang Panselin :

– Mày vẫn không chịu khai gì cả sao?

Panselin vẫn lặng thinh.

Đại tá Baltag gọi nhân viên vào và ra lệnh :

– Lôi cổ nó đi bắt khai bằng biện pháp mạnh. Tra tấn buộc nó phải khai tất cả những gì nó biết. Rồi nó sẽ phải khai như chuyện cổ tích nó bắt chúng ta phải nghe, bây giờ chính nó cũng không còn tin ở nó nữa mà. Làm gấp đi!

7.

Kyria Filothéa: vợ tên cướp Panselin

Roland Panselin, thủ phạm những vụ cướp của giết người, không chịu khai gì hết. Nó chỉ mở miệng để nói dối mà thôi. Cảnh sát biết nó đẻ ra toàn chuyện đầu Ngô mình Sở không phải để chối tội. Chối sao nổi! Nhưng hắn để tranh thủ thời gian cho các đồng lõa kịp chạy trốn, kịp chôn giấu «chiến lợi phẩm» vào một chỗ bí mật không thể phát giác ra được. Chưa ai biết số tiền Panselin cướp được là bao nhiêu; bảy nhà băng bị cướp đang xét lại sổ sách. Báo chí nói đến một ngân khoản khổng lồ.

Cảnh sát phải chạy đua với đồng hồ. Trong việc thẩm cung Panselin và thu hồi lại tiền của bị cướp, cảnh sát đã bắt Kyr Christaki, bố vợ Panselin, chủ quán «Mảnh Trăng». Bây giờ bắt luôn con gái lão, Kyria Filothéa, vợ Panselin. A này có thể khai. Vợ con của bọn đạo tặc là mỏ vàng của cảnh sát. Đàn bà, vì thiếu ý thức, bao giờ cũng nói nhiều hơn điều mình có thể và chỉ được phép khai ra, đúng như với sự mong ước của cảnh sát. Dù đã giấu nhẹm các việc làm, các chị vợ và các ả tình nhân cũng đoán ra bọn cướp.

Người đàn bà biết bằng da thịt, bằng cảm quan bén nhạy của đàn bà, tất cả những gì họ cần biết. Biết những biện pháp riêng chả cần phải tra khảo giờ giấc và biết rất rõ về người đàn ông của họ. Biết cả ý nghĩ việc làm, biết cả những dự tính của đàn ông. Thượng đế đã ban cho phái nữ một cảm quan đặc biệt khi thân xác hai bên siết chặt, người đàn bà sẽ biết tất cả những gì trong đầu, trong tim và trong túi người đàn ông.

Cảnh sát đã tưởng là nhiều điều họ cần biết nhưng Panselin nhất định không khai ra, khi đột nhập phòng riêng của Kyria. Bởi vậy, đại tá Prétorian đã xô cửa phòng ngủ của vợ tên cướp một cách bất lịch sự vì không gõ cửa, Kyria đang nằm ườn trên giường. Nàng mở mắt ra nhìn và định nhảy vọt ra cửa sổ theo phản ứng tự vệ tự nhiên khi thấy cảnh sát. Qua cánh cửa mở rộng, Kyria thấy cha nàng tay bị trói, đang bị đẩy lên chiếc xe sơn đen đậu lù lù cạnh đấy. Vậy là mọi việc đều «đi toong» hết ráo». Hết đường trốn! Cảnh sát canh cửa trước. Vây kín nhà. Có «vọt» cũng rơi vào tay cảnh sát.

Đại tá Prétorian bảo với Kyria :

– Chị cứ ngồi yên ở đó.

Hai cảnh sát viên bận thường phục đứng sau lưng viên cảnh sát trưởng bước tới đứng vây lấy giường Kyria. Họ đoán chừng nàng có ý định tẩu thoát.

Kyria đứng dậy, nàng bận áo ngủ đỏ chói. Chừng ba mươi, người cao lớn xương xẩu, nước da bánh mật, tóc dài. Tóc Kyria rất óng ả, đen mướt chảy dài trên màu áo ngủ đỏ như lửa. Lúc này, nét mặt nàng tái xanh, hàng lông mày rậm gần như giao nhau nhíu

lại, sự căm phẫn man dại phản ảnh qua cặp mắt long lên sáng lấp lánh như mặt dã thú khi bị mắc bẫy.

Kyria giống bố như tạc, giống trên mọi mặt, nhìn là biết ngay. Nàng đã bị cảnh sát đột nhập phòng riêng nhưng lại bình tĩnh trở lại ngay. Kyria đã sẵn sàng chiến đấu. Chấp nhận chiến đấu. Bây giờ mới biết ai thắng, ai bại. Kyria đứng thẳng, chân đi đất, áo ngủ đỏ chói và làn tóc dài rối bời trước mặt cảnh sát. Không e thẹn, mắc cỡ. Nàng có những mối ưu tư khác hơn là lo mắc cỡ. Và cũng hết muốn phản kháng tuy trước đó vài giây, nàng đã thoáng có ý nghĩ chống lại. Bây giờ thì chẳng có gì có thể làm cho Kyria ngạc nhiên. Y như cha nàng, dân tộc nàng, Kyria đã biết rằng con người trên trái đất phải sẵn sàng đón nhận mọi tai ương thảm khốc nhứt. Mọi biến cố đều có thể xảy ra. Trời bây giờ có sập trên đầu nàng (như trần nhà bằng sứ vỡ tung, các mảnh xanh đỏ vỡ tung tóe đập vào đầu) với trăng sao rơi rụng trên đầu, Kyria cũng chẳng cần biết đến nữa. Nàng sẽ chịu đựng sóng gió tai ương. Đứng thẳng. Căm giận. Nhưng sẵn sàng đón nhận. Đón nhận. Dân tộc nàng đã đón chờ mọi biến cố tai trời ách nước; cuồng phong bão táp, đại hạn v.v... tất cả mọi đồ vỡ có thể và không có thể tưởng tượng được đều là chuyện quen thuộc đối với người dân Pinde, là chuyện không thể tránh né. Cũng như Kyr Christaky, con gái lão cũng đã được rèn luyện, nhào nặn trong một lịch sử dài lâu của một dân tộc vốn man dại, đánh dấu bằng những thất bại, những đau khổ triền miên và những đồ vỡ nặng nề. Tác phong của họ là hình ảnh của những mối huyết hận truyền đời. Là hình ảnh của lịch sử đấu tranh của con người đàn ông và phụ nữ trên trái đất. Đem phân tích tác phong ấy, người ta sẽ thấy dấu vết của

những cơ địa chấn, của những bạo chúa xâm lược như chúa Hung nô Attila. Thành cát tư hãn, như giặc Tartares, bọn Thập tự quân phương Tây và những trận hạn hán, những năm mất mùa; những trận dịch hạch, nạn châu chấu phá hoại mùa màng, những cơn hồng thủy, những trận chinh phục của phương Tây và phương Đông... Với một quá khứ như vậy, bây giờ chẳng có gì là ghê gớm đối với họ. Họ như đã được huấn luyện để chịu đựng. Khả năng chịu đựng của người Pinde như cha con Kyr Christaky và Kyria Filothéa có thể nói là vô biên. Họ chỉ có thể xúc động đến bấn loạn mất hết tự chủ trong trường hợp có người dành cho họ một tình thân hữu, và công nhận cái quyền được công lý bảo vệ của họ trong đời sống bên cạnh những người khác.

Trong trường hợp này, họ sẽ bị xúc động mạnh mẽ đến líu cả lưỡi nói không thành tiếng; người yếu không khéo tim bị đứng luôn. Những người phải đón chờ tai ương, khổ ải do đồng loại trút lên đầu, không bao giờ hy vọng được tha nhau đối xử đẹp. Họ luôn luôn nghĩ rằng tương lai chỉ dành cho họ đau khổ và chết chóc mà thôi. Bởi vậy, với Kyria Filothéa, việc cảnh sát xâm nhập phòng riêng khi trời chưa sáng để tôi cổ chị ta dậy, còng tay lại để đem về hăm hiếp chán lại đem ra tra tấn bằng mọi cực hình kể cả việc chọc mù mắt, cắt lưỡi để hỏi: «Bạc vàng châu báu (mà chị ta không có) mày chôn giấu ở đâu, khai đi!», cũng không phải là chuyện lạ có thể làm cho nàng ngạc nhiên. Nàng đã đón chờ những tai ách như vậy. Đón chờ từ bao giờ rồi.

Kyria đứng thẳng. Sẵn sàng chịu đựng vì đây là định mệnh.

– Ta khuyên chị đừng nói dối. Đại tá Prétorian dằn giọng nói với Kyria như vậy.

– Tôi không muốn nói dối.

Lúc này, Kyria rất đẹp tuy nhan sắc nàng tầm thường, có thể nói là xấu. Nàng có vẻ rạng rỡ. Vì nàng đã vượt qua sự sợ hãi. Đã sẵn sàng chịu đựng tất cả một cách đàng hoàng và có tư cách. Chịu đựng tất cả một cách can đảm. Kyria đã đạt đến chỗ tuyệt đỉnh của sự cao đẹp và vĩ đại của con người. Nàng biết rằng, đối với cảnh sát, nói thật hay nói dối cũng vậy mà thôi. Trong lịch sử của nhân loại, chính kẻ chiến thắng sẽ quyết định gì là thực, gì là dối trá. Trong cuộc đời, chẳng có gì thực gì là giả, chỉ có người thắng kẻ bại. Người chiến thắng nắm giữ sự thực. Giữ một mình và giữ độc quyền, không cho người khác có quyền phản đối. Chiến thắng không bao giờ sai lầm! Bao giờ người chiến thắng cũng có lý. Những gì người chiến thắng làm bao giờ cũng đúng.

Đại tá Prétorian hỏi Kyria:

– Chồng chị đã giết mấy người gác đêm và cướp nhà băng. Y đã bị bắt quả tang lúc đang phạm pháp. Y giấu tiền của cướp được ở đâu, chị khai ra đi, khai mau!

Kyria nhíu đôi hàng lông mày giao khít với nhau như đôi cánh đen xuống. Như đôi cánh chết trên đôi mắt của nàng. Và lặng thinh.

– Sao, chị không muốn khai sao?

Kyria vẫn im lặng, không trả lời. Trông nàng như nhỏ thêm, đen thêm.

– Giải nó về, còng lại! Bây giờ có lẽ nó chưa tỉnh táo, chưa hiểu chúng ta hỏi nó những gì. Mai ta sẽ làm cho nó tỉnh lại.

Kyria bận thêm cái váy thêu những đóa hoa xanh lớn ra ngoài chiếc áo ngủ đỏ chói. Khoác thêm áo ngoài. Choàng thêm cái khăn san. Rồi đi giày. Kyria thay đồ trước mặt mấy người đàn ông. Chẳng mắc cỡ gì hết. Cố nhiên Kyria cũng có tính e thẹn. Rất e thẹn đúng với thiên tính của đàn bà. Nhưng không thể cứ e thẹn trước cảnh sát. Cũng như không có gì phải thẹn khi đứng trước cái máy may, cái ghế ngồi v.v... Người ta có thể khỏa thân trước đồ vật, đâu có gì để mắc cỡ. Cởi quần áo trước đồ vật đâu có sao, đâu có phải đỏ mặt.

Biết là con gái của lão Kyr Christaky sẽ không khai, đại tá Prétorian ra lệnh:

— Thôi giải nó đi.

Rồi ông ta đứng nhìn qua cửa sổ trong khi cảnh sát dẫn Kyria Filothéa đi qua, hai tay bị còng.

Lúc bấy giờ, cảnh sát đã vây kín dân khu «Mảnh Trăng». Đại tá Prétorian ra lệnh:

— Giữ hết đám vi trùng này lại. Hỏi cung hết không chừa một đứa nào hết.

Đám «vi trùng» là khách của Kyria Christaky, là dân chúng ở khu ổ chuột Mảnh Trăng. Danh từ «vi trùng» để gọi dân chúng khu Mảnh Trăng do một nhà báo xã hội đẻ ra. Nó tồn tại đến ngày nay, vì dân chúng sống trong những ổ chuột của miếng đất hoang đầy rác rưởi này không còn là người mà là vi trùng. Họ thuộc về đẳng cấp thấp nhất xã hội: đẳng cấp vi trùng, Dân chúng khu Mảnh Trăng chỉ có một vai trò trong xã hội tương tự như vi trùng: đem những bệnh tật và những nỗi đau khổ từ vùng này sang vùng khác. Chính vì vậy mà biệt danh này vẫn tồn tại. Họ sống trong khung cảnh bần thỉu để truyền đi và

giữ lại nỗi đau khổ triền miên được truyền qua những vùng khác và truyền lại cho hậu thế.

Khu phố Mảnh Trăng tọa lạc trong khu nam của thành phố như là một vết thương lở loét nhiễm độc, đầy ứ vi trùng nguy hiểm: những con người sống ở tầng sâu nhất của sự nghèo khó và đói khổ.

∴

8.

Những con vi trùng của khu «Mảnh Trăng».

Hai cha con Kyr Chirstaky và Kyria Filothéa đã bị bắt. Cảnh sát được lệnh lục soát quán «*Mảnh Trăng*» và những vùng phụ cận. Đại tá Prétorian nhận xét:

– Phải tìm cho kỹ ở đây. Nơi này là một địa điểm lý tưởng để giấu của cướp được. Không có thể tìm ra một chỗ nào thuận lợi hơn nữa.

Viên cảnh sát trưởng quan sát kỹ ngôi quán. Một tấm bảng gỗ thông sơn xanh nền vẽ nhiều ngôi sao treo trên cửa. Bốn góc tấm bảng là bốn mảnh trăng giống như bốn miếng dưa gang. Giữa là tên quán. Tên rất hay nhưng không phải do chủ quán đặt. Đấy là tên của khu phố.

Đây là khu ngoại ô. Nếu đi từ trung tâm thành phố – nơi có những hiệu kim hoàn, những cửa hàng xa xỉ phẩm và những nhà băng mà Panselin là nhân viên – đến khu Mảnh Trăng, ta phải mất một giờ tàu điện. Lên tàu giữa trung tâm thành phố, trước nhà hát lớn. Đi qua khu nhà băng trước nhất rồi đến khu tạp hóa và nhà may, sau đó là khu chợ và khu hàng thực phẩm.

Khu kế tiếp là khu Do Thái và kế đó là khu Bình Khang, dành cho các « chị em » rộng nhất thành phố, rộng hơn cả khu chợ. Hết khu Bình Khang chỉ còn lạ toàn là ổ chuột và nhà cây. Đấy là khu Mảnh Trăng của thợ thuyền làm cho công binh xưởng. Tàu điện cũng dừng lại tại trạm chót ở đây. Từ đây cho đến xưởng làm thuốc nổ của quân đội phải lội bộ. Đoạn đường này khoảng hai cây, hai bên rào dây thép gai. Thường dân bị cấm, chỉ có nhà binh và thợ thuyền hàng ngày phải đi từ khu Mảnh Trăng đến xưởng.

Ở những khu phố khác như Do Thái, khu chợ và Bình Khang dân chúng sống lẫn lộn. Nhà giàu ở cạnh nhà nghèo, và gặp nhau hàng ngày ngoài đường phố. Nhưng tại khu Mảnh Trăng chỉ có nhà nghèo. Những người sống trong các ngôi nhà ổ chuột, nhà cây đều là thợ đang làm hoặc trước đã làm cho công xưởng và gia đình họ. Ở khu Mảnh Trăng, không có nhà giàu. Không có gái đẹp. Không có con trai thông minh. Nếu có một phép lạ nào đó đưa đến cho một gia đình ở đây sinh được một đứa con gái đẹp thì nó cũng bán xới khu này khi nó lên mười hai hay mười ba gì đó để lên phố đặng kiếm một đời sống cao hơn. Nếu có một thanh niên thông minh thì nó cũng không ở lại. Chỉ có những kẻ bất tài vô tướng, ra đi là đói, mới ở lại. Cũng không có cả những kẻ lang thang, không có hành khất. Không có đồ thừa bỏ rơi vung vãi, làm gì có người đi nhặt. Khu Mảnh Trăng không cỏ gì hết. Nơi đây, chỉ có sự nghèo đói toàn vẹn, rõ ràng và sáng trưng như mặt trăng. Nhà không có đồ dùng. Mái nhà vách tường cũng không phải là mái lá chính hiệu. Mà là đồ chế biến, là những thứ khác chế biến thành mái nhà, vách tường và đồ dùng.

Phía Nam khu Mảnh Trăng là công xưởng – xưởng Pyrotechnic lừng danh – chuyên chế thuốc súng và các chất nổ và khu đất cấm, cỏ không mọc nổi mà chỉ có dây thép gai, chòi canh và mọi thứ bằng cấm.

Ngoài xa nữa về phía Nam là đồng quê có cây cối, có vườn ruộng. Nhưng từ khu Mảnh Trăng không thể về đồng quê được. Những con vi trùng không được thấy đồng quê. Chúng chỉ đoán là đồng quê ở gần xịt mà thôi, vì đường đi về đồng quê bị cấm, bị công xưởng chế thuốc súng chặn ngang. Khu Mảnh Trăng không có lối ra vào. Nó giống như một ngôi nhà mà mọi cửa sổ mở ra vườn đều bị bịt kín. Lối đi của nó về phía Nam bị chắn. Về phía Tây không có đường ra. Phía Đông cũng không có nốt. Chung quanh toàn là đất nhà binh. Chỉ có một lối ra ngoài ở phía bắc, nghĩa là phải đi qua khu gái điếm Bình Khang để lên phố. Khu Mảnh Trăng nằm giữa khu Bình Khang và công xưởng. Mọi người chỉ có thể đi theo con đường thoát duy nhất là qua khu Bình Khang để ra ngoài.

Chỉ có một ngôi nhà đáng gọi là nhà – vì mái của nó bằng ván lợp nhà, vách cũng bằng ván – tại khu Mảnh Trăng: quán rượu của Kyr Christaky. Nhà này lớn như một dinh thự so với những nhà ổ chuột ở chung quanh. Nó ở chính giữa xóm. Cách kiến trúc gần giống như nhà cửa ở Hoa Kỳ thời lập quốc. Quán của Kyr bán tất cả mọi vật dụng, thực phẩm cần thiết cho dân chúng ở khu Mảnh Trăng. Rượu bánh, thuốc lá, sữa hộp quẹt, đèn cầy dầu hôi, bơ phó mát dồi, dầu ô liu và đồ hộp. Thực phẩm và rượu ăn nhậu tại chỗ hay mang về nhà cũng một giá.

Khu Mảnh Trăng không có Tòa Hành chính, Nhà thờ, bót Cảnh sát, nhà Dẫy thép. Quán Mảnh Trăng là

ngôi nhà quan trọng duy nhất cửa khu. Nó là định chế của khu phố.

Ngoài quán rượu, cơ cấu công cộng còn có bến tàu điện và nghĩa trang. Cả ba cơ cấu đều được dân chúng toàn khu chăm chỉ chiếu cố.

Cảnh sát đang lục soát quán rượu vào lúc những con vi trùng, dân sống ở khu Mảnh Trăng – vừa chui ra khỏi ổ chuột để đến xưởng làm. Số vi trùng còn lại – chưa đến tuổi đi làm, đúc bom đạn, những trẻ mén và những người già khụ, những người tàn tật đau yếu – đều tụ tập trước quán. Họ xem hai cha con Kyr và Kyria bị bắt ra sao, bị lên xe kín như thế nào. Xem lính lục soát vườn nhà, vào từng phòng một và trèo cả lên mái trong khi họ bị cấm không được vào quán mua sữa, hộp quẹt hoặc vay tiền mua vé tàu điện. Mọi con vi trùng vừa men đến gần quán là bị lính chặn lại để hạch hỏi:

– Lão (hay mụ, chị, chú, mày v.v...) có biết Kyr Christaky không?

Tất cả đều trả lời giống nhau:

– Biết lắm chứ. Ở đây ai mà không biết lão.

– Các người cũng biết cả Panselin, rể lão, nữa chứ?

– Sao lại không? Anh ta làm việc ở nhà băng trên phố. Anh ta lấy Kyria Filothéa.

– Các người có biết Panselin có tiền hay không?

– Kyr Christaky và Kyria Filothéa mới có tiền. Panselin rách như cái mền.

– Tại sao các người lại biết Panselin không có tiền?

– Nếu có, Panselin đâu có lấy Filothéa. Anh ta lấy vợ vì tiền nhưng có được gì đâu. Đừng hòng ăn tiền của Kyr. Đừng hòng! Nhất định sẽ bị lão gạt ngay. Kyr xạo hết sức. Panselin có học có đi làm việc nhà băng, cũng vẫn bị gạt như thường. Chịu lấy vợ già và nhiều tuổi hơn vì tiền, rốt cuộc Panselin đã không được một đồng «xèng» mà còn mất thêm. Trước kia Panselin chỉ phải trả tiền ăn tiền ở một mình bây giờ còn phải trả thêm cho một người nữa. Giá do Kyr định. Bởi vậy, có nhiều bữa, Panselin không có cả tiền tàu nữa, phải lội bộ đi làm...

– Mấy người đừng tưởng lầm là Panselin không có tiền. Chính nó đã giết người gác cướp của nhà băng – người cảnh sát giải thích – Sáng nay, nó đã bị bắt tại trận. Bây giờ nó có hàng trăm triệu. Nó giấu tiền cướp được đâu đó nơi khu Mảnh Trăng này.

Đám vi trùng–kể cả đám trẻ mén–đều mỉm cười.

Đám cảnh sát thắc mắc:

– Tại sao mấy người lại cười?

Đám vi trùng nín lặng ngơ ngác. Họ không hiểu vì sao lại cười khi nghe nói đến Panselin. Nhưng họ không thể nín cười được.

Viên cảnh sát trưởng nóng mặt:

– Nhốt hết bọn vi trùng bần thỉu này lại.

Cảnh sát vừa lục soát vườn nhà và chuồng gà, vừa giữ đám vi trùng lại. Đã có hơn một trăm người bị giữ. Vì mọi người đều mỉm cười khi nghe cảnh sát nói rằng Panselin đã giết người gác cướp của hàn băng, dù chẳng ai nói gì với ai hết. Mà cười là bị «tóm» liền.

Lục soát xong, đại tá Prétorian thay đổi chiến thuật. Ông ra lệnh tha hết tất cả:

– Thẩm vấn xong, tha luôn lão chủ quán và cô con gái của lão. Cho chúng nó về, rồi theo dõi.

Đại tá Prétorian tin chắc hai cha con lão Kyr và Kyria biết rõ chỗ Panselin giấu tiền. Khi được tha, hai người sẽ cấp tốc đem chôn giấu chỗ khác cho chắc ăn. Vì vậy, họ sẽ bị lộ. Họ sẽ dẫn cảnh sát – luôn luôn có mặt cạnh họ – đến chỗ chôn giấu tiền cướp được.

Vậy là đám vi trùng được phóng thích. Bị nhét cả hộp trong quán, khi được thả, đám vi trùng ùa ra mang theo một mùi xú uế nồng nặc. Họ là những con người khốn khổ chỉ có lớp da mốc thếch bọc lấy bộ xương còm. Tất cả đều lở loét, mụn nhọt và sẹo đầy mình. Chẳng những thế mà thôi, khắp người họ còn đầy chấm đỏ ly tỵ do rận chấy cắn nữa. Tất cả đều khoan khoái vì được ra khỏi gian quán được tạm dùng làm nhà tù để giam họ trong thời gian một giờ vừa qua. Họ khoan khoái vì, cả với họ, tự do vẫn là tài sản tối thượng. Được tha, mọi người đều cảm thấy mình được làm chủ lấy mình, mình vẫn làm chủ của mình trong lớp da che thân, trong lớp da tơi tả như áo quần lượm ở đống rác lên đem về mặc. Tất cả đều có cảm tưởng là tứ chi hình như không phải của họ, mà tay chân và mắt mũi đều là đồ lượm ở hố rác lên đem về xài. Họ đã lượm được tất cả những thứ ấy – tứ chi và ngũ quan – ở hố rác y như đã lượm được giày dép áo quần vậy. Giá họ có được bộ da, có thân thể vừa vặn và phù hợp với tâm hồn của họ thì họ sẽ đẹp hơn nhiều.

Cùng lúc ấy, đại tá Prétorian bước lên chiếc xe hơi sơn đen bóng lộn để ra về sau khi ra lệnh :

– Tiếp tục lục soát mọi nơi cho kỹ. Khi hai cha con lão chủ quán về đến là phải bám cho sát không được rời một phút.

Viên cảnh sát trưởng cho rằng Panselin chỉ đóng vai trò phụ. Có thể lão chủ quán mới là chánh đảng. Kyr Christaky có đủ mọi đức tính của một tên tướng cướp. Lão sống ở một nơi mà lão là chúa tể. Rất chi. Thực tế. Và mê tiền bạc trên hết mọi sự. Vậy thì cứ theo con đường này mà điều tra. Tiếp tục thẩm vấn đám người hạ đẳng là đám vi trùng ở khu Mảnh Trăng không ngừng để kiếm một vài manh mối. Cảnh sát phải luôn trực ở đây. Ấy thế là báo chí tiếp tục trình bày về công việc tìm kiếm của cảnh sát. Các công dân của thành phố đọc báo và bắt đầu hiểu được sự hiện hữu của khu Mảnh trăng... Trước kia, họ chỉ có một ý niệm mơ hồ về khu phố này. Bây giờ họ nghi rằng đây là sào huyệt của đạo tặc. Họ chú ý đến khu Mảnh Trăng. Nó có thực. Khu Mảnh Trăng trước hết không còn là sản phẩm giả tưởng. Nó còn có vẻ hấp dẫn là khác. Báo chí đăng hình quán rượu, đăng hình đám vi trùng và nhà ổ chuột của họ như một vết thương, một ung nhọt đang chảy mủ trên bản đồ thành phố. Người ta cảm thấy xúc động khi biết khu này bị chết chẹt, bị khu gái điếm chặn đường lên phố, bị công binh xưởng ngăn đường ra thôn quê. Đấy là một khu phố không có đường ra. Không có cửa lớn. Không có cửa sổ. Một khu phố chỉ có cư dân là đám vi trùng và ngoài ra chỉ có mặt trăng đến viếng mà thôi.

Trên thực tế, chỉ có mặt trăng ở ngoài hạ cố đến khu phố khốn nạn này, thăm nom đám vi trùng này đêm đêm. Mặt trăng là nhân vật duy nhất của thượng lưu đã đến đây mà không sợ bị dây bẩn, đã đi vào cương thổ của Kyr Christaky, trong khu phố Mảnh Trăng.

9.

Lời khai của Kyria Filothéa

Cảnh sát trưởng Prétorian hội cung Kyria Filothéa tại bàn giấy. Văn phòng thực lộng lẫy. Thảm quý và đèn lồng pha lê. Mấy giờ trước đây Panselin đã sững sờ khi được giải vào phòng này. Y choáng váng và quên cả «còng», quên luôn rằng y là phạm nhân. Choáng váng vì vẻ đẹp của trần nhà, bàn ghế, của thảm quý và ánh sáng. Nhưng Kyria, khác với chồng, chẳng thấy gì hết. Chị ta cũng không để ý đến những cái đẹp ở xung quanh. Cái đẹp chẳng có một sức lôi cuốn nào hết đối với Kyria. Chị không thèm để ý gì đến sự hòa hợp nhịp nhàng của sự trang trí. Con gái như thế nào ông bố như thế ấy. Cả hai người đều không thể nhận được những tiết tấu xảo diệu của các hình thể màu sắc. Vũ trụ của hai bố con lão chủ quán Mảnh Trăng không có hoa, không có «ren», không có mơ mộng và không có cả thơ nữa. Vũ trụ ấy trần trường, trang trí chỉ bằng giấy bạc, chi phiếu nhà băng, bằng các cuốn sổ tiết kiệm, hóa đơn nhận hàng và khách nợ. Chỉ có những gì cụ thể, những gì là tiền bạc và vật dụng hàng hóa là có chỗ trong vũ trụ ấy mà thôi.

Đại tá Prétorian nói với Kyria bằng một giọng nhẹ:

– Chị ngồi đi.

Ông ta vỗ về Kyria để đưa nàng đến chỗ khai ra những gì nàng biết. Trước đó ông ta cũng đã dùng phương pháp này để thẩm vấn Panselin. Quả nhiên tên cướp này đã phản ứng như người bị thương được xoa dầu và bôi thuốc làm đỡ đau. Nhưng với Kyria, giọng nói mơn trớn của viên cảnh sát trưởng chẳng có qua một chút tác dụng. Kyria không buồn để ý đến giọng nói ấy. Chị vợ tên cướp luôn thực tế. Và tỉnh táo. Nàng biết rằng nàng có mặt ở đây để bị hỏi cung và đang ở trong tình trạng bị câu lưu. Chỉ có thế thôi, ngoài ra toàn là chuyện phiếm.

Đại tá Prétorian nhắc lại:

– Chị ngồi xuống đi.

– Thưa, tôi xin đứng đây, không sao.

Kyria vẫn đứng. Nàng cảm thấy bực bội vì những chuyện vừa xảy ra. Nhưng nàng cố nín. Kyria khô khan xương xẩu. Người xấu và thiếu nữ tính nhưng Kyria lại biết giữ truyền thống. Nàng là con dân một sắc tộc lâu đời đã được các thiên thần Hy Lạp thời cổ, các tiên thánh và các thi nhân xưa biết tiếng. Nàng là người Pinde.

– Nghe tôi nói đây, chị Filothéa. Chị phải biết điều mới được. Chồng chị đang bị thẩm vấn ở phòng bên cạnh. Nó đã thú nhận. Phòng bên này, người ta bắt đầu hỏi ông già chị. Trong khu phố chị ở, mọi người mọi thứ vi trùng đều bị thẩm vấn. Cả những người ở trong công xưởng, những người sống bên khu Bình Khang cũng bị điều tra. Chúng tôi chưa biết hết

những gì chúng tôi cần biết. Nhưng vài giờ nữa cũng biết...

... Tôi biết chị có đầu óc, thông minh. Lại khôn ngoan nữa. Vậy chị phải thú hết đi. Hết tất cả. Chị nghe tôi hỏi đây: chị có vui lòng khai hết sự thực cho tôi biết không?

— Thưa tôi xin khai hết sự thực.

Tiếng nói của Kyria nghe rõ ràng, chan chát. Như tiếng đồng tiền ném lên mặt quầy bằng kẽm của quán. Tiếng nói của nàng nghe khá hay. Nhưng Kyria phải rán hết sức mới giữ được bình tĩnh. Đôi mắt nàng gần như muốn tóe lửa vì căm giận.

— Chồng chị đã ăn cướp và giết người. Nó đã bị bắt tại trận. Bị bắt ngay trong nhà băng lúc gần sáng. Nó có chân trong đảng cướp chuyên giết người gác đêm và phá tủ sắt. Nó đã lãnh tội giết bốn người, cướp bảy nhà băng.

Về phần chị, tôi khuyên chị nên đứng về phía cảnh sát, bằng không, chị có thể bị treo cổ, giống như Panselin. Cả ông già chị nữa. Vì mấy người là đồng lõa của nó. Nhưng chị có thể được hưởng trường hợp giảm nhẹ, nếu chị khai ra. Chị còn có thể được tha bổng. Chúng tôi sẽ giúp cho chị. Chị có thể khai là chị chỉ hành động vì yêu chồng là được. Nào bây giờ biết gì chị khai ra đi.

— Thưa, biết những gì và về cái gì đây ạ?

— Biết những gì về chồng chị.

— Thưa, tôi biết tất cả những gì mà người vợ phải biết về chồng mình sau hai năm ăn ở với nhau.

— Chị có biết chồng chị có những hành vi phạm trọng tội không?

– Thưa không. Tôi mới được nghe ông cho biết điều này nhưng tôi đâu có bị bắt buộc phải tin.

– Đừng vội nóng. Nếu chị quả quyết là không biết gì hết, chúng tôi tạm tin chị. Nhưng cảnh sát biết chắc chắn rằng Panselin đã giết mấy người gác đêm. Sở dĩ tôi hỏi chị nhiều chỉ vì muốn thu hồi số tiền bị cướp và tóm hết cả bọn. Riêng về Panselin thì xong rồi. Bây giờ chỉ có Trời mới cứu được nó thoát tội treo cổ mà thôi.

– Thưa các ngài đã biết nhiều và biết chắc như vậy rồi thì các ngài còn hỏi tôi làm gì nữa cho mất công?

– Tôi đã giảng cho chị hiểu là cảnh sát quyết thu hồi cho bằng được số tiền bị cướp. Dễ có đến hàng ngàn triệu đồng. Chúng tôi cần có sự hợp tác của chị.

– Thưa, tôi đã hợp tác rồi đó. Các ngài đã bắt tôi rồi giải tôi đến đây. Như vậy không phải là tôi đã hợp tác sao?

– Không! Chị sẽ được tha. Hỏi cung xong, tôi sẽ tha ngay chị ra. Tôi quyết định trả tự do cho chị. Tôi không có một bằng chứng nào về sự phạm pháp của chị. Tuyệt đối không. Cả ông già chị cũng được trả tự do. Sẽ được phép mở lại quán. Nhưng chị phải khai tất cả những gì chị biết. Tất cả. Không được giấu gì hết.

– Thưa, tôi biết chồng tôi đi làm nhà băng. Đi làm như vậy đâu có phạm pháp.

– Chị có biết hay không... rằng chồng chị ở nhà ra đi vào khoảng bốn đến năm giờ sáng? Chính nó đã nhận chuyện này rồi. Vậy nó đi đâu vào giờ ấy? Bàn giấy của nó ở nhà băng mãi đến tám giờ mới mở cửa.

– Thưa tôi biết anh ấy đi sớm, trước giờ mở cửa. Vì anh ấy cần được yên tĩnh đọc sách trước khi phải làm. Anh ấy học để thành kế toán trưởng. Anh cho hay là ở nhà không học được một chữ. Anh cần có một khung cảnh thích hợp. Chồng tôi như vậy đó. Từ bé, anh ấy không học được, bởi lớp học có mùi hôi thối, hay ám khói hoặc quá lạnh. Trái lại, được ở trong một vườn hoa, ở trong một nơi sạch sẽ và phong cảnh đẹp, anh ấy thuộc bài học rất mau, đọc gì hiểu nấy. Có thể nói là ở trong một khung cảnh ưng ý, chồng tôi là một người khác. Anh ấy như có một đầu óc khác. Ở nhà băng vào buổi sáng, tất cả đều sạch như lau và rất yên tĩnh, anh học một giờ còn hơn học ở nhà, ở quán Mảnh Trăng cả tháng.

– Thế chị có tin không? Chị ngây thơ thực.

– Thưa, tôi đâu có tin. Tôi cho rằng đầu óc của một người ở đâu cũng vậy hết. Đầu óc mà sáng suốt thì ở ngoài đường cũng sáng suốt như ở nhà; đầu óc mà ngu đần thì ở đâu cũng ngu đần. Tôi nghĩ như vậy. Bố tôi cũng nghĩ như tôi. Nhưng tôi không cãi lại. Anh ấy đi làm sớm hay muộn, đối với tôi, chẳng có gì quan trọng. Anh ấy đi làm sớm có hại gì cho tôi đâu? Tôi cũng biết chồng tôi có tính dở người kỳ cục. Nhưng anh ấy chăm làm, đàng hoàng, thẳng thắn và trung thành. Tuy vậy, sống với anh ấy bực lắm vì anh khác hẳn mọi người, không giống ai hết. Anh ấy như sống trên mây, trong một thế giới khác.

– Sống với y như vậy chị có bao giờ nghi hắn phạm tội sát nhân không?

– Thưa không! Nếu tôi nắm được bằng chứng Panselin giết người, tôi sẽ phỉ nhổ y ngay. Tôi sẽ ly dị ngay, sẽ không coi y là chồng nữa.

– Chị chưa tin cảnh sát hay sao?

– Thưa phải.

– Panselin đã bị bắt quả tang phạm pháp, vậy mà chị vẫn không chịu tin. Vì sao?

– Thưa, tôi không thể tưởng tượng được chuyện một người đóng cái đinh không xong, mở nút chai còn lóng ngóng, lại có thể đục thủng tủ sắt. Không thể được. Anh ấy quả thực là vụng về.

– Cũng có thể không phải y là người đục tủ sắt, nhưng y có chân trong đảng cướp. Y nhận những công việc khác. Y đi dò đường, đột nhập các nhà băng. Y mở cửa. Y giết những người gác đêm. Và chắc chắn là y giấu tiền cướp được ở quán Mảnh Trăng. Giấu tiền ở đó là chuyện quá dễ, con nít cũng làm được. Chúng tôi muốn chị giúp cảnh sát thu hồi số tiền, giấu trong quán Mảnh Trăng hoặc ở quanh quẩn đâu đó.

– Thưa, chuyện này tôi chẳng biết gì hết.

– Chồng chị có nhiều tiền không?

– Thưa không.

– Có khi nào y làm cho chị có cảm tưởng là y có khá nhiều tiền hay không? Chị là vợ y, nếu để ý chắc chị sẽ bắt chợt được những chi tiết có ý nghĩa. Đại để như trong túi y có một tờ hóa đơn mua hàng, như y mới có một cái cà vạt thực đẹp, một khăn quàng cổ hay một đồ vật đáng giá chẳng hạn?

Kyria tái mặt. Nàng mất dần tự tin. Và bắt đầu run. Nàng nhớ lại vài chuyện lẽ ra phải chú ý tìm hiểu ngay lúc bấy giờ mới phải. Có một lần Kyria thấy chồng có một hộp đựng thuốc hút bằng vàng không một ai ở khu Mảnh Trăng này có nổi. Nàng có

hỏi đồ của ai. Panselin đã trả lời là đồ người ta cho mượn. Nàng cũng đã hỏi tiếp là ai cho mượn, tại sao người ta lại cho mượn và Panselin không hút thuốc thì mượn để làm gì? Chồng nàng đã giải thích theo cách riêng của anh ta. Người có cái hộp là ông chủ của Panselin. Vì hộp quá đẹp cho nên anh Panselin thường hay chờ ông chủ lấy hộp ra là ngắm nghía, trầm trồ chiêm ngưỡng. Biết được việc này, ông chủ rất khoái chí vì Panselin biết thưởng thức cái đẹp và nhân lúc cao hứng, ông ta cho y mượn chơi hai mươi bốn giờ cho thỏa thích nhưng căn dặn phải giữ cho cẩn thận. Ông ta bảo với Panselin: «Chú mày phải coi chừng đấy, nếu đánh mất, chú đi làm năm năm cũng chưa đủ tiền đền». Panselin đã đem về nhà chơi suốt hai mươi bốn tiếng như trẻ con, rồi đem trả cho chủ. Nhưng y đã tỏ ra sung sướng khi có hộp thuốc lá ấy.

Filothéa đã không khai với cảnh sát vụ này. Nhưng nàng rất đau khổ, vì thấy mình đã bị đánh lừa, bị mê hoặc. Lúc bấy giờ, nàng đã tin Panselin tuy không ưa tính trẻ con của chồng. Bây giờ nàng mới hiểu chuyện mượn hộp thuốc lá chỉ là chuyện bịa. Cái hộp thuốc lá kia là đồ ăn trộm. Nàng tự trách mình đã để cho chồng bịp dễ dàng quá. Lẽ ra, Kyria phải biết ngay rằng đấy là đồ trộm được mới phải.

Nhưng Kyria vẫn chối:

— Thưa, tôi chưa bao giờ thấy chồng tôi có gì quí báu.

Đang chối, Kyria bỗng sực nhớ đến một chuyện khác và giận đến run cả người, mặt đỏ gay.

— Chị ráng nhớ lại coi. Chuyện này quan trọng lắm. Cố lên!

– Có một lần lúc đi làm về, chồng tôi đeo một cái nhẫn nạm một viên ngọc quí. Cái nhẫn này không phải tầm thường. Nó phải là thứ nhẫn của vua chúa, giá chắc phải đắt lắm. Không cần phải sành sỏi cũng biết được giá trị của nó. Panselin bảo là một ông khách của nhà băng giao cho anh ấy giữ đến sáng mai. Anh ấy kể là ông khách đã bảo với ảnh rằng: « Tôi thấy chú tỏ ra sung sướng nếu được đeo cái nhẫn này. Tôi cho chú giữ đeo đến sáng mai nhưng phải giữ cẩn thận vì giá của nó bằng cả một gia tài lớn ». Lúc bấy giờ tôi có nói với anh rằng: « Anh có điên không đấy ? Mất cái cà rá này anh có sống được không ? » Và tôi đã giữ lại. Tôi lấy mù soa gói lại và cất kỹ vào tủ khóa trái lại. Sáng hôm sau, tôi đã trả lại cho anh ấy và dặn phải trả ngay lại cho chủ nó khi đến sở. Tôi căn dặn anh ấy đừng có chơi dại như vậy nữa.

Đại tá Prétorian khai thác ngay Kyria:

– Chồng chị đã nói dối chị một cách láo xược vì coi thường chị. Y đã trộm được cái nhẫn ấy. Tôi cam đoan rằng sáng hôm sau y đã đem bán nó để lấy tiền. Y nói dối với chị vì không tin chị. Không tin vì không yêu. Khi yêu ai, ta sẽ nói hết tất cả với người ta yêu. Panselin toàn dựng đứng ra chuyện bịa, ai cũng biết là bá láp để nói với chị. Vậy mà chị cũng tin được. Tội nghiệp cho chị !

Kyria khóc tấm tức.

– Chị biết nó trong trường hợp nào khác ?

– Thưa, ảnh trọ ở nhà tôi. Anh thuê một căn phòng nhỏ cửa mở về phía sân trong. Anh ấy yêu tôi. Và xin cưới. Tôi bằng lòng. Chỉ có thế thôi.

— Chị có biết gia đình nó không ?

— Anh ấy không có gia đình. Anh bảo là có ông già còn sống nhưng anh không biết ông ở đâu. Anh ấy xa bố từ bé.

— Panselin là sinh viên khi xuống khu Mảnh Trăng thuê phòng. Nó có giải thích vì sao một sinh viên lại xuống tận khu Mảnh Trăng thuê phòng không ?

— Anh ấy bảo là quá nghèo và cho rằng ở khu Mảnh Trăng giá thuê phòng rẻ hơn trên phố nhiều. Anh nói như vậy. Nhưng bây giờ tôi không tin nữa.

— Thôi được. Bây giờ tôi sẽ cho xe chở chị về. Chị được tự do. Ông già chị cũng vậy. Nhưng cả hai cha con phải cho cảnh sát biết những tin tức mới đó, nghe chưa ?

— Thưa vâng.

Đại tá cảnh sát trưởng bắt tay Kyria. Ông ta tin chắc là từ nay, ông sẽ có một « đồng minh » ở khu Mảnh Trăng. Vì Kyria đã đau khổ. Nàng không còn là người vợ can đảm, thẳng thắn và sẵn sàng chiến đấu, đã ngẩng mặt lên khi bước vào văn phòng cảnh sát trưởng. Nàng chỉ là một người vợ bị chồng lừa, bị tình phụ. Nàng tin chắc là cái hộp đựng thuốc hút và cái nhẫn quý đều là đồ ăn trộm. Nàng đã bị thuyết phục và đã tin rằng cảnh sát không lầm về việc làm của chồng nàng. Panselin chồng nàng, đúng là tên cướp của giết người mà cảnh sát đã truy nã bấy lâu nay.

Kyria Filothéa khóc. Nàng vừa được biết điều nàng hoàn toàn không hay từ trước đến nay là chồng

nàng ăn cướp, giết người. Nhưng không phải vì thế mà nàng khóc và cảm thấy tuyệt vọng chán chường. Không phải ! Kyria khóc vì chồng nàng đã giấu không cho nàng biết gì hết về chàng, Panselin có hàng trăm triệu, nhưng anh không sắm cho nàng, vợ anh gì hết, kể cả một cành trăm cài tóc chừng hai xu cũng không nốt. Panselin không yêu nàng. Không hề yêu nàng. Nàng không là gì hết đối với anh... Panselin có đời sống riêng mà nàng không được tham dự. Nàng đã bị gạt ra ngoài.

Nước mắt chảy dàn dụa trên má Kyria khi nàng dước xuống cầu thang lát đá của trụ sở cảnh sát. Nàng là người vợ bị đọa đày. Giá Panselin chia sẻ với nàng các bí mật, nàng sẵn sàng chia sẻ nguy cơ với anh, vì Kyria yêu anh. Nàng có thể hy sinh mạng sống cho Panselin. Có thể là người đồng lõa trung thành nhất của anh. Là phụ tá. Là nô lệ. Là người cận vệ. Là tất cả. Nhưng anh lại giấu nàng tất cả. Anh sống đời sống riêng của anh, không có nàng tham dự. Một mình. Anh có một tài sản kết sù mà không có nàng. Anh có một đời sống riêng, những hiểm nguy riêng. Anh có, những ước mơ riêng, có một đời sống một vũ trụ riêng mà nàng vắng mặt. Với anh, Kyria như không có. Đấy là nỗi buồn ghê gớm mà người đàn bà đang yêu phải chịu. Vì anh đã lừa đã gạt nàng ra khỏi đời sống. Nàng sẽ trả thù. Nàng sẽ hợp tác với cảnh sát, vì anh đáng bị trừng phạt. Anh sẽ bị trừng trị. Không phải vì anh giết người. Không phải vì anh cướp của. Mà vì anh đã lừa dối nàng, vợ anh.

Kyria khóc trên con đường về quán Mảnh Trăng. Những « con vi trùng » đợi nàng về để mua thuốc hút,

rượu, bánh thấy Kyria như nhỏ hơn, gầy guộc hơn và già hơn. Nàng khác hẳn đi đến nỗi mọi người suýt nhận không ra nữa. Trong vòng có hai giờ Kyria đã thay đổi quá nhiều về mặt thể xác. Vết thương trong lòng đau đớn gấp trăm lần, vết thương do dao đâm ngoài da, vì thịt da chỉ là y phục, là áo quần che thân.

∴

10.

Bí mật của cuộc hôn nhân Panselin-Filothéa

Trong khi đại tá Prétorian hỏi cung Filothéa thì đại tá Argat hỏi cung Kyr Christaky trong phòng bên cạnh.

Công việc nầy thực nặng nhọc. Cảnh sát biết rõ là không thể bắt được Kyr khai, nếu lão không muốn. Kyr mà không ưng trả lời thì có tra tấn bằng những dụng cụ tối tân nhất cũng vô ích. Có chết lão cũng không hé môi. Bản chất của người Pinde là không bao giờ đầu hàng. Người La mã – đã từng bắt cả thế giới quy phục – cũng không bắt được dân Pinde đầu hàng. Bị xiềng xích, họ sẽ cắn xích để thoát và chết với xương quai hàm gẫy nát. Không thể nào giam hãm được người Pinde. Họ sẽ tẩu thoát vào cõi chết, nếu không có cách tẩu thoát. Khi bị thẩm vấn, hai tay bị trói. người Pinde thường đập đầu tự sát. Có thể nói rằng dân Pinde có sạn trong đầu. Chỉ có thể khuất phục họ bằng mưu mô và thủ đoạn mà thôi.

Đại tá Argat trưởng phòng hình sự xét giấy tờ của Kyr Christaky. Lão Kyr ra đời tại một vùng núi gần Agrapha. Mười hai tuổi lão đã một mình ra đi, đến đây lập nghiệp. Đi bộ. Núi non ở quê hương lão Kyr

trước kia được người Hy lạp dâng cho các tiên thánh và thần Apollo. Bởi vậy, người Pinde đã được gọi là « nô bộc của tiên thánh ». Về sau, người Thổ gọi họ là Arnautzi. Còn họ thì tự xưng là Skypetars hay dân sơn cước.

Trong nhiều thế kỷ bị Thổ nhĩ kỳ đô hộ, phương cách mưu sinh duy nhất của người Pinde là làm lính đánh thuê cho vua Thổ. Họ là những chiến sĩ bách thắng của quân đội Thổ.

Suốt trong trường kỳ lịch sử của họ, nếu không được theo đòi nghiệp mục đồng của thần Orphée, người Pinde chỉ có đi lính hoặc làm đạo tặc. Nếu không đi lính và cũng không làm đạo tặc, họ sẽ đi buôn, như Kyr Christaky. Họ « vô » tiền một cách say mê không bờ bến. Sự say mê tiền bạc như ngọn lửa đốt cháy tâm can họ. Cuối cùng, nếu không được làm lính đánh mướn, không thể làm đạo tặc, không thể làm cả lái buôn, người Pinde sẽ đi tu, sẽ trở thành những giáo sĩ, những nhà khổ tu. Nghĩa là khi, người Pinde không vượt nổi những trở lực quá lớn không cho phép họ sống ở đời với tất cả đam mê sống, họ sẽ quyết liệt từ bỏ đời sống, dứt khoát quay lưng lại cuộc đời. Dứt khoát từ bỏ chính cuộc sống của họ. Họ thờ phụng vật chất nhưng cũng có thể thù ghét vật chất một cách mãnh liệt không kém. Chiến đấu cho cuộc đời hay chống lại cuộc đời, người Pinde đều nhiệt thành. Họ chạy theo hay chống lại vật chất cũng một sự say mê man rợ của họ. Một là theo, hai là chống lại. Lòng nhiệt thành của họ không hề đổi thay, dù họ là lính, là lái buôn hay tu sĩ.

Có thể nói người Pinde là những con người tuyệt đối, tinh khiết. Họ không biết đến cái Đẹp mà chỉ biết

có cái Tuyệt đỉnh. Lòng tin Chính thống của họ phủ nhận nguyên tắc ăn năn sám hối của Giáo hội La mã. Họ thấy rõ thiên đường và hỏa ngục, nhưng không tưởng tượng được chuyện có thể ăn năn tội lỗi để được lên thiên đường Bản chất tuyệt đối đã làm cho người Pinde chỉ có hai đường : đường trở thành thánh nhân và đường trở thành quỉ dữ. Người Pinde giống loài hải âu có đôi cánh quá lớn không thể đi bình thường trên đất. Phải tự dứt đứt đôi cánh khi nó muốn đi lại như loài gà. Mọi người Pinde đều giống như nhà hiền triết của sắc tộc họ trong huyền thoại Pinde, đã tự mình chọc mù mắt vì không muốn bị phân tâm vì ngoại cảnh.

Đại tá Argat hỏi Kyr :

– Lão có biết rõ Panselin không ?

Kyr Christaky phản ứng ngay :

– Tôi có thể đem con gái gả cho một người mà mình không biết gì hết hay sao ? Cố nhiên, tôi phải biết Panselin chớ !

Kyr phục sức đúng hệt như phục sức của một Arnautzi. Nghĩa là chỉ có đay len thô và da. Màu sắc, chỉ có đen và trắng. Sơ mi trắng quần đen, thắt lưng rộng bản đen, « bốt » đen.

Argat bắt lấy lời khai :

– Điều lão vừa khai rất quan trọng. Lão tuyên bố là có liên hệ mật thiết với chàng rể. Bộ lão không biết hắn là một tên sát nhân, một đứa ăn cướp hay sao ? Vậy mà lão còn khai là biết các hành động của nó.

– Tôi biết những gì mà một ông bố phải biết về chồng của đứa con gái, và là con một của mình.

– Tôi cũng hiểu là lão đau lòng lắm khi biết chàng rể lão đang ăn nhờ ở đậu nơi nhà bố vợ, lại là một kẻ đã phạm tội giết nhiều người, cướp nhiều vụ. Nhưng lão là người lớn, lão đâu có thể gục ngã như vậy được? Lão có thấy Panselin có nhiều tiền không?

– Nó chỉ có trên răng dưới đế... Chỉ có tôi có tiền mà thôi, nó chẳng có gì hết.

– Số tiền cướp được của bảy nhà băng tất cả đâu có ít. Dù đảng cướp của nó đông cách mấy, phần của Panselin cũng lớn ghê gớm. Có thể nói Panselin là một tay đại phú gia. Chẳng lẽ nó không mua sắm qua một vật gì đắt tiền hay sao?

– Nó chẳng mua sắm gì hết. Cả quần «xà loỏn» của nó mặc cũng do bố con tôi may cho nó.

– Các cụ có nói là «tiền bạc không có mùi vị». Tôi cũng nghĩ như vậy. Tuy nhiên, khi sống chung trong một nhà, ăn cùng mâm, nằm cùng chiếu với một chàng rể giàu ghê gớm như Panselin – vì nó có hàng trăm triệu thực, người ta vẫn cảm thấy được cái giàu có của nó, mặc dù nó cố giấu. Có thể nó không mua sắm gì hết, có thể nó không có một xu dính túi và cố giữ tác phong của người không có tiền, người ta vẫn cảm được, thấy được cái giàu có của nó. Vì dù sao nó vẫn có một vài cử chỉ để lộ ra sự giàu có...

– Tôi chẳng thấy gì hết, chẳng cảm được gì hết.

– Còn vợ nó thì sao?

– Vợ nó cũng không cảm thấy gì hết.

Argat lắc đầu:

– Một người có tiền, như Panselin, phải có một cái gì đó nơi tác phong phản ảnh sự giàu sang của y.

Người giàu và người nghèo khác nhau lắm. Người giàu như thuộc một giống người khác với người nghèo. Những người đàn bà bị thầm cung ở đây đã nói với tôi điều này đến hàng trăm lần, hàng ngàn lần. Vì người đàn bà cảm thấy được người đàn ông giàu hay nghèo ngay. Một người đàn ông có một kho tàng sẽ mang theo kho tàng ấy trong da thịt, trong ánh mắt nụ cười, dù y muốn giấu kín – và đã chôn giấu – kho tàng ấy. Và da thịt ánh mắt, nụ cười của đàn bà sẽ cảm thấy được sự giàu có của người đàn ông sống gần gũi. Một vài người đàn bà còn quả quyết rằng một người đàn ông bỗng nhiên trở nên giàu có tiền bạc cũng sẽ có một sinh lực dồi dào hơn, yêu đương nồng nhiệt hơn, có duyên hơn và thông minh hơn. Lão có nhớ chuyện ông mục sư Do thái thường đi vay một ngàn bạc trước khi lên tòa giảng rồi trả lại khi giảng xong không? Vì có tiền trong túi, tài hùng biện của ông ta lại tăng thêm hay không? Tôi đã được nghe giảng rằng bác sĩ Faust trong chuyện thần thoại trẻ lại không phải vì ký được hiệp ước với Sa tăng mà vì ông ta kiếm ra công thức chế tạo vàng. Cố nhiên sự trẻ lại này không kéo dài. Nó cũng như những tia lửa lóe ra rồi tắt. Vàng đụng với người sẽ tóe ra lửa. Nhưng dù sao cũng đã có một sự cải lão hoàn đồng. Vậy mà lão không thấy nơi thằng rể đã cướp bảy ngân hàng và đem của cướp được đi giấu, có thể giấu trong nhà lão không chừng, có một thay đổi nào hay sao?

– Chúng tôi, cả tôi và con gái tôi, chẳng thấy gì hết.

– Vậy thì nó giấu ở đâu? Lão có nghĩ là nó giấu ở quán Mảnh Trăng không?

– Tôi chịu, không biết được.

– Thôi được, lần sau ta nói chuyện lại. Còn nhiều thì giờ mà. Bây giờ bàn chuyện khác vậy. Tại sao một người Pinde như lão lại đem con gái gả cho một người lạ? Tôi nhớ là luật lệ ở quê lão bắt dân Pinde phải lấy nhau, không được lấy người lạ mà?

Kyr Christaki trả lời nhát gừng, khô khan:

– Phải, có tục ấy thực.

– Người ta cho tôi hay là ở quê lão, trai gái một làng phải lấy nhau, không được lấy người khác làng. Con trai làng bên cạnh còn bị coi là người lạ. Vậy lão sẽ giải thích sao khi gả con gái cho một người không phải là dân Skypetar? Ở Pinde chưa một cuộc hôn nhân nào như vậy cả. Vậy lão chắc phải có lý do quan trọng lắm mới dám dẹp tập tục qua một bên chứ?

– Phải, tôi có những lý do của tôi.

– Lão cho biết lý do ấy đi.

– Tại sao tôi phải khai với ông? Đây là việc riêng, việc gia đình tôi. Có can cớ gì đến cảnh sát đâu?

– Có can lắm chứ! Một người Pinde đem gả con cho một người lạ là một điều cần phải tìm hiểu đối với cảnh sát. Tôi có quyền nghi rằng giữa lão và Panselin có những liên quan mật thiết và quan trọng đến độ lão dám dẹp cả tập tục đi. Thí dụ như tương quan giữa những người cùng dính líu với nhau trong tội ác chẳng hạn. Có vậy lão mới gả con gái cho Panselin.

– Quỷ sứ có hỏi con Filothéa tôi cũng gả, huống chi Panselin. Con gái tôi đã «băm đi băm lại» mãi rồi, tôi đâu có chọn lựa nổi. Tôi phải gả nó gấp. Ai hỏi cũng gả hết. Con gái tôi phải gả chồng; tôi không thể để cho nó phải tủi hổ vì không có chồng. Mặt khác, sống ở khu Mảnh Trăng, chúng tôi không thể giữ đúng

tục lệ của cha ông được; vả chăng, ở đây có rể là người Pinde hay không chẳng có quan hệ gì. Trong khi ấy, gả con cho Panselin, tôi còn bắt được nó ở rể. Chàng rể ở nhà tôi sẽ phải nghe theo tôi, không thể lộn xộn được. Nghĩa là Filothéa chẳng phải lo sợ gì hết. Chồng nó qua mặt tôi sao nổi? Nó sẽ phải đi theo con đường tôi vạch ra cho nó.

— Và chàng rể đã đi đúng con đường do lão vạch cho nó rồi phải không?

— Có phải ông muốn nói rằng tôi đã biến nó thành một tên cướp của giết người phải không? Ông muốn xuyên tạc lời nói của tôi để buộc tội tôi chứ gì? Xin cứ việc làm đi, cây ngay đâu có sợ chết đứng?

— Đừng có nổi nóng chứ! Tôi chỉ muốn cho lão hay là lão đừng có tự ái xằng và tự tố cáo mình là «xếp» và người tạo cảm hứng cho tên găng tơ. Rõ ràng có phải lão vừa nói như vậy không nào? Này nhé lão bảo là Panselin chỉ làm những việc mà lão ra lệnh cho y làm. Nó đã cướp bảy nhà băng xong. Hành động của nó như vậy đó. Vậy mà lão lại đòi hỏi chủ quyền những hành động ấy sao... Cố nhiên sự thực không phải như vậy. Tôi biết lão xác nhận liều những điều trên chỉ vì lòng tự ái của ông bố vợ, vì lòng tự hào của người Pinde. Bởi vậy, tôi sẽ không buộc lão gì hết và cũng không ghi lời của lão vào biên bản. Tôi tin chắc là lão không biết gì hết về tội ác của thằng rể.

Tôi nghĩ là việc này quả là một mối đại bất hạnh đối với lão, Có thể nói rằng lão và con gái lão đều là nạn nhân của Panselin, nạn nhân trước mọi người. Nó đã bịp lão và tạo nên một «xì căng đan» làm cho lão mang tiếng. Có điều lạ là tại sao con gái lão lại

đụng Panselin nhỉ? Khu Mảnh Trăng đâu phải là nơi sinh viên hay lui tới, con gái lão cũng đâu có quen thuộc gì nhiều ở khu đại học? Như vậy làm sao chúng nó quen nhau được? Lão quen Panselin trước hay nó biết thằng này trước lão?

– Cả hai cha con tôi cùng biết nó một lần.

– Lạ nhỉ? Lão có cho tôi biết rõ chuyện này hơn nữa không? Chả giấu gì lão, chúng tôi không thể không tình nghi khi thấy tên ăn cướp này lại ngụ ở khu Mảnh Trăng. Không thể không nghi được. Hai cha con, ai quen Panselin trước? Nói thiệt là nếu lão dắt Panselin về gả con gái cho nó và dẹp cả tục lệ của cha ông thì cảnh sát bắt buộc phải nghi rằng giữa lão và Panselin, phải có những liên hệ bí mật.

– Hai cha con tôi cùng biết nó một lúc. Tôi xin trình bày để ông hiểu cho rằng từ khi nhà tôi qua đời, hai cha con tôi không hề rời nhau.

– Bà vợ lão qua đời lâu chưa?

– Vợ tôi mất khi con Filothéa mới có bốn tháng. Bởi vậy tôi không những là bố mà còn là mẹ của nó. Và là vú em nữa. Chính tôi đã dạy nó nói. Lúc ấy, tôi không biết nên dạy nó gọi tôi là bố hay mẹ nữa, vì tôi là cả hai người. Bởi vậy nó đã gọi tôi là « má-ba ». Thưa tôi phải trình như vậy ông mới hiểu rõ được tiền nhân hậu quả rõ ràng. Filothéa đã lớn lên dưới mắt tôi. Rồi trở thành bạn đồng sự, bạn thân ngoài tư cách là con, con gái và con trai của tôi. Chúng tôi không bao giờ rời nhau nên cùng biết Panselin một lần, tại quán của tôi.

– Panselin ngụ ở khu ấy sao?

– Không phải! Lúc bấy giờ, nó mới có ý định mà thôi. Vào một buổi sáng cách đây hai năm, quán chưa

có khách, chỉ có tôi đang chiết rượu vào chai và Filothéa đang tính sổ thì có một thanh niên vào quán. Nhìn cách mở và đóng cửa sau khi bước vào, nhìn cung cách của y lúc lại quầy hàng và chào hỏi, chúng tôi biết ngay y là người trên phố xuống. Chúng tôi biết ngay y không ở khu Mảnh Trăng, mặc dù quần áo giày dép của y cũng chẳng khác gì quần áo của tụi thanh niên ở đây. Áo quần y rách như tổ đĩa. Y phải nghèo lắm vì lớp da mặt tai tái của y cũng chẳng khác gì tụi nhỏ ở đây. Rõ ràng y thiếu ăn, tóc tai bờm xờm, mệt mỏi cực độ. Nghĩa là y cũng là một con vi trùng chính hiệu, như mọi người ở khu Mảnh Trăng này.

Con gái tôi đã hỏi y :

– Thưa ông dùng gì ?

– Thưa, cảm ơn. Tôi chỉ cần biết một nguồn tin.

Nghe câu trả lời lạ tai, tôi mới ngẩng mặt lên nhìn nó lần đầu. Vì từ khi mở quán đến nay, tôi mới nghe một người khách hỏi một nguồn tin.

Argat Cò lắc đầu :

– Lào nói thế nào đấy chứ ? Chẳng lẽ không có lấy một người cần hỏi thăm về bến tàu điện ở đâu hay hỏi thăm người nhà người này người kia, từ khi lào mở quán hay sao ?

– Thưa đúng như vậy đó. Người ta hay hỏi chúng tôi về bến tàu điện, hỏi nhà người quen nhưng hỏi thẳng ngay vào điều họ muốn biết. Đằng này Panselin lại không hỏi thẳng hoặc đường đi đến công xưởng hoặc địa chỉ một con vi trùng... Nó lại hỏi một nguồn tin. Lối hỏi như vậy nghe chói tai lắm. Vì chúng tôi quen hỏi thẳng, không mất công « nói vòng vo Tam

quốc», hỏi một nguồn tin Filothéa cũng ngạc nhiên như tôi vậy. Nó bèn hỏi lại một lần nữa.

– Thưa, thầy Hai cần dùng chi?

– Thưa cảm ơn, tôi không khát. Tôi muốn xin cô cho biết về một nguồn tin...

– Thưa thầy Hai, một gì... ạ? Filothéa khá thông minh, nhưng nó chỉ biết có công việc của nó mà thôi. Khi nghe nói «nguồn tin» nó vội đưa mắt nhìn vào những thức mà chúng tôi có bán, theo phản ứng tự nhiên của người bán quán. Người bán quán suy nghĩ như vậy đó. Nên mới không hiểu ngay, nhưng sẽ hiểu ra sau đó một vài phút. Filothéa đã đỏ mặt vì ngượng rồi nó nói tiếp: «À tôi hiểu rồi. Thầy Hai cần một nguồn tin... Tin gì thế, thưa thầy?».

– Thưa, ở khu Mảnh Trăng này, có chỗ nào có phòng cho thuê không? Tôi còn học ở đại học nên cần có một cái phòng, tiền thuê thực rẻ. Người ta cho biết rằng ở khu Mảnh Trăng này có nhiều phòng cho thuê giá thấp hơn ở những khu khác nhiều lắm...

– Thưa, phòng cho thuê. Ở đây thợ thuyền vào ở công xưởng thuê hết sạch từ lâu rồi. Con Filothéa đáp lại như vậy với giọng nói rất dịu dàng.

Rồi nó ngó Panselin chăm chắm. Nó cũng như bây giờ vậy; các ông cũng thấy rồi đó. Không biết các ông nghĩ sao chứ tôi, tôi thấy khuôn mặt Panselin có một vẻ đẹp lôi cuốn cảm tình mọi người khi mới nhìn thấy nó. Ánh mắt nó có một cái gì như khờ khạo và thành thực. Tóc nó vàng óng ánh, mắt xanh biếc. Con gái tôi tỏ ra ngưỡng mộ nó thực sự. Nó khoái Panselin ra mặt. Cố nhiên, Filothéa không bao giờ dám mơ tưởng được một người như Panselin yêu thương. Vì nó đủ thực tế để biết mình biết người. Nó chỉ muốn

giúp đỡ Panselin cho được việc mà thôi. Nó muốn giúp đỡ Panselin vì lý do duy nhất là thằng nhỏ này đẹp trai, trẻ tuổi và lễ phép, lịch sự, khác hẳn bọn con trai ở khu Mảnh Trăng nó gặp hàng ngày. Có thể nói là con nhỏ đã bị Panselin chinh phục vì nó ở một nơi xa lạ mới đến đây. Nó từ cái thế giới mà con nhỏ nhà tôi mơ tưởng đến đây. Con người ta thường mơ tưởng đến một nơi xa lạ. Mà đối với người ở khu Mảnh Trăng chúng tôi, nơi xa lạ ấy là « trên phố ».

Thế rồi chẳng nói gì hết với tôi, chẳng xin phép tôi nữa, nó bảo Panselin rằng:

– Nhà chúng tôi còn một phòng xép. Nó bé tý xíu và tầm thường lắm, ngoảnh mặt ra sân sau. Trước đây chúng tôi vẫn cho thợ ở xưởng thuê. Nhưng họ ăn cắp gà, ăn cắp trứng dữ quá. Cho nên ông già không cho thuê nữa vì ông bảo để không còn lợi hơn. Vì tiền thuê nhà còn nhỏ hơn tiền gà và trứng bị mất... Có điều căn phòng này không xứng để cho một sinh viên như thầy Hai ở. Đấy là phòng cho thợ thuê mà.

– Thôi, sinh viên thì nước gì. Thú thực với cô, tôi mong được như thợ ở công xưởng, vì họ làm ra tiền. Họ có lương tháng. So với sinh viên không có lương, thợ thuyền là những nhà tư bản... Như tôi chẳng hạn, ban đêm tôi chỉ làm việc có vài giờ để kiếm tiền ăn, tiền phòng và tiền tàu điện. Số tiền tôi kiếm được đâu có nghĩa lý gì so với lương của thợ thuyền.

Lúc này, Filothéa cảm thấy thương hại và mến Panselin khi nghe hắn nói. Thế là Panselin thuê gian phòng chứa đồ nhà tôi. Giá cho thuê cũng ngang với giá cho thuê trước kia. Panselin có vẻ bằng lòng lắm. Filothéa cũng vậy. Kể từ ngày Panselin đến thuê

phòng con nhỏ nhà tôi bỗng trở nên duyên dáng hơn, nhất là khỏe mạnh hơn. Có thể nói là nó đẹp hơn. Trước kia, gò má nó thường xanh xao ốm yếu, nhưng từ khi Panselin đến ở trọ, nó trở nên hồng hào tươi tỉnh hơn. Tội cũng thế, cũng bằng lòng vì con nhỏ nhà tôi bằng lòng. Nói cho ngay, thằng nhỏ hơi rụt rè nhưng rất đàng hoàng. Vả lại điều tôi khoái nó nhứt là nó khác hẳn đám vi trùng ở đây. Cũng có thể nó không đẹp trai và thông minh xuất chúng như chúng tôi đã tưởng. Nhưng so với đám vi trùng ở đây, Panselin quả thực xuất chúng. Nguyên một việc sáng nào nó cũng đánh giày đã khác hẳn với chúng tôi rồi. Rồi nó ra sân tắm rửa, cũng ở ngoài sàn, với xà bông và rất nhiều nước, thân mình ở trần rất đẹp. Kể cả những ngày lạnh cóng, Panselin cũng vẫn ra sân tắm rửa. Đám vi trùng ở đây, vốn lãnh đạm với tất cả mọi việc ở trên đời, cũng phải dừng lại ngắm nó đánh giày, tắm rửa. Phải công nhận rằng nhìn Panselin tắm rửa là một cái thú. Sáng, đánh răng thật kỹ. Tối về lại giặt sơ mi để mai mặc vì nó chỉ có một chiếc mà thôi. Nhưng sơ mi của nó luôn luôn sạch sẽ trắng bong. Sáng nào nó cũng cạo mặt, trong khi dân chúng ở đây chỉ cạo mặt ngày chủ nhựt, còn lớp già một năm chỉ cạo một lần. Mỗi khi ra đường, Panselin chào hỏi mọi người, bất kể quen hay lạ bằng cách giở cái nón vành hẹp lên. Panselin ăn rất ít, nó chỉ nhấm nháp cho gọi là có ăn mà thôi vì nó đâu có đủ tiền để ăn uống cho no đủ. Có khi nó còn không có tiền mua vé tàu điện nên phải lội bộ đi làm và trở về.

Con gái tôi mơ ước từ lâu – nhưng chỉ ước mơ thầm kín – có một tấm chồng như Panselin. Đây là một chuyện thường tình. Nhưng nó cũng thừa biết rằng đấy chỉ là ảo vọng mà thôi mặc dù Panselin

nghèo đến lỗ đít trong khi chúng tôi có tiền. Nhưng sau khi học thành tài, Panselin sẽ kiếm được tiền và sẽ cưới được một cô vợ cùng trang lứa.

Nhưng rồi số mạng đã đảo lộn tất cả. Một hôm, Panselin không dậy đi làm. Hôm sau cũng vậy. Không thể để nó chết mà không cứu. Nhứt là khi nó lại là khách thuê nhà, chúng tôi đâu có thể để cho nó chết, đâu có thể để cho chuột gặm xác nó và hiến binh đâu có để yên. Mà chuột ở đấy thì ghê gớm lắm. Xác chết chưa kịp lạnh là chúng đã nhào ra gặm vành tai, móc mắt ăn. Bao giờ cũng phải có người gác xác chết. Bởi vậy tôi bèn sai Filothéa vào phòng Panselin xem sao. Nó vào thấy thằng bé nằm liệt giường. Nó liền nấu nước, nấu cháo rồi kiếm thuốc « ký ninh », pha sữa cho Panselin. Nó còn hỏi Panselin có cần thầy thuốc không để nó đi mời. Nó khóc sướt mướt vì chúng tôi đều nghĩ rằng Panselin khó lòng qua khỏi. Panselin khỏe mạnh thực ; nhưng nó ăn không đủ no mà lại làm việc rất nhiều, ngủ rất ít. Bởi thế khi ngã bệnh là nguy ngay. Vì nó không đủ sức để chống lại các cơn sốt hành hạ. Filothéa đã tận tình săn sóc Panselin, không nề hà gì hết. Nó giặt quần áo, chăn màn cho Panselin. Nó giúp thằng bé cắt tóc cạo mặt. Suốt ngày, nó quanh quẩn trong phòng Panselin để mặc bố bán hàng. Tôi không trách móc gì nó hết. Ở vào địa vị nó, tôi cũng sẽ hành động như vậy mà thôi. Chính Chúa đã an bài như vậy. Chính Chúa đã làm cho hai đứa trẻ thuộc hai thế giới khác biệt, xa lạ với nhau hoàn toàn, kết thân với nhau. Nếu thằng bé không ốm, con gái tôi đâu có thân mật gần gũi với nó. Bây giờ thì suốt ngày Filothéa ở trong phòng Panselin. Thằng bé khỏi chết nhưng chưa đi ra ngoài được. Con Filothéa

ngày nào cũng ở trong phòng Panselin đến nửa đêm, có khi còn quá nữa. Việc dễ hiểu quá mà. Một số bộ lạc ở châu Á có tục lệ coi một đôi nam nữ ngồi chung với nhau trong phòng kín trong khoảng hơn một tiếng đồng hồ mà không có người chứng kiến, là vợ chồng. Tôi cũng bảo với Filothéa: « Bây giờ tao coi mày là vợ nó rồi nó ». Con nhỏ đã cúi mặt xuống y như mọi đứa con gái khác khi nghe bố nói đến chuyện chồng con. Nó không nói gì hết, không phản đối. Thế là tôi đi gặp Panselin. Nó đã khỏi nhưng còn xanh xao và gầy lắm. Tôi bảo với nó rằng: « Thầy Hai phải biết là con gái chỉ có một lần... mà thôi. Người nào đã đụng nó một lần là phải giữ lấy luôn ».

Panselin đã trả lời:

— Tôi hiểu. Tôi bằng lòng cưới con gái ông.

— Thầy Hai không lấy cũng không được. Dù không ưa, thầy cũng phải lấy. Tôi cũng hiểu thầy còn trẻ hơn nó nhiều, thầy lại là sinh viên tương lai rực rỡ, thầy có thể lấy một người vợ hơn nó nhiều. Nhưng ở đời có vay có trả, thầy đã phạm lỗi lầm, bây giờ thầy phải trả, phải lấy nó.

Panselin và Filothéa đã lấy nhau như vậy đó. Cả ba chúng tôi đều không bằng lòng, vì cả ba đều ao ước một cái gì khác hơn. Tôi muốn có chàng rể sau này nối được nghiệp tôi và bây giờ giúp đỡ được tôi làm ăn. Con gái tôi muốn có người chồng lấy nó vì yêu đương, không phải chịu lấy vì bị ép buộc trong thế kẹt. Còn Panselin thì muốn có một người vợ xinh xắn có học thức và trẻ hơn vợ nó bây giờ hàng chục tuổi. Nhưng ta phải biết bằng lòng với những gì ta có và cảm ơn Chúa đã không bắt ta khốn khổ hơn.

Kyr Christaki kể đến đây rồi im. Lão đã nói thực khá nhiều nhưng không nói hết về hôn nhân giữa con gái lão và Panselin. Buộc được Panselin lấy Filothéa không dễ dàng và giản dị như lão đã kể. Lão đã phải bố trí một cái bẫy rồi phải mất công dụ Panselin chui vào. Lão còn phải chiến đấu nhiều nữa. Phải bịa ra chuyện Filothéa có bầu và dọa lôi Panselin ra tòa bỏ tù về tội hiếp dâm. Phải dọa nạt, khóc lóc la lối, phải dùng cả mưu mẹo và phải dùng cả đến những biện pháp tàn bạo nữa mới bắt được Panselin lấy Filothéa. Kyr thú nhận :

– Đồng ý là người ta có thể buộc tôi tội đã mưu mô thủ đoạn để buộc Panselin phải lấy Filothéa. Quả có như vậy thực, nhưng cũng không thể trách tôi được. Tôi đã hành động như vậy vì hạnh phúc của con gái tôi, nhân danh một người cha.

– Sau khi lấy nhau, hai đứa có cơm lành canh ngọt không?

– Tốt đẹp hơn cả sự ước mơ của tôi. Panselin xử sự rất lịch sự với tôi và với vợ nó. Tôi đã đề nghị với nó nghỉ làm đêm, đề nghị cho nó vay tiền ăn học rồi sau nầy sẽ trả lại cho tôi khi nó có địa vị. Nhưng Panselin không chịu nhận. Hơn thế nữa, hai tháng sau khi cưới vợ, Panselin đã kiếm việc làm ban ngày. Một việc lắm đàng hoàng. Trước đó, nó làm đêm và đến đại học, học ban ngày, bây giờ ban ngày đi làm ban đêm học thi.

– Nó kiếm được có khá không?

– Nó làm phụ kế toán. Tôi không hỏi nó kiếm được bao nhiêu và vợ nó cũng vậy vì nó không muốn cho biết. Tôi chỉ bắt nó trả đầy đủ tiền ăn tiền ở của hai vợ chồng mà thôi.

Ông Cò ngạc nhiên :

— Lão bắt nó trả tiền ăn tiền ở của hai vợ chồng, của cả vợ nó nữa sao? Bộ lão đánh thuế giường ngủ của con gái lão nữa, hả?

Kyr Christaki điềm nhiên :

— Có người chồng nào mà không phải nuôi vợ? Filothéa bây giờ là vợ nó hơn là con gái tôi. Vậy nó phải bao bọc con bé trước tôi chứ?

Cảnh sát Argat lắc đầu :

— Tôi xin đầu hàng lý lẽ của lão. Nhưng tôi xin nói thực là cái « áp phe » này bẩn thỉu quá, quá sức bẩn, theo ý tôi. Có điều vụ này không quan hệ gì, ta bỏ qua đi để nói chuyện khác. Vậy là lão không hay biết gì hết về việc làm của rể lão thiệt không?

— Quả thực như vậy. Panselin và tôi có khi không nói với nhau một tiếng trong nhiều tuần lễ liền. Vợ nó cũng thế. Không nói không phải vì có xích mích. Mà vì hàng ngày, Panselin ra đi thì hai cha con tôi còn ngủ. Đến tối, khi chúng tôi đóng cửa quán đi ngủ thì Panselin đã ngủ say rồi. Nghĩa là chúng tôi ít có cơ hội để ngồi nói chuyện, tâm tình với nhau.

— Thôi được, bây giờ lão ra về được rồi. Lão được trả tự do. Con gái lão đã về trước rồi. Chúng tôi cũng không đóng cửa quán của lão. Nhưng chúng tôi sẽ kiểm soát lão chặt chẽ. Nếu có tin tức gì về chỗ chôn giấu của cướp được và về chỗ ẩn náu của tụi nó, lão phải báo ngay cho cảnh sát biết. Tôi tin là hiện nay, đồng lõa của Panselin đang lượn quanh quán lão. Có gì lạ lão phải phi báo ngay cho chúng tôi biết. Nhân viên của chúng tôi thường xuyên có mặt tại khu Mảnh Trăng.

Kyr Christaki gật đầu:

– Xin ông cứ tin vào cha con tôi.

Trước khi ra về lão còn hỏi thêm:

– Thưa, người khám phá ra chỗ bọn cướp giấu tiền cướp được có được thưởng không? Có khoản tiền đặc biệt nào dành cho người tìm ra chỗ giấu tiền không ạ?

∴

11.

«Cậu hai Táo tàu» là Panselin, tên cướp.

Ấn bản đặc biệt của các báo, có hình Panselin đăng trên trang nhất, vừa mới tung ra nguồn tin giật gân: *Cảnh sát đã tóm cổ được tên sát nhân đã giết người gác cướp bảy nhà băng* » được vài giờ khi trời cũng chưa đứng bóng.

Chiếc xe hơi bóng lộn của lão Popot giàu sụ đã đến đậu xịch lại trước cửa hành dinh cảnh sát. Chủ nó là chủ nhân đại khách sạn Đông phương, từ trên xe bước xuống. Một tay cầm tờ báo bách khoa lên như chiến binh khoe chiến lợi phẩm, lão nói lớn với nhân viên cảnh sát:

— Tôi biết tên cướp này, biết rõ lắm.

Popot được mời ngay vào văn phòng cảnh sát trưởng.

Lão nói với đại tá Prétorian:

— Thằng ăn cướp này từng là khách hàng của tôi. Thấy ảnh nó tôi nhận ra ngay. Bởi vậy, tôi đến đây làm chứng cho đại tá, nhân danh một công dân tốt. Nó là « cậu hai Táo tàu » bí mật mà chúng tôi tìm mãi vẫn chưa biết được tên tuổi.

Đại tá Prétorian hồ nghi :

– Ông chủ có chắc là mình không lầm hay không?

– Lầm thế nào được? Nó là « cậu Hai Táo tàu » mà. Khách hàng của tôi đều biết nó. Nhân viên chúng tôi cũng vậy.

– Vì sao ông chủ lại gọi nó là « cậu Hai Táo tàu » ?

– Đại tá không biết chuyện này sao? Thế thì lạ thực. Dạo ấy người ta bàn tán dữ về vụ này đến nỗi báo chí cũng phải nói đến mà. Chuyện xảy ra chưa đầy hai năm mà...

– Phiền ông chủ nhắc lại cho có mạch lạc...

– Xin vâng! Đại tá hẳn không lạ gì khách sạn của tôi chứ? Đại tá đã dùng bữa nhiều lần ở đó mà, tôi hy vọng đại tá sẽ chiếu cố thường xuyên cho. Một phần tư thế kỷ này, tôi là chủ nhân mọi khách sạn ở thủ đô, ở miền núi cũng như ở vùng biển. Tôi đã đón tiếp hàng vạn khách đến dự tiệc uống rượu và nghỉ lại. Khách của tôi toàn là cỡ thượng lưu thanh lịch của thế giới.

– Có phải ông chủ muốn nói rằng tên cướp vừa bị bắt cũng là khách của ông chủ chăng? Tôi không thể nào tưởng tượng được rằng nó cũng có mặt trong một đại khách sạn được. Nó ngụ ở khu Mảnh Trăng, khu phố nghèo khổ nhất của thành phố. Mọi người không gọi dân sống ở đấy là công dân thần dân, là thành phần có đóng thuế. Người ta cũng không dùng cả danh từ người của nhân dân khi gọi bọn này. Người ta gọi chúng nó là vi trùng. Sống ở khu này có nghĩa là sống đời sống khốn khổ nhất trên trái đất này. Panselin là rề một lão chủ quán ở đó. Một thứ quán không điện không nước, đồ đạc chỉ là đồ gỗ sơn trắng. Một thứ quán của đám khách là đám vi trùng thường

uống rượu không có ly phải cầm cả chai tu, ăn không có nĩa phải dùng thìa gỗ.

Nhà của tên cướp này ở đó. Vì thế, tôi e rằng lời chứng của ông chủ không mấy giúp ích cho tôi. Panselin đi từ Mảnh Trăng đến đại khách sạn Đông phương dự dạ tiệc, súng sính trong bộ đồ dạ phục là một hình ảnh không tưởng tượng nổi. Mời ông chủ hãy thấy Panselin bằng xương bằng thịt trước đã rồi làm chứng sau...

— Thưa ông cảnh sát trưởng, tôi không bao giờ nhìn nhầm thân chủ.

— Lạ thiệt nhỉ? Hay thằng này có bày ra trò gì đặc biệt hết sức nên ông chủ mới nhớ mặt nó kỹ đến thế?

— Quên sao được khi nó là «cậu Hai Táo tàu». Chẳng riêng gì tôi, mọi người lúc bấy giờ đều ao ước biết tên tuổi nghề nghiệp nó, sau vụ «Táo tàu» kia. Cho đến sáng hôm nay, nó vẫn là một bí mật. Bấy giờ, nhờ đại tá, chúng tôi mới biết nó.

— Xin ông chủ vui lòng kể lại câu chuyện cho có đầu có đuôi. Chúng tôi sẽ cho ghi âm lời chứng của ông chủ.

— Vâng! Thưa đại tá, đối với khách sạn chúng tôi, nơi các thân chủ thượng lưu quốc tế quen thuộc với các đại lữ quán, chúng tôi thường chú ý đến những ai có tác phong bình thường như mọi người hơn cả. Khi nói đến người bình thường tôi muốn đề cập đến số ít khách, rất ít, của chúng tôi thường xưng tên tuổi với nhân viên giao tế một cách nhỏ nhẹ khi đến mà không la lối um sùm, những ông khách cũng gọi một thứ rượu tầm thường như mọi người khi họ khát. Thứ khách này hiếm lắm, ít lắm. Hầu như không có hẳn. Bởi vậy, hễ có một quý khách như vậy là tôi sẽ được

thông báo ngay. Nơi các giới khách sạn chúng tôi, khách bình thường là những người ngông nghênh hơn thiên hạ.

Đại tá Prétorian ngắt lời lão chủ khách sạn Popot:

– Như vậy phải chăng ông chủ muốn nói rằng ông chủ chú ý đến Panselin vì hắn bình thường như mọi người?

Popot lắc đầu quầy quậy:

– Thưa, không phải, một nghìn lần không phải như vậy. Panselin được chú ý vì cái ngông nghênh siêu đẳng của nó. Nó đã tạo được một thành tích phi thường, chưa ai đạt được.

Đại tá có đồng ý với tôi rằng không có gì tẻ nhạt bằng thế giới của người điên không? Nó tẻ nhạt như một vũ khúc của người máy vậy. Vào một dưỡng trí viện hay vào một đại lữ quán quốc tế mà tìm một người điên khác, một người điên đặc biệt hơn mọi người là một điều hết sức khó khăn, hầu như không làm được. Vậy mà tên Panselin của đại tá làm cho mọi người phải chú ý đến nó mới «dễ nể» chứ! Nó đã vào đại khách sạn Đông phương của chúng tôi và làm cho mọi người có mặt không thể nào quên nó được.

Cách đây hai năm, nó đến khách sạn Đông phương. Nó đi một mình. Nó cầm bản thực đơn xem, rồi nó nói với viên quản lý khách sạn như sau:

– Xem chừng tôi mới bị bệnh hoàng đản. Nhưng tôi vẫn muốn tìm một cái gì ngon ngon...

Rồi nó cúi xuống coi lại bản thực đơn. Thấy nó bị hoàng đản thực. Má nó vàng khè, cả lòng trắng con mắt nó cũng vàng như má vậy...

Đại tá nhớ ra chưa? Hồi ấy, người ta đã kháo đi kháo lại chuyện của nó hàng mấy tháng trời liền mà, đại tá không biết gì cả sao?

Lúc ấy, trời lạnh ghê gớm, đại tá nhớ cái lạnh lúc ấy chứ? Lạnh dưới năm mươi độ! Lạnh đến nỗi đá cũng nứt nẻ. Tàu hỏa, tàu bay đều nằm ụ hết. Tuyết đã chận đứng mọi di chuyển, mọi hoạt động. Khách sạn chúng tôi đông nghẹt. Đại tá biết khách sạn chúng tôi chứ? Phòng ăn của chúng tôi không còn chỗ nữa. Đại tá biết phòng ăn của chúng tôi rồi. Chắc đại tá cũng chẳng lạ gì chuyện hàng ngày, thực đơn của chúng tôi đều có hai hay ba món ăn đặc biệt. Những món ăn ấy chúng tôi ghi vào thực đơn chỉ vì lý do sĩ diện mà thôi đâu có mong bán được. Bởi vì giá đắt treo trời, ai mà ăn nổi? Chúng tôi ghi lên cho khách thấy để bàn tán với nhau, để « đấu » với nhau cho vui rồi bỏ đi. Vì điên gì mà đi « còm-măng » những món ăn như vậy?

Tôi đã trình đại tá biết là những món ăn ấy nhà hàng chúng tôi chỉ đưa ra để « chộ » khách mà thôi. Giữa thế giới của những người ngông, nhà hàng cũng phải có một thực đơn ghi vài món thật « ngông » với thực khách, nếu không muốn bị mất « thớ ». Ngày hôm ấy, vì tuyết chận đứng mọi hoạt động di chuyển, xe lửa ngừng chạy, đường bộ bị nứt nẻ vì nhựa t ải đường, chịu lạnh không nổi, lóc ra từng mảng. Trong khung cảnh ấy, Đông Phương đại khách sạn chúng tôi tung ra món táo tàu trên thực đơn: « Táo tàu ướp sữa lạnh ». Mặc dù các phương tiện chuyên chở ngày nay tối tân thực, có táo tàu mà ăn khí trời lạnh trên năm mươi độ dưới Zéro là cả một chuyện hi hữu. Táo tàu rất nhẹ, rất mong manh. Để quên chừng hai giây, nó hư ngay. Ngày hôm ấy, chúng tôi chỉ có hai quả táo tàu nhỏ chở từ Hương Cảng tới. Chở bằng phi cơ phản lực. Từ phi trường về khách sạn, chúng tôi phải để quả táo tàu ấy trong bình điều hòa không khí. Mua những loại hàng này là phải chịu những khoản thuế lớn ghê

gớm. Táo tàu là loại hàng bị coi là siêu xa xỉ phẩm vào mùa đông. Bởi vậy, khi đem về, chúng tôi liền cắt hai quả táo tàu ra thành những khoanh nhỏ và đề lên thực đơn : « Táo tàu Hương Cảng ướp sữa lạnh mỗi khoanh 2.500 ».

Món « táo tàu » này là bửu bối của Đông phương khách sạn hôm ấy. Chúng tôi đã thành công hoàn toàn. Mọi thực khách hôm ấy chỉ bàn đến món táo tàu mà thôi. Họ hỏi nhau về món này, về đặc tính của món ăn vương giả đặc biệt này, và đòi nhà hàng cho xem bằng được. Thế là hai cái đĩa lớn bằng bạc chạm trổ tinh vi ở giữa là mấy khoanh táo tàu, xung quanh là những cục đá nhỏ xếp vòng tròn được đưa ra trình diện thực khách từ bàn nọ đến bàn kia. Tôi còn nhớ là có mấy bà lớn đã tháo đồng hồ tay, hoa tai ra để so giá với mấy khoanh táo tàu đắt hơn vàng kia. So giá cho biết thôi không phải để ăn, mặc dù các bà có khá nhiều tiền, nhờ quyền hành của các ông chồng.

Thằng nhỏ « hoàng đản » kia phớt tỉnh trong khi khách thượng lưu ngông nghênh xuýt xoa bàn tán về món táo tàu ướp sữa lạnh. Đợi cho món này đến bàn nó trình diện, nó mới nói :

– Tuyệt quá nhỉ ! Ở đây có táo tàu. Thảo nào hôm nay tôi bỗng nhiên nghĩ đến việc đến đây ăn một bữa...

Ông quản lý của tôi và mấy chú bồi đang bưng hai quả táo tàu đi trình làng, đứng sững lại và há hốc mồm ra. Họ có nghe nhưng vẫn không nghĩ rằng ông khách trẻ bị bệnh hoàng đản này dam gọi món táo tàu thực sự. Nhưng ông khách này không có vẻ muốn đùa. Bởi ông đã « còm măng » thực sự. Tuy nhiên, ông « quản lý » của tôi cũng chưa tin :

– Tôi lưu ý thầy Hai về giá của món táo tàu...

Panselin như không lưu ý đến lời cảnh cáo của viên quản lý. Y gật đầu và nói tiếp:

– Người bị bệnh hoàng đản ăn uống chẳng có là bao. Gì cũng bị cấm ngặt. Tìm được một món ăn vừa miệng thiệt là khó. Bởi vậy, món ăn có đắt tí chút cũng chẳng sao cả. Cắt cho tôi hai khoanh táo tàu đi.

Nghe Panselin còm măng hai khoanh táo tàu toàn thể mọi thực khách đều nhứt loạt dừng ăn. Phòng ăn bỗng chốc trở nên yên lặng như trong giáo đường. Mọi người đều hướng về phía Panselin để xem nó nói những gì nữa. Mọi người đều công nhận rằng Panselin thực sự không muốn chơi ngông, không muốn làm tàng để chộ khách. Hắn «còm măng» món táo tàu không phải để «vây vo», để «chơi cha» thiên hạ mà vì hắn khoái món này. Nghĩa là hắn «còm măng» táo tàu chỉ vì hắn. Chỉ vì khoái cảm riêng của hắn. Bằng cớ là hắn nôn nóng được ăn ngay. Sau khi gọi món táo tàu, hắn còn «còm măng» tiếp:

– Trước khi cho ăn táo tàu, hãy cho tôi một bình yourt nguyên chất, và bốn củ khoai luộc. Nhớ cho thứ khoai còn có vỏ trong. Ăn khoai xong, tôi mới ăn táo tàu. Chừng nấy thôi, bữa ăn như vậy là lành đấy chứ?

Panselin tỏ ra rất nghiêm trang và hơi khờ. Hắn tỏ ra sung sướng như trẻ con. Nó không đóng kịch, không làm điệu. Nó rất thành thực. Chúng tôi đã nhận xét kỹ. Khách cũng vậy. Tôi xin long trọng cho đại tá hay rằng giá một khoanh táo tàu ngang lương đại úy. Hai khoanh bằng lương hai đại úy. Tôi cũng xin nói riêng với đại tá là hai khoanh táo tàu ấy không ngon lắm. Vì chúng chưa đủ chín. Mùi nó hơi chua. Bởi vậy, cái giá của hai khoanh ấy thực quá tay. Chúng tôi cũng hơi nổi hận nhưng không biết làm sao cả vì

chúng tôi không nghĩ là có người lại dám « còm măng » táo tàu. Chưa bao giờ chúng tôi nghĩ là có người sẽ gọi táo tàu.

Sau đó, nhà hàng đã dọn ra mấy củ khoai đặt trên chiếc đĩa bạc quý nhất của nhà hàng trong khi mọi thực khách ngồi yên nhìn như đi xem hát. Panselin không biết rằng mọi người đều « chiếu tướng » nó. Hôm ấy, khách của chúng tôi gồm có mấy ông tướng, mấy kỹ nghệ gia, mấy nhà tài chánh bự và có cả ông chưởng lý tòa án với mấy vị thẩm phán nữa... Tất cả đều nhìn Panselin chăm chú. Nhưng Panselin không chú ý. Hắn lặng lẽ cầm lấy khoai chấm muối ăn. Hắn tỏ ra rất khoan khoái. Hắn uống nước suối. Người ta thấy rõ là hắn không có ý muốn trình diễn. Hắn ăn uống tự nhiên.

Trong thời gian ấy, chúng tôi lo dọn cho hắn món táo tàu trịnh trọng như dọn đồ cúng. Chúng tôi cũng sững sờ khi có khách gọi món ăn bửu bối của nhà hàng. Táo tàu thực ra chỉ là một thứ đồ trang sức của nhà hàng. Ý như các cây đèn lồng pha lê, các bình hoa, các tấm gương soi lớn. Vậy mà nó đã ăn đồ trang trí của nhà hàng tức là hai khoanh táo tàu. Chúng tôi phải dọn ra, phải phục dịch nó. Nó đã ăn hai khoanh táo tàu một cách thong thả. Ăn rất ngon lành. Nó gọi thêm một ly cà phê, rồi trả tiền. Nó cũng cho bồi tiền « pourboire » không quá nhiều nhưng cũng không quá ít. Nó ra về, rất tự nhiên.

Hắn đi rồi, khách mới hỏi nhau xem có ai biết ông khách ăn táo tàu là ai không và chỉ bàn tán quanh quẩn đến nó. Một số khách tỏ ra ghen tức với nó, nhất là mấy bà lớn. Riêng ông chưởng lý lại có một ý nghĩ riêng:

– Tôi cam đoan với các ông, các bà rằng ông khách ăn táo tàu kia sẽ là khách của tôi trong tương lai. Chẳng bao lâu nữa, ông ấy sẽ đến viếng thăm tôi với hai tay mang còng.

Vì tiền để ăn táo tàu chắc chắn không phải là tiền kiếm ra một cách lương thiện.

Mọi nhân viên khách sạn Đông Phương chúng tôi đều ngạc nhiên quá đỗi. Chưa bao giờ chúng tôi thấy một chuyện lạ đến như vậy. Trả tiền một món tráng miệng nhỏ tý xíu và cũng chẳng có gì là ngon lành ghê gớm, giá đắt ngang với tiền lương của hai ông đại úy một cách tự nhiên như không có gì xảy ra hết là một chuyện vượt ra ngoài sự ngông nghênh có thể quan niệm được. Tất cả mọi người có mặt trong phòng nhìn nhau một lúc rồi mới nghĩ ra rằng ông khách trẻ tuổi ăn táo tàu này giàu có gấp bội chúng tôi, những nhà giàu có mặt tại khách sạn hôm ấy. Mà đại tá cũng biết chúng tôi đâu đến nỗi nghèo. Người nào trong chúng tôi cũng có hàng chục triệu trở lên. Nhưng so với nó, chúng tôi chẳng là « kí lô » nào hết.

Sáng nay đọc báo chúng tôi biết ngay rằng chúng tôi không nhầm. Panselin có nhiều tiền hơn chúng tôi nhiều. Tiền của bảy nhà băng ở trong túi nó mà. Bọn đạo tặc quốc tế, bọn sát nhân có phương tiện để ăn chơi đế vương, trong khi hạng triệu phú tầm thường khốn khổ chúng tôi không thể nào có được. Chúng tôi không bao giờ dám « chơi cha » như chúng nó. Đây chính là điều tôi muốn trình với đại tá.

Đại tá Prétorian :

– Lời khai của ông chủ hết sức quan trọng. Đó là yếu tố chính yếu nói lên rằng Panselin phải có tiền triệu. Vì vậy nó phải khai với chúng tôi chỗ giấu tiền.

Tôi xin cảm ơn ông chủ đã sốt sắng đến làm chứng giùm cho chúng tôi. Ông chủ quả là công dân tốt.

– Tiền triệu... Popot rên rĩ. Hai năm trước nó đã có tiền triệu rồi. Hai năm nay, nó còn hốt được biết bao nhiêu nữa... Ngay tiền của bảy nhà băng mới bị cướp cũng đã lên đến hàng tỷ...

Đại tá Prétorian an ủi:

– Ông chủ cứ yên chí là nó sẽ phải khai nơi giấu tiền và sẽ phải trả lại hết. Nó sẽ không còn một xu dính túi. Cảnh sát sẽ lo chuyện này.

Prétorian ra lệnh dẫn Panselin vào đối chất với chủ nhân đại khách sạn Đông Phương.

Panselin được áp giải vào phòng đại tá Prétorian. Hai tay vẫn mang còng. Mặt tái xanh hơn trước. Thân mình rách nát hơn. Áo vét rách bươm và vấy máu. Nhưng Panselin tỏ ra tỉnh táo lại khi thấy những bức tranh quý, những chiếc đèn lồng pha lê trong sáng, những tấm màn cửa rực rỡ và trần nhà có đắp những bức hình sơn son thiếp vàng lóng lánh. Y say sưa ngắm khung cảnh và thấy khoan khoái mặc dù thân thể đau nhừ, xương như muốn gảy ra từng khúc. Trở lại văn phòng ông cảnh sát trưởng lần thứ hai, được đặt chân trên bức thảm êm mượt, được chiêm ngưỡng những công trình mỹ thuật trong văn phòng này gần như là được tham dự một cuộc du ngoạn kỳ thú, theo quan niệm của người say mê cái đẹp như tên tù Panselin. Dù y được dẫn vào đấy để chấp cung cũng vậy. Cuộc hành trình từ cái «xenluyn» đen ngòm lạnh lẽo dưới hầm sâu đến thang máy để lên tầng trên cùng cao ngất, nơi ông cảnh sát trưởng đặt văn phòng, cũng giống như cuộc du hành của Virgile được rời địa ngục để lên thiên đường.

Thấy Panselin, được hai cảnh sát viên xốc nách dìu vào, Popot nhận ra ngay:

– Đúng nó là «cậu Hai Táo tàu» rồi.

Đại tá Prétorian nói với Panselin:

– Panselin, mày nhìn kỹ ông chủ đây rồi trả lời tao, mày có biết ai đây không?

Panselin nhìn kỹ con người béo phị, mặt tròn vành vạnh, hai cằm hai cổ ngồi trước mặt y. Y xem kỹ cả áo quần, giày và cà rá trên tay ông ta. Rồi lắc đầu:

– Thưa, tôi không biết ông đây là ai cả.

Lão Popot tức mình cãi lớn:

– Nó nói láo. Tôi biết nó rõ quá mà. Nó nói láo.

Đại tá Prétorian:

– Mày nghe ra chưa? Ông Popot đây biết rõ mày mà. Mày đã đến khách sạn Đông Phương của ông ăn tối. Và mày kêu món «Táo tàu Hương Cảng» giá bằng lương tháng của hai ông đại úy.

– Thưa, hôm ấy tôi sốt nặng. Tôi không nhớ mặt ai hết. Tôi không nói dối. Dù có gặp ông này, tôi cũng chẳng nhớ được mặt ông nữa.

– Nhưng mày công nhận có ăn táo tàu ở khách sạn Đông Phương chớ?

– Thưa vâng.

– Vậy thì kho tàng tài vật của mày ở đâu, khai ra đi. Không có của kho, sức mấy mà mày dám đến các lữ quán quốc tế ăn táo tàu «làm cha» các vị triệu phú lương thiện và khả kính ở xung quanh mày, bắt họ phải chịu lép một bề?

– Thưa tôi đâu có kho tàng nào?

– Thế mày lấy tiền đâu để trả món táo tàu?

– Thưa, lúc ấy tôi khùng. Tôi xin thừa nhận là tôi có khùng thực. Tôi lại đang đau nặng. Vả lại, bản chất của tôi khốn nạn lắm. Cuộc đời tôi kể như bỏ đi rồi, bỏ đi phần đời quan trọng nhất. Bởi thế, tôi chẳng thấy cần gì nữa. Chiều hôm ấy tôi cảm thấy chán nản tuyệt vọng. Tôi khổ quá, nên tôi cảm thấy khát khao những gì là huy hoàng xa xỉ, khát khao cái đẹp và khát khao một khung cảnh thực rực rỡ uy nghi, một khung cảnh như thực như giả. Có thể nói là sự đói khát cái đẹp dằn vặt tôi nhiều hơn là đói cơm, đói thức ăn...

Đại tá Prétorian nghe không lọt tai. Ông ta đập bàn nạt lớn:

– Đói cái đẹp? Đừng có xạo, mày. Làm gì có chuyện đói cái đẹp?

Rồi quay sang phía nhân viên áp giải, ông cảnh sát trưởng ra lệnh:

– Kéo nó ra ngoài kia đi. Bắt nó khai cho bằng được chỗ nó chôn giấu tài sản cướp được.

Cuộc đối chất giữa Panselin, tên cướp, và ông chủ khách sạn Đông Phương chấm dứt.

* * *

12

Số tiền bạc tỷ của bọn cướp chôn giấu trong một ngôi giáo đường?

Câu chuyện món «Táo tàu ướp sữa lạnh» là một chứng cớ buộc tội hết sức tai hại cho Panselin. Cả thành phố đều biết rõ chứng từ buộc tội Panselin của lão chủ khách sạn Đông Phương, qua những ấn bản đặc biệt của các báo. Không phải chỉ có chừng nấy mà thôi, chứng cớ buộc tội tên sát nhân lại đến dồn dập. Chưa đầy một giờ đồng hồ sau khi lão chủ khách sạn đến làm chứng, cảnh sát viên Boboc chịu trách nhiệm đứng gác trước cửa quán Mảnh Trăng hốc tốc đến trụ sở cảnh sát và nói với nhân viên trực:

— Tôi có những tin đặc biệt hấp dẫn về số bạc của bọn cướp. Tôi muốn trình những điều vừa khám phá được với chỉ huy trưởng: Mời đích thân chỉ huy trưởng ngay tức khắc. Tối khẩn.

Nhân viên trực mỉm cười hoài nghi và ác cảm. Nhưng cũng phải dẫn Boboc vào văn phòng đại tá Prêtorian.

Boboc đứng nghiêm, mặt đỏ như gấc vì xúc động, nói lắp bắp như hụt hơi:

— Thưa đại tá, em đã tìm ra dấu vết số bạc...

Thưa, em cũng biết rằng em chỉ là một trinh sát viên quèn, không có trách nhiệm lùng bắt bọn găng tơ. Em có bổn phận đứng gác trước cửa quán lão Kyr Christaky ở khu Mảnh Trăng chỉ để giữ trật tự và điều hành xe cộ lưu thông. Nhưng xin đại tá bỏ lỗi cho, em vốn có khiếu trinh thám. Từ bé, em đã mơ được làm thám tử. Bởi vậy sáng nay, khi các vị thám tử đã khám xét xong và ra về, em cũng đã thử lục soát và khám xét cho đỡ thèm. Cố nhiên các vị thám tử đã lục soát khắp mọi nơi đúng theo phương pháp, suốt mấy giờ rồi. Nhưng em cũng cứ lục lại. Và em đã tìm ra chỗ bọn cướp giấu tiền.

– Chú chỉ thấy chừng nấy mà thôi, không thêm không bớt gì cả đấy chứ? Đại tá Prétorian vừa mỉm cười vừa hỏi đùa trinh sát viên Boboc.

– Thưa đại tá, vâng. Em đã tìm ra địa chỉ chính xác nơi chúng nó giấu tiền.

Trinh sát viên Boboc trao cho đại tá Frétorian một mẩu giấy nhỏ có ghi địa chỉ ở trên. Đấy là một cái cuống biên lai của sở Bưu điện có ghi số tiền nửa triệu. Người gửi là Rolan Panselin ngụ tại quán «Mảnh Trăng». Người nhận là linh mục Myron Molifta, xứ đạo Rodina.

Viên cảnh sát trưởng hỏi Boboc:

– Chú tìm ra cái này ở đâu?

– Thưa đại tá trong một tập thư tại phòng tên cướp. Các vị thám tử đã bỏ qua, không thèm mở ra xem. Nhưng em đã xem lại từng trang một nên mới tìm ra cái cuống biên lai này. Em đọc xong và hiểu rằng em đã nắm được địa chỉ nơi chúng giấu tiền. Em cho rằng đã gửi một lần nửa triệu là thế nào nó cũng cho gửi tiếp, gửi hết số bạc cướp được, cho linh

mục Molifta. Chính linh mục này đã đem số bạc giấu trong nhà thờ. Em có nghe nói đến những nhà thờ thường chôn giấu những kho tàng và là sào huyệt của bọn đạo tặc, bọn sống ngoài vòng luật pháp. Bởi vậy, em đã xin đổi gác để chạy vội về đây diện trình lên đại tá điều em khám phá ra...

– Chú giỏi lắm. Khám phá của chú rất quan trọng. Chú sẽ được thưởng xứng đáng. Chú sẽ được ghi công trước hàng quân. Và nếu chúng ta tìm được số bạc bị cướp nơi địa chỉ do chú tìm ra, chú còn được hưởng phần hoa hồng chính thức của chú. Số tiền này rất lớn. Đủ cho chú mua một ngôi nhà xinh xắn. Tôi khen Boboc.

Đại tá Prétorian bắt tay Boboc. Chàng trinh sát viên này ra về để gác cho hết phiên trước cửa quán « Mảnh Trăng » sau khi đã để cho nhà báo chụp hình và tuyên bố là chàng ta đã khám phá ra chỗ giấu của cướp được.

Trong cùng một lúc, đại tá Prétorian cho giải Panselin lên văn phòng thêm một lần nữa. Lần thứ bảy, kể từ khi Panselin bị bắt hồi 5 giờ sáng y bị dẫn vào văn phòng cảnh sát trưởng.

Đại tá Prétorian ra lệnh cho người cảnh sát áp giải tên cướp Panselin:

– Chú đưa cho nó cái gương để nó soi cho biết mặt nó bây giờ thảm hại đến mức nào.

Người cảnh sát rút trong túi ra một cái gương soi mặt nhỏ lau qua vào vạt áo rồi trao cho Panselin.

– Mày thấy mặt chưa, Panselin? Mặt mày nát hết rồi, nhận không ra nữa, phải không? Đấy mới là đòn tráng miệng thôi. Mày có hiểu tao muốn nói gì không? Cho mày hay là cảnh sát sẽ lóc hết bộ áo da –

và cả thịt nữa – của con người mày đem vào máy dạt cho mỏng dính. Sẽ đem mày ra bỏ nồi luộc cho đến khi mày chịu khai chịu thú. Mày thừa biết là mày sẽ phải khai. Vậy mày còn đợi gì mà không khai bây giờ để khỏi bị đập nát mặt.

– Thưa, tôi đã khai tất cả những gì tôi biết.

– Mày khai là cửa nhà băng đã mở sẵn, dù thừa biểu là không ai ngửi được lời khai ấy. Mày cứ khăng khăng khai láo đến bây giờ? Mày khai là cứ đến 5 giờ sáng mỗi ngày mày lại vào nhà băng? Người gác đêm, chẳng phải làm gì hết ngoài việc canh cửa, khai là chưa hề thấy mày bao giờ. Y cũng chẳng biết mày nữa. Rồi mày lại còn vào đại khách sạn Đông Phương dành riêng cho những tay giàu sụ của thế giới, những tay tỷ phú và những nhà tài phiệt, làm cho họ phải lác mắt bằng cách «còm măng» cái món táo tàu độc đáo mà những nhà triệu phú lương thiện không dám ăn vì giá quá đắt. Tiền đâu mà dám chơi ngông như vậy? Lương tháng của mày chỉ bằng 1/4 của một khoanh táo tàu mà thôi. Vậy mà mày đã ăn chơi một lúc hai khoanh, nghĩa là ăn tráng miệng một lần hết cả tiền lương tám tháng. Vợ và ông già mày khai là mày chẳng bao giờ có tiền hết. Rằng mày phải cuốc bộ đi làm từ khu Mảnh Trăng đến sở dài dài vì không có tiền mua vé tàu điện. Vậy tiền đâu mà mày ăn xài ngông nghênh trong các khách sạn của triệu và tỷ phú khi lương tháng của mày là thứ lương chết đói? Chưa hết. Nhân viên của tao vừa tìm ra trong sách vở của mày – trong một thi phẩm, nói cho thực đúng – biên lai Bưu điện của số tiền nửa triệu quan mà mày gửi cho linh mục Myron Molifta nào đó nơi xứ Rodina Mày nói sao về vụ này?

– Thưa có như vậy thực.

– Có cái gì như vậy thực?

– Thưa, tôi có gửi cho cha Molifa nửa triệu quan thực.

– Vì sao vậy?

– Thưa đấy là một món quà tôi kính biếu cha Molifta vì một người khác. Món quà này tôi biếu, nhân danh một người khác.

– Mày đã đem nửa triệu đi làm quà?

– Thưa, vâng.

– Và mày bảo rằng mày biếu món quà ấy với lương một nhân viên phụ kế toán của Ngân hàng quốc gia? Mày định giỡn mặt tao đến bao giờ?

Đại tá Prétorian đứng phắt dậy, giận đến tím mặt. Giọng nói của ông ta líu lại:

– Mày đem biếu nửa triệu đồng vì một người khác, phải không mày? Tao đây này, tao là đại tá là chỉ huy trưởng cảnh sát thị xã, là ủy viên nội vụ. Tao có vô số quỹ để chi tiêu ngoài lương tháng, tao cũng chưa bao giờ dám «yên hùng» đến độ đem nửa triệu đi làm quà. Tao không bao giờ cho phép tao vào lữ quán để ăn một khoanh táo tàu giá ngang với lương tháng một ông đại úy.

Đại tá Prétorian điên tiết, không giữ được bình tĩnh, thẳng cánh đấm vào mặt Panselin thực mạnh. Viên ngọc gắn nơi chiếc cà rá có cạnh sắc đeo trên tay ông ta rạch một đường dài trên má Panselin. Máu tuôn ra xối xả trên mặt trên cổ, nhuộm đỏ luôn cả cổ áo sơ mi và áo vét tên cướp. Panselin vẫn lặng thinh. Anh đứng yên không nhúc nhích, như tượng đá. Nhưng mặt anh tái dần, rồi trắng bệch. Anh lảo đảo như cây kim đồng hồ, bắt đầu nghiêng sang phải, ngã sang trái. Rồi ngã xuống. Ngã y như thân cây bị đốn. Ngã thẳng

như thân cây xuống chân ông cảnh sát trưởng. Máu của anh vấy vào tấm thảm lấm tấm.

Khi anh ngã, mấy người cận vệ vội chạy vào vực anh ra ngoài hành lang, đặt nằm sấp trên bục gỗ.

Bên trong, đại tá Prétorian cảm thấy xấu hổ vì tính nóng của mình. Ông ta nhìn bàn tay vừa đấm Panselin rồi nói :

– Tôi đâu có muốn như vậy. Tôi chỉ muốn trừng phạt để nó khỏi kể những chuyện bố láo. Không dè viên ngọc lại rạch đứt má nó.

Viên chánh văn phòng vội ngắt lời thủ trưởng :

– Đại tá bận tâm làm chi. Cái tát tai vừa rồi đâu có thể làm cho nó bị nguy được. Bọn đạo tặc đâu có dễ chết như vậy.

– Dầu sao thì tôi cũng có khuyết điểm. Tôi không cần phải đích thân tra khảo nó... Nhưng thằng này làm cho tôi nổi nóng. Cung cách ăn nói dễ chọc giận người khác của nó khiến cho tôi phát điên. Tôi chưa hề gặp ai như nó.

Viên chánh phòng vừa chùi mấy vết máu lấm tấm trên áo của đại tá Prétorian vừa nói :

– Có gì đâu mà đại tá phải băn khoăn. Đại tá đâu có bàn tay chuyên nghiệp của cảnh sát. Vấn đề chỉ có thế. Tay của ông là tay của nhà binh mà. Đấy là chuyện thường. Tay của người cảnh sát mới biết cách đánh cho phạm nhân khai. Trái lại cái đánh của ông lại lam cho nó hết khai nổi. Cú đấm của đại tá trái ngược với cú đấm của người cảnh sát.

Đại tá Prétorian xoay sang câu chuyện khác :

– Phải xem linh mục Myron Molifta là người như thế nào. Ông ấy là người giữ tiền triệu của bọn cướp.

Phải làm thực gấp. Gọi giùm tôi trưởng ban hình sự lưu động Stratilat.

Trong khi chờ đợi Stratilat đến, đại tá Prétorian vào phòng tắm rửa tay. Hành vi đấm vào mặt một người bị xích hai tay hai chân làm bẩn con người có cú đấm ấy.

Lúc bấy giờ, đại tá Prétorian chưa kịp hiểu rằng vết nhơ trên đầu có thể rửa bằng nước và xà bông. Vết nhơ này làm bẩn cả tay và cả tâm hồn nữa. Vết nhơ trong tâm hồn không rửa nổi, không thể rửa nổi! Không có cách nào rửa được. Người đã bị nhơ sẽ mang vết nhơ suốt đời. Sẽ không còn là người sạch vì bị mang vết nhơ ấy mãi mãi. Áo quần da dẻ có sạch mấy cũng không thể sạch được, cũng vẫn thành người bẩn. Đến mãn đời. Và vết bẩn tâm hồn mới nổi bật. Tâm hồn bẩn ấy sẽ phản ảnh qua các cử chỉ sau này, qua các việc làm sau này. Việc làm của con người ấy sau này cũng sẽ bẩn nốt.

Khi trở lại văn phòng, ông cảnh sát trưởng gặp trưởng ban hình sự lưu động Stratilat đang ngồi chờ. Ông ta chỉ thị cho Stratilat :

— Đây là biên lai gốc của nửa triệu đồng do Panselin gửi cho một linh mục ở nhà quê. Bây giờ ta phải tìm cho ra ông này gấp. Anh phải đi Rodina là xứ đạo của ông này. Biết đâu anh sẽ tìm ra chỗ chôn giấu tài vật của bọn cướp ở đó. Nhà thờ đã từng được bọn cướp dùng làm sào huyệt. Cũng đã có nhiều ông cha che chở cho bọn đạo tặc. Anh phải xét thực kỹ thánh đường, nhà xứ, nghĩa địa và xét cả xứ đạo này. Nhớ báo cáo với tôi diễn tiến công việc của anh qua điện thoại. Có thể anh tìm ra tiền triệu giấu dưới bệ thờ cũng nên. Bây giờ anh đi gấp đi vì bọn đồng lõa

của Panselin có thể đến trước anh, nếu giờ này chúng chưa có mặt ở đó.

Stratilat mỉm cười. Ông ta thấy vui vui. Ông là chỉ huy của đội hình sự lưu động độc lập. Luật lệ cho phép cơ quan của ông được hưởng hai mươi lăm phần trăm trong tổng số tài vật thu hồi được. Bởi vậy, đội viên và chỉ huy cảnh sát hình sự lưu động trực tiếp có lợi nếu khám phá ra chỗ bọn cướp giấu của cướp được, giả thuyết cho rằng tài vật cướp được đều giấu ở nhà thờ Rodina rất có lý. Thế là ngay sau đó, Stratilat huy động đội viên, trực chỉ đến làng Rodina, một sơn thôn heo hút giữa rừng núi.

Công việc điều tra để bắt toàn bộ đảng cướp đã giết bọn gác đêm và thu hồi của cải bị cướp bắt đầu rẽ sang một lối khác.

Đầu tiên là việc bắt được Panselin đang quả tang phạm pháp. Cảnh sát bắt đầu hướng mũi dùi về phía Kyr Christaki và con gái Kyr là Filothéa và nhắm vào khu Mảnh Trăng. Sau đó có vụ táo tàu và việc Panselin đến ăn tại khách sạn Đông Phương. Bây giờ thì mọi người lại hướng về ngôi nhà thờ Rodina nằm trong một vùng núi hẻo lánh và hướng về linh mục Molifta, người được Panselin gửi nửa triệu đồng. Tất cả những sự việc ấy đã diễn ra chỉ trong một buổi sáng. Vậy mà mọi người đều có cảm tưởng là công việc tiến triển quá chậm chạp. Cảnh sát muốn chạy nhanh hơn nữa. Nếu không thu hồi nhanh tài vật, sẽ không bao giờ thu hồi được. Bọn cướp dám đem xài lối đế vương như ăn táo tàu và đem biếu cho các cha xứ ở thôn quê bạc triệu.

Bọn cướp này hành hạ các giới nhà giàu không phải bằng cách cướp hết tiền của họ mà thôi. Chúng còn làm cho giới nhà giàu xấu hổ nhục nhã bằng lòng hào hiệp của chúng. Đây là điều đau đớn hơn cả cho các nhà triệu phú, đau đớn hơn là mất của nhiều.

*
* *

13

Dấu vết của bọn du cư GITAN

Trưởng ban hình sự lưu động Stratilat đem hai trinh sát trẻ đi theo. Ba người đến Rodina sau ba giờ ngồi xe. Rodina là một làng nằm giữa rừng, trên một ngọn đồi, bên cạnh một con sông nhỏ. Làng này đáng gọi là xóm hơn vì tất cả chưa đến một trăm nóc nhà. Làng này rất quạnh quẻ, ở xa ga xe lửa trên mười cây số. Con sông lượn vòng giữa thung lũng như một con rắn bạc giữa đồng cỏ xanh. Hai bên bờ sông, những ngôi nhà quét vôi trắng vuông vắn như những viên đường miếng, thấp thoáng giữa những cây ăn trái cao lớn và những khóm hoa nhiều màu. Ngang sườn đồi, ngôi thánh đường nhỏ mái nhọn cao vượt lên như che chở cho cả làng. Người ta có cảm tưởng nhà thờ như chú mục đồng, nhà dân như bầy cừu. Xung quanh nhà thờ là một bãi rộng nhiều cây ăn trái và nhiều hoa. Đó là nghĩa trang. Nhà thờ và nghĩa trang là hai nơi chôn giấu tiền của do bọn Panselin cướp được theo ý nghĩ và hy vọng của Stratilat.

Cửa nhà thờ bằng gỗ sồi đóng nẹp và có khóa sắt đã han rỉ, đóng kín. Cửa nhà xứ cũng vậy. Xung quanh nhà thờ, nhà xứ và trong nghĩa trang chỉ có chim chóc.

Chim nhiều vô kể. Chúng đậu trên mái nhà, trên cành cây, trên các ngôi mộ. Ngoài đám chim đang nhảy nhót, tất cả đều im lìm.

Mấy viên cảnh sát đã gõ cửa nhiều nhà nhưng không có ai trả lời. Đúng lúc họ quyết định không gọi nữa và ngồi chờ thì có tiếng hỏi :

– Các ông đi tìm ai đó?

Nhìn quanh một chốc, các viên cảnh sát thấy một con bé chừng mười tuổi đang nằm dài trên một tấm nệm rơm trước cửa nhà. Con bé tóc vàng óng kết thành hai bím trông thật dễ thương. Nó nói liến thoắng :

– Cả làng đều đi vắng, chỉ có mình cháu ở nhà thôi. Cháu bị liệt, phải ở nhà, còn tất cả đều đi hết ráo. Ở nhà một mình buồn thấy mồ. Có các bác tới, cháu bằng lòng lắm. Cháu tám tuổi, tên là Agripina. Các bác tên chi?

Trưởng ban hình sự lưu động Stratilat không trả lời mà hỏi lại :

– Người lớn đi vắng cả sao cháu?

– Vâng, họ đi cho người Bénin trứng. Bác ở xa đến sao?

– Cũng khá xa, cháu ạ.

– Có xa hơn người Bénin không bác?

– Bác có biết người Bénin ở đâu đâu!

– Cháu cũng vậy, mà cũng chẳng ai biết hết. Nếu biết mọi người ở đây hẳn đã đem cho họ chăn màn gạo nước... Dân Bénin khổ lắm bác ơi!

Nghe con bé Agripina nói, Stratilat bỗng thấy ý thức nghề nghiệp nổi dậy. Ông bèn hỏi dò :

– Người Bénin là những ai thế hở cháu?

Quả thực ông đã không mất công vô ích, vì Agripina trả lời ngay:

– Người Bénin bị cảnh sát lùng bắt riết quá phải chạy trốn vào rừng sâu, sống trong các hang hóc.

– Vậy mà người làng lại đem trứng đi cho họ sao?

– Vâng. Mọi người đều đem trứng đi cho. Riêng cháu thì cha Molifta đi ngang đây, cháu đã gửi trứng cho cha đem đi cho hộ cháu.

– Cha Molifta cũng có đem trứng đi cho người Bénin chứ?

– Vâng.

– Cháu nói rằng người Bénin trốn vào rừng vì sợ cảnh sát bắt?

– Đúng rồi! Vì vậy, mọi người đều thương người Bénin và cầu nguyện cho họ.

– Lần cuối cùng, người Bénin về làng cách đây lâu chưa cháu?

– Họ chẳng bao giờ về làng cả, sợ cảnh sát mà.

– Họ có đông lắm không, Agripina? Cháu nói cho bác biết hết đi, bác cho kẹo...

– Họ đông không biết cơ man nào mà kể, đông như kiến cỏ. Cả một dân tộc mà. Một dân tộc rất đông.

– Cháu có biết đường cha Molifta và người làng đi cho trứng là đường nào không?

– Họ đi theo đường bờ sông kia kìa. Họ đến đó gửi trứng cho người Bénin. Các bác đến đó đi, không xa lắm đâu.

Ba người cảnh sát ra đi hối hả theo hướng do con bé Agripina chỉ.

Bên bờ sông, mọi người tập hợp rất đông. Tất cả đều quỳ xuống, im lặng như tờ. Cha Molifta, hàm râu bạc trắng trông giống như ông già Noel, đứng giữa đang cất cao giọng hát một bài kinh thánh trầm trầm như tiếng đại vĩ cầm. Bài hát đại ý:

«Hãy cầu nguyện Chúa ban phước lành cho những người Bénin anh em đang trốn chui trốn nhủi trong rừng; cầu Chúa cho họ biết rằng đức Christ đã sống lại để họ cùng ăn mừng lễ Phục sinh với chúng ta.»

Mọi người đều cất lời phụ họa khi cha Molifta vừa dứt lời hát: «Kyrie Eleison». Đợi cho tiếng «Kyrie Eleison» của mọi người vang vọng từ núi này sang núi kia rồi bay lên trời cao xong, cha Molifta hát tiếp:

«Hãy cầu nguyện Chúa giáng phước lành cho tất cả những ai còn quần quại trong các lao tù, còn khốn khổ trong tay những viên chức tư pháp, đang bị cảnh sát săn đuổi; cầu Chúa cho họ được vui mừng ngày Phục sinh, dù họ ở bất kỳ nơi đâu...»

– Kyrie Eleison! Tiếng đáp của mọi người lại cất lên.

Không một ai chú ý đến ba người cảnh sát vừa mới đến và quỳ bên cạnh họ.

– Hãy cầu nguyện cho những ai bị đuổi ra khỏi mái nhà riêng ấm áp, cho những ai phải lê gót chân lưu vong trong đại gia đình dân tộc Bénin!

– Kyrie Eleison!

Cha Molifta giơ cao tay. Mọi người liền giở miếng vải trắng che kín chiếc giỏ tay để cạnh mình để cho cha làm phép và rảy nước Thánh. Người được hưởng

nước Thánh xong đứng dậy ném hết đồ trong giỏ xuống sông, theo thứ tự, trước khi ra về.

Stratilat quá ngạc nhiên. Đồ trong giỏ của đàn ông, đàn bà và trẻ con ném xuống sông chỉ là những cái vỏ trứng không có ruột. Vỏ trứng nổi lềnh bềnh trên mặt nước như những con tàu hay như những mảnh thông điệp, trôi theo giòng nước...

Lúc đi đến trước mặt hai người, cha Molifta hỏi:

– Các bạn không có trứng sao?

Cả ba người cùng đứng dậy. Một người, Stratilat trả lời:

– Thưa, chúng tôi ở xa đến. Nghe nói cha ở đây, chúng tôi liền theo ra vì có chuyện muốn thưa với cha.

– Đã ra đây, các ông hãy gửi thông điệp Phục sinh cho những người Bénin anh em.

Vừa nói cha vừa dúi vào tay ba nhân viên cảnh sát mỗi người một cái vỏ trứng, yêu cầu họ ném xuống sông.

Cả ba người, Stratilat và hai trinh sát viên đi theo, cùng cầm lấy vỏ trứng nhìn rồi ném xuống sông như mọi người, nhưng không hiểu gì hết.

Lúc ấy, cha Molifta mới trả lời:

– Xin các ông đợi cho vài phút.

Rồi cha tiếp tục đi làm phép. Mọi người đều chờ cha làm phép cho giỏ trứng xong để ném xuống sông rồi mới ra về. Lần lượt kẻ trước người sau, ai được làm phép trước về trước, ai sau về sau. Khi người cuối cùng ra về xong, cha quay lại:

– Nào xin các ông cho biết.

– Thưa cha, chúng tôi cũng là người Công giáo nhưng chúng tôi chưa được biết cái lễ này.

Cha Molifta giải thích :

– Lễ này là lễ riêng của dân vùng núi chúng tôi ở đây. Bảy ngày trước lễ Phục sinh, chúng tôi đem vỏ trứng (mà lòng dùng làm bánh ngày lễ) ném quống sông. Dòng nước mang vỏ trứng (mà chúng tôi coi như thông điệp Phục sinh) đi đến những hang hóc trong rừng cho anh em bà con chúng tôi sống trong ấy biết là Phục sinh đã đến vì họ không có lịch nên không biết tháng ngày.

Khi thấy vỏ trứng trôi đến, họ sẽ biết là đến tuần Phục sinh và sẽ cầu nguyện cho chúng tôi, Không có vỏ trứng họ làm sao biết được? Bổn phận của con cái Chúa sống ở non cao là phải gửi đi cho những ai sống ở đồng bằng, ở miền xuôi những thông điệp của Chúa.

Nước sẽ mang vỏ trứng đi khắp nơi; nước mềm mại sẽ luồn qua các hang ở ngầm dưới đất. Nước cũng mang thông điệp của chúng tôi ra tận biển. Vỏ trứng sẽ phơi mình trên đầu sóng. Những người Bénin anh em của chúng tôi bị nhốt trong các hầm thuyền đi bể cũng thấy được vỏ trứng mà mừng ngày Phục sinh với chúng tôi...

Bây giờ xin mấy ông cho biết, các ông cần gì nào?

Stratilat đáp:

– Thưa cha, lễ cầu nguyện cho người Bénin đâu có được Giáo quyền cho phép.

– Nhưng Giáo quyền cũng không ngăn cấm. Giáo hội dạy cầu nguyện cho những người vô danh, cho những người không biết cầu nguyện. Người Bénin

chính là những người anh em vô danh rất mến yêu của chúng tôi. Bởi vì, biết đâu một ngày nào đó chúng tôi lại không là người Bénin. Chúng tôi cũng có thể phải chạy trốn vào rừng, phải sống xa loài người... Lúc bấy giờ, chúng tôi sẽ cử hành lễ Phục sinh ngày nào chúng tôi thấy vỏ trứng, vì không có lịch...

– Thưa cha, chúng tôi xin thưa cha hay rằng, ba tuần nay, có một bọn cướp đã giết người gác cướp của nhà băng. Sáng nay chúng tôi bắt được một đứa tên là Roland Panselin. Chúng tôi còn tìm thấy trong một cuốn sách của nó biên lai bưu điện món tiền nửa triệu nó gửi cho cha cách đây hai năm. Chúng tôi muốn biết cha có biết nó không và có nhận được khoản tiền trên hay không?

– Tất nhiên tôi có biết nó và đã nhận được món tiền nói trên rồi.

– Đấy là tiền ăn cướp được. Panselin đã giết người để cướp khoản tiền trên. Cha có biết không?

Cha Molifta cố nuốt nước mắt và hỏi lại:

– Tôi không biết chuyện nó đã giết người cướp của. Có phải nó đang bị giam không?

– Nó đang bị giam và sẽ bị treo cổ nay mai. Bây giờ cha có thể cho chúng tôi biết vì sao nó gửi tiền cho cha và vì sao cha lại nhận hay không? Xin trình để cha biết cho rằng việc này rất quan trọng. Chúng tôi xin phép nói thẳng rằng chúng tôi có làm phiền cha hay không còn tùy nơi câu trả lời của cha. Tại sao Panselin lại gởi cho cha tiền?

– Không phải nó gửi cho tôi.

– Cho cha, cho nhà thờ hay cho người nghèo trong xứ cũng vậy thôi, Chúng tôi muốn biết lý do...

Cha Molifta trông còn trẻ lúc cầu nguyện. Nhưng bây giờ trông ngài già hẳn lại. Cha nói chậm rãi:

– Chuyện này hết sức đau thương...

Ông thân sinh Panselin nguyên là thầy giáo trường và chủ tịch hợp tác xã làng chúng tôi. Một lần, y nảy ra ý định vay tạm két hợp tác xã một khoản tiền nhỏ và định bụng cuối tháng sẽ trả lại, khi lãnh lương. Không ai chú đến nên y lờ luôn không trả lại. Không những thế mà thôi, về sau mỗi khi cần tiền là y lại lấy tiền trong két ra tiêu. Xã viên không bao giờ có ý nghĩ kiểm soát vì ai cũng biết là Trifan Panselin là người lương thiện. Mãi cho đến mười hai năm sau, khi thanh tra hợp tác xã nông nghiệp đến khám sổ sách, việc mới vỡ lở. Viên thanh tra cho biết rằng sổ thiếu nửa triệu và trong hai tuần lễ mà tiền không có là Trifan sẽ bị hai mươi năm khổ sai. Luật pháp phạt quá nặng tội biển thủ quỹ hợp tác xã. Lúc ấy đem bán tất cả những gì chúng tôi có may ra cũng chỉ trả được một nửa mà thôi. Tôi có viết thư cho Panselin đang học đại học không phải để hỏi tiền nó nhưng để cho nó biết, cơn gia biến. Tôi cũng đã ngập ngừng mãi không biết có gửi thư cho nó hay không, nhưng cuối cùng tôi nghĩ rằng mình không có quyền che giấu nó đại nạn này. Không ngờ năm ngày sau, tôi nhận được «măng đa» nửa triệu. Tôi đem trả ngay cho hợp tác xã để thanh toán cho Trifan...

– Thưa cha, bây giờ lão Trifan ở đâu?

– Y đã xin thôi dạy học và bỏ làng đi mất rồi.

– Cha có địa chỉ của lão không?

– Y không để lại địa chỉ. Tôi có nghe đồn, nhưng không chắc đã đúng, rằng y sống chung với điếm trong một khu phố tồi tàn, không biết có phải không?

– Lão có anh em bà con gì ở đây không?

– Không! Vợ y chết lâu rồi, con trai đi học nhưng cũng bặt tin luôn từ ngày nó gửi tiền về cứu bố đến nay.

Bốn người vừa đi vừa nói chuyện đến cổng nhà xứ. Cha Molifta mời ba người cảnh sát vào.

Nhà xứ chỉ có một phòng trống trơn. Bên trong chỉ có một cái giường gỗ, một cái bàn con và một cái đinh đóng vào tường làm mắc áo. Trên tường còn có một cái trang thờ kiểu Đông Phương. Tường quét vôi trắng, trần gỗ và sàn bằng gỗ thông. Mời khách ngồi lên giường, cha xách lên một bình nước và một bình mật để giải khát.

– Tôi muốn xin phép đi theo các ông để thăm Panselin để xem tôi giúp được nó chút ít nào không. Bây giờ nó không còn ai thân thích ở trên đời nữa, vì thế tôi muốn giúp đỡ nó, dù tôi cũng không làm được gì đáng kể.

– Thưa cha không được đâu. Panselin bị tội giết bốn người, cướp bảy nhà băng. Nó đang bị thẩm vấn. Cả luật sư cũng không được phép thăm nó, huống chi...

Nghe viên cảnh sát giải thích xong, cha Molifta quay mặt về phía khám thờ, chắp tay cầu nguyện:

«Cầu xin Đức Mẹ, cầu xin các đấng thánh thần phò hộ cho Pansexin, cứu giúp nó thay cho chúng con là anh em của nó nhưng bất lực». Lời nguyện cầu ngắn ngủi nhưng hết sức mạnh này như có sức mạnh muốn làm nổ căn phòng. Khi quay lại, mặt cha Molifta đầm đìa nước mắt. Cả ba cảnh sát cũng rưng rưng nước mắt. Rồi Statilat nói:

– Thưa cha, chúng tôi đến đây để tìm thu hồi lại tiền bạc. Cha có chắc rằng cả hai cha con Panselin, không có ai về làng này cả chứ? Quê hương họ ở đây, họ không về qua lấy một lần hay sao?

– Họ đâu có phải người làng này. Họ là người Gitan. Nhưng sau một cơn đại họa, Trifan Panselin đã ở lại.

– Xin cha kể cho biết thật rõ các chi tiết, thật đúng. Nếu cha kể sai thì phiền lắm.

Cha Panselin chậm rãi:

– Tôi muốn được ngồi tù và lãnh hình phạt thay cho Panselin vì tôi mới là thủ phạm. Vì tôi viết thư cho nó báo tin bố nó bị nguy nên nó mới giết người cướp của để cứu bố nó... Nghĩa là tôi đã ép nó phạm pháp. Hễ làm bậy một lần là khó dừng tay lại khi tay đã nhúng chàm.

Stratilat bác ngay luận điệu của cha Molifta:

– Trách nhiệm tinh thần không liên quan gì đến Cảnh sát. Cha vừa cho hay rằng Panselin gốc Gitan, vậy nó phải có bà con họ hàng ở đâu đó. Cha có thể cho chúng tôi thêm một ít chi tiết nữa hay không?

– Nó đâu có gia đình. Vì thế cha con Panselin mới ở lại làng chúng tôi, sau khi cả bộ tộc của nó bị tàn sát bên bờ sông kia. Bị tàn sát đúng vào chỗ cử hành thánh lễ.» Lúc ấy tôi mới thụ phong linh mục và còn trẻ lắm. Tôi cũng vừa mới đến Rodina xong. Ấy thế mà cũng đến bốn mươi năm rồi.

Ngay đó, có một đoàn Gitan kéo qua làng. Đoàn này chuyên về nghề kim loại, có nhiều người rất giỏi. Tôi gọi họ vào để nhờ sửa một vài tế khí. Họ đã sửa lại, không những đồ tôi cần, mà còn làm thêm cho tôi nhiều thứ nữa. Họ từ chối không lấy tiền mà chỉ xin

tôi dạy cho họ kinh Pater, kinh Credo và xin được rửa tội. Tôi đã rửa tội cho họ. Trong một đêm họ đã thuộc hết và thuộc cả các bài thánh ca mà người thường học cả năm chưa xong, mặc dù không biết chữ. Rửa tội xong, họ đã ca hát cả đêm và còn xin được làm phép hôn phối nữa. Rồi họ ra đi, thơ thới hân hoan, hân hoan vì họ đã trở thành con của Chúa.

Người Gitan trên trái đất này giống như Giáo hội, như người Thiên Chúa, vì Giáo hội được tạo dựng sau Đức Chúa Thánh Thần. Và ngay sau khi được nghe lời truyền giảng của Đức Chúa Thánh Thần, các đấng tông đồ đã rời Jerusalem – nghĩa là thánh địa trần gian – đi ra mọi phía để hướng đến thánh địa trên trời, tức là thiên đường.

Nhà thờ hay Giáo hội, với bầy chiên tín đồ trong giáo đường, đã rời thánh địa trần gian nhưng chưa đi đến Thiên đường. Giáo hội đang đi trên đường. Như một bộ tộc Gitan đang trên một nẻo đường nào đó, nếu có dừng lại một nơi nào đó chỉ là nghỉ tạm mà thôi.

Mục đích của người Gitan là đi đến chân trời, nơi trời đất tiếp giao nhau. Nhưng bây giờ những người Gitan của tôi đã biến thành hai lần du mục. Du mục Gitan và du mục Thiên Chúa. Họ đã tách rời với đất hai lần. Tôi yêu những người Gitan hơn hết mọi tín đồ khác. Họ cũng yêu Giáo hội vì chỉ trong Giáo hội, họ mới được tôn vinh như con cái của Chúa, như những người thừa kế của trời, như chủ nhân của Sáng tạo và Vũ trụ. Và những người Gitan mới sinh, mới đẻ đang làm việc và chết trên đường đi không ngừng, sẽ cảm thấy họ ở trong lòng Giáo hội cũng như ở trong lòng đời du mục. Giáo hội như một chiếc thuyền chở họ lên Thiên đường. Họ sung sướng ở trong Giáo hội hơn người định cư vì nghĩ rằng Giáo

hội là một cái gì đang lướt đi với họ. Giáo hội không đứng lại một nơi như dân định cư đã hiểu lầm rồi lướt đi về Thiên đường.

Hàng năm, bộ tộc Gitan ấy lại ghé về đây một lần. Lúc ấy Chúa và các thiên thần, thiên sứ đều hạ giới để nghe người Gitan hát mừng kinh thánh. Nhưng rồi đám lính tráng trảo nha của tướng Xantopol, trong cơn say, đã từ thủ phủ Xantopol kéo đi bắt đàn bà Gitan để hãm hiếp. Người Gitan chống cự và đuổi được bầy lang sói này đi. Nhưng sau đó chúng trở lại với súng ống và tàn sát hết. Sáng mai, khi Biện lý đến thì chỉ có thây ma đàn bà, trẻ con, người lớn và gà chó bên cạnh những chiếc xe gãy. Người ta bèn lập biên bản ghi lại rằng bọn Gitan này đi ăn trộm súc vật và còn nổ súng chống lại hiến binh nên giới chức an ninh phải nổ súng. Cả một họ đạo Gitan của tôi chỉ còn lại một đứa bé mà thôi. Nó là Trifan Panselin. Tôi đem nó về nuôi dạy cho biết chữ rồi cho đi học sư phạm. Trở về làm thầy giáo trường làng, Trifan lấy một thôn nữ nhưng vợ y chết sau khi sinh ra một bé trai là Roland.

Cố nhiên Trifan không thể trở thành một người định cư gương mẫu. Y không thể quan niệm đúng đắn các biên giới do người định cư dựng nên trong đời sống, vì thế, y không thấy đúng được tính chất và tầm quan trọng của hành vi biển thủ đầu tiên. Không thể «đổi đời» du mục thành định cư và trở nên gương mẫu được trong một đời người. Con y do tôi nuôi dạy rồi gởi đi học, nhưng hai năm nay bặt tin nó... Tôi chỉ biết có thế thôi.»

Trưởng ban hình sự lưu động Stratilat nhớ đến sứ mệnh của mình:

– Chúng tôi hy vọng là đến đây sẽ thu hồi được tài vật của nhà băng và bắt được bọn đồng lõa. Bây giờ lâu đài kia ai làm chủ, thưa cha?

– Chủ nhân là tướng Xantopol, nhưng ông đã cho con gái làm của hồi môn. Con gái ông là bà thị trưởng Scriban. Nhưng cả mấy người này chẳng bao giờ đặt chân đến lâu đài này cả. Không bao giờ.

– Cảm ơn cha! Cảm ơn cha đã cho biết những tin về cha con Panselin. Nếu tình cờ cha có biết được địa chỉ của Trifan, xin cha làm ơn cho chúng tôi biết gấp. Chúng tôi có thể tin tưởng nơi sự hợp tác của cha với nhà chức trách chứ?... Có thể bây giờ lão ta đã trôi dạt về với một bộ tộc du mục nào đó rồi cũng nên..

Cha Molifta lắc đầu:

– Thưa không. Xin các ông đừng đợi chúng tôi hợp tác.

– Tôi tưởng cha có bổn phận hợp tác với chính quyền. Ngay Phúc âm cũng có dạy: «Hãy trả những gì của César về cho César và những gì của Chúa cho Chúa». Vậy cha phải hợp tác với chúng tôi thu hồi tài vật cho nhà băng và bắt bọn sát nhân. Cha là linh mục mà...

– Chính vì tôi là linh mục nên tôi không thể hợp tác với các ông. Cảnh sát các ông tìm chính những con người bị truy nã, những tên sát nhân. Ngược lại, chúng tôi tìm nơi những tên sát nhân, những con người. Và trong mỗi con người, chúng tôi tìm đến Chúa.

* * *

14

Bọn cướp gồm có năm tên

Từ Rodina trở về, trưởng ban hình sự lưu động Stralitat thất vọng và thở dài thườn thượt, báo cáo với « xếp » :

— Xin dẹp ngay giả thuyết tài vật có thể được chôn giấu ở nhà thờ nhà xứ hay trong làng Rodina. Chẳng thu tập được gì hết ở đó. Chúng ta đã mất công toi.

Đại tá Prétorian an ủi :

— Anh đã biết được lý lịch Panselin. Thế cũng là có kết quả rồi. Anh lại còn tìm ra bí mật về vụ nửa triệu.

Stratilat lắc đầu :

— Tôi chỉ cần tìm ra chỗ chúng giấu của. Của mới là thành quả cụ thể. Còn tất cả chỉ là chuyện nhảm nhí.

— Tôi nói thực đấy. Nhờ chuyến đi của anh mà công cuộc điều tra tiến hành dễ hơn trước. Này nhé : Bây giờ ta mới hiểu động lực thúc đẩy Panselin cướp và giết. Chúng ta đã có một luận cứ để giải thích tác phong của Panselin hợp với luận lý. Đấy là yếu tố chính

của công tố trạng. Có anh đi Rodina về, ta mới hiểu Panselin là sinh viên nghèo, chăm chỉ đứng đắn bỗng trở thành một tên sát nhân lợi hại, vì nó phải chọn lựa; hoặc để cho bố ở tù rục xương hoặc phải cướp và giết.

— Điều này có liên quan gì đến việc tiến hành điều tra?

Cảnh sát trưởng giải thích:

— Ông Stratilat thân mến, cảnh sát bắt buộc phải nộp cho Tư pháp những tên sát nhân kèm theo hồ sơ hợp lý. Sự kiện trong hồ sơ phải có dính với nhau như một sợi dây xích. Giờ này hồ sơ Panselin đã khá rõ ràng. Người ta đã biết Panselin ra sao rồi. Bố là một tên trộm suýt bị khổ sai. Cuộc hôn nhân mua bán bần thỉu và không khí của quán Mảnh Trăng đã chi phối mạnh mẽ đời sống của nó. Nó còn bị ảnh hưởng của tính di truyền: là Gitan tức là ăn trộm ngay khi còn nằm trong bụng mẹ.

Hồ sơ một tên sát nhân phải như một định luật toán học khi trình lên bồi thẩm đoàn. Qua hồ sơ Panselin, ta có các chính đề sau: Bố Gitan, nghĩa là thiếu ý niệm luân lý, phi xã hội và trộm cắp, bỏ làng ra tỉnh làm ma cô sống với điếm ngoài lề xã hội. Khung cảnh sống và môi trường xã hội của Panselin con lại gồm những người tự nhận mình không phải là người mà là vi trùng. Đấy là nội dung chính đề. Phản đề là mọi cố gắng để vượt ra khỏi cái giọng kèm chẳng chịt trở lực ấy; việc hạ sát bọn gác đêm, việc cướp tiền các nhà băng, việc xài sang ở khách sạn Đông Phương và ăn táo tàu...

Với chính và phản đề trên, hợp đề của các quan tòa dễ tìm ra kết quả: sợi thừng treo cổ.

Về phần hồ sơ Panselin của chúng ta, anh có thấy nó rõ ràng, có luận lý và khoa học không? Nó là một bài toán. Nhưng cảnh sát còn chưa hoàn tất trách nhiệm trong vụ này vì chưa thu hồi được tài vật bị mất và chưa bắt được bọn đồng lõa, anh biết rồi đó. Như vậy, anh thấy có cần phải đi Rodina lần nữa không?

Stralilat phản đối :

– Đi Rodina mà làm gì? Tôi ngán quá, đi một lần tôi đã chịu không nổi rồi.

– Phải tìm cho ra dấu vết của Panselin «bố» và dấu vết bọn Gitan. Chúng ta chưa có thể loại trừ giả thuyết cho rằng hai bố con có liên lạc với nhau vì những gì ta biết được nhờ linh mục Molifta. Vả lại, anh quên rằng bộ tộc của Panselin quen thuộc với nghề sắt chứ? Vậy Panselin có thể chọn đồng lõa trong đám anh em bà con nghệ nhân về đồ kim loại để nhờ làm khóa tủ sắt. Cho đến nay, chưa có một đường đi nào đưa đến đích gần hơn đường của anh, nghĩa là của Hình sự lưu động: tìm dấu vết của thằng bố và điều tra bọn dân lang thang. Về phía chúng tôi, tôi sẽ cho điều tra ở khu Mảnh Trăng, theo dõi sát cha con lão chủ quán, theo dõi đám vi trùng, điều tra cả các giới ngân hàng nữa. Ngoài ra, tôi cũng dò xem Panselin có lui tới những chốn ăn chơi đế vương khác ngoài Đông phương đại khách sạn hay không. Tôi cũng cho người đi điều tra luôn ở công xưởng và khu Bình Khang vì dân ở đây sống sát với khu Mảnh Trăng nên phải biết ít nhiều về vụ làm ăn của Panselin.

Lúc đại tá Prétorian chưa nói hết câu thì máy điện thoại riêng nối liền với các Quận cảnh sát, với nhà lao và tòa án, với trụ sở thị trưởng v.v... reo cùng

một lúc với ngọn điện trên bàn giấy của ông ta chớp chớp. Đằng kia dây là quản đốc nhà lao tức trung tâm cải huấn:

– Allo! Thưa đại tá, đây là nhà lao. Tôi có một tin tối mật phải khẩn trình lên đại tá ngay. Cách đây 5 phút, có người đem một gói đồ ăn đến thăm «nuôi» Panselin. Dù nó còn ở bên đại tá chưa sang đây, tôi vẫn nhận như là nó đang bị giam ở đây vậy...

Đại tá Prétorian ngắt lời viên quản đốc nhà lao:

– Hay quá! Anh đã quyết định rất đúng. Có giữ người đem đồ ăn cho Panselin đấy chứ?

– Thưa có chứ. Một bà già. Chúng tôi gắng tìm lý lịch của mụ ta.

– Đã thẩm vấn chưa?

– Thưa thẩm vấn gì được! Mụ này câm điếc.

– Tôi tin là mụ ta đóng kịch. Nhưng cứ thử viết câu hỏi coi.

– Thưa mụ mù chữ. Bác sĩ của nhà lao đang giám định xem có phải câm điếc thực không.

– À, gói đồ ăn có những gì?

– Một khúc bánh mì, năm quả trứng luộc, mấy miếng dò và một gói nho khô... Chúng tôi đang đưa sang phòng thí nghiệm hễ có kết quả, tôi sẽ trình ngay.

– Anh nhớ coi chừng mụ già... Đừng để cho mụ tự tử và ráng đề phòng mọi việc bất trắc. Anh phải biết mụ già này chính là thiên sứ do Trời sai xuống để dẫn chúng ta đến chỗ chôn giấu tài vật và đến sào huyệt của chúng nó. Anh đợi tí, tôi đến ngay. Nhớ triệu tập ngay cho tôi một thông dịch viên câm điếc.

– Thưa thông dịch viên ở đây rồi. Nhưng y chẳng làm gì được hết vì mụ già này cũng mù luôn cả chữ của câm điếc.

– Rồi hãy hay. Anh chờ tôi một chút. Dù câm điếc và mù mọi thứ chữ, mụ già này vẫn rất cần thiết. Chờ đấy tôi sang liền bây giờ.

– Ấy, xin đại tá khoan cúp máy. Có kết quả của phòng thí nghiệm đây, tôi xin đọc để đại tá nghe:

«Sau khi phân chất kỹ lưỡng những thực phẩm của phạm nhân Panselin gồm một khúc bánh mỳ, năm quả trứng luộc, bốn miếng dò heo và 50 gờ ram nho khô, chúng tôi nhận thấy có một mảnh giấy trắng nhỏ cuốn tròn được nhét giữa một miếng dò. Mảnh giấy viết bằng bút chì ba hàng chữ nhỏ viết theo kiểu chữ in, nguyên văn như sau: «Chú Panselin thân yêu, chú biết rằng cả nhà tôi có năm mạng sống hay chết là do chú có khai hay không. Chú im lặng là cứu sống năm mạng người».

Nghe xong, viên cảnh sát trưởng suy nghĩ chừng vài giây đồng hồ rồi bảo với viên quản đốc nhà lao:

– Này nhé! Anh đưa cho mụ già kia thấy lá thư do mụ mang đến rồi quan sát các phản ứng của mụ xem có gì lạ không. Chờ tôi nhé. Anh đã góp công rất lớn vì tôi biết chắc rằng nhờ cái thư này, ta đã nắm được đầu dây của con đường đưa ta đến kết quả.

Quay sang Stratilat, đại tá Prétorian tươi cười chấp thuận cho ông ta khỏi phải đi Rodina và nói tiếp:

– Mụ già liên lạc của bọn cướp sẽ phải dẫn ta đến tận sào huyệt của chúng nó. Bây giờ ta mới biết thêm một chi tiết quan trọng và biết chắc chắn không có gì mù mờ rằng bọn cướp gồm có năm tên. Thành

tích này đáng chú ý kể mặc dù nó chưa có hiệu lực thực tế.

Cuối cùng, trước khi sang nhà lao, viên cảnh sát trưởng quay điện thoại xin nói chuyện với tỉnh trưởng:

– Thưa ông tổng trấn, bọn cướp vừa gửi cho tên Panselin một lá thư yêu cầu tên này đừng khai. Chúng tôi đã giữ người mang thư tại lao xá. Thưa, nếu ngài không bận việc, tôi xin rước ngài tới coi mặt sứ giả của bọn cướp, một mụ già câm điếc. Tôi đã cho giải Panselin đến để đối chất với mụ ta. Hy vọng chuyến này ta sẽ nắm được đầu mối sào huyệt và kho tàng của chúng nó.

*
* *

15

Bà già câm điếc, sứ giả của bọn đạo tặc

Ông thị trưởng và đại tá Prétorian cùng ngồi quanh bàn giấy quản đốc nhà lao. Hai phó chỉ huy cảnh sát đứng sau lưng vị chúa tỉnh. Quản đốc nhà lao đích thân áp giải bà già câm điếc lên trình diện. Cả mấy người cùng im lặng. Trên tường treo, những bản thống kê đồ biểu đủ loại. Mọi người hình như cảm thấy bực bội, bứt rứt vì không quen với không khí của văn phòng này. Có một thứ mùi gì rất khó ngửi đối với những người ở ngoài vào. Cố nhiên đây không phải thứ mùi ngửi bằng mũi, mà ngửi bằng tâm hồn. Nhưng nếu phải ví von cho dễ hiểu, đây cũng là một thứ mùi thủm như mùi nước cống, hay mùi xác chết đã vữa ra đối với khứu quan của tâm hồn. Bởi tâm hồn cũng cảm được, ngửi được những mùi vị như thể xác. Cũng có những tâm hồn con người có những mùi nặng như vậy, lại gần là buồn nôn.

Mọi người đều có cảm tưởng khó chịu khi ngồi trong văn phòng nhà lao. Vì không khí nặng mùi của nó, mặc dù bàn ghế và toàn thể căn phòng sạch ít nơi bằng. Nhưng những lời nói của cai ngục nói với phạm nhân, những đòn tra tấn, những cách hành hạ và nhục

mạ con người, những sự dối trá và mưu kế đưa ra để đánh bẫy can phạm v.v... đã để lại nơi đây một mùi vị thum thủm của những tâm hồn vữa nát, tội ác. Thị trưởng Scriban phe phẩy cái mùi xoa trong tay không ngừng, nhưng vẫn không xua đuổi được cái mùi khó thở đi. Ông nhớ lại việc một người bạn thân hồi còn đi học đã viết thư khẩn thiết xin ông ta cho một ít nước hoa Eau de Cologne khi anh ta bị giam. Scriban đã đem nước hoa đến cho bạn và thấy nhà lao khá sạch sẽ nhưng anh sinh viên kia vẫn muốn ngạt hơi vì uế khí trong nhà lao.

Lúc đó, cửa mở ra, nhưng ngài thị trưởng Scriban đã mừng hụt khi một ông « thầy chú » bước vào. Thầy chú gác ngục là những con người có vết thương tâm hồn lở loét nhất và do đó nặng mùi nhất, sau đó đến giám thị trưởng. Cuối cùng bà già mang thư cho bọn cướp dẫn vào.

Bà già bước những bước ngắn như bước chân chim sẻ. Mặt bà già đầy những nếp nhăn nhỏ và đều, như những nếp nhăn trong ngọn bút của những nhà danh họa Á châu cổ trên những bức tranh nhỏ của nghệ thuật hội họa cổ Đông phương. Có những nếp nhăn thanh như vậy hẳn da mặt bà già hồi trẻ phải mịn màng lắm.

Với người bà già này bé tí xíu, bé như một đứa trẻ con vậy. Rất mảnh mai, không phải là thứ mảnh mai vì gầy gò mà mảnh mai như một cành hoa. Mảnh mai theo nữ tính, theo tâm hồn người đàn bà. Bà già lắm như không có tuổi, nhưng đôi mắt vẫn đen lánh. Bà bận đồ đen tuyền, toàn thân giấu kín dưới nếp áo maphorion của phụ nữ Đông phương: một cái váy đen che lấp cả chân chỉ để hở có đầu mũi dép cũng đen nốt. Đi giữa hai viên thầy chú vào văn phòng quản đốc

nhà lao, bà già nhìn quanh ngơ ngác như một con nai con. Bà có vẻ khiếp nhưng không sợ, đúng hơn là lo ngại. Đôi mắt đen nhấp nháy của bà già làm mọi người nghĩ đến đôi tai ve vẩy của thỏ khi nó nghe tiếng động. Sự lo ngại của bà làm cho người ta liên tưởng đến đôi mắt đầy lo ngại của loài sóc. Đôi mắt ấy thấy hết, thấy đàng trước, hai bên, đàng sau, cùng một lúc. Bà như thấy cả ý nghĩ trong đầu mọi người :

Viên quản đốc nhà lao lên tiếng:

— Thưa ngài tổng trấn, mụ này không khai gì được cả, Mụ câm điếc thực.

Thị trưởng Scriban, đại tá Prétorian và hai phụ tá cùng quan sát bà già hết sức cẩn thận, tỉ mỉ từ đầu đến chân, như quan sát một đồ vật, kiểm xét một tang vật. Nhưng mọi người không thấy gì hết ngoài tấm maphorion đen đã bạc màu như tấm áo choàng của Đức Mẹ trên trang thờ.

Đại tá Prétorian hỏi viên quản đốc nhà lao :

— Có chắc là mụ không đóng kịch không?

— Thưa đại tá, bác sĩ của nhà lao đã giám định và kết luận như vậy. Thưa, các bác sĩ của nhà lao hàng ngày quá quen với những vụ giả câm điếc và đau ốm. Họ rất ít lầm. Tuy nhiên họ vẫn cẩn thận không dám kết luận hấp tấp. Vì vẫn có những vụ giả vờ mấy năm sau mới khám phá ra. Hơn nữa câm điếc lại là thứ bệnh mà khoa học giám định chưa tìm ra phương pháp hữu hiệu.

Bà già không nói nhưng mắt bà như hiểu hết. Bà biết mấy người này đang bàn về bệnh của bà, biết là họ chưa hết nghi bà giả bệnh. Bà đã chờ đợi tất cả những chuyện ấy trước khi bước qua cửa nhà lao với gói đồ ăn đem cho Panselin,

– Thế bà già này không có qua một mảnh giấy tùy thân nào trong người cả hay sao?

– Thưa không. Điều duy nhất ta được biết là bà già này thuộc thành phần dân lao động, thành phần vô sản thấp nhứt. Bàn tay bà ta là bàn tay người tối ngày phải giặt áo quần, giặt cả đời. Ngay sáng nay vẫn còn giặt. Bà này còn thuộc vào thành phần thiếu ăn. Mọi dấu hiệu của hiện tượng đó đều kinh niên hiện rõ nơi mắt bà ta. Cách ăn bận là cách ăn bận thông thường của phụ nữ nghèo. Áo choàng maphorion của bà già may bằng đay thô, y như loại đay Đức Mẹ dùng để may áo cho chính Người.

Thị trưởng Scriban hỏi:

– Có phải bọn cướp đã hy sinh bà già này khi chúng nó giao cho bà ta mang thư vào nhà lao hay không?

Đại tá Prétorian đáp:

– Thưa, đúng như vậy. Cho mụ ta đi đến đây là chúng nó muốn hy sinh mụ đi. Chúng thừa biết là cho mụ đi là không mong gì mụ trở về được. Chúng cũng không mong mụ trở về, vì mụ đã già quá rồi, phải nuôi báo cô mụ mà thôi.

– Tôi không hiểu bà già này nghĩ gì khi thấy chúng nó giao cho cái công việc phải hy sinh mình? Không hiểu mụ tự động nhận đi hay bị bắt buộc phải đi?

Viên quản đốc nhà lao đỡ lời:

– Thưa, cũng có thể mụ là mẹ hay bà nội bà ngoại gì của một tên trong bọn. Mụ nhận mang thư đi cho Panselin hy sinh thân mình để cứu con hoặc cháu mụ.

Đại tá Prétorian ra lệnh cho cai ngục:

— Cho chụp hình và lấy dấu tay mụ này ngay, rồi in ra để gửi cho mọi Ty, mọi bót cảnh sát biết. Gửi cả hình mụ cho báo chí nữa. Cho in thành áp phích dán khắp nơi, đại khái hứa sẽ trọng thưởng cho những ai biết mụ già này. Biết được mụ là ai, việc tìm ra sào huyệt bọn cướp không khó nữa. Tất cả phải lăn lưng ra làm, dùng mọi phương tiện để biết cho bằng được mụ là ai ở đâu tới, nhà ở đâu, tên là gì. Biết được mụ là sẽ biết được người gửi thư cho Panselin, yêu cầu y im lặng để cứu mạng năm tên.

*
* *

16

Bắt người câm điếc phải khai

Tra cứu ra lý lịch bà già, sứ giả của bọn cướp khó vô cùng. Gần như là không thể làm được. Bà già như là một vật vô tri trong tay cảnh sát. Vật thể dễ sưu tra hơn nhiều. Cảnh sát có thể cắt nhỏ vật thể ra từng miếng nhỏ để đưa lên kính hiển vi, để bỏ vào axit trong các ống nghiệm, để nghiền thành bột đặng hòa chung với một loại hóa chất nào đó xem phản ứng trong phòng thí nghiệm. Tra cứu lý lịch một tử thi cũng còn dễ hơn bà già này. Tử thi có thể đem ra mổ xẻ để tìm hiểu. Nhưng tất cả các phương pháp nói trên đều không thể đem ra áp dụng để tra cứu lý lịch bà già câm điếc. Cảnh sát bực tức đến tột độ.

Hai giờ đồng hồ sau thị trưởng Scriban, cảnh sát trưởng Prétorian và các phụ tá họp lại ở trụ sở cảnh sát để xét kết quả và ấn định kế hoạch mới.

Đại tá Prétorian báo cáo :

– Chúng tôi đã đưa hình mụ già này cho cha con lão Kyr Christaki xem. Hai người này cùng quả quyết rằng họ chưa hề gặp và không biết mụ là ai hết. Ảnh của mụ cũng được chuyền đi khắp khu Mảnh Trăng, chuyền sang cộng xưởng và cả khu Bình Khang nữa. Không có một con vi trùng nào, không có một ả điếm

nào và không có một người thợ nào biết mụ cả. Chắc mụ ở nơi khác đến. Bây giờ cảnh sát đang đi đến các khu khác để đưa ảnh mụ ra hỏi mọi người xem có ai biết mụ không. Chẳng ai biết mụ hết. Cho nên chúng ta phải đem mụ già ra đối tượng với Panselin. Xin tất cả các bạn chú ý theo dõi quan sát nhất cử nhất động của hai người.

Bà già được dẫn vào trước. Bà vẫn giữ được dáng đi nhẹ nhàng với những bước ngắn bước thoăn thoắt, chân như không bén đất. Đôi mắt của bà nhìn thay cho tai và miệng.

Panselin được dẫn vào sau. Lúc này, không ai nhận ra y nữa, kể cả những viên cảnh sát đã gặp y lúc sáng. Mặt mũi tay chân cho đến áo quần cũng rách bươm và lấm máu vì y vừa ở phòng tra tấn ra.

Đại tá Prétorian hỏi Panselin :

– Mày có biết bà già mày không?

– Thưa không.

– Mày lại gần nhìn kỹ bà ta đi.

Mấy người lính phải đẩy Panselin lại gần bà già. Bà già nhìn mặt Panselin sưng húp và vấy máu. Bà nhắm mắt lại để rồi mở ra nhìn xuống và thấy hai tay Panselin bị còng. Bà nhắm mắt lại như không muốn nhìn thêm nữa nhưng rồi lại mở ra nhìn xuống hai chân y bị xiềng. Lúc ấy, đôi mắt bà già chớp nhanh và hai dòng nước mắt long lanh tuôn ra trên đôi gò má nhăn nheo. Bà giơ vạt áo maphorion lên lau cho vết thương trên chân Panselin đừng rỉ thêm máu.

– Mày không biết bà già này thật sao?

– Thưa không?

– Tại sao bà già lại lau máu cho mày?

– Thưa tôi không biết. Có lẽ bà già đã là mẹ và bà mẹ nào cũng có từ tâm.

Trông bà già lau máu cho Panselin, người ta thấy có cả một chân trời nhân ái của người mẹ. Cử chỉ thân thánh này làm liên tưởng đến cử chỉ của Đức Mẹ Maria ngày Đức Chúa Con được dời từ thánh giá xuống để đi vào lòng đất. Cử chỉ của bà già và cả tấm áo maphorion choàng trên người cũng giống hệt như cử chỉ và áo của Đức Mẹ.

Cảnh sát trưởng quay sang bảo phụ tá Argat:

– Thử hỏi bằng tiếng câm điếc xem nó có biết thằng này không?

Thưa đại tá chúng tôi đã thử bằng đủ mọi cách mà không được. Quả thực mụ không biết.

Đại tá Prétorian cáu đến cực điểm. Nắm được một người sống trong tay có thể dẫn cảnh sát đến đích nhưng bị mất chìa khóa. Ông ta cầm mẩu giấy đưa lên mặt bà già chuyền qua Panselin và la lớn:

– Ai giao cho mụ mảnh giấy này để mang vào đây cho thằng ăn cướp này?

Bà già ngước mắt nhìn mẩu giấy rồi lại cúi xuống nhìn Panselin.

– Ai sai mụ đi?

Argat lại nói chuyện với bà già bằng tiếng nói câm điếc nghĩa là bằng tay, bằng miệng nói như kiểu nhái lại câu hỏi của đại tá Prétorian: Bà già lại nhìn, ánh mắt bà cho hay là bà hiểu hết qua màng nước mắt. Ánh mắt ấy có nghĩa là:

– Không bao giờ tôi nói cho các ông biết đâu!

Đại tá Prétorian tức phát điên. Ông ta giơ nắm tay ra trước mặt bà già như muốn nói rằng « không nói là bà sẽ bị tra tấn như thằng kia ». Bà già như đã hiểu ý ông cảnh sát trưởng; bà đáp lại bằng một mỉm cười méo xệch. Đôi mắt của bà, của một đời người gò mình trên bếp, trên mấy cái soong chảo, trên đống đồ giặt v. v... muốn nói rằng lời đe dọa ấy vô nghĩa, vì chết là được giải thoát đâu có đáng sợ.

– Được để xem mụ có nói không? Có phải mụ không sợ chết không?

– Thưa đại tá có phải dùng... đối với mụ ấy không. Argat hỏi lại

– Phải! Ra dấu cho mụ biết rằng không khai là mụ hết sống. Bảo mụ nghĩ gấp đi.

Im lặng một lúc. Rồi cũng đại tá Prétorian lên tiếng:

– Trù trừ không dám dùng biện pháp mạnh là mềm yếu. Mụ già này là đầu dây mối nhợ khả dĩ đưa ta đến sào huyệt tụi chúng nó. Chưa bao giờ cảnh sát gặp được một cái may như vậy. Phải khai thác đến nơi đến chốn. Nếu trù trừ là hỏng, là chậm chân hơn chúng nó.

Bà già hình như không lạ chuyện sắp xảy ra cho bà.

– Có những lúc cảnh sát phải lấy cho được lời khai của cả người câm điếc... Phải tạo cho ra phép lạ người câm nói khi chúng ta không có quyền chọn lựa, như lúc này.

Không ai nói gì tiếp theo lời đại tá Prétorian. Cả mấy người nhìn bà già đứng giữa căn phòng với ánh mắt đăm đăm và nghiêm trang. Không ai biết bà già này tên gì, ở đâu, bao nhiêu tuổi. Chỉ biết là bà già này đã làm mẹ. Tật nguyền. Và biết là bà đã quyết

định hy sinh, hoặc tự nguyện hoặc bị ép buộc hy sinh để cứu một đứa con hoặc đứa cháu khỏi bị treo cổ.

Cuối cùng, cũng vẫn đại tá Prétorian lên tiếng để ra lệnh :

– Dẫn đi đi.

Bà già lại bước đi. Bước của bà vẫn ngắn, ngắn hơn lúc bước vào. Trông bà lúc này hình như còn nhỏ hơn, mảnh mai hơn. Nét mặt nhăn nheo hơn. Mặc dù biết trước rằng đi tiếp tế cho Panselin là bị hy sinh, bị tra tấn đến bỏ mạng trong nhà lao để cứu năm mạng người, bà vẫn thấy sợ. Chính da thịt bà già sợ. Tấm da nhăn nheo cũ kỹ của bà sẽ bị đem ra thử thách với sự đau đớn. Bà đã làm xong việc mang thư cho Panselin cho y biết phải im lặng để cứu sống năm mạng người. Về phần bà, bà không lo. Bà sẽ không bao giờ khai hết. Không như những phạm nhân khác, bà có ưu điểm là không khai được. Dù muốn, bà cũng không khai được. Bà câm thực. Đấy là ưu điểm của bà. Lần thứ nhất trong đời, bà thấy câm có, lợi. Bà sẽ để lại tấm da nhăn nheo cho cảnh sát, tấm da có bọc một bí mật bên trong. Từ cái lưỡi của bà, khi bà có vẻ kiêu hãnh vì bà câm. Câm, bảo đảm cho bà sẽ mãi mãi giữ kín được bí mật. Bà nhìn thị trưởng Scriban bằng ánh mắt long lanh sáng như muốn bảo : « Bộ ông tưởng là ông sẽ là thị trưởng đời đời chắc?... Bao nhiêu bạo chúa, bao nhiêu thị trưởng, bao nhiêu cảnh sát trưởng đã tưởng được rằng họ sẽ ngự trên ngôi cao đời đời trước ông rồi... ».

Thị trưởng André Scriban như hiểu ý nghĩa cái nhìn của bà già. Ông thấy sợ nên can thiệp :

– Này, đại tá... Tôi phản đối việc tra tấn một bà già như bà này.

– Thưa ngài, chúng ta có bổn phận phải tìm cho ra của cải của nhà băng và những tên cướp đồng lõa với tên Panselin. Bây giờ ta có một đường dây dẫn đến đích phải khai thác, khai thác đến nơi đến chốn.

– Tôi cũng biết! Có điều không nên tra...

– Thưa, không nên khai thác cái mỏ vàng này sao? Tôi thiết tưởng bổn phận bắt chúng ta phải bắt mụ này nói cho bằng được. Câm cũng phải nói.

– Phải tìm biện pháp bắt bà ta nói. Những người già cả tật nguyền, nghèo khổ được hưởng một vài đặc quyền khi họ còn trên trái đất này.

– Thưa ngài, xin ngài chỉ cho chúng tôi một biện pháp khác để khỏi dùng đến biện pháp hạ sách ấy. Chúng tôi xin tuân lệnh ngay.

– Tôi cũng không biết nữa, nhưng không nên tra...

– Thưa, nếu không có biện pháp, xin phép ngài cho chúng tôi dùng biện pháp cần thiết.

– Nếu chúng ta không thấy biện pháp nào khác, không có nghĩa là biện pháp ấy không có. Tôi nghĩ là mình phải gắng tìm cái đẹp hơn. Kể cả trường hợp ta không thấy gì hay hơn, ta cũng không thể viện cớ là tìm không ra cái hay để làm bậy. Con người có một chút cao cả là ở đó, vì cái bậy là ma quỷ.

– Tôi nghĩ là bắt được bọn cướp thu hồi tang vật cần hơn là lo đến đạo đức... Chúng ta không có quyền dừng lại. Chính xã hội bắt ta phải tiến tới khi giao cho ta sứ mạng phải tìm cho ra đạo tặc để trừ. Chúng ta không thể không làm tròn sứ mạng và do đó, phải nghĩ đến nguyên tắc hữu hiệu trước. Phải thực tế, dù có khi vì thế mà ta tàn ác cũng đành vậy.

– Đại tá này, mình có thể tàn ác với chính mình không? Ta đâu có được phép tàn ác với người yếu

hơn, với kẻ tù tội, với kẻ tật nguyền, với người già cả, với kẻ bất hạnh... Không, tôi nhứt định chống lại việc tra bà già này.

– Thưa, vậy thì bọn sát nhân, tài sản của nhà băng thì sao? Ngài để cho chúng nó ung dung biến mất vì một nguyên tắc sao?

– Phải, vì một nguyên tắc. Tôi có ý kiến này, đại tá: không tra tấn bà già này và thả bà ra. Nhưng phải bám cho sát. Được tha, bà ta không lẽ cứ ngồi ngoài đường mãi hay sao? Một chốc rồi cũng phải về nhà chứ. Bám theo là biết ngay bà ta là ai, ở đâu v. v... Biết bà ta là ai rồi thì biết bọn kia đâu có khó gì nữa? Nghĩa là ta cũng dùng bà ta làm mồi, hy sinh đi để dùng.

– Thưa vâng, chúng tôi xin tuân lệnh ngài, vì ngài là chủ tỉnh này, mặc dù tôi nghĩ rằng bọn chúng sẽ nhanh chân hơn ta khi áp dụng biện pháp ngài vừa chỉ. Vả lại, nếu bọn cướp có biến mất với tất cả tài sản, đã có ngài chịu trách nhiệm cho chúng tôi rồi.

– Phải, cứ thả bà già này ra đi, tôi chịu trách nhiệm. Nhưng phải theo cho sát.

– Thưa vâng, tôi xin thi hành ngay. Biết đâu biện pháp của ngài lại có kết quả? Để cho mụ già này nói bằng cử chỉ bằng sự di chuyển của mụ. Phải, mụ sẽ không nói dù có tra khảo. Để cho mụ tự thú bằng sự quan hệ giữa chúng sẽ dễ cho chúng ta hơn nhiều.

* * *

17

Con mồi để nhử bọn cướp

Biện pháp dùng bà già làm con mồi được thi hành tức khắc. Người ta ném bà già câm điếc ra đường như kiểu buông câu rồi đợi cá đến cắn. Nhưng cá ở đây là những tên cướp đến đón bà già... để rồi bị cảnh sát rước vào nhà lao. Nếu không thì bà lão cũng phải đi về sào huyệt bọn cướp và dẫn cảnh sát đi theo. Nhưng trước khi bà già được đóng vai con mồi, bà già còn được đưa trình diện cho báo chí như các tài tử màn ảnh, như một minh tinh sáng chói.

Lễ trình diện bà già bận maphorion câm điếc được tổ chức tại phòng hội lớn của trụ sở cảnh sát. Các nhà báo, các nhà nhiếp ảnh và hầu hết mọi thám tử và cảnh sát viên trong thành phố đều được mời tham dự lễ trình diện độc đáo này. Đại tá Prétorian thuyết trình sơ qua về nội vụ và đại cương những kế hoạch hành động mà cảnh sát đã dự liệu. Ông ta nói :

« Thưa quý vị ký giả,

Thưa các bạn,

Vài phút nữa, chúng tôi sẽ đưa bà già câm điếc sứ giả của bọn cướp mang thư đến cho tên Panselin ra trình diện với quý vị và các bạn. Thư của bọn cướp được giấu trong một miếng dò, ra lệnh cho Panselin

phải im lặng để bảo toàn tính mạng cho năm tên cướp và để bảo vệ tài sản chúng cướp được. Chúng tôi đã tìm đủ mọi cách để thẩm tra lý lịch bà già này nhưng không làm được.

Tình thế đã gấp rút lắm. Vì lý do nhân đạo, chúng tôi sẽ không áp dụng những biện pháp cứng rắn để bắt bà ta phải khai tên những đứa đã sai bà ta mang thư vào cho Panselin. Chúng tôi sẽ thả bà ta ra sau khi trình diện với quý vị xong, ít phút nữa thôi. Chúng tôi hy vọng quý vị sẽ tham dự một cách kín đáo kế hoạch này và quan sát sự diễn tiến của mọi chuyện, mọi tác động, mọi sự kiện. Kế hoạch của chúng tôi nhằm nhờ bà già kéo cảnh sát tới sào huyệt bọn cướp... »

Đại tá cảnh sát trưởng vừa dứt lời, đèn trong phòng tắt vụt. Dãy đèn chiếu dọc theo bờ bục gỗ cao cháy sáng y hệt như trong nhà hát lớn, khi màn sắp mở. Dưới ánh sáng chói chang của dãy đèn sáng rực, bà già được dìu lên sân khấu giữa không khí im lặng như tờ.

Vẫn bước những bước ngắn chân nọ như dính liền với chân kia, bà già để cho lính dìu lên sân khấu. Khi đi đến giữa sân, mấy người lính dìu bà rút lui, để bà già đứng lại một mình. Và giữa lúc đèn điện gia tăng cường độ chiếu sáng rực vào thân hình mảnh mai của bà già, mọi người ngạc nhiên vì thấy bà không tỏ ra sợ hãi như họ đã tưởng. Trái lại bà tỏ ra tươi tỉnh khoan khoái. Đứng trên bục cao, thu mình trong tấm áo choàng maphorion, dưới ánh đèn chói lòa, bà già cảm thấy thoải mái. Có thể nói là bà cảm thấy sung sướng cũng không sai. Không ai hiểu được tính chất bí mật của sự sung sướng đột nhiên này. Đáng lẽ phải khóc lóc hay rên rỉ như mọi kẻ gian khác, bà già này lại tỏ ra hoan hỉ. Bà già tỏ ra muốn

thời gian này cứ kéo dài lâu chừng nào hay chừng nấy. Tại sao vậy? Lý do thật giản dị: không phải các ông nhà báo, nhiếp ảnh, bục gỗ cao v.v... đã làm cho bà già sung sướng; mà chính là ánh đèn và sức nóng của nó đã làm cho bà cảm thấy ấm áp. Các bà già giống như mèo: luôn luôn cần sức nóng, cần ấm áp. Càng già, người ta càng cảm thấy lạnh hơn. Càng thấy lạnh người ta lại càng cần ấm áp, càng muốn gần lửa, gần sức nóng. Người già, đêm cũng như ngày, luôn luôn đi tìm chỗ nào có lửa.

Sau những giờ dài dằng dặc nằm trong những căn phòng lạnh lẽo của nhà lao và của nhà giam cảnh sát, thân thể già cỗi nhỏ nhắn và yếu đuối của bà già cảm thấy ấm áp dưới ánh sáng có nhiều nhiệt năng của dãy đèn, của những chiếc máy quay phim. Từ khi bị giữ lại đến nay, bà già đã khổ sở vì lạnh. Đến bây giờ bà mới thấy ấm, mới cảm thấy hơi ấm đã trở về trong thân thể bà. Hơi ấm của cuộc đời, thường hay chuồn ra khỏi thân thể những người già cả, đã trở về trong người, làm cho bà đẹp hơn lên.

Bà già có vẻ sung sướng chỉ vì lý do hơi ấm mà thôi. Nhưng nhà báo với cảnh sát không thể nào hiểu nổi sự thật giản dị này.

Một nhà báo hỏi ông cảnh sát trưởng:

— Đại tá có tin chắc là quả thực bà già không biết chữ hay không?

— Chắc chứ!

— Đại tá cho phép chúng tôi thử lại không?

Prétorian không phản đối. Anh nhà báo bèn trèo lên bục đưa cho bà già một cây viết chì mới tinh và một tập giấy trắng. Bà già giơ tay ra đỡ lấy. Bà nhớ lại là bà đã thấy lễ phát phần thưởng cuối năm, học

trò giỏi đều được thưởng sách vở giấy bút v..v.. ngoài có bao giấy bóng đỏ. Cho nên bà rất cảm động khi bà cũng được thưởng như học trò ngày lễ bế giảng niên khóa.

Bà già cúi đầu chào ông nhà báo như để cảm tạ. Bà mỉm cười, sung sướng. Nhà báo nói với bà :

– Bà già viết tên tuổi chỗ ở vào mảnh giấy này đi.

Nhưng bà già hiểu sai. Bà tưởng rằng ông nhà báo này khuyến khích bà nhận lấy món quà của ông ta, vì vậy bà mới tinh cất giấy bút vào bọc áo.

Bà già không thể nghĩ rằng lại có những người cho rằng bà biết chữ nên biểu bà phải viết tên tuổi. Bà không bao giờ nghĩ rằng lại có những người nghi bà biết chữ ở trên trái đất này. Bà chỉ có thể hiểu rằng người ta biếu cho bà giấy trắng và cây bút chì. Thế thôi ! Vì vậy, bà mới cất tất cả vào bọc. Những người già tuổi thường ưa được cho quà cho đồ vật. Ưa mọi thứ đồ vật, kể cả những đồ vật chẳng có ích lợi gì cho họ cả. Bởi vì ưa đồ vật là một cách bám lấy đời sống mà họ sắp phải từ biệt.

Nhưng nhà báo kia lại không hiểu như vậy. Thấy bà già chực cất tất cả vào bọc, ông ta giơ tay ngăn lại :

– Ô kìa ! Tôi đưa bút giấy cho bà để viết tên tuổi, đâu có đưa cho bà để cất đi.

Thấy ông nhà báo này giơ tay ngăn lại, bà già hiểu ra rằng không phải người ta biếu bà món quà này. Bà đưa trả lại tập giấy và cây bút với tất cả sự lưu luyến một cái gì mà bà không hy vọng có lại. Một nhà báo khác hiểu được ý nghĩa của cái nhìn của bà già liền can thiệp :

– Anh không thấy bà già tỏ ra muốn có tập giấy và cây bút hay sao? Biếu bà ấy đi!

Nghe nhà báo thứ hai nói, mọi người thấy thương bà già.

Họ cũng hiểu luôn rằng đối với bà già, nhận một đồ vật là nhận thêm một mẩu đời sống trần gian và bị lấy lại một đồ vật đã được nhận là mất đi một mẩu đời sống. Lòng thương hại bà già khiến cho một nhà báo lên tiếng phản đối cảnh sát:

– Thưa đại tá cảnh sát trưởng, tôi phản đối biện pháp đối xử với bà già này của cảnh sát...

Đại tá Prétorian:

– Chúng tôi có đụng chạm gì đến bà già này đâu!

– Chúng ta không có quyền dùng bà già này làm con mồi như bọn cướp. Chúng ta không có quyền coi bà già như một con dê đem ra để nhử con cọp. Chúng tôi phản đối biện pháp khinh thường nhân cách con người của cảnh sát...

Đại tá Prétorian nổi giận đùng đùng:

– Yêu cầu ông nhà báo đừng đem đạo đức ra lúc này. Chúng tôi sẵn sàng nói chuyện đạo đức luân lý với ông sau khi bắt được bọn cướp... Báo của ông đã lên tiếng chỉ trích chúng tôi về việc không bắt được bọn cướp mà...

Nhà báo kia nín khe. Nhưng một nhà báo khác nêu ra một vấn đề mới:

– Thưa, tôi tưởng là bà già này thế nào cũng có tên trong một Hội từ thiện bác ái nào đó. Biết đâu bà ta lại không là hội viên của một Hội bảo vệ người câm điếc quốc tế nào đó. Người câm điếc tật nguyền được bảo trợ đàng hoàng và có những cơ quan hiệp hội phụ trách việc này...

Đại tá Prétorian ngắt lời :

– Tôi hiểu ý của ông nhà báo rồi. Nhưng bà già này chẳng có tên trong một hiệp hội nào hết.

– Có thể bà ta ở một thành phố khác đến, hay không chừng một nước khác.

– Có thể chúng ta cứ thử đi rồi mới biết được.

– Giả thiết như bà già này được bọn cướp đem từ một thành phố khác hay một xứ khác đến thì biện pháp thả bà già ra để đi theo về sào huyệt bọn cướp sẽ không có kết quả gì hết và đâm ra ngớ ngẩn như bao nhiêu biện pháp ngớ ngẩn khác của cảnh sát từ trước đến nay...

– Nhưng bà già cũng có thể ở trong thành phố này, do đó, vẫn cứ nên áp dụng biện pháp này như thường...

Một đặc phái viên trẻ khác :

– Thưa đại tá, chúng tôi có đem theo một thông dịch viên câm điếc của tòa soạn. Chúng tôi xin phép đại tá thử cho nói chuyện với bà già này bằng ngôn ngữ câm điếc xem sao ?

– Ông bạn sẽ phí công vô ích. Chúng tôi cũng có thông dịch viên câm điếc. Chúng tôi đã thử nhưng bà già này không biết gì hết. Tuy thế tôi cũng vẫn để cho ông bạn được thử lại, nhưng ông bạn phải làm mau trong ba phút thôi.

Thông dịch viên câm điếc bước lên bục gỗ. Đấy là một người có tuổi. Ông ta bước lại gần bà già và nói bằng cả hai tay, chào bà già bằng tiếng câm điếc và gọi bà già bằng cụ. Sau đó ông ta mới hỏi tên, quê quán của «Cụ», hỏi một cách lịch sự và nhã nhặn. Bà già tò mò nhìn ông thông dịch viên này múa hai tay như bắt quyết một cách chăm chú và đầy cảm tình.

Bà mỉm cười và cúi đầu như để tạ lỗi với ông kia rằng dù bà câm điếc thực, bà cũng không hiểu tiếng câm điếc. Cái cúi đầu của bà già như một cách tạ lỗi đã không học để biết tiếng câm điếc... Thực sự là như vậy. Người một nước mà không biết tiếng nước đó là một điều không thể tha thứ được. Người câm điếc không biết tiếng câm điếc cũng thế. Bà ta muốn giải thích rằng dù câm điếc thực, bà cũng không được hưởng cái quyền được học tiếng câm điếc... Đấy là tiếng của những người câm điếc giàu có. Trong thế giới câm điếc, toàn thành phần xã hội còn chặt chẽ hơn trong thế giới người bình thường nhiều. Có những người câm điếc giàu có được học tiếng câm điếc để nói chuyện với nhau và với người thường bằng dấu để viết thư bằng tiếng nói câm điếc. Trong khi ấy, người câm điếc nghèo như bà già không bao giờ ngừng tay làm việc, không có thì giờ rảnh rỗi để cho bàn tay học chữ... Hết giặt đến nấu ăn, ủi quần áo, may vá. Bàn tay bà già không bao giờ rảnh. Để cho bàn tay được rảnh rỗi để học vẽ những cái dấu là một đặc quyền của người câm điếc giàu có mà bà già không thể mơ ước.

Lúc lính lên dẫn đi, bà già đã rời bục gỗ một cách ngập ngừng, đầy luyến tiếc. Có lẽ lần thứ nhất bà thấy tiếc vì mình không giàu có. Người câm điếc mà nghèo, đôi bàn tay cũng câm điếc luôn.

Bà già vừa đi vừa nhìn vào tay một cách buồn bã. Phải phải! Bàn tay bà cũng câm điếc luôn. Bàn tay của một bà già nghèo không biết nói và ve vuốt. Bàn tay của người nghèo chỉ là những công cụ câm lặng, chỉ dành để làm những việc tầm thường.

* * *

18

Một đêm của bà mẹ bọn cướp

Cửa chính của nhà lao, một thứ cửa bọc sắt đen ngòm thường chỉ đóng và mở ra khi có xe lớn chở phạm nhân ra vào – mở rộng.

Nhưng không phải mở cho xe chở phạm nhân ra hay vào, mà mở cho bà già câm điếc mẹ của bọn cướp đi ra. Bà đi ra khỏi nhà lao cũng nhỏ bé run rẩy như thường trong tấm áo choàng maphorion che kín người.

Cảnh sát đã để cho bà ra về tự do, để biết trước hết là hướng đi của bà, vì hướng đi của những bước đầu tiên của bà già ở ngoài nhà lao sẽ cho cảnh sát biết một điểm thiết yếu: sào huyệt bọn cướp ở vào hướng nào trong thành phố.

Bà già câm điếc vẫn bước những bước ngắn, những bước đi của phụ nữ phương Đông. Người đàn bà phương Đông đều bước những bước rất ngắn, y như hai chân bị xiềng dính với nhau vậy. Có thể nói là chân bước sau sát liền với gót chân đi trước, nhờ vậy mà dáng đi của bà trông lịch sự và thanh nhã. Đàn bà phương Đông không bao giờ dang rộng hai chân khi cất bước. Trái lại, hai chân của các bà như dính liền nhau, khi đi hai chân ấy như vẽ hai nửa vòng

tròn để gót bàn chân nọ đặt trước ngón bàn chân kia. Tối hôm nay vì phải chú ý nghiên cứu nhất cử nhất động của bà già, mọi người mới chú ý và nhận thấy dáng đi đài các và uyển chuyển của người đàn bà phương Đông, khác hẳn và đẹp hơn bất kỳ dáng đi phụ nữ mọi xứ khác.

Bà già tỏ ra nghi ngờ cảnh sát theo dõi bà.

Bà dừng lại trong khung cửa tối đen của cổng nhà lao, ngập ngừng trước khi đặt chân xuống đường. Chỉ có một mình bà mà thôi. Chẳng có ai ở quanh cả. Ngay cả lính gác cũng lãng xa. Nhưng bà già vẫn biết rằng chưa có bao giờ lại có nhiều cặp mắt chú ý nhìn bà chòng chọc như tối hôm nay. Ngoài mắt người, còn có những con mắt của máy ảnh, máy quay phim đang thu hình bà vào ống kính.

Bà già nhìn quanh đầy lo lắng. Bà không thấy qua một người nhưng biết có hàng trăm người thấy bà. Bởi vậy, để giữ bí mật, bà đi thẳng, không rẽ sang phải hay quay sang trái; bà bước thẳng tới phía trước. Băng ngang qua đường. Đến vỉa hè bên kia, bà quay lại nhìn cánh cổng nhà lao vừa đóng kín. Bà thoáng nghĩ rằng trở lại nhà lao là hơn cả. Như thế là chắc nhất. Nhưng không kịp nữa rồi. Cánh cổng sơn đen đóng kín mất rồi. Bà già quay sang nhìn tường nhà cao hơn ba thước. Bà nhìn con đường phố hai bên có vỉa hè rộng rãi, vắng tanh buồn bã. Bà cảm thấy sợ. Bà ngửng đầu lên nhìn trời. Rồi quỳ sụp xuống, mặt vẫn ngước nhìn lên trời cao. Bà giăng hai tay lên, y như hình ảnh các Thánh nữ đồng trinh trong các trang thờ cổ xưa, bà cầu nguyện. Các cảnh sát viên, với đầu óc tăm tối nghề nghiệp, liền dựa ngay vào cử chỉ và tư thế cầu nguyện của bà già để kết luận

bà già là một tín đồ Thiên Chúa. Và họ nghĩ rằng như vậy là họ đã nắm được một chi tiết quan trọng, rất cần thiết trong công việc thẩm tra lý lịch của bà già. Nhưng họ đã lầm. Tư thế cầu nguyện quỳ và giăng hai tay lên trời là tư thế cầu nguyện chung của tín đồ mọi tôn giáo Thiên Chúa, Hồi, Do thái v.v... Từ nghìn xưa, con người đã cầu nguyện theo tư thế quỳ giăng tay và ngước mắt lên nhìn trời. Y hệt như tư thế của bà mẹ bọn cướp. Và y hệt như Đức Mẹ lòng lành của Thiên Chúa. Ngay cả nữ tu sĩ của ngoại giáo cũng cầu nguyện với tư thế trên. Như vậy, việc bà già quỳ cầu nguyện không làm tiết lộ các bí mật của bọn cướp cho cảnh sát biết. Bà đã tự hào giữ được các bí mật của bà. Cầu nguyện một lúc, bà đứng dậy một cách khoan thai chậm rãi. Và bà cất bước – cũng những bước ngắn như bước chân chim sẻ – đi về phía giếng nước cách đó mấy bước. Vén tấm áo choàng maphorion lại, bà già ngồi sụp xuống bên giếng nước theo kiểu ngồi của phụ nữ phương Đông, ngồi gần như quỳ, toàn thân dựa trên hai đầu gối và hai đầu bàn chân. Bà ngồi bất động, như xuất thần. Lúc này, bà già giống như bức tượng của một nữ thần của phương Đông bên cạnh giếng nước đối diện với nhà lao. Một lát sau, bà ngoẹo đầu sang bên phải. Bà ngủ. Ngủ ngồi. Đầu dựa vào vai. Y như chim bồ câu.

Cảnh sát và những người hiếu kỳ đứng nhìn bà từ xa, không lại gần.

Một lúc lâu nữa, mấy người lính đang phiên gác, đem bài ra chơi. Họ yên trí là bà già sẽ ngủ suốt đêm bên cạnh máy nước xế cửa nhà lao. Nhưng họ vẫn để ý theo dõi bà. Vẫn đợi lúc bà già bỏ đi một cách bất thần. Cảnh sát quyết không để sổng bà già. Cảnh sát nhớ như đóng đinh vào cột răng chỉ có

những bước chân nhỏ nhắn của bà già là dẫn được họ đến sào huyệt bọn cướp, đến kho tài sản chon giấu...

Khoảng ba giờ sáng, bà già cựa quậy, rồi đứng lên đến cạnh vòi nước. Bà chụm hai tay lại vốc nước uống, chùi miệng, rồi lại về chỗ cũ ngồi.

Cảnh sát — đã dùng đài phát thanh, báo chí và đã in bích chương có hình bà già phổ biến đi khắp nơi — mất công hết sức vô ích, lãng nhách đợi chờ suốt cả đêm. Chẳng có một ai đến hay gọi điện thoại hay là họ biết bà cho già này.

Bởi vậy, cảnh sát mỗi lúc lại càng thêm tin rằng bà già ở một tỉnh khác tới. Bọn cướp dùng bà để bảo vệ được bí mật vì không có một ai biết bà già này hết. Người ta còn đi đến chỗ phỏng đoán rằng bà già này không khéo là người ngoại quốc không chừng. Bà có thể là người Hung, người Thổ hay người Palestine. Có điều bà già chắc chắn là người phương Đông, có thể là người Đông Âu, người vùng Ban-căng hay người Trung Cận đông.

Khoảng bốn giờ, thợ thuyền đi xe đạp đã đi qua chỗ bà già ngồi, để đến sở làm. Nhưng vẫn chưa thấy một ai đến kiếm bà già. Bà cũng không đi đâu hết. Cảnh sát cũng quyết đợi. Bà già không thể ngồi suốt đời bên cạnh máy nước trên vỉa hè đối diện nhà lao.

Theo dõi bà già, cảnh sát khám phá ra rằng đời sống của bà giống như đời sống của cây cỏ — bất động. Nhưng, khác với cây cỏ, bà già không có rễ để hút chất dinh dưỡng lên nuôi sống người như rễ cây nuôi sống thân cây. Vì vậy trước sau gì bà già cũng phải đứng lên để kiếm thức ăn. Lúc bấy giờ cảnh sát sẽ bám theo sát gót.

Bà già có thể không cần mái nhà. Áo choàng maphrion có thể thay thế mái nhà, chăn đắp và áo quần. Maphorion là thứ y phục có thể thay cả lều đối với phụ nữ sa mạc. Bà già đã có tất cả nơi tấm áo choàng maphorion, bà không cần gì hết.

Cảnh sát vẫn đợi bà già di chuyển. Cho đến khi ánh mặt trời đầu tiên chiếu lên thành phố một thứ ánh sáng màu đỏ như màu máu.

* * *

19

Con chó của bọn cướp là đồng lõa số hai bị sa lưới.

Đến 5 giờ sáng, đại tá Prétorian mới ghé về qua nhà để tắm rửa và cạo mặt. Nhưng vừa cởi quần áo xong thì điện thoại đã reo :

« Allo ! Thưa đại tá, mụ già mắc dịch ấy bây giờ đã có bạn. Một con chó vừa mới đến với mụ. Chắc chắn con chó này của bọn sát nhân. Nó thân với bà già lắm, vừa chạy đến là nó nhảy xổ vào lòng bà già ngay ».

Đại tá Prétorian mặc quần áo chạy vội đến nơi. Quả thực ông đã thiếu may mắn, bắt được hai đồng lõa của bọn cướp thì cả hai đều câm. Về phần Panselin, cảnh sát không hy vọng bắt được nó khai dù đã mất công tra tấn suốt một ngày một đêm. Nó nhứt định không khai. Bọn găng tơ quốc tế đứa nào cũng cứng như sắt đá. Chúng đem mọi bí mật mà cảnh sát muốn biết xuống mồ luôn. Chỉ có bà già mang thư là có thể nói mà thôi. Nhưng bà lại câm, còn con chó thì khỏi nói.

Đi đến trước cửa nhà lao, đại tá Prétorian vẫn thấy bà già ngồi tại chỗ hôm qua không sai một ly. Bà già ôm một con chó đốm bần thỉu trong người. Trưởng ban hình sự lưu động Argat báo cáo :

– Ngay khi con chó chạy đến; bà già đã ôm lấy nó vào lòng. Rồi cả người cả chó cùng ngủ, như đại tá thấy đó. Bà già siết chặt lấy con chó vào người cho ấm thì phải...

– Anh có chắc con chó tự đến một mình hay có người dắt nó đến cho bà già?

– Con chó đến một mình. Nó ở xa đến, vì khi mới đến nó đã thở dốc một hồi lâu.

Đại tá Prétorian bước lại gần con chó, đoàn tháp tùng đi theo. Con chó có vẻ sợ nhưng bà già vẫn không mở mắt. Bà vuốt ve con chó và làm cho nó yên tâm nhắm mắt ngủ lại.

Ông cảnh sát trưởng Prétorian ra lệnh:

– Cứ để cho bà già ngủ tiếp, đừng đánh thức. Khi thức dậy, không bà già thì con chó cũng sẽ tiết lộ cho ta biết hướng của sào huyệt tụi chúng nó; nếu không bà già thì con chó cũng sẽ nhìn lấm lét về phía nhà của chúng nó.

– Nếu chúng nó ở tỉnh khác đến thì sao?

– Chuyện đó tính sau.

– Chúng ta cố thể lấy đất dưới chân con chó đem cho phòng thí nghiệm phân chất. Phòng thí nghiệm của chúng ta đã nắm vững tình trạng địa chất của Quận, các khu phố. Do đó, tao sẽ biết sào huyệt của bọn cướp ở đâu.

Đại tá Prétorian gật gù tán thưởng:

– Hay lắm. Anh báo ngay cho các nhân viên phòng thí nghiệm chuẩn bị ngay đi. Trong lúc chờ đợi, phải kiểm soát rất kỹ, đừng để cho con chó chạy mất. Kiểm soát nó khó hơn kiểm soát bà già kia nhiều. Phải chuẩn bị, hễ nó có chạy thì phải theo ngay.

Argat nói :

— Kể cũng tội. Bà già và con chó này thân nhau lắm. Chắc trong lúc bà già bị giữ ở đây, con chó quá nhớ nên mới đi tìm và mới gặp được chủ.

Đêm đã gần tàn. Trời lúc này thật mát tuy hơi ẩm ướt. Chỉ vài phút nữa mặt trời sẽ mọc. Argat nhìn con chó và nói với đại tá Prétorian :

— Tôi quen tính chó lắm. Lúc thức dậy, chắc chắn nó sẽ chạy qua một vòng về nhà. Nhờ nó, chúng ta rất có hy vọng biết được sào huyệt của bọn cướp và biết được chỗ chúng nó chôn giấu tài sản cướp được.

Một cảnh sát viên khác hỏi :

— Ngộ nó không động đậy thì sao ?

Đại tá Prétorian đáp :

— Thì chúng ta cũng không động đậy nốt. Nhất định hoặc bà già hoặc con chó sẽ đưa chúng ta đến chỗ cần muốn tới.

— Thưa đại tá, con chó kia chưa hẳn là của bà già.

— Chú không thấy nó ngủ trong lòng bà già sao? Bà già phải là chủ thì nó mới thân đến thế chứ.

— Thưa, cũng chưa chắc. Dù thân với bà già, con chó này cũng chưa hẳn là của bà ta. Những người khốn khổ và loài chó trên thế giới này dễ dàng kết bạn với nhau. Bọn anh chị, bọn đầu đường xó chợ và chó chỉ cần có mấy giây đồng hồ là thân nhau ngay. Hễ gặp được là thân liền, như đã quen từ thuở khai thiên lập địa. Có lẽ vì cảnh khổ mà cả hai đều phải chịu làm cho chó và người khốn khổ gần gũi và thân thiết với nhau, nếu gặp nhau.

Đúng lúc ấy, con chó ngẩng đầu lên nhìn. Ánh mắt của nó như lo lắng nhìn mặt trời vừa mới lên, ở

phía chân trời, đỏ ửng đằng sau dãy ống khói nhà máy. Nó không nhìn bà già và không nhìn cả đám cảnh sát đứng xung quanh. Rồi nó vụt ra khỏi lòng bà già cắm đầu chạy về phía trung tâm thành phố.

Đại tá Cảnh sát trưởng, trèo lên xe hơi và ra lệnh cho tài xế mở máy chạy theo. Lúc này con chó đã chạy một quãng xa. Nó bỏ mặt đường lên vỉa hè và chạy thật nhanh. Đám cảnh sát ồ ạt đuổi theo. Kẻ chạy bộ, người đi xe đạp, xe gắn máy. Người ta dùng luôn cả radio báo cho các xe cảnh sát ở các khu phố biết để chuẩn bị đuổi theo nhưng đừng chận đường con chó.

Nhưng con chó không chạy nữa và bất thình lình dừng lại. Nó thở dốc rồi quay lại nhìn phía sau. Nó biết rằng một đám đông đang đuổi theo nó. Nó lập mưu bỏ rơi đám người đuổi theo bằng cách rẽ ngoặt vào một con đường nhỏ. Thấy vẫn bị bám sát nó bèn lộn ngược trở lại và chạy thật nhanh, hy vọng sẽ bỏ rơi được đám người đuổi theo. Nhưng nó bị thất bại trước đám cảnh sát cơ giới. Nó chạy đường nào thì cũng bị đám cảnh sát bám chắc. Bao giờ cảnh sát cũng chỉ chạy sau con chó khoảng 15 thước. Con chó vẫn tiếp tục chạy, chốc ở vỉa hè bên này, chốc ở vỉa hè bên kia. Người ta thấy rõ là con chó có mục đích rõ rệt, không phải nó chạy rông. Mỗi lúc đoàn người đuổi theo mỗi đông: cả xe hơi, xe mô tô, xe gắn máy, xe đạp, người đi chân. Không phải chỉ cảnh sát, hiến binh, mà cả dân thường nữa. Đông nhất là thanh niên, cùng tham gia vào việc đuổi theo con chó. Thỉnh thoảng nó quay nhìn về phía sau, càng nhìn nó lại càng sợ và càng chạy nhanh.

Lúc này, cảnh sát toàn thành phố đã được báo động và nhắm đuổi theo con chó cho bằng được. Vừa đuổi

theo trống ngực họ vừa đập thình thình y như theo dõi một con ngựa đua mà ta đã đánh cả một gia tài vào bốn vó ngựa. Bởi vì con chó hoang này, nếu không để sổng mất, sẽ dẫn cảnh sát đến sào huyệt bọn cướp, nơi có cả một kho tàng khổng lồ gồm tiền của và vàng bạc của bảy nhà băng.

Con chó chạy hết tốc lực vượt qua khu nhà hát và rẽ vào con đường các nhà in. Đúng vào lúc này, trẻ con bán báo ùa ra đường phố, mỗi đứa một chồng báo ấn bản buổi sáng trong tay. Chúng nó đụng độ với đám cảnh sát đang đuổi theo con chó của bọn sát nhân. Vốn tinh khôn và thạo tin tức, chúng nó hiểu ngay và gia nhập vào đám người này, miệng la inh ỏi : « Tin giật gân đây ! Cảnh sát toàn thành phố, có đại tá cảnh sát trưởng dẫn đầu, đang đuổi theo con chó của bọn găng tơ quốc tế. Cảnh sát chạy. Nhưng con chó của bọn găng tơ chạy nhanh hơn. Mua đi ! Mua ngay ấn bản có những tin tức cuối cùng sốt dẻo chưa đăng báo » ! Như vậy, bọn trẻ con đã loan ra nguồn tin cuối cùng chưa có trên mặt báo, nhưng có báo trên tay chúng.

Đến giữa thành phố, con chó dừng lại. Nó nhìn quanh. Y như mọi con vật khác bị săn đuổi, nó khiếp đảm vì tiếng la inh ỏi của bọn trẻ bán báo chạy theo sau nó với cảnh sát. Nó chạy vào các khu nhà băng. Cảnh sát vẫn đuổi theo. Con chó dừng lại trước Ngân Hàng Quốc Gia, nơi Panselin bị bắt cách đây 24 giờ, cũng đúng vào giờ này. Nó dừng lại trước cửa nhà băng và chồm lên hàng rào sủa. Thấy đoàn người đuổi theo lại gần, nó muốn nhảy vào trong sân, nhưng hàng rào quá cao. Nó cuống lên và sủa lớn. Nhưng ông cảnh sát trưởng và đoàn người đuổi theo đều dừng lại cách đó vài chục thước để xem chuyện gì sẽ xảy ra. Y như

đi xem kịch tới màn thứ năm. Lúc bấy giờ một người ở phía trong bước ra, đi xuống cầu thang cầm thạch lớn tiếng gọi con chó. Nó dừng lại không sủa nữa khi người kia mở cửa cho nó vào. Lúc ấy cảnh sát mới tiến lên, trước khi người kia kịp khóa trái cửa.

Người lên tiếng trước hết là đại tá cảnh sát trưởng:

– Tao biết chú mày mà. Có phải chú mày là Muhammad Ali, ngày hôm qua vừa đến làm chứng không?

– Thưa Đại tá, chính tôi là Ali.

– Đừng đóng cửa vội, để tao vào có chuyện.

Cửa nhà băng mở ra, cảnh sát vây kín lấy nhà băng và ngăn cản sự lưu thông quanh khu phố. Mấy nhân viên bận thường phục đứng kèm sát Muhammad Ali, đề phòng lão tẩu thoát.

Đại tá Prétorian hỏi:

– Tại sao chú mày lại mở cửa cho con chó này?

– Thưa con chó này của tôi. Nó khôn lắm. Sáng nào cũng vậy, lúc mặt trời mọc là nó đến đây kiếm tôi. Vì vậy tôi gọi nó là con Mặt trời. Không bao giờ nó chậm một giây. Mặt trời mọc, là nó đã có mặt ở đây để cất tiếng sủa gọi tôi về...

Đang ba hoa, Ali dừng lại nhìn quanh và hiểu là lão đã bị bắt. Mặt lão xanh dờn. Người run lẩy bẩy nhưng lão vẫn kể tiếp, coi như không có gì xảy ra:

– Con Mặt trời ở lại đây với tôi cho đến 8 giờ là lúc tôi hết « ca ». Sau đó, nó với tôi ra về. Từ khi nó còn bé tí xíu đến giờ vẫn vậy. Nó lấy làm thích thú được đến gọi tôi rồi ra về với tôi. Tôi cũng thế. Thưa, người nghèo chúng tôi rất thân với loài vật. Chơi với chó là thú tiêu khiển duy nhất của chúng tôi,

Đại tá Prétorian không chú ý mấy đến lời kể lể dông dài của Ali. Ông ta móc ra tấm ảnh giơ ra trước mặt người Thổ gác đêm ở nhà băng và hỏi:

– Lão có biết bà già này là ai không?

– Thưa có.

Mahammad Ali run. Lão sợ nói không thành tiếng. Lão muốn đứng dựa vào hàng rào cho khỏi ngã. Nhưng mấy người cảnh sát đứng kềm một bên không cho lão động đậy.

Đại tá Prétorian:

– Người đàn bà là ai?

– Thưa đấy là bà già tôi. Bà tên Fatima. Năm nay bà đã bảy chục. Bà câm điếc từ bé.

– Bây giờ bà ở đâu?

– Thưa chắc bà đang ở nhà.

– Tại sao mày còn nói dối? Mày thừa biết bà không ở nhà mà.

– Thưa bà già tôi không ở nhà thật sao?

Đại tá Prétorian không đáp. Ông đưa bản sao lá thư gởi cho Panselin do bà già mang đến và hỏi lại:

– Mày có biết lá thư này không?

– Thưa có.

– Có phải mày viết không?

– Thưa không, tôi không biết viết. Tôi đọc cho cháu tôi viết. Cháu tôi là thằng Yazid, nó mới mười tuổi.

Một vài giây im lặng, thứ im lặng nặng nề và ghê gớm trước khi có dông bão.

– Thưa Đại tá, tôi xin thú hết, khai hết. Tôi xin khai hết sự thật.

Muhammad Ali bật lên khóc nức nở.

Xung quanh đại tá cảnh sát trưởng, trước Ngân hàng quốc gia, đám đông không biết gì vì không nghe được lời khai của người gác đêm khai. Nhưng người ta biết có chuyện thực là quan trọng.

Người ta bắt đầu xì xầm là đảng cướp đã giết những người gác đêm Thổ Nhĩ Kỳ là một đảng cướp cũng là người Thổ. Rằng chính những người Thổ gác đêm của các nhà băng đã cướp của nhà băng và giết lẫn nhau. Cướp và người bị giết là anh em bạn bè.

Lúc đó, con chó, từ nãy đến giờ nấp trong vọng gác của người gác đêm, chạy ra và nhảy xổ vào lòng chủ, đôi mắt lơ láo và sợ hãi nhìn đám người dữ tợn đang vây quanh chủ nó. Muhammad Ali ôm lấy chó vào lòng tay và khóc nức nở. Con chó muốn bảo vệ chủ chống lại cảnh sát, chống lại đám đông. Nhưng nó bất lực dù trung thành. Vì thế, nó không nghĩ đến chuyện bảo vệ nữa nó đứng sát vào chủ để chia sẻ những đòn đánh, những nỗi bất hạnh và có thể là cả cái chết nữa của chủ. Lúc này người gác đêm Muhammad Ali và con chó như là một.

Đại tá Cảnh sát trưởng ra lệnh cho đám cảnh sát tháp tùng:

– Giữ tên này lại và dẫn về sở. Nhớ chú ý cẩn thận đừng cho nó làm bậy ở dọc đường.

– Thưa ông Cảnh sát trưởng xin đợi cho đến 8 giờ hãy bắt tôi. Xin cho tôi ba giờ nữa. Tôi không thể bỏ đi khi nhà băng không có người gác. Xin đợi đến 8 giờ!

*
* *

20

Những con vi trùng khả kính ở khu Mảnh Trăng khai trừ Panselin

Người ta căm phẫn mạnh, y như nước thủy triều dâng, làm rung chuyển cả thành phố sau khi người gác đêm Muhammad Ali và bà mẹ già của ý bị bắt. Đất như bị rung chuyển từ những tầng đáy sâu. Những kẻ chịu trách nhiệm bảo vệ tài sản của thành phố lại là những tên ăn cướp. Như vậy chẳng khác gì dân chúng đã đem tài sản dâng vào tay bọn sát nhân trộm cướp. Ở khu Mảnh Trăng, dân chúng còn phẫn nộ hơn nữa. Người ta không thể tha thứ cho tay « tỷ phú » Panselin cái tội đã làm bộ như người nghèo khổ nhất trong số những người nghèo của khu phố.

Mới bảy giờ sáng, lão Kyr Christaki đã gọi một thừa lại đến. Lão mời luôn các nhà báo, cảnh sát, lão đãi rượu tất cả không lấy tiền. Đây là lần thứ nhất trong đời lão. Đúng 8 giờ sáng, xe hơi của báo chí, xe hơi tư nhân, xe mô tô v.v... đã đậu chật ních. Trong gian phòng lớn của quán rượu Mảnh Trăng, Kyria-Filothéa và ông bố rót rượu mời quí vị báo chí khả kính, quí vị đặc phái viên nhiếp ảnh khả kính và quí vi trùng lối xóm khả kính. Có rượu vang trắng, có bánh phết bơ.

Kyr Christaki họp báo. Họp báo để biểu lộ sự phẫn nộ và bày tỏ lòng thù hận. Có thể nói đấy là một tiếng thét của cha con lão chủ quán. Kyr Christaki, bận chiếc sơ mi sạch bằng đay mà lão chưa hề giở ra từ ngày gả con gái cho đến nay. Áo sơ mi lão bằng đay cứng cổ cao như cổ áo nhà binh. Lão đứng sau quầy rượu, lớn tiếng yêu cầu mọi người im lặng. Tiếng nói của lão rổn rảng nghe như tiếng đá đổ trên núi ngày có bão:

— Thưa quí vị nhà báo,

Vụ án cướp trộm lớn nhất thế kỷ như quí vị đã viết trên báo chí là việc giết người gác cướp của nhà băng đã làm cho quán Mảnh Trăng và khu phố khốn khổ này của chúng tôi nổi bật lên. Tôi mời quí vị đến đây sáng nay vì chúng tôi không thể đợi chờ được nữa. Chúng tôi như nghẹn họng. Chúng tôi muốn trình để quí vị hay rằng chúng tôi công khai từ bỏ tên sát nhân Panselin. Thưa, bởi vì tôi, chủ quán rượu này, và con gái độc nhất của tôi và tất cả công nhân khả kính của khu phố chúng tôi — mà quí ngài đã gọi là vi trùng — chúng tôi ly khai hoàn toàn với tên ăn cướp kia. Mặc dù chúng tôi bị quí ngài gọi một cách khinh bỉ là vi trùng, nhưng chúng tôi là người lương thiện. Dù nghèo thật, chúng tôi không có liên quan gì với bọn găng tơ, bọn sát nhân và bọn Thổ. Cách đây hai năm, con gái tôi đã lấy một chàng thanh niên vì con nhỏ mê thằng kia. Chuyện đó không có gì lạ. Nhưng bây giờ biết thằng kia đi ăn cướp, con gái tôi đã nguyền rủa nó, và tống cổ nó ra khỏi nhà chúng tôi. Đây là chuyện chúng tôi phải làm và mời quí vị đến chứng kiến cho chúng tôi.

Kể từ nay, Panselin bị khai trừ ra khỏi khu Mảnh Trăng. Dứt khoát bị khai trừ vĩnh viễn. Tôi có mời

đến đây ngài thừa lại, ngài luật sư của chúng tôi đề nhờ các ngài thi hành việc khai trừ cho đúng với luật lệ nhà nước, với sự chứng kiến của quý vị. Tất cả đồ lề của Panselin sẽ được gói thành hai gói, niêm phong lại và gởi vào kho nhà lao. Chúng tôi đã yêu cầu cho con gái tôi được ly thân. Các thủ tục ly dị cũng đang tiến hành và chúng tôi chắc là án ly dị sẽ thành trong một thời gian ngắn nhất. Giữa chồng và vợ đã có một hố sâu ngăn cách: đấy là tội ác có máu chảy. Tội ác đã chia rẽ vợ chồng quyết liệt hơn cả cái chết nữa. Con gái tôi không thể là vợ của một tên sát nhân. Vì muốn quý vị thấy cho rằng ở đây chúng tôi nguyền rủa nó, chúng tôi ghê tởm nó đến buồn nôn cho nên chúng tôi mới khẩn cầu quí vị đến đây, đến quán Mảnh Trăng của chúng tôi vào một giờ sớm sủa như thế này. Ở đây khách hàng và bà con lối xóm của tôi, nghĩa là những con vi trùng của khu Mảnh Trăng, chúng tôi nghèo thật, cái nghèo của chúng tôi sáng bóng như mặt trăng nhưng chúng tôi rất sạch. Từ trước đến nay chẳng ai đến thăm viếng chúng tôi ngoài mặt trăng, nhưng mặt trăng thấy chúng tôi luôn luôn sạch.

Kyr Christaki dừng nói. Từ trên cầu thang bằng gỗ sơn trắng, bước xuống, Kyria mang trên tay hai bọc vải trắng. Nàng bận một chiếc áo dài xanh, quàng một chiếc khăn san trắng, cổ đeo vòng ngọc. Nàng đề hai bọc vải xuống chân bố và cố gắng giữ vẻ tươi tỉnh. Nàng lên tiếng:

— Ngài thừa lại và chúng tôi đã làm xong danh sách mọi đồ vật của tên sát nhân.

Một nhà báo hỏi:

— Chị có thể cho chúng tôi biết có những gì trong hai bọc ấy?

– Thưa có ba cái sơ mi rách, một quần rách, một áo vét, một áo choàng. Và sách, rất nhiều sách. Đủ thứ sách. Còn có báo, mấy đôi vớ. Chúng tôi sẽ gởi tất cả đến nhà lao cho hắn. Nhà hắn bây giờ là nhà lao không phải ở đây nữa.

Kyria bật lên khóc. Nàng không nói tiếp được nữa. Không nín khóc được nữa. Ông bố phải đỡ lời:

– Các ngài vừa nghe con gái tôi nói đó. Chúng tôi là những người thô lỗ nhưng công bằng và thẳng thắn. Chỉ có thế thôi. Con gái tôi kể từ nay như góa. Một người ở tù còn khốn nạn hơn người chết rồi. Panselin đã ly khai với vợ và gia đình bằng tội ác của nó. Tự nó, nó đã đi ra khỏi cuộc đời và đi ra khỏi tâm hồn của chúng tôi.

Một nhà báo khác hỏi:

– Tại sao chị khóc? Có phải chị khóc vì phải ly dị Panselin.

– Không! Tôi không đau khổ gì cả. Trái lại tôi còn sung sướng được ly dị tên sát nhân.

Tuy trả lời như vậy nhưng Kyria Filothéa lại khóc lớn hơn nữa, dù nàng muốn nín. Vừa khóc nàng vừa kể lể:

– Xin quí vị cứ nhìn đây rồi sẽ biết. Anh ấy không mang một chút gì về nhà hết. Ngay mấy tấm vải bọc đồ của anh ấy cũng là đồ của chúng tôi. Anh ấy đi ăn táo tàu ở khách sạn như báo chí đã đăng, giá một khoanh táo tàu bằng tiền lương tháng của một ông đại úy. Anh ấy gửi biếu cả nửa triệu cho một ông cha ở nhà quê. Nhưng đối với tôi, vợ chính thức của anh ấy, tôi chẳng có một cái gì hết. Kể cả một cành trâm cài tóc hai xu cũng không có. Không có gì hết, như các ngài thấy đây, tên sát nhân tỷ phú chỉ

là một người nghèo mạt rệp ở nhà. Đối với chúng tôi, anh ấy chỉ là một tấm mặt nạ.

Kyr dỗ con gái:

— Thôi con đừng khóc nữa. Bây giờ con lại ở với bố như cũ. Từ nay nó sẽ không được đặt chân đến đây nữa. Cũng may mà nó bị bắt ở nơi khác. Nếu không nó dám giết chúng ta để lấy tiền không chừng.

Lời an ủi của ông bố không đủ để cho Kyria nín khóc. Nàng không còn cứng cỏi như người đàn bà mà cảnh sát và những con vi trùng đã thấy trước đây nữa. Nàng đã mất hết tự tin. Nàng chỉ còn là một người đàn bà bị lừa dối, bị phản bội. Như tất cả mọi người đàn bà khác ở trên đời. Nếu chồng nàng có lừa nàng để đi mèo mỡ với một người đàn bà khác, như bao nhiêu người vợ trên trái đất này đã bị lừa, Kyria có thể tha thứ. Nếu Panselin có yêu một người đàn bà khác, hai người đàn bà khác hoặc mười người đàn bà khác, nàng cũng có thể tha thứ. Cố nhiên nàng đau đớn lắm nhưng có thể tha thứ. Bởi phản bội nàng đi yêu người đàn bà khác không có nghĩa lý gì so với việc Panselin đã làm. Với một người đàn bà khác Panselin chỉ phản bội nàng trong một địa hạt rõ ràng và hạn chế. Tương quan giữa một người đàn ông và cô nhân tình rất hạn chế. Đây chỉ là sự phản bội trên giường. Một sự phản bội trên da thịt. Và cũng có thể có cả sự phản bội trong tâm hồn nữa nhưng chỉ có thế mà thôi, hơn nữa đấy là một sự phản bội chịu được. Một sự phản bội tầm thường và không mấy quan trọng. Một sự phản bội không để lại dấu vết.

Nhưng Panselin đã phản bội nàng khác hơn, phản bội cả cuộc đời, đến tận gốc rễ. Đấy là một sự phản bội toàn thể. Panselin có một cuộc đời ở ngoài, ở một

nơi khác, không những thân thể mà tâm hồn và những ước mơ của chàng cũng để ở một nơi khác. Nghĩa là toàn thể con người của chàng đều để ở một nơi khác. Đây là một điều làm cho người đàn bà đau khổ, đau khổ trong tâm hồn, trong trí não, trong xác thịt. Đau tất cả mọi nơi. Trong khi Kyria khóc nức nở thì mọi người vừa ăn uống cười đùa và chụp ảnh.

Nhưng Kyria không thấy gì hết. Nàng hình như bị chìm ngập trong niềm đau, tuy nàng đi lại rót rượu cho khách như một người máy. Con người bằng da thịt của nàng như xa lạ với nàng. Nàng chùi nước mắt và mỉm cười. Cuộc đời chính của nàng là ở bên trong, trong cái niềm đau khổ trào dâng từ những chỗ sâu thẳm nhất của tâm hồn y như phún thạch của hỏa diệm sơn ở từ những chỗ sâu thẳm và bí mật nhất của quả đất đang dâng lên và đốt cháy tất cả ở xung quanh. Kyria không trách chồng cướp của giết người. Đối với dân tộc nàng, ăn cướp cũng là một nghề kiếm cơm. Một nghề quen thuộc của đàn ông. Giết người đối với dân tộc nàng cũng tự nhiên như mùa hạ qua mùa thu đến. Trong vùng đất quê hương của nàng, nếu không giết cũng bị giết và mọi người đều ưa làm hung thủ hơn là nạn nhân. Nếu được làm sát nhân, nghĩa là khỏi bị giết, người ta sẽ cảm tạ trời đất, giết người, là còn may. Vì người ta chỉ có hai lối : giết hay bị giết. Không Kyria không trách Panselin tội sát nhân. Giá như Panselin tỏ ra tin cậy nàng chút đỉnh, nếu chàng tỏ ra âu yếm nàng một chút, chắc chắn Kyria sẽ đứng cạnh Panselin để bảo vệ chàng như một con hổ cái. Giá Panselin lại chịu khó mua quà tặng nàng chút đỉnh vào những dịp như ngày lễ hay sinh nhật, nếu Panselin lại biết đem nàng đi dạo phố ngày chủ nhật rồi kéo nàng vào giải khát, hoặc Panselin

cũng dắt nàng đi dạo dọc con đường đến công xưởng như mọi cặp tình nhân trẻ khác ở khu Mảnh Trăng... chỉ một lần thôi, Kyria sẵn sàng chia sẻ với chàng tất cả khổ đau trong lúc này. Nhưng Panselin không làm gì hết cho nàng cả. Không bao giờ Panselin tỏ ra dịu dàng thân mật với nàng hết. Không bao giờ. Kyria ý thức được nỗi đau khổ chính của nàng, vì nàng đã lập mẹo bắt Panselin cưới nàng. Nàng đã dùng cả những thủ đoạn quỷ quyệt để bắt Panselin phải cưới nàng cho bằng được. Tất cả những chuyện đó đều có thật. Bởi vì nàng cần lấy chồng. Nàng đã là cô gái già. Nàng cần chồng, nàng phải lấy chồng. Nàng đã lấy Panselin như người ta lấy một thứ đồ vật. Không cần hỏi chàng có bằng lòng hay không. Nàng đã bắt được chàng mặc dù chàng không muốn. Nàng đã đặt chàng vào cái thế phải lấy nàng làm vợ. Nàng đã ăn cướp của chàng tình yêu và hôn nhân. Mặc dù vậy, mặc dù nàng có phạm tội cưỡng bách chàng thật, hai người cũng đã nên vợ nên chồng, cũng đã sống dưới một mái nhà, ăn cùng mâm nằm cùng chiếu. Sự oán hận, hờn trách cũng phải có một giới hạn nào đó. Vả lại, trong cuộc sống, cũng có những điều làm dịu oán hờn. Tù nhân còn có thể trở thành bạn bè với cai ngục kia mà. Bản chất của con người là như vậy. Bản chất của Panselin lại không như thế. Sự hờn oán của Panselin đã không tương xứng với những động lực tạo nên hờn oán trong lòng chàng. Mặc dù vậy, Panselin và Kyria Filothéa đã sống gần gũi với nhau, đã sống chung. Tuy gần, nhưng hai người lại rất xa cách với nhau. Khi Filothéa đọc báo và biết rằng Panselin đã đi ăn táo tàu ở khách sạn Đông Phương, đã làm quà cho một ông cha xứ nửa triệu bạc, nàng đã oán hận Panselin như chưa một người đàn bà nào đã oán hận

chồng bằng. Cái hình phạt mà Panselin dành cho nàng thực là quá nặng, Nó vượt hết mọi khuôn khổ. Panselin có một đời sống thực huy hoàng nhưng... Nhưng chàng đã không cho Filothéa được tham dự mặc dù nàng là vợ đầu gối tay ấp. Filothéa không được phép tham dự vào đời sống riêng của Panselin, ngay cả trong các ước mơ. Hơn thế nữa, nàng lại không bao giờ nghi ngờ Panselin có một đời sống riêng. Hai người như vậy, hai người còn xa nhau hơn Bắc Cực xa Nam Cực, mặc dù, về thể xác, hai người gần nhau, hết sức gần.

Giá Panselin chỉ nói cho nàng biết rằng chàng có một bí mật hoặc cho nàng biết rằng chàng có một đời sống thứ hai ngoài đời sống ở nhà, có lẽ nàng cũng sẽ không hỏi thêm. Chừng ấy cũng đã cho nàng cảm thấy thỏa mãn vì được tin cậy. Trong trường hợp ấy nàng đã có mặt bên cạnh chàng để chống lại những nguy cơ để cứu chàng. Nàng cũng có thể là đồng lõa của Panselin, nếu không, nàng cũng sẵn sàng thuê trạng sư cho chàng, cũng sẽ chiến đấu bên cạnh chàng. Nàng cũng sẽ sung sướng xin được cùng bị treo cổ với chàng.

Kyria Filothéa không biết có phải nàng yêu Panselin hay không nữa. Cũng có thể có nhưng cũng có thể không. Mà có lẽ là không. Sự đau khổ hiện tại, cái cảm tưởng nhục nhã trong đầu óc nàng lúc này là sự đau khổ và cái cảm tưởng nhục nhã của một người đàn bà đã tiêu nhiều tiền và bỏ ra nhiều công khó để mua cho được người chồng, mua bằng mọi cách và mọi giá, để bây giờ khi đã mua được rồi, nàng mới biết rằng chính nàng đã bị lừa. Nàng thù ghét cái đồ vật mà nàng đã bỏ ra quá nhiều công của để mua nhưng rốt cuộc lại không mua được, vì Panselin đã trở thành chồng nàng, đã ngủ chung giường

với nàng trong quán rượu Mảnh Trăng. Chàng vẫn như là một người sống ở một nơi khác suốt cả đời. Đời sống của Panselin chưa bao giờ hòa lẫn với đời sống của nàng như nước hai giòng sông hòa lẫn với nhau khi hai giòng nhập một như cuộc đời của một người đàn ông và một người đàn bà phải nhập một nếu họ nên vợ nên chồng.

Kyria Filothéa vẫn khóc và sầu muộn bởi vì chưa có một người đàn bà nào bị lừa đối mọi mặt và sâu sắc như nàng.

Nhưng đúng vào lúc Filothéa sắp khóc lớn tiếng thì cả quán rượu rung chuyển. Cửa kính vỡ bay loảng choảng. Rượu trên quầy đổ tung tóe xuống đất. Lửa cháy khắp nơi. Trần nhà đổ sụp... Mọi người nhớn nhác. Khói tỏa mù mịt. Tất cả sự kiện trên đây. Kyr Christaki ôm lấy con gái, lôi vào nấp dưới gầm bàn và cố bò ra ngoài.

Lúc bấy giờ, còi báo động ở công xưởng bắt đầu rú lên cùng một lúc với tiếng nổ của những tràng tiểu liên nghe ròn rã.

Trong quán Mảnh Trăng, những người nào không chết cũng tìm cách bò ra ngoài như cha con lão chủ quán. Tất cả, cùng bò như loại bò sát, vừa bò vừa cầu khẩn Trời, Chúa cứu mạng, bởi vì lúc tận thế, người ta không thể kêu cứu với con người. Và những gì vừa xảy ra giống như ngày tận thế của thế giới, thế giới của những con vi trùng của khu Mảnh Trăng.

* * *

21

Bắt được hung thủ chính hiệu tại quán Mảnh Trăng

Chừng một giờ sau biến cố tại khu Mảnh Trăng tất cả các nhân vật tai to mặt lớn của thành phố, các nhà chức trách đều có mặt tại chỗ. Trước cửa quán Mảnh Trăng có ông thị trưởng André Scriban, ông cảnh sát trưởng, ông chỉ huy công binh xưởng, ông chỉ huy lính cứu hỏa, ông lãnh sự và tùy viên viên quân sự Hiệp Chủng Quốc Hoa Kỳ. Ngoài ra còn có hàng chục nhân vật chính quyền khác nữa. Tất cả mấy ông lớn nói trên đều ngự trên chiếc xe hòm sơn đen, có tài xế bận đồng phục lái. Xe hơi đậu trên miếng đất trống trước quán rượu vừa mới cháy. Những con vi trùng, từ những ổ chuột của họ, ùa ra đứng bao quanh lấy đám người sang trọng và quyền thế này. Trước khi xét nội vụ, cả mấy ông lớn đều nhìn những chiếc xe cứu thương chở người chết và người bị thương về bệnh viện, xe cảnh sát chở đầy nhóc những con vi trùng đã hôi của lúc nó đang cháy.

Đại tá Aurel Prétorian nói với ông lãnh sự Hoa Kỳ bằng một giọng kính cẩn:

— Chúng ta không thu thập được gì mới tại chỗ nữa đâu, thưa ngài. Tất cả mọi chi tiết của biến cố

đều diễn ra trước mắt các phóng viên báo chí, nhiếp ảnh, các luật sư, các thừa lại. Chưa bao giờ có một biến cố xảy ra trong những hoàn cảnh thuận lợi cho cuộc điều tra như thế này. Mọi chi tiết đã được đại diện của dư luận, luật pháp và cảnh sát thu vào ống kiếng của máy ảnh... kể cả những chi tiết vụn vặt nhất.

– Không hẳn thế, chúng ta vẫn biết được thêm một số chi tiết quan trọng và hữu ích khác tại đây.

Ông lãnh sự Hoa Kỳ đã đáp lại như vậy. Ông ta hỏi tiếp:

– Tôi yêu cầu trình bày lại nội vụ từ đầu... Và xin thẩm vấn cho thật nhiều người.

– Chúng tôi đã thẩm vấn nhiều người và đã ghi lại đầy đủ. Vả lại, những nhân vật chính của thiên bi kịch này không có mặt ở đây, vì chúng nó, đứa thì phải nằm nhà thương, đứa bị giữ ở trụ sở cảnh sát, đứa đã vô hòm. Ngài lãnh sự có thể gặp những người sống sót để thẩm vấn bất kỳ lúc nào cũng được.

– Tôi muốn được nghe lại câu chuyện ngay tại đây.

– Ngài muốn nghe những cảnh nào, thưa ngài lãnh sự. Tôi đã nắm đủ mọi chi tiết và sẵn sàng trình bày với ngài những gì ngài muốn hỏi.

– Xin cảm ơn Đại tá.

Sau lưng ông lãnh sự Hoa Kỳ, mấy nhà báo Mỹ với đầy đủ dụng cụ nghề nghiệp: ma nhê tô phôn, máy ảnh, máy quay phim, không để sót qua một cử chỉ nào, một lời nói nào của hai người.

Đại tá Prétorian thuyết trình:

– Những gì xảy ra ở công xưởng các ngài đã biết rồi. Lúc 8 giờ, như thường lệ chiếc xe hơi của phái đoàn kỹ thuật Hoa Kỳ đi vào cơ xưởng. Viên Trung

sĩ gác nhận diện ra ba người Mỹ quen mặt. Nhưng trong xe, còn có một người đàn bà khác ngồi nấp giữa mấy người đàn ông. Người đàn bà này có tên là Eva Deutschland, một vũ nữ hiện đang nhảy tại một đăng xinh trong khu Bình Khang, mà các ngài đã thầm vấn rồi. Viên Trung sĩ của công xưởng cho mấy chuyên viên người Mỹ hay rằng cô này không được vào trong công xưởng. Cô ta đã xuống xe đứng đợi ở vọng gác, chỉ có ba người Mỹ vào thôi, như thường lệ trong mấy tháng nay. Mấy phút sau, mấy người Mỹ kia trở lại trên chiếc xe của họ. Cô gái kia lên xe và sắp sửa ra về. Viên Trung sĩ thấy rằng mấy người Mỹ này đã qua đêm ở vũ trường. Y thấy rằng việc ba người Mỹ không ở lại làm việc và chỉ đến trình diện rồi ra về là một chuyện thường không có gì đáng kể.

Nhưng khi cô gái bước lên xe, tà áo dạ hội vướng vào cánh cửa xe. Viên Trung sĩ bèn lại gần để giúp cô gái này nên mới thấy trong xe có một số hộp của công xưởng. Y bèn hỏi mấy người Mỹ giấy phép xuất kho đem những két này ra ngoài. Họ không trả lời và cho xe nổ máy. Viên Trung sĩ quyết áp dụng nội quy kỷ luật, kiểm soát xem mấy người Hoa Kỳ này mang những gì trong những cái két kia. Nhưng những người Hoa Kỳ này nhất định không chịu. Họ vẫn phóng xe đi và chửi thề ỏm tỏi. Sau khi ra lệnh chiếc xe dừng lại, viên Trung sĩ liền bắn theo, y chủ trương bắn bẹp bánh chiếc xe đang chạy hết tốc lực kia.

Mặc dù vậy những người Hoa Kỳ kia vẫn chạy bất chấp đạn đã bắn theo. Thế là công xưởng báo động. An ninh của xưởng rượt theo chiếc xe kia. Cuối cùng, chiếc xe trúng đạn, đâm sập quán Mảnh Trăng và phát hỏa.

Những người chung quanh chạy đến, họ kéo ra hai xác chết, người đàn bà kia bị thương nhẹ và tên Bob Yankee. Mấy cái két của công xưởng đầy nhóc bạc. Bạc cướp của nhà băng trong những ngày qua... Cảnh sát đã được báo cáo ngay. Chúng tôi hiểu tại sao những người Mỹ không theo lệnh hô đứng lại của viên Trung sĩ, vì chúng nó sắp rời xứ sở này. Chúng nó chính là những tên cướp đã giết những người gác nhà băng. Chúng nó đã giữ chỗ trên chiếc phi cơ quân sự Hoa Kỳ ở phi trường. Bob Yankeel đã thừa nhận dễ dàng xuất xứ của số bạc. Vả chăng số bạc này được ghi sỗ cẩn thận...

– Ngài cảnh sát trưởng, tại sao lại có các đặc phái viên báo chí, các nhiếp ảnh gia, các nhân viên tư pháp và cảnh sát có mặt ở đây khi chiếc xe của bọn cướp đâm vào tường của quán rượu ? Tại sao chiếc xe này không đâm vào một nhà khác mà đâm vào quán rượu, nơi cảnh sát, tư pháp, báo chí đang hội họp và hộp họp vào một giờ sớm sủa như thế này.

– Có phải là ngài muốn ám chỉ rằng đây là một vụ dàn cảnh của cảnh sát không ạ ?

– Đúng như vậy, vì có những trùng hợp quá kỳ lạ khiến cho tôi không thể không nghi ngờ. Có bao giờ lại có một số đông tập trung đông đảo vào một giờ quá sớm, đúng vào lúc chiếc xe chở của cướp được chạy qua. Tôi dám chắc rằng không một đạo diễn nào có thể sắp đặt các chi tiết hợp với nhau đúng đến thế như vậy. Ngài có thấy thế không ? Ở đây ngài đã bắt được bọn ăn cướp thu được tài sản sau khi đã bố trí máy quay phim, máy ảnh, kéo đại diện luật pháp và đại diện báo chí đến chứng kiến như vậy, mọi chi tiết của việc bắt cướp hình như được sắp đặt trước từ đầu

đến cuối... nên tôi không thể không có nghi vấn. Cái này là xinê mà.

– Lão chủ cái quán rượu bị sập này may là không chết và không bị thương. Ngài có thể hỏi lão thì biết.

Kyr Christaki được gọi đến. Người lão đen ngòm như ông thợ chùi ống khói vừa mới làm việc xong. Áo sơ mi của lão cháy loang lổ, người lão bị bỏng nhiều chỗ.

Đại tá cảnh sát trưởng nói với lão chủ quán:

– Ngài lãnh sự Hoa kỳ muốn biết tại sao lại có các đại diện báo chí cảnh sát và Tòa án, có mặt trong nhà lão đúng lúc chiếc xe của bọn cướp đâm sầm vào. Lão ráng giải thích cho ngài lãnh sự biết vì những lý do gì mà những người nói trên có mặt trong nhà lão.

– Từ sáng đến giờ tôi đã phải nói đi nói lại hàng chục lần về vụ này rồi.

– Bây giờ lão ráng kể giùm thêm một lần nữa đi vì bọn cướp kia là người Hoa kỳ cho nên ngài lãnh sự đây nghĩ rằng họ đã bị giăng bẫy.

Kyr Christaki:

– Thưa ngài lãnh sự, không có bẫy đâu. Chúng tôi, những người nghèo khổ, chúng tôi coi Hoa kỳ như là đất hứa của chúng tôi, là Tổ quốc của những mơ ước của chúng tôi, y hệt như thiên đường của lòng tin của chúng tôi. Xin ngài đừng nghi ngờ chúng tôi một cách bất công như thế. Tôi với con gái tôi đang thống kê những vật dụng của Panselin là ai chắc ngài đã biết chứ. Chúng tôi thống kê đồ vật của Panselin để gởi vào nhà lao cho y. Chúng tôi cũng đã xin ly thân và ly dị cho con gái tôi. Chúng tôi không muốn có một tên sát nhân trong nhà, để người ta khỏi buộc chúng tôi là đồng lõa. Chúng tôi đã thực hành việc

khai trừ Panselin đúng theo thủ tục của luật pháp, trước đại diện báo chí và nhiếp ảnh v.v... Lúc bấy giờ con gái tôi vừa mang hai bọc đồ từ trên nhà xuống, tôi đang rót rượu cho khách. Chúng tôi đang buồn rầu cực độ. Vụ ly dị nào mà chả buồn. Nhưng chúng tôi lại buồn vui lẫn lộn, vui vì đã ly khai được với tên sát nhân, vui vì thoát khỏi bị cướp bị giết. Panselin cũng có thể cướp, cũng có thể giết chúng tôi... Bỗng dưng chúng tôi choáng váng vì tiếng nổ lớn, nghe như tiếng động đất. Trần nhà, tường quầy hàng đều đổ sụp xuống. Chai và ly tách bể tan thành mảnh vụn bay tứ tung... Chúng tôi phải nằm sấp xuống và tính bò ra ngoài. Lúc bấy giờ có luồn khói dày đen khét mùi cao su cháy và dầu xăng. Lửa cháy từ phía ngoài luồn vào ngôi nhà đã sụp đổ. Rồi có cả tiếng súng tiểu liên nổ nữa. Rồi có tiếng rên tiếng kêu cứu. Lúc ấy còi báo động ở công xưởng bắt đầu ụ lên và át hết mọi tiếng khác. Chúng tôi ở trong quán vừa chui được ra ngoài, thấy cái xe hơi đã đâm vào quán tôi bị lật ngửa và phát hỏa. Chúng tôi đã ráng kéo ra khỏi xe bốn người. Ba người đàn ông và một người đàn bà. Hai người đàn ông đã chết... Cảnh sát tới, cô lập chúng tôi lại một nơi.

— Còn tiền trong xe thì sao?

— Một người đàn ông, người chết rồi cầm chắc trong tay một cái va ly. Chiếc va ly này cũng bị cháy. Va ly đầy nhóc bạc. Trẻ con, đàn bà và đám vi trùng ở khu Mảnh Trăng, vốn chỉ chạy ra để xem chuyện gì đã xảy ra, liều ùa vào nhặt giấy bạc và liều mạng kéo mấy chiếc va ly còn lại thoát khỏi tay ngọn lửa. Cảnh sát và lính cứu hỏa xúc hết những người đã nhặt bạc giấy ở trong đống lửa ra. Không khéo những người này bị xử tội cướp bạc ở trong đám cháy cũng nên.

Hai mươi năm khổ sai vì một tờ giấy bạc nhặt trong đống lửa ra.

– Tại sao lão lại biết những người ngồi trong xe là những tên sát nhân và số tiền kia là tiền của nhà băng ? Tại sao lão lại biết ?

– Thưa ngài lãnh sự, chúng tôi không biết mà tôi tin như vậy. Mấy ngày nay, cảnh sát lục lọi khắp nơi trong khu này để kiếm kho tàng của bọn cướp. Vì thế khi thấy mấy cái va ly đầy nhóc bạc người ta biết ngay đấy là kho tàng của bọn cướp. Vả chăng mấy tên này còn bị nhà binh rượt bắn nữa. Không cần phải nói chúng tôi cũng biết đấy là bọn cướp.

Đại tá Prétorian ngắt lời Kyr Christaki :

– Thôi đủ rồi ! – Quay sang ông lãnh sự Hoa kỳ, Prétorian tiếp :

– Thưa ngài lãnh sự, ngài có cần biết thêm gì nữa không ?

– Như vậy đủ rồi.

Rồi ông lãnh sự Hoa kỳ lên xe. Một chiếc xe hơi y hệt như chiếc xe hơi của bọn cướp, chiếc xe đã đâm sập nhà lão chủ quán. Ông thị trưởng cùng cảnh sát trưởng và tất cả các nhân vật chính quyền lên xe ra về. Chủ quán và cô con gái được bảo đảm một số tiền đền bồi thiệt hại.

Khu Mảnh Trăng lại trở nên vắng vẻ. Chỉ còn lại ngôi quán đổ sụp cháy loang lổ của cha con lão chủ quán. Đất cũng xám đen, loáng thoáng một ít dầu và tro. Đám trẻ con tay bị bỏng trốn sạch vì sợ cảnh sát khám phá ra vết bỏng, chứng cớ phạm tội ăn trộm tiền của bọn cướp từ trong đống lửa. Đám trẻ con ấy bây giờ mới

mò ra. Những đứa con của vi trùng. Những con vi trùng nhóc vẫn giấu biến tay bị bỏng của chúng mặc dù cảnh sát đã đi khỏi. Chúng nó sợ bị tù, có những đứa bỏng cả bàn tay vì đã liều mạng ngặt một thứ đồ trang sức hay một đồng tiền vàng. Tất cả mọi con vi trùng, quần áo tóc tai da thịt đều bị cháy, bị bỏng, lúc này đã tập trung ở trước cửa quán Mảnh Trăng. Chúng nó thấy tận mắt, nhiều đứa còn sờ tận tay, cả khối vàng nóng bỏng. Và chúng nó vẫn không tin được rằng trong mấy tuần lễ liền, cả kho tàng của bọn cướp đã để ở đây, lẫn lộn với đạn dược thuốc nổ giữa vòng rào thép gai, cách chúng nó vài trăm thước, tại công xưởng, nơi có người Hoa kỳ làm việc.

Khu Mảnh Trăng sát ngay kho tàng kia ở bên cạnh. Rồi khu Mảnh Trăng lại thấy nó nổ tung ngay giữa lòng khu phố bên cạnh quán. Và khu Mảng Trăng đã phải để cho kho tàng kia bay đi mất. Bây giờ chỉ còn lại kho tàng của những tờ giấy bạc đã bị cháy. Quán và khu Mảnh Trăng đã trở nên danh tiếng bởi vì tên đại đạo tặc giàu nức bồ đồ vách là Panselin đã từng chọn nơi đây làm chỗ trú ngụ. Nhưng bây giờ thì bọn đạo tặc vĩ đại nhất, giàu có nhất lại là người Hoa Kỳ. Panselin chẳng là con mẹ gì cả, chẳng có dính líu gì đến vụ này. Khu Mảnh Trăng như vậy cũng đã mất luôn cái danh tiếng ảm đạm là đã nuôi trong lòng của nó một tên đại đạo tặc. Không có cái vinh dự này, khu Mảnh Trăng chỉ còn lại cái nghèo.

Cái vinh dự ấy cũng đã trở lại với người Hoa Kỳ, những người đã giàu có rồi, còn giàu có thêm nữa, giàu có thêm mãi. Những người đã nghèo thiếu lại còn nghèo thiếu thêm và cái gì cũng không có. Nước Hoa Kỳ đã có bao nhiêu đạo tặc lừng danh, còn giật thêm

của khu Mảnh Trăng mối vinh dự duy nhất của nó là có tên đạo tặc Panselin. Người Hoa Kỳ kiêu hãnh đến như vậy cũng là phải. Họ có lý do để kiêu hãnh. Họ có lý do để không thèm uống nước nơi xứ họ đến ở mà phải mang nước tận bên Hoa Kỳ sang để uống như trái cây, như thuốc lá v.v.. của người Hoa Kỳ, chủ nhân của thế giới. Phần còn lại trên trái đất chỉ được hưởng những gì còn lại. Ngay cả cái quyền có tên sát nhân cỡ lớn, phần còn lại của thế giới cũng không có thể có.

*
* *

22

Lucky Boy... hay Cậu Hai «số dách».

Ông thị trưởng, ông lãnh sự Hoa kỳ, đại tá Prétorian và các cộng sự viên cùng họp ngay tức khắc sau khi từ khu Mảnh Trăng ra về để tiến hành cuộc thẩm cung Bob Yankeel và cô vũ nữ Eva Deutschland. Kê bàn ghế, chỉ định thông dịch xong, người ta đã yên chí là công việc thẩm vấn sẽ khó khăn vô cùng. Nhưng mọi người đều lầm. Sau khi pha một ly cà phê và đem một ly bia cho Bob Yankeel giải khát, hắn ta tỏ ra rất sẵn sàng hợp tác. Bob bước vào phòng họp với một thái độ vui vẻ, cởi mở, nói với cảnh sát:

– I am knock-out (1). Các anh thắng rồi. Xin ngợi khen các anh.

Bob Yankeel tỏ ra sẵn sàng siết chặt tay ông thị trưởng, ông cảnh sát trưởng và những viên chức cảnh sát đã bắt y. Những vị này nghệt mặt ra nhìn, lơ láo. Nhưng Bob không có ý định đùa cợt. Y chỉ tỏ ra có tinh thần thể thao. Y đã thất bại, đã chịu thua. Và y phải khen ngợi phe thắng đã loại được y. Ông lãnh sự Hoa kỳ thông hiểu hơn. Ông ta «chỉnh» Bob:

(1) Tôi bị đo ván (Tiếng Anh trong nguyên tắc).

– Chú mày phải nhớ giữ tư cách chứ ? Đây đâu phải là võ đài. Đừng quên rằng chú mày có thể phải lên ghế điện hay phải treo cổ...

Bob Yankeel :

– Ô kê, sir. (1)

Đại tá Prétorian nói với viên thông dịch :

– Hỏi tên họ tuổi nghề nghiệp chính, trú quán của bị can đi.

Viên thông dịch chưa kịp dịch. Bob đã trả lời trước :

– Yankeel Bobby tên tắt là Lucky Boy. Ba mươi tuổi. Kỹ sư, hiện đang làm việc cho Hãng Điện tử Power Ldt.

– Y là kỹ sư sao ?

Thị trưởng Scriban hỏi vì ông quá ngạc nhiên trước bằng cấp đại học của bị can. Ông không tưởng tượng ra người can án cũng phải vất vả theo đuổi học hành trong sáu năm ở đại học như ông. Sáu năm vùi đầu trong các phòng thí nghiệm, các thư viện, phải ghi lại nhiều dấu vết trên nét mặt con người mới phải chứ ? Với một người đã mất sáu năm học trong trường Đại học Bách khoa đứng xa nhìn cũng biết. Nhưng nơi Bob Yankeel, chẳng có qua một dấu vết nào của đại học, của những cố gắng cá nhân trên nét mặt. Bob y như con đẻ của võ đài, của sân thể thao và hộp đêm.

Viên thông dịch hiểu ý ông thị trưởng nên hỏi phạm nhân :

– Anh có thực là kỹ sư không ?

– Chẳng là kỹ sư thì tôi là gì ? Không phải là kỹ sư, làm sao tôi có thể làm việc cho phái bộ viện trợ

---

(1) Thưa Ngài, vâng.

kỹ thuật ba năm liền ở đây được ? Không những là kỹ sư, tôi còn là một kỹ sư xuất sắc nữa.

Y mỉm cười và nói tiếp rằng : việc mở mọi thứ khóa của nhà băng êm như ru đã chứng tỏ khả năng của y. Ông lãnh sự giải thích thêm.

– Thưa ngài thị trưởng, ở bên chúng tôi, việc đào tạo kỹ sư không như ở đây. Không cần phải qua cho hết cấp trung học, không cần phải đậu tú tài II rồi qua đại học mới lấy được mảnh bằng kỹ sư như ở đây. Bên chúng tôi các hãng lớn cũng có lớp đào tạo kỹ sư riêng cho hãng. Những lớp này cũng có phòng thí nghiệm, có giáo sư danh tiếng, có câu lạc bộ, có học xá sinh viên. Một hãng làm đồ hộp cũng có lớp đào tạo kỹ sư có phòng nghiên cứu, thí nghiệm. Đã có những nhà bác học được giải Nobel từ bé đến lớn chỉ học trong trường của các hãng tư. Bob Yankeel là kỹ sư nhưng không phải kỹ sư theo lối đào tạo của Âu Châu.

Viên thông dịch hỏi tiếp theo lệnh của đại tá Prétorian :

– Số tiền khổng lồ trong chiếc xe hơi lúc bị nạn của ai ?

Bob trả lời đầy tự hào :

– Của tôi và các bồ của tôi chứ còn của ai vào đấy nữa.

– Tiền này ở đâu mà ra ?

– Xin các ngài đừng xạo nữa. Các ngài thừa biết mà !

– Như vậy anh thừa nhận rằng chính anh là thủ phạm các vụ cướp tiền nhà băng trong thành phố này ?

– Phải, do chúng tôi tất cả. Các ông đã biết rồi, còn hỏi quanh co làm gì cho mất công !

Ông thị trưởng Scriban và các viên chức cảnh sát lại nghệt mặt ra một lần nữa. Họ không tưởng tượng được rằng đây là chuyện thật. Không bao giờ họ có thể nghĩ rằng lại có người thẳng thắn đến thế. Họ đã tưởng như những vụ khác, phải hỏi ngày này sang ngày khác, phải tra tấn phải giăng bẫy mới bắt được thủ phạm thú nhận ! Nhưng ở đây, thầm vấn Bob Yankeel còn dễ hơn hỏi lý lịch của người khác.

— Các ông cứ vòng vo tam quốc mãi, mệt quá. Tôi sẽ giúp các ông cho mau xong chuyện. Vậy là các ông phải chịu ơn tôi đấy nhé ! Các ông nghe cho kỹ đây.

Mấy viên lục sự ngước mỏ lên nghe Bob nói như bị thôi miên. Họ không muốn bỏ sót một câu, một vần nào cả trong những lời lẽ của Bob và nín thở để nghe hắn nói :

— Ba năm trước đây, hãng Power Ldt có gởi tôi và một nhóm chuyên viên nữa sang đây để thiết lập một đài phát thanh. Công việc tiến hành tối đẹp. Sau đó hãng chúng tôi còn ký hợp đồng với công ty điện thoại để cải tiến hệ thống điện thoại của xứ sở này. Rồi quân đội cũng ký hợp đồng với chúng tôi để dựng các đài Ra đa, chế tạo các ngòi nổ ; các nhà băng ký hợp đồng cải tiến hệ thống chìa khóa và hệ thống báo động điện tử. Chúng tôi đã làm tròn bổn phận một cách mỹ mãn. Bao giờ chúng tôi cũng làm tròn bổn phận tốt đẹp. Tôi và các bồ của tôi, hai người chết sáng nay đã lắp xong hệ thống khóa và chuông báo động điện tử chống đạo tặc, là xuất phẩm Hoa kỳ, cho mọi nhà băng ở đây. Công việc hết sức tốt đẹp. Các ông lớn xứ này đã gởi thơ cảm tạ chúng tôi, chúng tôi cũng đã lãnh tiền thưởng đặc biệt xong.

Có thể nói rằng hệ thống này độc nhất vô nhị trên thế giới, không ai có thể chui lọt. Đây là sản phẩm đặc quyền của hãng Power Ldt.

Nhưng cũng vì lắp khóa và chuông mãi, hai bạn tôi và tôi đã tìm ra cách vào lọt mọi nhà băng và mở được hết mọi thứ phòng kín, tủ sắt. Chúng tôi đã thấy những kho tàng cất ở trong. Làm xong việc cho nhà băng, chúng tôi sang làm việc cho công binh xưởng. Nhưng của cải trong các nhà băng ám ảnh dữ dội. Chúng tôi lại không phải sợ gì hết, bởi vì chúng làm ra khóa mà... Bởi vậy, chúng tôi đã không chống nổi sự cám dỗ, như Adam và Êva. Chúng tôi cũng trẻ như Adam và Êva vậy... Ngay các ông, giá như các ông có chìa khóa các nhà băng, liệu các ông có thoát khỏi ý muốn thỉnh thoảng đến khuân về dăm ba tỷ xài đỡ không? Nếu không bị cám dỗ, các ông không phải là người nữa!

Lãnh sự Hoa kỳ lại can thiệp lần thứ hai:

– Làm ơn đứng đắn một chút đi, Bob. Chắc quên mất chuyện đã hạ sát bốn người gác đêm, bóp cổ họ trong các vọng gác của nhà băng.

– Không phải đâu, nghe ông! Các ông buộc tôi tội giết bốn tên Thổ kia đâu có được! Tôi phản đối!

– Không phải các anh thì có một «băng» khác giết họ hẳn?

– Không có băng nào hết. Nhưng đấy không phải là những vụ hạ sát. Nếu chúng nó chết vì bị chúng tôi bóp cổ cũng không thể buộc chúng tôi tội giết người được.

Thủ trưởng Scriban:

– Vậy là lỗi tại họ chắc? Nạn nhân phải chịu trách nhiệm về cái chết của chính họ chăng?

Bob Yankeel :

– Đúng như vậy, thưa ngài. Tuy nói vậy, Bob Yankeet vẫn không giấu được bối rối. Hắn nói tiếp :

– Lần nào chúng tôi cũng đối xử đàng hoàng với những người gác đêm Thổ. Chúng nó chết do lỗi của chúng nó. Không phải chúng nó bị hạ sát. Có thể nói là chúng nó tự tử đấy, thưa ngài !

– Chúng nó tự tử với bàn tay các anh chứ gì?

– Thưa vâng, cũng gần gần như vậy. Đã bị trói cứng bốn tay chân, bị nhét giẻ vào họng, chúng nó vẫn không chịu im. Chúng nó cố vùng vẫy và làm đủ mọi cách cho chúng tôi giết chết. Chúng nó không muốn sống sau khi nhà băng bị cướp hết tiền. Chúng tôi đã làm đủ mọi cách để khỏi phải đụng đến chúng nó mà không được, kể cả việc cho chúng nó chút đỉnh tiền « pourboire » nữa. Nhưng chúng nó vẫn cứ la lối vùng vẫy và làm đủ trò để bị giết, để chỉ bị giết mà thôi. Chúng nó cũng như bọn phi công Thần phong Nhật Bản. Chúng nó muốn tự tử. Chúng tôi chẳng có trách nhiệm gì hết. Tâm lý bọn Thổ thật là kỳ. Chúng nó muốn mất mạng hơn là để mất tiền của người khác. Mà chúng nó nghèo khổ đến thương hại...

– Việc này sau hãy xét phải trái. Đại tá cảnh sát trưởng ngắt lời Bob Yankeel để hỏi tiếp :

– Anh có quen Panselin không ?

– Không.

– Nhưng có biết chớ ?

– Có chứ. Panselin là một người đáng thương. Một người sẽ bị các ông treo cổ nếu không có vụ này xảy ra. Chính tôi đã cứu mạng nó ra khỏi tay cảnh sát. Cảnh sát các ông cần có một thủ phạm. Bao giờ các ông cũng có thủ phạm và các ông đã bắt oan thằng

ngu khốn khổ ấy. Tôi thấy nó thật đáng thương. Với một người Mỹ, chẳng bao giờ các ông dám xử sự như vậy cả.

– Anh nói rằng anh không quen biết gì với Panselin cả và anh cũng không hề hợp tác với nó sao?

– Thưa ông, xin ông tha lỗi cho, nếu những lời lẽ của tôi có sống sượng và tàn nhẫn. Cướp của nhà băng là một công việc khó khăn ghê gớm, cần phải thực hành thực chính xác. Một tội ác toàn mỹ. Một công việc như vậy có ai làm nổi ngoài các chuyên viên Hoa kỳ?

– Panselin không là đồng lõa của anh sao?

– Tên nạn nhân của các ông ấy à? Thưa không, người Mỹ chúng tôi không bao giờ làm việc với người da đen...

– Panselin đâu phải là người da đen...

– Panselin không phải là người da đen thì cũng như ngài, là người da màu. Đen hay màu thì cũng thế, đối với người Mỹ chúng tôi. Chỉ có các công dân Hoa kỳ và những người khác, tất cả. Người Ý, người Chi Lê, người da đen, người Ấn Độ v.v... cũng là một giống.

Mấy người cảnh sát giận đến tím mặt. Giá như người khác thì đã được lãnh một trận đòn đích đáng. Phạm nhân không có quyền hỗn. Nhưng lúc đó, lãnh sự Hoa kỳ lên tiếng:

– Thưa các ngài, nội vụ là như vậy là đã sáng tỏ. Bảy nhà băng đã bị Bobby Yankeel và hai đồng lõa của y đã chết, cướp. Người đàn bà kia chẳng có liên quan gì trong vụ này cả. Sau khi kết thúc hồ sơ xong, xin các ngài chuyển giao cho chúng tôi hồ sơ đầy đủ, cả phạm nhân để gửi về cho tòa án nước tôi thụ lý.

Ông thị trưởng ngạc nhiên:

– Phạm nhân phải được xử ở đây, nơi y đã giết người cướp của.

– Xin Ngài tha lỗi cho, mọi công dân Hoa kỳ đến đây làm việc trong khuôn khổ của chương trình viện trợ kỹ thuật đều thuộc quyền xét xử của chúng tôi. Thỏa hiệp giữa hai chánh phủ chúng ta về khoản này rất rõ ràng minh bạch. Các chuyên viên kỹ thuật được hưởng quyền tài phán đặc...

Ông thị trưởng:

– Nhưng đây là một tên đạo tặc đáng ghê tởm. Nó đã giết người, cướp của...

– Thưa, các can phạm đạo tặc cũng thuộc quyền xét xử của chúng tôi như những công dân lương thiện khác... Vậy xin các ngài giao cho chúng tôi sau khi hoàn tất hồ sơ. Vả chăng, không có gì đáng cho các ngài bất bình. Nó sẽ bị đưa ra xét xử, nhưng do người Mỹ xét xử. Thay vì bị treo cổ, nó sẽ bị đưa lên ghế điện...

Nếu các ngài có cần gì thêm, chúng tôi cũng như mọi nhân viên lãnh sự quán, bao giờ cũng sẵn sàng hầu chuyện quý ngài...

Bây giờ mọi người mới hiểu vì sao tên sát nhân lại có vẻ hỗn hào và tự tín đến thế. Với y, luật pháp quan tòa và cảnh sát địa phương chẳng có nghĩa gì hết. Y là một tên sát nhân Hoa kỳ. Người nước ngoài không có quyền xử bắn hay treo cổ y. Y có đặc quyền lên ghế điện. Đấy là một vấn đề mức sống, một vấn đề văn minh, không thể bị chết treo như thời Trung cổ, như dân còn dã man, mọi rợ. Người Mỹ phải được hưởng mọi danh dự của nền văn minh Hoa kỳ và chết ở đất Hoa kỳ, trên ghế điện.

23

Chuyến đi hiểm hách của tên sát nhân

Công việc điều tra vụ cướp nhà băng giết mấy người gác tiến hành nhanh chóng và dễ dàng ngoài cả sự ước mong của cảnh sát. Việc tìm ra hung thủ và việc thu hồi tài vật không gặp qua một trở ngại nào. Trong hồ sơ, mọi chi tiết đều rõ ràng rành rọt. Ngoại trừ một ít tiền giấy bị cháy, mọi khoản tiền bạc bảo vật đều được thu hồi. Số thu được còn lớn hơn tổng số bị mất nữa. Mọi người chưa kịp thắc mắc thì Bob Yankeel đã giải thích:

– Tiền lương và tiền để dành của chúng tôi đều bỏ chung vào cái két ấy.

Hồ sơ đã được chuyển qua cho tư pháp Hoa kỳ, chiếu theo điện tín của cơ quan này đánh sang yêu cầu dẫn độ Bobby về Mỹ để ra tòa chịu án và lãnh hình phạt ở bên ấy. Nghĩa là ở quê hương của Bob, at home (1).

Đúng 10 giờ sáng hôm nay, ông thị trưởng và Cảnh sát trưởng cùng với các cộng sự viên đã có mặt tại

---

(1) At home: Tại gia (Tiếng Anh trong nguyên tắc).

phòng khách danh dự ở phi trường cùng với ông Tổng lãnh sự, các luật sư và mấy viên chức Cảnh sát Hoa kỳ. Đại tá Prétorian đến sau cùng và dẫn theo Bob Yankeel tay mang còng, cà vạt đỏ trên ngực và nụ cười trên miệng, đi giữa bốn người Cảnh sát tay mang găng trắng, quần có sọc đỏ. Quang cảnh và các nhân vật làm cho ta có cảm tưởng đang xem một nhạc cảnh. Thị trưởng André Scriban tuyên đọc cáo trạng của tên Bob Yankeel, tự Lucky Boy:

– Trước mặt các Luật sư Hoa kỳ, can phạm đã thừa nhận tội giết bốn mạng người và cướp bảy nhà băng cùng với hai đồng lõa đã chết vì tai nạn xe hơi xảy ra tại khu Mảnh Trăng, can phạm cũng thừa nhận rằng số tiền ở trong chiếc xe hơi bị cháy là tiền của nhà băng bị mất trộm. Số tiền này sẽ được giao hoàn cho các nạn nhân.

Vì tên Bob Yankeel tự Lucky Boy là công dân Hoa kỳ, hiện đang ở trên lãnh thổ quốc gia chúng tôi.

Căn cứ vào thỏa hiệp giữa nước chúng tôi và chính phủ Hoa kỳ về viện trợ kỹ thuật, tên Bob Yankeel được hưởng quyền đặc miễn kết án. Tòa Án chúng tôi không được quyền xét xử Bob Yankeel vì những tội trạng của y trên đất nước này.

Căn cứ vào lời yêu cầu dẫn độ của chính phủ Hoa kỳ gửi đến cho chính phủ chúng tôi theo đường lối ngoại giao, ngày hôm nay, chúng tôi thực hiện việc dẫn ra phi trường quốc tế tại tỉnh này phạm nhân Bob Yankeel. Chúng tôi xin giao hoàn y cho cảnh sát Liên bang Hoa kỳ.

Khi thị trưởng vừa dứt lời, đại tá Prétorian cầm lấy tay Bob và dắt lên phía trước bốn bước. Về phía người Mỹ, bốn cảnh viên – giống Bob Yankeet như

lột về thể xác – đứng sau lưng ông lãnh sự, cũng tiến ra. Họ vừa ở Nữu Ước tới bằng đường hàng không để áp giải Bob về Mỹ.

Đợi cho bốn người cảnh sát Hoa kỳ đứng lại trước mặt mình xong, đại tá Prétorian lấy chiếc chìa khóa trong tay một cảnh sát viên đứng sau lưng ông ta để mở còng cho Bob rồi đẩy hắn vào tay mấy cảnh sát viên Mỹ. Mấy người này lập tức rút trong túi ra một cái còng, « Made in U.S.A. » móc vào cườm tay hắn ngay tức khắc, vì rằng để cho một cái còng ngoại quốc ngoắc vào cườm tay người Mỹ là vi phạm đến quốc thể Hoa kỳ, dù người bị còng là một tên sát nhân.

Cậu hai « Số dách » vẫn mỉm cười. Cậu làm cho người ta có cảm tưởng rằng cậu là một thằng ngu vì cậu khó thoát khỏi số phận lên ghế điện của một tử tù. Trong tình cảnh ấy, nụ cười của một thanh niên hào hoa nơi miệng « cậu » quả là lạc điệu và vô duyên. Nhưng khi « cậu » vừa mang vào tay cái chiếc còng Hoa kỳ quý phái có sợi dây xích nối liền với cổ tay của một cảnh sát viên, một người trong đám mấy luật sư của « cậu » đã bước ra, ngoảnh mặt về phía ông lãnh sự Hoa kỳ, cất cao giọng đọc một quyết định của Tòa Án Hình sự Nữu Ước:

« Chiếu theo yêu cầu của các luật sư của bị can, tên Bob Yankeel bị tố cáo tội hạ sát bốn mạng người ngoại quốc trên đất ngoại quốc, bị can phải đóng tiền thế chân một triệu đô la. Tòa chấp nhận thỉnh cầu trên của các luật sư ».

Viên luật sư vừa dứt lời các cảnh sát viên Mỹ liền mở còng ngay cho Bob Yankeel.

Thấy ông thị trưởng, ông cảnh sát trưởng và đám cảnh sát viên của thành phố tỏ ra ngơ ngác, Bob Yankeel nói lớn :

– Tôi đã phải mang còng trong tám mươi giây đồng hồ vừa qua, các ông còn muốn gì nữa? Bây giờ tôi là một người tự do. Y hệt như các ông vậy!

Đại tá Prétorian mỉa mai:

– Tôi tưởng nước Hoa kỳ và nền tư pháp Hoa kỳ chẳng có gì để mà kiêu hãnh khi chủ trương để một tên sát nhân ghê tởm như anh được tự do. Mặc dù chúng tôi chậm tiến thực, nền tư pháp của chúng tôi cũng không bao giờ có một quyết định như vậy. Công lý của chúng tôi bao giờ cũng công bằng. Việc trả tự do cho anh thực đáng tởm.

Lãnh sự Hoa kỳ can thiệp:

– Xin đại tá đừng vội nóng. Đại tá đã nghe kỹ bản văn truyền trả tự do tạm cho can nhân chưa?

– Thưa tôi nghe kỹ lắm chứ. Phạm nhân được trả tự do tạm với một triệu đô la thế chân.

– Vậy «một triệu đô la Hoa kỳ» không có nghĩa gì với đại tá sao?

– Đô la và công lý có liên quan gì với nhau đâu. Xin ngài làm ơn cho biết giữa đô la và công lý có một tương quan như thế nào?

– Không có một tương quan nào cả, thưa đại tá. Giữa công lý và đô la, không có một liên hệ nào hết Tòa Án Hình sự Hoa kỳ đã ra lệnh câu lưu Bob Yankeel. Các ngài đã chứng kiến tận mắt việc Bob bị giữ lại. Một tên sát nhân bị bắt là phải. Nền tư pháp Hoa kỳ là nền tư pháp công minh nhất thế giới. Hoa kỳ là nước duy nhứt công bằng.

– Các ông bắt đề rồi trả tự do cho tên sát nhân tám mươi giây sau đó thì bắt mà làm gì!

– Đâu có phải tên sát nhân được tha, thưa đại tá, chúng tôi đã bắt tên hung phạm, nhưng chúng tôi trả

tự do cho nhà vô địch. Vì, đóng một lúc một triệu đô la tiền mặt là một thành tích của nhà vô địch.

Một kỷ lục Bob Lucky đã phá được kỷ lục tìm ra một triệu đô la trong một thời gian kỷ lục. Bởi vì Hoa kỳ là một nước công bằng cho nên Tòa Án đã thưởng cho thành tích đó. Đạo công bằng phải như vậy: thừa nhận những thành tích đặc biệt, kể cả những thành tích của những tên sát nhân. Nền tư pháp Hoa Kỳ đã đòi hung thủ một số tiền thế chân trả không nổi. Vậy thì khi tên sát nhân đã tạo được thành tích kiếm được tiền để trả, nó đáng được thưởng, đáng được thưởng tự do. Lúc này nó là một nhà vô địch, một người phi thường, một người đã trèo lên một địa vị cao hơn mọi người tầm thường khác.

Thị trưởng André Scriban không chịu công nhận:

– Đấy đâu phải là công lý.

Luật sư của Bob Yankeel:

– Vậy thì nền công lý của quý quốc là công lý chăng? Nền công lý ấy có hợp với luận lý không? Ông Cảnh sát trưởng thành phố này đã bắt giam và đã tra tấn một cách oan uổng cả tuần lễ nay một người dân lương thiện là chàng Panselin đáng thương kia. Đến nay, dù đã bắt được hung thủ, đã thu hồi được tang vật, các ông vẫn cứ tiếp tục giam cầm Panselin. Tôi có thể nói rằng việc các ông vẫn tiếp tục giam cầm hành hạ Panselin nhân danh công lý là một việc làm của những người dã man, chưa được khai hóa.

Đại tá Prétosian đỏ mặt cãi:

– Chưa có gì chứng tỏ rằng Panselin đã không cộng tác với «băng» ăn cướp người Mỹ? Nếu không đồng lõa với mấy tên ăn cướp người Mỹ này, Panselin lấy đâu ra tiền để đem cả nửa triệu đi biếu

một ông cha xứ ở nhà quê, lấy tiền đâu để đến tửu lầu Đông Phương ăn táo tàu ướp lạnh.

Luật sư người Mỹ đáp lại ngay:

– Tên Panselin đã nói với các ông hàng trăm lần hàng ngàn lần về xuất xứ số tiền mà các ông cứ nhất định gán cho nó cái tội cướp được số tiền này. Nó còn nói với cả chúng tôi, những luật sư ngoại quốc rằng, số tiền ấy nó đã mượn được tại quỹ bù trừ và tiết kiệm của nhân viên ngân hàng. Chúng tôi đã xét lại và biết rằng nó nói thực. Nó cũng đã khai thực với các ông những điều mà các ông hỏi nhưng lại không bao giờ chịu nghe lời khai của những người nghèo khó. Ngay tù nhân cũng là người như chúng ta mà. Còn chúng tôi bao giờ cũng đối xử với tù nhân y như đối xử với những người ngang hàng với mình.

– Có thực Panselin có khai với đại tá rằng số tiền ấy là số tiền nó đã mượn được hay không?

Ông thị trưởng quay sang hỏi ông cảnh sát trưởng với một thái độ thực gay gắt. Lời nói của viên luật sư Mỹ làm cho mọi người có mặt thấy tức giận, máu bốc lên đầu.

Đại tá Prétorian chống chế:

– Vì nó nói dối nhiều quá cho nên các thẩm vấn viên không chú ý những lời khai sau này của nó. Mọi người coi nó như người có bệnh, hễ mở miệng ra là nói dối.

Thị trưởng Scriban nạt lớn:

– Đã không muốn nghe thì đừng có hỏi người ta. Tôi sẽ đích thân mở một cuộc điều tra về vụ này. Bây giờ, tôi tưởng là đã đến lúc các quý khách lên đường...

Viên luật sư của Bob Yankeel nói:

– Thưa ngài thị trưởng thư cho một phút. Thân chủ của chúng tôi có nhờ chúng tôi chuyển cho sở hữu chủ quán rượu Mảnh Trăng một ngân phiếu để đền bù thiệt hại cho ngôi quán đã bị xe của thân chủ tôi húc sập.

Nói xong, ông luật sư này dúi vào tay thị trưởng một ngân phiếu. André Scriban giơ tay ra nhận nhưng đầu óc bàng hoàng. Ông ta tưởng như mình vừa nhận một cú đấm nổ đom đóm mắt vào giữa mặt,

Bob Yankeel nghênh ngang bước lên tàu bay. Tự do. Sau lưng hắn, các luật sư, các cảnh sát viên nối bước lên theo... y như những tên vệ sĩ và những tên đầy tớ. Đi đến cuối cầu thang, Bob Yankeel ngoảnh lại chào những người đi tiễn chân ở phi trường như một ông lớn hay một tài tử màn bạc. Hắn quay lại chỏ miệng về phía thị trưởng, la lớn: « Tội ác phạm ở nước ngoài đâu có phải là trọng tội ».

Scriban lẩm bẩm:

– Thằng khốn nạn! ông cúi đầu đi ra xe, giận bừng bừng. Giận người Mỹ, bởi vì thủ phạm là người Mỹ.

*
* *

HẾT TẬP MỘT

24

Trả tự do cho «Mặt trăng!...»

Vài giờ đồng hồ sau chuyến ra về hiên hách của tên sát nhân Hoa kỳ, của tên Bob Yankeel tự Lucky Boy, được tự do tạm dù đã giết bốn mạng người nhờ một triệu đô la thế chân, cả thành phố như lên cơn sốt. Trước hết là sinh viên, uất ức vì việc dẫn độ và việc trả tự do cho tên sát nhân trong khi Panselin vẫn phải nằm tù, đã đi đến mọi khu phố dán những tấm bích chương lớn đủ màu sắc những khẩu hiệu đòi phải trả tự do ngay tức khắc cho Panselin tức Panselinos. Khắp nơi, trên mọi bức tường trên các cánh cửa xe hơi, người ta đều thấy khẩu hiệu: «Giải phóng Panselinos! Trả tự do ngay tức khắc cho Panselinos! Trả tự do cho Mặt trăng!».

Một sự kiện khác cũng làm cho không khí như bị đầu độc, dư luận quần chúng nổi lên phản ứng dữ dội đối với Hoa kỳ và các nhà chức trách là việc thi hài của hai tên sát nhân người Mỹ bị chết trong tai nạn xe hơi khu Mảnh trăng, đã được kéo ra khỏi cỗ ván của cảnh sát để bỏ vào hai cỗ quan tài lộng lẫy đem từ Hoa Kỳ sang để chở về chôn trên đất Mỹ. Sự phẫn nộ lan tràn lên khắp cả thành phố khi hai cỗ áo quan chở thi hài hai tên sát nhân người Hoa kỳ được rước đi một cách long trọng ra phi trường đem lên

tàu bay, để được chôn trong xứ sở văn minh của chúng, trong đất thánh của người Mỹ, ngõ hầu tránh cho chúng nó nỗi tủi hổ phải chôn xác ở đất «da màu», ở hải ngoại. Để cho thân xác của chúng khỏi bị các loại côn trùng không phải là côn trùng Hoa kỳ gặm mất xác. Và để cho chúng nó được tái sinh trên đất Mỹ trong ngày phán xét cuối cùng, dưới lá cờ sao của Hoa kỳ, không phải lá cờ của một nước hạ đẳng... Và để cho Đức Kitô, khi xét xử người sống và người chết, như Thánh kinh đã dạy, sẽ dành cho chúng nó quyền ưu tiên khỏi phải đợi trước tòa phán xét lẫn lộn với người Hy Lạp, người da đen, người Pháp v.v... Vì chắc chắn người chết Hoa kỳ, trong ngày phán xét cuối cùng, cũng sẽ không cuốc bộ đi hầu Tòa trên Thiên đường, mà sẽ đi xe Jeep hay xe Cadillac, sẽ ngồi trong những chiếc ghế bành bằng pờ-lát-tích, như ở nhà họ. Mỗi một người Mỹ chết sẽ cầm theo một đồng đô la trong bàn tay phải lúc đem đi chôn, để trong ngày Phán xét cuối cùng, các thiên thần thấy ngay rằng họ không phải là dân đói rách mà là công dân của một nước cha chú và phát cho họ một cái thẻ, dành cho họ quyền ưu tiên khỏi phải mất công đứng chờ trước cửa nhà Thánh Phêrô... Vì, là chủ nhân của thế giới, người Mỹ đã yên chí, như tất cả những chủ nhân của thế giới đã yên chí, rằng họ vẫn là chủ nhân đời đời của thế giới. Trước kia, người Ba Tư, đại đế Alexandre le Grand, người La Mã của bạo chúa Néron và người Mông Cổ của Thành Cát Tư Hãn cũng đã tin như vậy, cho nên, người Hoa Kỳ đã tin rằng trên Thiên đường cũng như ở dưới trái đất, họ sẽ sống trong một khu đặc biệt dành riêng cho họ, có cắm cờ sao, có nhiều tủ lạnh, cô ca cô la, có nhiều nước trái cây, có các thiên thần nhai kẹo cao su suốt ngày và khắp nơi đều có

màn ảnh vô tuyến truyền hình để xem các nghệ sĩ Hollywood đến vạn đại.

Trong lúc tên sát nhân sống được trả tự do bay về Mỹ, những tên sát nhân chết rồi cũng đi về Mỹ trong những chiếc quan tài sơn son thếp vàng đầy hoa thì chàng Panselin oan uổng, mặt nát ra vì bị tra tấn, vẫn phải nằm trong nhà tù. Người ta chưa muốn tha cho Panselin mặc dù biết thủ phạm là người Mỹ. Quần chúng phản đối, nhưng cảnh sát vẫn ngoan cố, cố tình giam Panselin lại chưa chịu tha.

Cuối cùng đại tá Prétorian nhận lệnh phải tha cho Panselin nếu y vô tội.

Panselin lại được triệu tập lên văn phòng ông cảnh sát trưởng để chiêm ngưỡng thêm một lần nữa vẻ đẹp của những bàn ghế, của những tấm thảm, những bức tranh. Nhưng Panselin sợ đến mất hồn nên đâm ra ngớ ngẩn.

Đại tá Prétorian ôn tồn nói với Panselin:

– Chú mày sẽ được trả tự do nếu chứng minh được cho ta biết là chú mày không phải là đồng lõa của mấy tên sát nhân Hoa kỳ.

– Thưa tôi chưa bao giờ lại gần một người Mỹ nào hết.

– Chú mày cho ta biết là chú mày lấy tiền ở đâu để cho cha Molifta nửa triệu, lấy tiền đâu để đến tửu lầu Đông Phương ăn táo tàu. Nếu chú mày trả lời được, ta sẽ trả tự do ngay lập tức cho chú mày.

Panselin im lặng, không trả lời. Đại tá Prétorian hỏi gặng:

– Tại sao chú mày không muốn trả lời ?

– Thưa tôi muốn trả lời lắm chứ. Tôi cũng đã trả lời cả nghìn lần xuất xứ của số tiền, nhưng các

ông đâu có chịu nghe, đâu có thèm nghe. Vậy tôi trả lời làm gì cho mất công.

– Chú mầy cứ nói đi, số tiền nửa triệu kia ở đâu mà ra.

– Đấy là tiền mượn Quỹ tiết kiệm của viên chức nhà băng, thưa đại tá. Số tiền này có ghi trong sổ, Đại tá cứ xem lại thì biết. Khi tôi nhận được tin bố tôi sẽ bị khổ sai vì tội biển thủ tiền quỹ của hợp tác xã, tôi đã bỏ học và kiếm một việc làm thường xuyên ở nhà băng. Và tôi đã vay số tiền ấy. Tôi đã gửi số tiền ấy về cho cha Molifta, để cứu bố tôi khỏi bị tù. Tôi đã khai đi khai lại mãi chuyện này nhưng các ngài không chịu nghe.

– Còn tiền xài sang ở khách sạn Đông Phương?

– Cũng với số tiền mượn ấy thưa đại tá. Tôi đã mượn nửa triệu trả trong mười lăm năm. Tính toán xong người ta giao cho tôi nửa triệu kèm thêm mấy chục ngàn tiền lẻ. Tiền lẽ ấy tôi giữ trong túi. Nó quá nhỏ để có thể làm được một chuyện quan trọng đối với cuộc đời của tôi. Nhưng nó quá lớn nếu chỉ để cất trong túi. Tôi không muốn cho vợ tôi và ông bố vợ thấy tôi có số tiền ấy. Tôi không muốn cho họ biết bố tôi là một tên trộm, không muốn cho họ biết rằng tôi phải làm việc 15 năm liền, gần như không có lương để trả nợ cho bố tôi. Vì thế, để thanh toán số tiền này, tôi đến khách sạn Đông Phương. Tôi đã chọn món ngon nhất, đắt nhất. Cố nhiên, lẽ ra tôi nên đem cho người nghèo thì hơn. Nhưng hình như cũng có ít người nghèo hơn tôi.

Lúc bấy giờ, cảnh sát trưởng hình sự lưu động Argat vừa bước vào, báo cáo.

– Đã có chứng từ xác nhận lời khai của Panselin đúng với sự thật.

Đại tá Prétorian:

– Tốt lắm! Kể từ nay chú mày đã được trả tự do. Có điều ta muốn hỏi chú mầy một câu nữa, chú mày ưng trả lời thì tốt, không ưng cũng chẳng sao, chú mầy vẫn được trả tự do như thường, Hôm chú mày bị bắt, chú mày mò đến nhà băng làm gì sớm thế?

Panselin im lặng. Đại tá Prétorian gặng:

– Chú mầy cho ta biết đi.

– Thưa, có phải người gác đêm Ali chết rồi phải không?

– Lão chết trên bàn giải phẫu ngày hôm kia, chết vì một thứ bệnh nào đó ta cũng không hiểu nữa. Chỉ biết là lão chết vì đến nhà thương quá chậm, lẽ ra lão chịu mổ từ lâu rồi thì khỏi chết. Thôi, trả lời đi, tại sao chú mầy lại mò đến nhà băng lúc 5 giờ sáng?

– Ali chết rồi thì tôi có thể kể cho đại tá biết.

Nhưng nói xong, Panselin như nghẹn giọng. Chàng khóc. Khi khóc người ta không nói được. Dầu không bao giờ hòa được với nước. Nước mắt nặng như dầu, lời nói nhẹ như nước.

– ... Tôi coi Muhammad Ali cũng gần như là cha tôi. Còn hơn là cha nữa. Lão vừa là cha mà cũng là anh em của tôi. Có khi tôi còn yêu lão như là cha tôi. Kể ra rất khó nói. Lúc bấy giờ tôi còn là sinh viên, tôi phải đi kiếm việc làm. Tôi gặp Ali. Lão giới thiệu cho tôi làm việc ban đêm tại nhà in chuyên in các ấn phẩm về kinh tế tài chánh. Nhà in ở sát với ngân hàng. Trong dịp này tôi làm quen với những người gác đêm Thổ. Bố tôi là người Gitan. Chúng tôi là người Gitan từ Thổ Nhĩ Kỳ tới, nếu họ không phải Thổ Nhĩ Kỳ thì cũng ở Ba Tư. Tôi sống với người Thổ như sống trong gia đình. Khi tin cha tôi bị nạn đến tai họ, những

người Thổ đã gởi tôi cho ban giám đốc nhà băng. Nhờ sự bảo lãnh của họ, họ đã đem lương ra bảo lãnh để cho tôi được vay nửa triệu. Nếu tôi thất hứa, chính những người Thổ phải trả. Tôi đã gởi tiền về cho cha tôi. Số tiền còn lại tôi đã tiêu như vứt đi. Vì tôi nghĩ rằng đời tôi như thế là hết rồi. Tôi phải nghỉ học. Vì quá buồn, tôi đâm ra ốm. Tôi đã nghĩ đến chuyện tự tử. Tôi đã dọn nhà đến khu Mảnh Trăng. Lúc bấy giờ cha con Kyr Christaki và Kyria Filothéa vớ lấy tôi.

— Chú mày để cho họ xỏ mũi kéo đi thì lạ thực.

— Tôi đã mất tất cả... Đại học, tương lai... Tất cả. Đã cầm được một tờ giấy một ngàn đốt đi thì có sá gì tờ giấy một trăm. Đời tôi kể như hỏng rồi. Tôi để cho họ muốn làm gì thì làm. Cái gì đã mất rồi khó lấy lại được. Có Filothéa hay không có Filothéa thì cũng thế. Tôi kể như bỏ đi rồi. Cả đời kéo cày chỉ đủ để trả nợ.

Một ngày kia, Ali cho tôi biết là lão đau đã lâu. Sáng nào lão cũng phải lau cầu thang cái sân cẩm thạch, các hành lang của ngân hàng. Lão bị đau và lão đã chỉ cho tôi thấy cái báng lớn bằng quả bóng bên trái bụng. Vì cái báng đó, lão không làm việc được nữa. Nếu vào nhà thương ngay bây giờ thì lão sẽ bị cho về hưu trí ăn nửa lương. Mà lão chỉ có một năm nữa là về hưu. Tôi bèn xung phong nhận giúp lão, mỗi ngày đều làm giúp lão từ năm giờ sáng. Lão không cúi gập mình được nữa nên không làm việc được và cũng không được phép nhờ người thay. Lão phải nuôi cả gia đình năm miệng ăn nhờ vào đồng lương. Panselin bật khóc ; « Từ khi tôi bị bắt đến nay lão phải làm lấy. Vì vậy mà lão mới chết ».

— Có phải sáng nào lão cũng mở cửa cho chú mày vào phải không ?

— Thưa đúng vậy! Cứ mỗi buổi sáng, lão mở cửa cho tôi và con chó của lão. Tôi làm thế cho lão đến tám giờ. Sau đó tôi mới làm việc của tôi.

— Vì vậy lão mới viết thư cho bà già mang vào cho chú mày yêu cầu chú mày im lặng để cứu năm mạng người chứ gì?

— Thưa đúng như vậy. Nếu tôi tiết lộ bí mật thì lão sẽ bị đuổi ngay tức khắc. Người gác đêm đem người vào nhà băng ban đêm tức là phạm vào tội trọng. Luật lệ cấm triệt để. Bởi vậy, nếu tôi tiết lộ, cả nhà lão một bà mẹ già, một vợ ba con sẽ chết đói. Nhưng bây giờ lão chết rồi, tôi có thể nói ra như tôi vừa mới trình với đại tá xong.

Hai nhân vật cảnh sát nghe Panselin kể xong đều cảm động. Họ thương cảm cho Panselin, cho Muhammad Ali và cho người nghèo. Im lặng một lúc, đại tá Prétorian nói:

— Vợ chú mày đã được ly thân với chú mày. Chị ta còn xin ly dị nữa. Chị ta đã gởi hết đồ đạc của chú mày vào nhà lao cho chú mày. Vậy là chú mày khỏi phải trở về khu Mảnh Trăng nữa. Trong cái họa cũng có cái phúc đấy chứ? Ta hy vọng chú mày không tiếc thương gì cái khu Mảnh Trăng đã khai trừ chú mày chứ?

Panselin không trả lời. Chàng không nghe gì hết. Chàng đang nghĩ đến Ali đã chết, đang ở trên Thiên đường của người Hồi, cái thiên đường đẹp nhất. Một Thiên đường khác với Thiên đường của người Hoa Kỳ, không có nhà băng không có người gác đêm. Panselin khóc thương người bạn Thổ Nhĩ Kỳ bất hạnh.

Thấy Panselin không trả lời mình nhưng miệng lầm bầm, đại tá Prétorian hỏi:

— Chú mày nói gì đấy?

– Thưa tôi cầu nguyện cho Muhammad Ali được mát mẻ dưới suối vàng. Lão thật là tử tế.

– Chú mày cũng vậy. Chú mày thiệt là tử tế với lão. Chú mày được trả tự do ngày hôm nay. Nhưng để cho chú mày được hồi phục sức khỏe, chú mày phải vào nhà thương cảnh sát dưỡng sức một thời gian. Ta sẽ ra lệnh cho nhà thương phải thâu nhận chú mày. Bằng lòng không? Ta sẽ gặp lại sau. Thế nào, bằng lòng không, nói cho ta biết đi. Chú mày có thấy là cảnh sát chúng ta đâu có quá ác nghiệt phải không nào? Chú mày có đồng ý là không có cảnh sát là thế giới cũng hết sống. Chú mày có thấy là cảnh sát phải duy trì trật tự cho đời sống, tức là duy trì công trình sáng tạo của Chúa phải không? Chú mày bằng lòng với sở cảnh sát và các cảnh sát viên chứ?

Panselin vẫn lặng thinh.

– Thế nào, trả lời đi chứ? Chú mày bằng lòng với cảnh sát và các cảnh sát viên chứ? Ta sẽ cho chú mày vào nhà thương, dành cho chú mày thuốc tốt, giường tốt, thức ăn bổ dưỡng đầy đủ. Chú mày muốn nằm bao lâu tùy thích. Chú mày bằng lòng với cảnh sát chứ?

Panselin cúi mặt Hai dòng nước mắt chảy dài xuống má, không trả lời,

Đại tá Prétorian :

– Im lặng là bằng lòng. Chúng ta cũng thế. Chúng ta bằng lòng vì chú mày bằng lòng với cảnh sát. Bây giờ chú mày đi được rồi. Cảnh sát sẽ trông nom cho chú mày.

* * *

25

Nước mắt các nhà ngân hàng là vàng

– Thưa ông Panselin, tôi xin phép được tự giới thiệu : tôi là « Thầy » Démosthène, luật sư ủy nhiệm của Ngân hàng quốc gia. Tôi vừa được ban giám đốc ngân hàng báo cho hay rằng ba ngày nữa ông sẽ ra khỏi nhà thương. Bác sĩ giám đốc bệnh viện cảnh sát cũng đã xác nhận như vậy. Thế nào ông đã bình phục chưa ?

– Thưa, cảm ơn luật sư, tôi đã khá hơn khi vào, cách đây hai tuần. Bằng cớ là tôi vào đây bằng « băng ca» và ra bằng chân của mình.

Trong bộ đồng phục của bệnh nhân, Panselin gầy sọm hẳn đi, da xanh mướt. Đáng chú ý hơn cả là một nỗi buồn mới đã hiện lên trong ánh mắt vốn buồn sẵn của chàng.

« Thầy » Démosthène :

– Tôi đã dò hỏi bên tòa án Hình và được biết rằng bà nhà và lệnh nhạc đã nộp đơn xin cho bà nhà được thủ tiêu hôn ước với ông. Nhưng bây giờ, biết ông vô tội, hai người muốn rút đơn và yêu cầu ông tái hợp với bà nhạ và trở về khu Mảnh Trăng, chung

sống như cũ. Nhưng vì ông đã ký vào đơn xin ly dị của bà nhà, chấp thuận cho bà được ly dị, cho nên bây giờ có hủy án lệnh cho ly dị hay không thuộc thẩm quyền của ông. Ông có định trở lại với bà nữa không?

— Thưa không! Tôi đâu có phải là quả bóng, ai muốn giữ lại hay đá đi cũng được hết. Khi báo chí đăng tin tôi là một tên sát nhân, họ lập tức xin ly dị và yêu cầu tôi ký vào đơn, chấp thuận. Tôi đã ký. Mặc dù tôi rất đau buồn. Người ta lấy nhau để chia xẻ vinh quang cũng như đau khổ hoạn nạn. Họ đã ly khai tôi lúc tôi gặp đại nạn. Bây giờ, báo chí nói rằng tôi vô tội, rằng tôi là nạn nhân, họ lại muốn bắt tôi về làm chồng, làm con rể... Đâu có được. Tôi không chơi nữa. Người chồng đâu phải quả bóng cho vợ và nhà vợ giữ lại hay đá đi, theo dư luận của báo chí và của hàng xóm? Đã muốn ly dị, họ sẽ được ly dị. Vấn đề này coi như đã kết thúc rồi.

— Phải, thái độ của ông thực là hợp lý, lập luận xác đáng. Tôi thành thật ngợi khen ông. Còn tương lai thì sao? Ông đã có dự định gì chưa?

— Ra khỏi đây, tôi còn phải đi thuê một chỗ ở. Sau đó đến nhà băng làm việc trở lại. Nếu có cơ hội, tôi cũng sẽ gắng nộp đơn xin thi... Chỉ có thế.

— Ông muốn làm việc lại ở nhà băng sao?

— Cố nhiên. Có không muốn, tôi cũng phải làm. Vì tôi còn món nợ phải trả bằng đồng lương của tôi.

— Không sao, không sao cả. Ban giám đốc nhà băng vừa giao cho tôi trách nhiệm tin cho ông hay rằng ông không phải bận tâm lo lắng về món nợ. Bao giờ có ông trả cũng được. Không có vội gì. Bây giờ, mọi người đều biết ông là người tử tế.

– Tôi muốn trả nợ theo cách thức cũ, khấu trừ lương tháng để trả cho nhà băng.

« Thầy » Démosthène :

– Thực là khó nói cho ông rõ... Đại để là, kể từ nay, ông không còn là nhân viên của Ngân hàng quốc gia. Ngân hàng muốn ông thôi việc. Tôi đã mang theo đây, giấy chấp thuận cho nghỉ việc nhà băng Cho ông nghỉ việc. Nhà băng sẽ trả một tháng lương lao động cho ông. Số tiền ấy tôi cũng có mang theo.

– Tại sao nhà băng lại cho tôi nghỉ việc ?

– Văn thư chính thức của nhà băng nói rằng Ngân hàng bị bắt buộc không có thể có sự cộng tác quí báu của ông vì lý do tiết kiệm. Nhà băng cũng rất tiếc vì ông không được cộng tác nữa. Và tri ân ông vì những công lao của ông trong thời gian phục vụ Ngân hàng. Ngôn ngữ của Văn thư chính thức bao giờ cũng thế..., để cho người thôi việc khỏi phạm tự ái và khỏi gặp rắc rối trong việc tìm kế sinh nhai. Đây là sự thải hồi kèm theo một chứng chỉ tốt.

Nhưng trên thực tế, chính Ngân hàng không có thể giữ ông lại được nữa vì vụ « xịt căng đan » kia. Một người đã bị tố cáo là sát nhân vì đã giết bốn mạng người, là trộm cướp, đã có hình đăng trang nhất các báo với phụ chú là : « tên sát nhân » ở dưới, không thể là nhân viên Ngân hàng được nữa. Kể ra lý do thì không có gì hết, nhưng Ngân hàng là một cơ cấu tín nhiệm. Một ngân hàng phải gây cho mọi người một ý nghĩ tín nhiệm lớn hơn cả giáo đường. Bởi giáo đường chỉ là nơi người ta gửi linh hồn nhưng Ngân hàng là nơi gửi tiền bạc. Và mọi người đều đòi hỏi nơi tiền bạc phải chắc chắn hơn là nơi gửi những của cải tinh thần.

Vì vậy, ông không thể là nhân viên ngân hàng được. Suốt cả đời, ông không được làm ngân hàng nữa. Các ủy viên Giám đốc Ngân hàng cũng lấy làm tiếc về việc này. Họ đau lòng vì phải cho ông nghỉ khi họ không thể làm khác hơn được nữa. Hãy tưởng tượng một khách hàng, mang vài chục triệu đến gởi, vừa thò đầu vào «ghi sê» là thấy ngay một bộ mặt quen thuộc trên mặt báo chí, mang danh hiệu là «tên sát nhân». Không! Không thể được!

— Nhưng các báo, sau đó đã viết lại rằng tôi vô tội, rằng tôi là nạn nhân bị bức xử.

— Nhưng khốn nỗi tiếng xấu vẫn còn. Ông đã bị bôi nhọ suốt cả đời. Tiếng xấu cũng giống như than. Người lấm than thì thân mình còn sạch sao được? Một người đã mang tiếng xấu, không thể làm con người hoàn toàn không có gì đáng chê trách. Đấy là trường hợp của ông. Ông không thể làm con người lương thiện một khi ông đã bị buộc tội trộm cướp giết người. Thế là ông không còn được làm trong bất kỳ nhà băng nào. Không bao giờ. Chúng tôi rất tiếc phải cho ông nghỉ việc.

— Tôi không chịu, tôi không chấp nhận quyết định nây của các ông. Tôi là người lương thiện. Bao giờ tôi cũng là người lương thiện.

— Quá khứ của ông không còn sạch nữa. Ông đã bị trát bùn nhơ. Vậy là người ông đã có tỳ vết dù ông đã thoát nạn, đã được thừa nhận là vô tội.

— Tôi sẽ kiện các ông.

— Vô ích, ông sẽ thua kiện. Nhà băng không phủ nhận rằng ông là người lương thiện. Nhưng ngân hàng có những luật lệ riêng của nó. Một trong những điều luật chính của nhà băng ngăn cấm việc thu nhận,

và việc giữ lại phục vụ những nhân viên đã bị bôi nhọ, đã mang tiếng xấu, mặc dù họ lương thiện. Ông không thể trách gì chúng tôi được. Ngân hàng là những cơ sở của tín nhiệm mà. Do đó, nhân viên của nó phải thực trắng tinh không bị mang qua một tai tiếng nào. Người ta thường bị mang tiếng, có khi có lý do chính đáng có khi không. Kinh nghiệm còn cho chúng tôi biết rằng mang tiếng oan có khi còn nguy hiểm hơn mang tiếng có lý do rõ ràng. Sao, ông có ý kiến gì không?

— Tôi sẽ lôi những người kéo tôi xuống bùn ra tòa.

« Thầy » Démosthène :

— Chính cảnh sát đã lôi ông xuống bùn và đưa ông lên báo, đã ném ông ra đường phố, nghĩa là trước dư luận quần chúng. Nhưng ông chẳng làm gì được cảnh sát hết. Tuyệt đối chẳng làm gì được hết. Cảnh sát đã bôi nhọ ông một cách bất công, đã dày xéo, chà đạp ông... Kể cả trường hợp cảnh sát có giết ông cũng chẳng sao hết. Cảnh sát không thể bị buộc tội sát nhân... Hình luật của mọi quốc gia trên thế giới này đều xác minh rằng những tội ác, những vụ giết người của những nhân viên đại diện cho luật pháp, giết nhân danh luật pháp, không thể bị coi là tội ác. Cũng như trong quân đội vậy. Ai buộc được người lính tội giết người ngoài mặt trận?

Cảnh sát và tư pháp có làm gì thì mọi người cũng phải chịu, nếu nó làm đúng theo thủ tục. Cảnh sát và tư pháp bao giờ cũng vô tội. Cảnh sát có đốt nhà anh nhưng khi đốt, các cảnh sát hành sự đúng theo quy tắc, đúng theo thủ tục, nghĩa là có bận sắc phục và mang theo một án lệnh, là không bao giờ bị buộc tội.

Cảnh sát và tư pháp là luật mà. Buộc tội luật làm sao được? Luật đương nhiên tốt. Tất cả những việc làm do những người bận sắc phục chắc chắn là phải rồi. Chúng ta chỉ có việc chấp nhận. Luật làm ra để bảo vệ những người đại diện cho nó trước, cho cá nhân mọi người sau. Anh chỉ là một người, một cá nhân. Anh không có quyền tấn công luật pháp. Dù luật pháp có phạm tội đối với anh. Đây là trường hợp của ông. Ông phải, luật pháp trái, nhưng ông chẳng làm gì được hết. Ông không thể bắt luật pháp bồi thường.

Panselin cúi đầu nghe, lòng quặn lại. Luật sư Démosthène nói tiếp :

— Chúng tôi, những nhà ngân hàng, những nhà tài chính, chúng tôi không đến nỗi sắt đá như cảnh sát. Ông phải biết nước mắt của một nhà ngân hàng bao giờ cũng quý như vàng. Tôi đã nhận sứ mạng đến đây, ngoài việc báo tin cho ông được nghỉ việc, hỏi thêm bây giờ ông muốn làm công việc như thế nào. Chúng tôi sẽ giúp đỡ ông được. Chúng tôi biết ông là một nạn nhân. Và cuối cùng, tôi cũng không giấu gì ông là chúng tôi cũng có lợi khi ông có một việc làm lương bổng khá. Lương ông có khá thì chúng tôi mới có thể khấu trừ một số tiền để thu hồi lại món nợ nửa triệu mà ông đã vay của quỹ tương trợ và tiết kiệm của nhân viên ngân hàng. Đó là tiền của chúng tôi cho ông vay. Nào, ông muốn nhận làm việc gì?

— Tôi chẳng muốn nhận làm gì hết,

— Đừng giỡn! Ông còn phải ăn. Còn phải mặc. Chúng tôi sẽ kiếm cho ông một việc làm lương cao. Lương rất cao là khác. Cao hơn là lương của ông ở ngân hàng. Ông chỉ cần nói việc ông thích làm là chúng tôi kiếm ra.

– Tôi chỉ muốn bỏ đi. Tôi ngấy quá rồi. Khi không người ta lôi tôi ra đánh đập tra khảo, bôi nhọ. Chán rồi người ta khiêng tôi đến đây. Bây giờ người ta lại trách tôi không giữ cho được tiếng tốt, về tinh thần cũng như về thể xác. Bộ tôi dìm tôi xuống bùn, bộ tôi dần tôi đến nhừ xương, bộ tôi đem cả cuộc đời của con người tôi lên mặt báo để bêu rếu tôi hay sao?

Đến bây giờ ông còn hỏi tôi muốn gì nữa? Tôi chẳng muốn con mẹ gì hết. Tôi chỉ muốn đi đâu cho khuất để khỏi phải gặp các ông nữa.

– Có phải ông muốn chúng tôi tìm cho ông một việc làm ở tỉnh khác không?

Panselin:

– Không! Tôi không muốn gì hết, không muốn tỉnh, không muốn thành phố, không muốn làng... Tôi không muốn thấy mặt các ông... Tôi chỉ muốn đi... Đi... Đi và không dừng nữa, đi mãi.

«Thầy» Démosthène reo lên:

– Ông muốn đi hả, muốn đi và không muốn dừng? Được rồi. Hay lắm. Tôi sẽ kiếm cho ông một việc làm đúng ý thích. Phải, tuyệt lắm. Ông sẽ có một việc làm được đi hoài không phải ở đâu nhất định, không phải dừng ở đâu hết. Dễ ợt mà. Có phải ông muốn chúng tôi tìm cho ông một việc làm ở Hỏa xa phải không? Phải đi làm Hỏa xa, ông bao giờ cũng ở trên đường. Ông chẳng phải dừng lại ở đâu hết. Ông tỏ ý muốn đi. Vậy chúng tôi giúp ông có một khoảng lương tháng để ông được đi, ông không phải dừng lại. Chúng tôi cũng lấy được nợ của ông. Lương bổng ở Hỏa xa rất khá. Cao hơn lương ở nhà băng. Tôi sẽ về trình với ban giám đốc là ông muốn làm

ở Hỏa xa. Với bằng cấp của ông, ông sẽ có chỗ làm khá thích thú trong thành phần nhân viên «lưu động» của Hỏa xa. Tôi cũng công nhận sau những thử thách vừa phải chịu, ông muốn thay đổi không khí và thay đổi khung cảnh là phải.

Vậy cứ thế nhé: một công việc trong sở Hỏa xa: thí dụ như kiểm soát viên xe lửa, thanh tra đường rầy xe lửa? Mũ kết đỏ và áo đính cúc đồng bóng loáng. Ông thấy nhé, chúng ta thỏa thuận xong rồi đấy!

«Thầy» Démosthène rất hài lòng. Châm một điếu thuốc lá có mùi bạc hà, đưa lên mồi, rít một hơi dài rồi thở ra khoan khoái. Còn Panselin thì im re. Ban đầu chàng muốn phát điên lên được. Vì uất ức và thất vọng. Nhưng khi nghe «Thầy» Démosthène thuyết trình về xe lửa – mà lúc đầu chàng thấy kỳ cục, phi lý – chàng trở nên mơ mộng. Bây giờ chàng im lặng không phải vì đau khổ, không phải vì muốn phản đối, không phải vì muốn nổi loạn. Không phải! Panselin mơ mộng nhưng không ý thức được. Ông thân sinh của chàng, tổ phụ chàng và cả dân tộc chàng đã sống trên những con đường đi. Tất cả mọi người đồng bào anh em của chàng đã ra chào đời trên những bánh xe, đã yêu mến, đã sống trên những bánh xe, và đã vĩnh biệt cõi đời trên những bánh xe. Sống, đối với dân tộc của Panselin tức là hiện hữu trên những bánh xe và trên những con đường. Chỉ dừng lại để có những cái thích thú khi được lên đường trở lại.

Luật sư Démosthène:

– Thưa ông Panselin, tôi lấy làm bằng lòng vì tinh thần hợp tác của ông. Tôi xin giao lại đây lương

một tháng báo trước nghỉ việc – đã khấu trừ phần nợ quỹ tiết kiệm. Vài ngày nữa khi ra khỏi nhà thương, ông có thể trình diện thẳng với ban giám đốc sở Hỏa xa. Chúng tôi sẽ lo các thủ tục cần thiết. Ông sẽ nhận được giấy bổ nhiệm qua bưu điện. Tôi cũng mừng cho ông là, khi chọn Hỏa xa, ông giải quyết luôn được vấn đề ăn ở. Nhân viên « lưu động » của sở Hỏa xa có nơi ăn chốn ở, nếu họ yêu cầu : người độc thân còn được hưởng quyền ưu tiên nữa.

Tôi xin cảm ơn ông một lần nữa vì sự hiểu biết và thái độ hợp tác của ông. Lần sau nếu có gặp lại, tôi chắc ông đã đội mũ kết đỏ rồi. Nghề Hỏa xa là một nghề đẹp. Nghề đẹp nhất. Nếu tôi không phải là luật sư, có lẽ tôi muốn được làm « Trưởng tàu » trên một con đường dài. Đấy mới thật là một cuộc đời đẹp, huy hoàng. Và ông sẽ sung sướng khi ở bên ấy. Ông sẽ có nhiều tiền hơn, mặc dù ông phải trả nợ cho chúng tôi. Thôi xin tạm biệt ông « Trưởng tàu » tương lai của tôi. Xin tạm biệt.

* * *

26

Panselin hy sinh tên họ để lấy đồng phục Hỏa xa

Ba tháng đã trôi qua, kể từ ngày Panselin ra khỏi nhà thương cảnh sát để gia nhập Công ty Hỏa xa quốc gia. Chàng ngụ ngay tại lưu xá công nhân, sát với ga chính. Chàng có một căn phòng có lò sưởi ấm, có nước nóng và cửa sổ trông ra phía xưởng sửa đầu máy. Ăn ở câu lạc bộ nhà ga. Buổi chiều tắm hơi rồi tắm nước lạnh, đúng với nội quy của công nhân Hỏa xa.

Ba tháng nay, Panselin theo học một lớp đào tạo công nhân Hỏa xa. Một ngày vừa học vừa thực tập 10 giờ, kể cả chủ nhật. Bắt đầu học từ ban sáng và kéo dài suốt ngày với những bài học về lý thuyết rồi thực hành về đầu máy, toa tàu, về bàn giấy và các bảng tín hiệu. Ngoài các bài về cơ học lý thuyết và thực hành có liên quan đến xe lửa, chàng còn phải học những lớp về tiếp nhân xử thế, về tư cách pháp nhân của công ty, về bổn phận và quyền lợi của công nhân và hành khách. Còn có những buổi thuyết trình về địa lý, sử ký, đồ bản, thiên văn, truyền tin...

Mỗi buổi chiều, Panselin trở về phòng ở lưu xá mệt lử nhưng rất sung sướng. Chàng bằng lòng lắm.

Rất bằng lòng về cuộc đời. Chàng không nghĩ ngợi gì hết và chú ý đến mọi chuyện. Chàng đã vào trong đời sống của Hỏa xa như trong một đời sống mới, một đời sống vững chắc, trật tự và đầy đủ.

Hôm nay, lớp đã xong. Buổi sáng, Panselin không đến lớp học nữa mà đến kho y phục. Chàng đã tốt nghiệp và đậu đầu nên được đưa lên làm « Trưởng tàu ».

Sáng nay, Panselin đến kho hồi sáu giờ sáng. Râu ria đã cạo sạch, mặt mũi sáng sủa, tinh thần sảng khoái. Chàng nhận đồng phục đầy đủ mọi thứ. Mặc vào mình. Áo ngoài màu xanh có mang huy hiệu bánh xe mọc cánh, huy hiệu của công nhân Hỏa xa. Giày đen chắc chắn, quần đen có sọc đỏ, áo đen cúc đồng có khắc hình bánh xe mọc cánh, cổ áo màu đỏ. Mũ két đỏ. Ngắm bóng mình trong gương, Panselin nhận không ra mình nữa. Bộ mặt chàng đóng khung trong mũ kết đỏ phía trên, cổ áo đỏ phía dưới, trông giống như mặt một ông thánh nào đó có hào quang đỏ tỏa ra xung quanh.

Panselin nhớ lại, cha Molifta có giảng cho chàng biết là trong vài vùng, Chúa Kitô có hào quang vàng, các vị thánh có lấy vợ lấy chồng hồi sinh tiền có hào quang xanh, các vị thánh tử đạo hào quang đỏ, đỏ như máu các ngài đã đổ vì đạo... Cái mũ kết đỏ trên đầu Panselin quả là một vừng hào quang đỏ chói, như vừng hào quang trên đầu các thánh tử đạo. Với một dáng đi còn ngượng ngập lúng túng như tất cả mọi người mới bận đồng phục lần đầu, Panselin đến trình diện ông giám đốc nha nhân viên Hỏa xa.

Ông này tiếp Panselin rất niềm nở, siết tay chàng thật chặt :

– A! Ông «trưởng tàu» mới Roland Panselin của tôi đây rồi. Tôi mừng cho anh. Anh được giao chức «trưởng tàu» sau ba tháng huấn luyện cấp tốc. Đây là một ngoại lệ dành riêng cho anh. Bởi anh đã có trình độ đại học đủ cho chúng tôi tha cho anh bốn năm học như những người khác. Không bắt anh học chung với những người chỉ có tiểu học. Đây là hảo ý của ông tổng giám đốc đối với anh vì anh được ông gởi gắm.

Panselin đỏ mặt. Té ra người ta chỉ bắt chàng học có ba tháng thay vì bốn năm như mọi người. Một biệt lệ thật. Ông giám đốc nhân viên nói tiếp:

– Hôm nay, anh sẽ lên đường làm trưởng tàu lần đầu, đi một mình. Cố nhiên lần đầu người ta chỉ giao cho anh chuyến tàu nhỏ nhất của Công ty. Sau đó, sẽ được giao những chuyến tàu lớn dần. Trong hai hay ba tháng, anh có thể được trông coi những chuyến xe tốc hành quốc tế không chừng. Hình như mục đích của anh là được làm trưởng tàu của chuyến tàu «Xuyên Đông» thì phải?

– Thưa ông giám đốc, vâng.

– Con tàu anh đi hôm nay chỉ là một con tàu nhỏ bé, liên lạc với nhà ga biên giới và gặp chuyến xe quốc tế «Xuyên Đông» từ Pari qua Viên, Buy-đa-pét tới để đi Xô-phi-a và Công-tăng-ti-nốp... Con tàu đầu tiên của anh như một giòng sông nhỏ chở hành khách, hàng hóa và thư từ đến giòng sông lớn là chuyến «Xuyên Đông», đoạn đường anh sẽ đi là đoạn đường thơ mộng nhất của hệ thống hỏa xa chúng ta. Chuyến tàu của anh nhỏ tí xíu, cái đầu máy xinh xắn của nó chỉ lớn hơn ấm đun nước chút đỉnh thôi... Tốc độ của nó chỉ nhanh như ngựa chạy nước kiệu. Suốt

chuyến anh sẽ đi qua những vùng đồi núi phong cảnh rất hữu tình. Lên đèo, vượt qua hầm, trèo dốc, có khi như lên tận trên mây xanh. Trên đoạn đường này, rừng núi của quê hương ta có những đồi thông đẹp nhất thế giới, với những rặng thông già, vỏ cây xanh như thép, cây cao còn hơn cả giáo đường. Đấy là loại thông bất tử, chỉ mọc trên quê hương ta mà thôi.

Con đường của anh đi ngày hôm nay là con đường của tôi ba mươi năm về trước, khi tôi mới được làm trưởng tàu như anh bây giờ. Lúc ấy, con tàu nhỏ đã được đặt tên một cách trìu mến là « chiếc cối xay gió nhỏ bé của con tàu Xuyên Đông ». Nhiệm vụ của con tàu nhỏ ấy là nối liền quê hương chúng ta với thế giới bên ngoài. Nghĩa là nó nhận trách nhiệm chở chúng ta ra ngoài để gặp gỡ thiên hạ. Đấy là con tàu mà tôi quý mến nhất. Bởi vậy tôi rất bằng lòng khi anh được giao phó con tàu ấy trong chuyến đi đầu tiên của anh, như tôi ba mươi năm về trước. Anh có thể yên trí rằng ở trong Công ty Hỏa xa, các ao ước của anh sẽ được thỏa mãn. Nếu anh muốn không khí sôi động của thành phố lớn, anh có thể xin bổ nhiệm một chức vụ nào đó tại nhà ga trung ương. Thế là anh sẽ được sống ngay giữa một trung tâm thành phố 24 giờ trên 24 giờ. Nếu anh muốn một chân trời mới, anh có thể xin đi trên những con tàu quốc tế. Ngược lại anh muốn một cuộc đời yên lặng trong một không khí cô tịch như các nhà tu kín chẳng hạn, anh có thể trở thành xếp ga của một ga nhỏ mất hút giữa rừng sâu hay giữa những cánh đồng bát ngát và hiu quạnh, một ngày chỉ có một hay hai chuyến đi ngang qua là cùng. Anh có thấy Công ty Hỏa xa là một thế giới đầy đủ, nhiều màu sắc hay không? Bởi vậy, các hiệp hội công nhân xe lửa đã có rất nhiều thi sĩ,

nhạc sĩ và những người có tâm hồn văn nghệ. Anh sẽ thỏa mãn khi sống với chúng tôi trong lòng sở Hỏa xa. Tôi công nhận anh có quyền hưởng thụ bởi vì anh đã chịu đau đớn nhiều và đau đớn một cách vô lý.

Panselin cúi mặt xuống im lặng. Một lát sau, ông giám đốc sở nhân viên nói tiếp :

– Còn việc này nữa. Ông tổng giám đốc chúng tôi có nhờ chúng tôi nói rằng anh nên chọn một tên khác.

Panselin ngạc nhiên :

– Thưa, tôi phải chọn cái gì ạ ?

– Ông tổng giám đốc chúng tôi yêu cầu anh chọn tên khác... Nghĩa là đổi tên ấy mà. Khi chúng tôi đệ trình thẻ nhân viên của anh cho ông ký, ông tổng giám đốc, vì quyền lợi của anh, muốn khuyên anh chọn một tên khác để điền vào đó, bởi vì, nếu cứ tiếp tục mang tên là Panselin, anh sẽ gặp nhiều rắc rối.

– Tôi tên là Panselin, tôi đổi làm sao được.

– Đổi được chứ tại sao không ? Anh có thể đổi tên anh và anh phải đổi tên. Thẻ nhân viên Hỏa xa của anh phải mang một cái tên trong trắng, một cái tên chưa bị dìm xuống bùn, chưa bị báo chí bôi nhọ, chưa bị « xịt căng đan ». Một cái tên cũng như một bộ áo quần. Nó có thể đẹp, sạch sẽ, nhưng cũng có thể xấu.

– Tên của tôi là tên của tôi y như cuộc đời của tôi, tôi chưa làm gì bẩn cho cái tên của cuộc đời của tôi cả. Tôi xin phép từ chối điều này.

– Đấy là một điều kiện bắt buộc, nếu anh muốn làm nhân viên Hoa xa. Chúng tôi đâu có khắc nghiệt như các ngân hàng đã bắt anh phải thôi việc. Chúng tôi đã thâu nhận anh, mặc dù tên anh đã là một « xịt căng đan ». Chúng tôi chỉ yêu cầu anh đổi tên mà

thôi. Anh có công nhận rằng những hành khách phụ nữ, những cụ già đi tàu đêm một mình sẽ cảm thấy lo lắng, không yên bụng khi họ biết rằng người trưởng xa tên là Panselin, con người đã bị buộc tội – dù oan dù ưng – nhưng cũng đã bị buộc tội một cách công khai trên mặt các báo, trên các làn sóng điện, tội giết bốn mạng người. Anh thử nghĩ xem các hành khách nói trên có thể thoải mái, hân hoan khi phải đi trên chuyến tàu đêm do người trưởng xa – đã bị buộc một tội tầy trời như thế, điều khiển – hay không? Chúng tôi bị bắt buộc phải cung cấp cho hành khách đầy đủ tiện nghi vật chất lẫn tinh thần. Tên của anh có thể làm cho họ mất hồn như khi xe lửa đụng nhau. Anh phải đổi tên đi. Bằng không chúng tôi sẽ không ký hợp đồng với anh. Thế nào anh có bằng lòng đổi hay không?

– Thưa vâng, tôi xin đổi vì không đổi cũng không được.

– Tốt lắm, anh biết điều như thế tốt lắm. Mọi thủ tục chúng tôi sẽ lo cho anh. Đích thân tôi sẽ lo cho anh. Công việc như thế sẽ rất mau xong. Bây giờ anh cứ đi, lúc trở về anh hãy cho tôi biết tên mới mà anh muốn chọn.

– Thưa, vậy là lúc trở về, tôi phải trình với ông giám đốc tên mới mà tôi sẽ phải chọn tùy thích, có phải không ạ?

– Tên gì cũng được hết! Anh chọn tên gì chúng tôi cũng nhận hết, trừ tên Panselin.

Panselin bước ra khỏi phòng ông giám đốc, lòng buồn rười rượi. Chọn một cái tên tức là chọn chính cuộc đời của mình. Sự chọn lựa ấy, đối với con người là sự thử thách khó khăn nhất. Sự lựa chọn tự do là

một cái quyền ưu tiên mà chỉ có Thượng Đế, Thiên thần và con người là có quyền. Đấy là một trách nhiệm của một sinh vật có quyền lực vô biên. Chọn một cái tên cũng như trở thành cha đẻ của chính mình.

Một cái tên truyền từ đời cha sang đời con, từ đời nọ sang đời kia vạn đại. Tên của một người chính là người ấy. Cái tên của một người là hồi quang của nhân tính, của sinh mệnh con người. Bỏ tên đi gần như bỏ chính cái nhân vị của mình. Bỏ tên còn hơn tự tử nữa, bởi vì một cái tên của một người không chỉ để mang trong đời sống trần thế mà thôi, mà còn để mang mãi mãi. Tên của một người, nhận lãnh lúc rửa tội, đã được ghi vào sổ bộ trên thiên đình, có thiên thần chứng kiến. Vậy mà bây giờ người ta lại bắt Panselin phải đổi tên! Ngay các nhà tu hành, không thiết tha gì trần tục, sẵn sàng bỏ hết tất cả, nhưng vẫn giữ lại một cái tên của mình. Tên con người không thể bỏ như cuộc đời không thể bỏ. Bỏ tên tức là tự tử.

Vậy mà Panselin bị yêu cầu đổi tên. Yêu cầu Panselin đổi tên, chẳng khác gì bảo với chàng: «Panselin, mày hãy biến thành một người khác đi». Một con người cũng như Thiên Chúa, duy nhất, bất khả phân và bất khả thay thế. Tên của người ta cũng vậy. Nhưng nếu không đổi tên, Panselin không được làm việc ở sở Hỏa xa, Panselin phải nhận đổi tên, để được cái mũ két đỏ trên đầu giống như hào quang màu đỏ trên đầu các thánh tử đạo trên các trang thờ.

* * *

27

Người đi Nam Mỹ đã cho Panselin tên họ Raphael Fraga

Panselin đặt chân lên con tàu nhỏ bé mà mọi người đã gọi một cách trìu mến là « Chiếc cối xay gió nhỏ bé của chuyến xe lửa Xuyên Đông ». Đoạn đường đến nhà ga biên giới mất chín giờ đồng hồ. Nghĩa là suốt đêm. Chuyến tàu – do một đầu máy lớn và mạnh như ấm đun nước kéo đi – chỉ chở theo một số người khiêm tốn: năm ông khách tất cả. Bốn người, dân miền núi, xuống dọc đường. Ông trưởng xa Panselin đã kiểm soát kỹ vé, đã xem kỹ ga đến của tất cả. Con tàu của ông chỉ phải mang đến cho con tàu lớn, sang trọng và tốc lực siêu đẳng độc có một hành khách quốc tế duy nhất. Sự đóng góp của những con sông nhỏ cho đại giang trong những ngày đại hạn chỉ là mấy giọt nước mà thôi. Nhưng con tàu Xuyên Đông cũng sẽ dừng lại nơi nhà ga biên giới, dù chỉ có một hành khách. Ngay cả trường hợp không có qua một người nào lên hay xuống, con tàu quý phái kia vẫn dừng lại một phút. Sau một phút dừng lại, nó sẽ phóng đi hết tốc lực và để lại cho nhà ga biên giới nhỏ bé, giữa núi rừng chập chùng, một hình ảnh mờ sương khói như mời mọc con người làm những cuộc viễn

hành kỳ thú. Khác với con tàu của ông trưởng xã Panselin chỉ có những toa gỗ giống như chuồng bò, con tàu Xuyên Đông có những toa lớn bọc da đèn sáng trưng giống như phòng khách hạng sang.

Panselin đã nghe nói nhiều đến huyền thoại con tàu Xuyên Đông trong lớp học, do các bạn chàng, nhân viên Hỏa xa cũ, kể lại. Chàng cũng đã thấy ảnh con tàu danh tiếng này. Mờ sáng ngày mai, chàng sẽ thấy nó tận mắt với người khách duy nhất của chàng. Còn lúc này, thay vì chăm sóc cái « cối xay gió nhỏ bé của con tàu Xuyên Đông », thay vì ngắm cảnh núi rừng qua những cửa sổ nhỏ bé, Panselin, lại mơ mộng về con tàu Xuyên Đông. Khi mơ mộng người ta sẵn sàng hy sinh hiện tại cho ước mơ. Và cố nhiên, chàng chỉ ước mơ những gì ở xa con tàu Xuyên Đông như là một giấc mơ kép, nghĩa là hai giấc mơ cùng một lúc, như một gạch nối liền phương Đông, và phương Tây, giữa Pari với Công-tăng-ti-nốp, thủ phủ của đế quốc Thổ ngày xưa. Con tàu Xuyên Đông đi về giữa hai thế giới cùng huy hoàng lộng lẫy như nhau. Phương Đông không ngừng mơ tưởng đến phương Tây với những sáng tạo tân kỳ. Đối với người phương Đông, phép lạ vĩ đại nhất của loài người là phương Tây với nền kỹ nghệ nhiều máy móc, nhiều sáng chế kỹ thuật tối tân, nhiều công cụ, sách vở. Phương Tây là vùng đất giàu có ghê gớm, là mảnh đất mà con người đã dựng nên một thứ tôn giáo phục vụ cho chính nó; ca ngợi đầu óc sáng tạo, tài năng tổ chức, lý trí sắc bén, lạnh lùng và bàn tay có một khả năng lao động làm việc đáng kể. Nhưng khi phương Đông mơ đến phép lạ của phương Tây thì ngược lại, phương Tây cũng mơ màng đến phương Đông ngàn lẻ một đêm. Dưới mắt người phương Tây, phương Đông là nguồn

ánh sáng của những tôn giáo lớn, là quê hương của ba nhà vua tiên tri đã tìm ra nơi giáng thế của Giêsu Kitô, là đất của những giấc mộng cụ thể hóa. Con tàu Xuyên Đông đã nối liền hai vùng đất màu mỡ luôn luôn mơ tưởng lẫn nhau. Phương Đông và phương Tây như mặt trăng và mặt trời, không gặp nhau bao giờ. Phương Đông là mặt trăng chiếu sáng ban đêm với những gì là mơ màng huyền bí, với những bóng tối và những giấc mộng. Phương Tây là mặt trời với ánh sáng chói chang rực rỡ đem đến cho mặt đất sự phì nhiêu màu mỡ, là ánh sáng xuyên thủng bóng đêm và giết chết những giấc mơ, những mộng ước. Con tàu Xuyên Đông là chiếc xe lửa đi về giữa phương Đông và phương Tây, giữa mặt trăng và mặt trời, giữa ngày và đêm, giữa mộng và thực.

Panselin sẽ phải chở người hành khách duy nhất của mình đến cho tàu Xuyên Đông ấy. Giữa lúc Panselin đang mơ màng thì một tiếng nói cất lên ở phía trước:

– Thưa ông trưởng tàu, xin ông tha cho tôi cái tội đến đây quấy rầy ông...

Người cất tiếng nói là ông khách, lúc bấy giờ đã bước qua cửa toa xe.

Panselin đứng dậy, sửa lại mũ két cho ngay ngắn. Lần thứ nhất chàng nghe có người gọi mình là ông trưởng tàu:

– Thưa, tôi có thể giúp được gì cho ông anh bây giờ đây?

Đấy là câu nói chàng học được trong tài liệu huấn luyện nhân viên Hỏa xa.

– Thưa ông trưởng tàu, mười giờ sáng mai tôi sẽ lên tàu Xuyên Đông. Tôi xa rời quê hương mãi mãi không trở lại. Tôi di cư sang Nam Mỹ.

– Ông di cư sao?

– Thưa vâng. Đêm này là đêm cuối cùng của tôi trên đất quê hương.

Ông khách còn rất trẻ, ăn nói vụng về, vừa ngượng ngập, vừa mạnh bạo y như mọi thiếu niên mới lớn. Bộ đồ trên người mới toanh, màu nâu sẫm. Ông khách kể:

– Tôi vừa tốt nghiệp trường mỹ thuật và mỹ nghệ. Đây là lần đầu tôi đi xe lửa. Xin thú thật với ông trưởng tàu lúc này tôi bàng hoàng và xúc động vô cùng, vì rời con tàu này là tôi xa lìa tổ quốc mãi mãi. Từ nay trở đi, tôi sẽ sống ở nước ngoài, giữa người ngoài...

– Vậy, bây giờ tôi giúp được gì cho ông?

– Cả ngày nay tôi chưa ăn uống gì hết, mặc dù rất đói. Tôi không có thì giờ. Tôi định bụng sẽ ăn trên xe lửa. Tôi có mang theo nhiều đồ ăn ngon, có cả một lít rượu vang và bánh ngọt...

Người khách di cư ngừng nói, nhìn Panselin bằng đôi mắt lớn đen nháy, sáng long lanh.

– Lúc nãy tôi đã định ăn, nhưng một mình, tôi nuốt không trôi. Tôi xin mời ông trưởng tàu chia sẻ với tôi bữa ăn cuối cùng trên đất quê hương. Ông nhận lời tôi nhé?

– Tôi xin vui lòng. Luật lệ không cho phép tôi ăn chung với khách nhưng cũng không ngăn cấm, nhất là lúc này chỉ có một hành khách duy nhất là ông. Xe lửa còn phải chạy suốt đêm mới tới nơi. Tôi hoàn toàn tự do.

Hai người trẻ tuổi liền ngồi lên hai cái băng nhỏ của phòng trưởng xa ăn uống với nhau một cách tự nhiên, không rườm rà nghi thức. Cả hai người đều thấy

ngon miệng. Giữa hai người, Panselin còn lớn hơn ông khách vài tuổi.

– Tôi tên là Raphael Fraga. Còn ông trưởng tàu, quý danh là gì?

Panselin ngập ngừng. Chàng nhớ lại những lời dặn dò của ông giám đốc sở nhân viên Hỏa xa. Cái tên Panselin phải đổi vì tên ấy có thể làm cho những người hành khách đi đêm sợ hãi. Tên ấy phải đổi để tránh cho khách khỏi phải nhức tim trên những chuyến xe đêm. Một người trưởng tàu không có quyền mang cái tên Panselin.

– Hình như ông trưởng tàu không muốn cho tôi biết tên thì phải. Chẳng hay có phải sở Hỏa xa cấm nhân viên cho khách biết tên chăng?

– Không, không phải thế. Tên tôi là Roland.

– Vậy thì ông trưởng xa và tôi tên cùng một vần. Roland và Raphael. Hai chữ R... Vậy là trên Trời tên chúng ta đã nằm cạnh nhau trong sổ bộ của Chúa. Trên thiên đình, các vị thiên thần cũng ghi sổ theo mẫu tự ABC. Các thiên thần chỉ ghi tên Thánh của mọi người mà không bao giờ ghi theo họ. Trên quả đất, thuở xa xưa, con người cũng chỉ có một tên mà thôi như ở trên Trời. Trong Thánh kinh, tên người ta là Aron, Moïse, Pierre; ở Hy Lạp, tên mọi người là Socrate, Platon, Pindare. Bây giờ, địa cầu quá nhiều người rồi, vì vậy người ta còn mang theo họ nữa. Vậy ông trưởng tàu họ gì?

– Họ tôi là Panselin.

Ông khách di cư đứng vụt dậy, rất xúc động, ngừng kể ông ăn nữa.

– Thật thế sao?

– Đúng vậy. Có gì lạ sao mà ông khách lại hỏi tôi có thật hay không thật?

– Thực là lạ. Thực là một chuyện không tưởng tượng được, khi họ ông trưởng xa là Panselin. Ở trường mỹ thuật và kỹ thuật, các giáo sư cũng như các bạn học không bao giờ gọi tôi bằng tên họ Fraga mà gọi tôi bằng Panselin. Panselin như một biệt hiệu của tôi vậy. Chắc hẳn biệt hiệu ấy cũng có một ý nghĩa nào đó, cũng như việc lần đầu tôi được gặp, đúng vào đêm cuối cùng của tôi trên đất quê hương một người có họ đích thực là Panselin. Đấy là một cái họ rất ít gặp. Tại sao họ ông trưởng xa là Panselin?

– Tôi cũng không rõ nữa. Tất cả anh em bà con giòng họ của tôi đều có bộ mặt tròn vành vạnh và tóc vàng chói như ánh sáng trăng. Thế là mọi người gọi chúng tôi là Panselinos, nghĩa là trăng tròn. Tổ tiên tôi là người Gitan, du mục. Tất cả đều da bánh mật, sậm đến gần như đen. Trừ gia đình tôi đều da trắng tóc vàng. Chúng tôi như là ánh trăng sống giữa bộ lạc có màu da đen như đêm tối.

Người khách di cư nhìn Panselin trừng trừng.

– Ông không biết Panselinos là ai sao?

– Không. Tôi chưa hề nghe nói đến một người tên Panselinos ngoài ông nội tôi, ông già tôi và tôi. Có một người đàn ông nào đó rất danh tiếng tên là Panselinos sao?

– Phải, người họa sĩ tài ba nhất, vĩ đại nhất chuyên vẽ tượng các Thánh, các trang thờ tài hoa trên vũ trụ này tên là Panselinos, « Ánh trăng tròn ». Tên thực của ông ta là gì cũng không ai biết. Người ta chỉ biết rằng ông ta là một tu sĩ Zographos, một họa sĩ chuyên

vẽ tượng ảnh tôn giáo có một nét bút để vẽ bộ mặt các Thánh và vẽ mặt Đức Chúa Trời siêu việt như thần thánh. Bởi vậy, các tu sĩ bạn bè anh em của ông tặng cho ông biệt danh Panselinos. Những bức tranh tôn giáo của ông đặt cạnh những bức tranh tôn giáo khác giống như mặt trăng ở giữa các vì sao. Bên cạnh các họa sĩ khác, ông ta vĩ đại cũng như mặt trăng đứng bên cạnh ánh sáng yếu như đom đóm của các vì sao. Ông trưởng xa không biết điều này sao?

– Thưa không. Tối dốt quá. Xin ông khách đừng cười.

– Ở trường mỹ thuật, những bức tranh tôn giáo của tôi rất đẹp, bởi vậy tôi mới được tặng là Panselinos. Tôi cũng là ánh trăng giữa các họa sĩ bạn bè.

Vậy là Panselin đã gặp được một người hiểu rõ về tên họ của chàng, biết nhiều chuyện về cái tên họ ấy. Không phải cái tên họ đã bị tố cáo tội giết chết bốn mạng người, đã xài sang vô lối; không phải tên họ của một thằng khốn nạn bỉ ổi nhất. Không phải như vậy. Con người mà chàng được gặp, đã cho chàng biết là tên họ Panselinos rất đẹp và danh tiếng; không phải danh tiếng vì tội ác mà vì những công trình sáng tạo có ý nghĩa phụng sự tôn giáo.

Panselin hỏi ông khách:

– Tại sao anh lại di cư? Anh không có bà con bố mẹ sao?

– Tôi mồ côi. Tôi cũng không có một người bà con nào. Nhưng khi vừa giật được mảnh bằng tốt nghiệp, có một nguồn tin gởi đến trường cho tôi biết rằng người bà con của tôi di cư sang Nam Mỹ đã lâu đời vừa mới từ trần. Không ai còn nhớ đến tên ông ấy nữa. Không ngờ khi chết, ông ấy lại chỉ định tôi

thừa kế gia sản của ông. Không phải là một gia tài lớn, nhưng cũng là một gia tài. Nhận được tin này, tôi quyết định di cư. Ông chú tôi vừa mới chết đó có một cái Boliche, tức là một cái cửa hàng nhỏ bán chạp phô. Tuy thế, ông ta cũng đã để dành được một số tiền đủ để cho tôi, cháu ông ấy, sống suốt đời để cầu nguyện cho ông.

Nói đến đây, đôi mắt của chàng thanh niên Raphael Fraga – tốt nghiệp trường Mỹ thuật, họa sĩ tôn giáo và tương lai là chủ quán chạp phô ở Nam Mỹ – sáng lóng lánh... Mặt chàng đỏ gay... đỏ tận tai. Chàng nói tiếp :

– Nhưng không phải vì cái quán chạp phô, vì tiền của ông chú vừa mới khuất núi mà tôi quyết định di cư. Không phải vì những lý do nói trên. Anh có biết vì sao không?

– Không. Tôi làm sao mà biết được?

– Tôi nói ra chắc anh sẽ cười tôi. Các bạn tôi cũng đã chế diễu tôi, nhưng tôi nói thật. Tôi đã yêu một người con gái mà tôi chưa bao giờ gặp. Người thiếu nữ sẽ là vợ tôi sau này, hiện đang sống ở vùng nhiệt đới (Nam Mỹ). Từ khi nhận được tin, tôi chỉ mơ tưởng tới nàng. Anh có cười tôi không?

– Sao lại cười. Tất cả những người trẻ tuổi chúng ta đều mơ đến những thiếu nữ vùng nhiệt đới. Tất cả những thiếu nữ đều mơ đến những chàng tuổi trẻ đẹp trai, khỏe mạnh, thân thể rám nắng. Tất cả mọi người đều mơ ước đến trời biển bao la ở Nam bán cầu. Ngay ông già Zarathoustra, nhà hiền triết của Nietzche gần kề miệng lỗ, cũng vẫn mơ được sống với những cô con gái nóng bỏng của sa mạc. Cả những cụ già đạo mạo nhất cũng vẫn mơ mộng như thường. Mơ

mộng đâu phải là điều đáng chế diễu? Tôi hiểu anh mà.

– Không! Anh không hiểu được đâu. Không phải tôi mơ mộng. Tôi biết, tôi biết rằng ở nhiệt đới lúc này, có một thiếu nữ, tóc đen nhánh và óng ả, đôi mắt sáng hạt huyền, da nâu chắc nịch đang đợi tôi. Đấy là một thiếu nữ « ngọt như mật ». Tôi đã vẽ chân dung của nàng. Rồi tôi sẽ đưa cho anh xem. Tôi còn biết tên nàng là Paloma... Nếu không phải thì cũng một tên gần như vậy.

Vậy anh có cười tôi như bạn bè tôi trước kia không ? Bởi vì tôi chưa biết nàng ! Nhưng tôi biết chắc rằng nàng đang ở bên ấy và đợi tôi. Và chúng tôi sẽ lấy nhau, chúng tôi sẽ làm lễ cưới. Cố nhiên tôi sẽ phải theo đạo Công giáo. Ở bên ấy, không phải là tín đồ Cộng giáo, đừng hòng lấy vợ. Muốn lấy một người thiếu nữ nhiệt đới ở Nam Mỹ châu, điều quan trọng không phải là sự bằng lòng của cô con gái và của bố mẹ mà là sự chấp thuận của Giáo hội. Giáo hội sẽ không cho anh lấy người con gái ấy nếu anh không phải là người Công giáo. Nếu tôi lấy Paloma làm vợ và trở thành tín đồ Thiên Chúa, tôi sẽ không được phép vẽ Trời, vẽ các đấng thánh, các thiên thần. Anh không thấy như vậy là cực cho tôi biết bao nhiêu hay sao? Người Thiên Chúa giáo không được quyền vẽ tượng ảnh.

– Tôi không hiểu. Giáo hội Thiên Chúa đâu có chống lại các tượng ảnh?

– Nó không chống nhưng nó phải lấy trời làm khởi điểm để nhìn tất cả, từ trời cao nhìn xuống. Mà khởi điểm của người Thiên Chúa giáo là mặt đất ; người Thiên Chúa giáo La Mã nhìn tất cả : Trời, các

Thánh, các Thiên thần, bằng đôi mắt của quả đất. Đối với chúng ta, quả đất chỉ là một tai nạn. Thân thể chỉ là *một bộ áo da*, một thứ đồng phục mà chúng ta phải bận trong thời gian bị đọa đày dưới trần thế, cũng như người tù khổ sai, bận đồng phục nhà tù trong năm tháng phải trả nợ. Ngược lại đối với Thiên Chúa giáo La Mã, cái bộ áo da là một phần tự nhiên của nhân bản. Chúng ta, tín đồ Chính thống giáo, chúng ta quan niệm rằng cái túi da chỉ là một thứ quần áo mà chúng ta phải mặc thêm như một thứ y phục cho thích hợp với khung cảnh. Khung cảnh của những ngày sống gửi tạm bợ trên trần gian. Người họa sĩ tôn giáo Chính thống không biết đến và gạt bỏ cái túi da (1) để vẽ con người nguyên sơ không có cái túi da bên ngoài. Nghĩa là phải vẽ con người khi chưa có thứ vật chất che thân là da, vẽ con người đúng như lúc nguyên sơ và giống con người sau này trên Thiên đường, khi chưa có túi da bên ngoài thân xác. Con người của họa sĩ Chính thống là con người cũng có thịt xương nhưng không có giống (đực cái), không cần ăn cần ngủ... Trong khi ấy, người Thiên Chúa giáo La Mã lại vẽ người có túi da bên ngoài... Có túi da là không thể nào vẽ được tranh tôn giáo, anh hiểu không? Nếu tôi trở thành người Công giáo, tôi sẽ không bao giờ vẽ được các bức họa tôn giáo Thiên Chúa nữa. Chính vì vậy mà mọi người gọi tôi Panselinos. Anh thực là sung sướng vì tên họ anh là Panselinos. Và được gọi bằng tên Panselinos đến mãn đời thì sướng biết mấy! Đấy là tên họ đẹp nhất trên đời.

---

(1) Tunique de peau (danh từ của Chính thống giáo Hi lạp). Túi da : danh từ của nhà Phật.

– Vậy mà tôi không được mang họ ấy nữa đó. Sáng nay, tôi đã nhận lệnh phải chọn tên mới.

– Ai ra cho anh cái lệnh kỳ quái ấy?

– Ban giám đốc Hỏa xa... Tôi vừa mới vào làm cho Công ty. Sáng nay, tôi mới bận đồng phục Hỏa xa lần đầu. Và cũng mới được đội mũ két đỏ mang huy hiệu bánh xe có cánh bay để đi chuyến xe lửa đầu tiên của tôi với tư cách trưởng xa. Mà điều kiện họ đặt ra với tôi là phải đổi tên mới được làm với Công ty. Anh không hề đọc báo hay sao?

– Có chứ, tôi vẫn đọc báo đều hằng ngày mà. Có cái gì sao?

– Tôi đã bị tố cáo cách đây vài tháng thôi, tội giết chết bốn người gác cướp bảy nhà băng. Người ta đã tra tấn tôi, đem hình tôi ra đăng báo; vợ tôi đã xin ly dị vì tưởng tôi là tên sát nhân. May thay, bọn sát nhân thực lại làm lộ bí mật và bị bắt. Tài sản được thu hồi đầy đủ. Tôi được tha vì vô tội, lương thiện. Nhưng ngân hàng quốc gia đã thu dụng tôi, không chịu cho tôi trở lại làm việc nữa, vì tên tôi đã bị tai tiếng. Các nhà ngân hàng không giữ tôi lại làm việc nhưng lại gởi tôi cho sở Hỏa xa. Các ông Hỏa xa lại bắt tôi chọn một tên họ khác vì Panselin là một họ đã bị mang tiếng. Tôi đã hứa bỏ cái họ ấy để được làm việc ở đây... Anh hiểu vì sao tôi không được mang tên họ Panselinos nữa chứ?... Anh không đọc thấy chuyện này trên các báo hay sao?

– Tôi có đọc báo. Nhưng chỉ đọc những mục văn nghệ, khoa học, hội họa và những thiên bút ký du lịch. Tôi không hề đọc các mục tội ác, tòa án.

– Đọc báo lúc đó, anh không thể không biết đến trang nhất, thấy hình tôi trên đó.

– Tôi không thấy các tội ác trên nhật trình, vì tôi không muốn. Một họa sĩ tôn giáo tuyệt đối phải hướng mắt nhìn lên trời cao, làm sao vẽ được Trời nếu nhìn đi chỗ khác. Mọi họa sĩ chỉ hướng mắt nhìn người mẫu mà thôi. Tôi cũng vậy, người mẫu của tôi là Trời, các Thánh là bộ mặt của Đức Kitô, các Thiên thần. Người ta không có thể nhìn một lúc khắp mọi nơi. Tôi chỉ nhìn những gì có liên quan đến cái Đẹp. Tất cả cái gì Đẹp đều thuộc về Trời, phải có kỷ luật, như trong việc chọn thực phẩm. Nếu ngày mai tôi phải vẽ một Thiên thần mà tối nay tôi ăn thịt, là sáng mai tôi vẽ không nổi. Ngược lại, nếu tôi chỉ ăn một thứ trái cây hoặc nhịn đói, bức họa ngày mai của tôi sẽ có thần... Đấy cũng là cách giữ sạch sẽ vậy. Phải sạch sẽ từ thể xác lẫn tinh thần. Bàn tay, tư tưởng, thân thể và đầu óc đều phải sạch, vì vậy khi đọc báo, tôi không biết đến những tội ác mà anh bị buộc một cách bất công. Vậy anh nhất định bỏ cái tên Panselinos sao?

– Khi trở về tôi sẽ phải bỏ. Nghĩa là ngày mai đây tôi sẽ phải mang một họ khác.

– Anh đã chọn họ nào chưa?

– Tôi đang tìm một cái họ. Nhưng khi bỏ cái họ cũ, tôi có cảm tưởng như bỏ cả tổ tiên giòng họ, bỏ cả con người và cuộc đời. Tôi cảm thấy đau đớn như là tôi phải bỏ bộ mặt hiện tại để chọn bộ mặt khác,

– Hay anh lấy tên họ tôi đi: Raphael Fraga. Cái tên ấy hay đấy chứ. Fraga, tiếng La tinh nghĩa là trái dâu... Cái tên ấy cũng hay chứ. Anh có thích mang họ là Fraga không? Cứ đọc lên, là ta tưởng tượng được cái màu hồng tươi thắm, cái hương vị thanh tao của trái dâu. Anh hãy lấy tên họ tôi, trừ phi anh không thích.

– Có chứ, tôi thích cái tên ấy. Cảm ơn anh.

– Sáng mai tôi đã xa rời xứ sở rồi. Nếu anh chịu mang tên họ tôi coi như tôi vẫn còn được ở lại quê nhà. Nghĩa là nhờ anh, tên họ của tôi khỏi bị tiêu diệt trên quê cha đất tổ.

– Được rồi, tôi sẽ lấy tên là Roland Fraga.

Người hành khách trẻ sắp di cư sang Nam Mỹ ôm chầm lấy Pansetin. Anh ta xúc động và vui sướng vô cùng:

– Bây giờ, tôi đã yên chí. Tên họ tôi còn ở lại trong nước, được anh trưởng tàu mang đi khắp nơi trên đất nước này.

Nói xong, Raphael Fraga giơ cao chai rượu vang:

– Tôi đã biếu tên họ tôi cho anh, cùng chia sẻ bữa cơm với anh trên con tàu này như những người lữ khách trên đường lữ thứ. Từ nhiệt đới Nam Mỹ, tôi sẽ viết thư về cho anh, ảnh tôi, ảnh Paloma, vợ tôi và lũ con về cho anh. Vì chúng tôi sẽ rất đông con. Cả ảnh của quán tôi nữa. 'Anh là « Fraga » và tôi cũng là Fraga. Chuyện này đẹp đấy chứ, phải không anh?

Fraga Raphael, chàng thanh niên di cư sang Nam Mỹ chưa nói dứt câu thì cả hai người nghe như có tiếng sét đánh ngang đầu, như Trời đất cùng sụp đổ. Họ cảm thấy như bị sức ép đẩy bắn lên cao. Trước mắt toàn là lửa và vô vạn vì sao tóe ra. Rồi không thấy gì nữa hết. Chiếc « cối xay gió nhỏ bé của con tàu Xuyên Đông » – của trưởng tàu Panselin và người hành khách duy nhất là chàng thanh niên Raphael

Fraga sắp đi cư sang Nam Mỹ, họa sĩ tôn giáo – đã bị đâm sầm xuống vực sâu hơn ba trăm thước nằm gang trên một thác nước chảy xiết.

Cuộc đời của chiếc xe lửa nhỏ, của chàng thanh niên di cư, của ông thợ máy già và của Panselin chấm dứt.

28

Chỉ có một người thoát nạn (1)

Tai nạn của con tàu « cối xay gió nhỏ bé của con tàu Xuyên Đông » xảy ra lúc hai giờ sáng...

Tai nạn xảy ra vì cầu gãy, mặc dù chuyến tàu này chỉ chạy có hai mươi cây số giờ và chỉ có bốn toa nhỏ. Cả đầu máy và bốn toa đều đâm nhào xuống vực, sâu hơn ba trăm mét...

Tai nạn bất ngờ này không được thông báo, không ai biết gì hết...

Nhưng trong tai nạn này, một phép lạ đã xảy ra... Panselin và vài cái băng ngắn đang siết lấy người chàng lại tung ra ngoài trong cái lắc cuối cùng của toa tàu trước khi rơi xuống.

Sau mấy giờ đồng hồ bất tỉnh, Panselin mở mắt ra khi trời hừng sáng. Chàng tỉnh lại. Người chàng thâm tím, y hệt như hôm chàng bị tra tấn tại trụ sở cảnh sát. Tuy đã tỉnh, Panselin vẫn chưa kịp nhớ chuyện gì đã xảy ra... Panselin không nhớ qua một sự kiện nào về tai nạn... Chàng thấy lạnh và đau thấu xương. Chàng đưa mặt nhìn quanh tìm Fraga và ông

---

(1) Từ chương này, chúng tôi có lược một số đoạn không cần thiết T.V.

thợ máy già mà chàng chưa rõ mặt cho lắm và chưa hề nói chuyện vì chưa kịp gặp. Chàng không thấy ai hết. Chỉ có một mình chàng sống sót như một phép lạ. Fraga chắc chắn đã bị giòng thác cuộn theo cùng với xác con tàu.

Panselin tin rằng chàng được Chúa cho sống nên mạnh dạn trườn đi trên tấm võng dày cáp lớn như cổ tay treo cầu đã giữ toa cuối trước khi nó lao xuống thác. Panselin bám lấy tấm màn dây cáp để trườn xuống đáy vực... Chàng muốn tìm Fraga và ông thợ máy già, dù họ chết rồi chàng cũng phải tìm. Dù xuống được đến đáy vực mà lên không được chàng vẫn xuống, chết cũng đành...

Xuống đến đáy vực, Panselin gọi to:

... – Fraga! Fraga! Raphael!...

Không có tiếng trả lời! Chỉ có tiếng thác gầm.

– Ông già ơi! Ông già ơi!...

Vẫn im lặng, không có tiếng người, chỉ có tiếng gầm dữ dội của thác nước. Panselin sợ quá. Chàng hối hận vì đã trèo xuống và ôm lấy mặt khóc. Từ đáy vực, Panselin biết là chàng không lên trở lên nổi. Màng dây cáp còn đó. Nhưng xuống thì được còn lên lại là một chuyện khác. Đứng dưới đáy trũng bên cạnh giòng thác gầm thét, Panselin lần đầu, biết cái sợ. Sự sợ hãi mông mênh của con người cô đơn trước một khung cảnh bão tố của trời đất, của hư vô cuồng nộ. Sự sợ hãi của con người sau đại biến. Panselin mới biết địa ngục là gì. Chàng tự oán là đã trèo xuống đáy vực, tự biến mình thành nạn nhân, khi Chúa đã cứu cho chàng sống sót...

– Fraga anh ở đâu?

Chàng gọi Fraga để bớt sợ, bớt cô đơn... Nhưng tiếng gọi của chàng bị tắt nghẹn ngay cổ họng, bị át mất dưới tiếng gầm thét dữ dội của thác nước đang lồng lộn chảy. Lúc đã mệt đừ, Panselin cầu nguyện Chúa cho chàng được chết. Chết với ông thợ máy già và người bạn trẻ, đối với Panselin còn hơn là sống. Chết, chàng sẽ khỏi sợ hãi, khỏi đau đớn và khỏi cô đơn...

Panselin ngồi ủ rũ trên bờ rêu ẩm ướt. Hai tay ôm lấy mặt, ngón tay đút kín lỗ tai, để khỏi phải nghe tiếng gầm thét của giòng nước. Lúc đầu chàng cho rằng ngồi lại đây để đợi cứu viện là đúng cách hơn cả. Nhưng ở lại, chàng sẽ chết rét và chết sợ. Panselin đứng dậy quay lưng lại thác nước. Chàng chợt nhìn thấy một cái va ly nhỏ nằm cách chỗ chàng đứng không xa. Chạy lại lấy lên và mở ra. Trong va ly, cái áo vét của Fraga để trên cùng...

Không nghĩ ngợi gì hết, Panselin lấy áo Fraga mặc vào người. Lạnh quá chừng, Panselin còn muốn kiếm thêm trong va ly xem thử có gì mặc thêm nữa không. Nhưng trong chiếc va ly này không có gì hết! Đồ trong va ly chỉ là những thứ dụng cụ học trò đem theo những khi đi nghỉ lễ mà thôi. Không có một vật dụng hữu ích nào cả cho chàng. Panselin xách va ly lên và nhắm hướng Bắc, theo bờ sông đi tới. Đi được mấy bước, chàng còn ngoảnh lại nhìn quanh chỗ xảy ra tai nạn. Chàng gọi Fraga thêm mấy lần nữa. Chàng nhìn theo những mảnh vụn của con tàu còn vướng trên màng lưới dây cáp. Cuối cùng chàng hăng hái tiến bước, quyết tâm ra khỏi cái vực sâu này bằng cách đi theo bờ thác. Lối đi đầy sỏi đá và rêu xanh. Thác nước càng đi xuôi càng hẹp càng tối. Panselin

đã định đi lui trở lại, nhưng ngay lúc ấy, chàng thấy có dấu chân người trên một đường mòn nhỏ chạy song song với thác nước.

Panselin sướng như điên. Chàng không còn cô độc nữa. Trước mắt chàng có dấu chân người kia. Dấu chân của một con người chứng tỏ rằng gần đây lại có một thung lũng có người ở. Dấu chân người kia có thể nuôi sống tất cả núi rừng, nuôi sống đất đai. Panselin cảm thấy biết ơn những người anh em nào đó đã để lại dấu chân trước mặt chàng, để chỉ cho chàng hướng đi, để xóa hết mọi lo ngại và sự cô đơn trong lòng chàng...

Panselin mạnh dạn bước nhanh khi thấy được dấu chân người. Tất cả đều trở nên vui tươi. Tim của chàng lúc này tràn trề lạc quan, chỉ nhờ mấy dấu chân người. Trên quả đất không có một vết chân nào là vô ích. Một dấu chân người đi trước mở đường cho những bước chân người đi sau. Mọi bước chân của con người trên vỏ trái đất đều trở thành một hành vi đoàn kết với những người khác, từ người đã đi trước, tới những người đi sau.

* * *

29

Panselin hội ngộ với những người đang khóc thương chàng...

Sau bảy giờ lần mò đi bộ, Panselin đến nhà ga chót, nhà ga biên giới. Ga cuối cùng chỉ là một nếp nhà nhỏ bằng gỗ lớn hơn cái chòi một chút. Nó đứng trơ vơ một mình, xa thành thị và xa các thôn trang. Nhà ga này được dựng lên để đón con tàu Xuyên Đông, từ ngoài xẹt qua lãnh thổ quốc gia để gặp con tàu nhỏ – mà Panselin là viên trưởng tàu cuối cùng – rồi lại đi ngay ra nước ngoài.

Panselin cảm thấy hơi tủi nhục. Chàng đã mất chiếc xe lửa và lại lội bộ bước thấp bước cao vào nhà ga biên giới. Chàng cũng không còn mũ kết, không còn đồng phục Hỏa xa. Chàng không gặp một ai. Trên cánh cửa nhà ga, có một cáo thị lớn, góc trái có chạy băng đen. Cáo thị bằng chữ lớn viết tay rất đẹp: Chuyến tàu lửa quốc nội đã gặp nạn hồi hai giờ sáng vì chiếc cầu treo chạy qua thác nước đã gãy lúc tàu chạy qua. Đường xe lửa nối liền với các thành phố trong nước sẽ bị gián đoạn trong nhiều ngày. May mắn là trên chuyến tàu này không có hành khách. Theo những tin tức của phòng bán vé tại ga đi, chỉ có bốn hành khách lên tàu nhưng đều đã xuống lúc nửa

đêm. Chỉ có hai nạn nhân: người trưởng xa và người thợ máy. Những đoàn cấp cứu đã đến ngay chỗ xảy ra tai nạn lúc trời sáng và tìm thấy cái mũ két và áo ngoài của trưởng xa. Người ta còn tiếp tục tìm kiếm thi thể hai nhân viên Hỏa xa bỏ mình vì công vụ. Chính phủ đã quyết định trợ cấp cho gia đình các nạn nhân một khoản tiền phụ cấp.

Đang đọc thông cáo, Panselin nghe có tiếng nói bên tai:

– Tàu Xuyên Đông chậm mất hai giờ, thưa ông. Mời ông vào đây. Sao, ông đi bộ đến đây chăng? Người ông ướt hết cả rồi!

Panselin nhìn người đang nói với chàng.

– Tôi là nhân viên nhà Giây thép. Lúc này chỉ có một mình tôi ở lại đây trông coi nhà ga mà thôi. Những người khác đã đi theo Cảnh sát và các nhà chức trách đến chỗ xảy ra tai nạn. Họ sẽ về đây trước khi tàu Xuyên Đông tới. Mời ông vào đây hơ cho khô quần áo và uống chén nước trà cho ấm bụng.

Panselin, với cái va ly nhỏ của chàng thanh niên di cư Fraga trong tay, đi theo nhân viên nhà Giây thép vào nhà ga. Vừa bước vào, chàng như ngộp thở vì hơi nóng. Truyền thuyết nói rằng người Gitan không bao giờ chịu chết đuối khi chưa ra khỏi giòng nước. Panselin chỉ ngất đi trong phòng đợi của nhà ga, chàng không gục ở nửa đường. Quả thực chàng là một người Gitan có truyền thống.

Panselin gục xuống trên ghế ngồi ở giữa phòng đợi. Người nhân viên giây thép thấy vậy bèn vực chàng lên, bồng vào giường đặt chàng nằm lại ngay ngắn. Khi tỉnh dậy, Penselin thấy chung quanh mình rất nhiều người. Có những người đội mũ két đỏ sở Hỏa

xa, mũ két kaki nhà binh, mũ két xanh cảnh sát... Còn có một ông y sĩ và một cô y tá. Tất cả những người đó tham dự vào việc cứu người bị nạn. Khi đến nhà ga, họ bèn lục đồ trong túi áo và trong va ly của chàng thanh niên di cư sang Nam Mỹ, mà Panselin mang theo lúc rời khỏi chỗ xảy ra tai nạn.

Panselin nằm trên giường. Chiếc va ly để trên bàn gần đó. Áo ngoắc vào lưng ghế. Một ông đại úy hiến binh có râu mép dày đen xì, nói với chàng:

– Chú mày gấp đi Nam Mỹ đến thế sao? Có phải chú mày thấy con tàu «Cối xay gió nhỏ bé...» không tới là chú mày lội bộ đến đây, phải không? Nếu tàu Xuyên Đông không tới nữa, chú mày sẽ lội bộ đi Viên rồi Pari để tới Lơ Ha chứ gì? Phục chú thật! Tuổi trẻ bao giờ cũng hăng. Có điều được đi Nam Mỹ thì bao nhiêu công phu khó nhọc cũng đáng! Yên trí đi! Chỉ nửa giờ nữa là tàu Xuyên Đông sẽ tới, chú mày sẽ lên đó mà nghỉ... Bác sĩ vừa tiêm cho chú mày một ống thuốc bổ xong, chú mày sẽ khỏe khoắn lại ngay bây giờ đấy mà. Ngồi dậy đi, Raphael! Dậy mà đi Nam Mỹ chứ.

Panselin ngồi dậy. Chàng thấy trên bàn có thông hành và mọi giấy tờ khác của Fraga. Trước hết là thông hành và giấy phép di cư. Giữa lúc chàng ngủ, người ta đã móc hết giấy tờ trong túi áo vét ra. Và người ta đã cho rằng chàng, Panselin, là chàng thanh niên Raphael Fraga.

– Chú mày đã học xong trường mỹ thuật lại còn học thêm một lớp huấn luyện nhân viên Hỏa xa nữa sao? Chú mày biết tại sao tao biết không? Tại đồ lót của chú mày đấy!... Phải, được sang Nam Mỹ thì dại gì mà sống quanh quẩn với bụi và khói xe lửa. Dậy

đi, tầu Xuyên Đông sắp đến. Phải chuẩn bị ngay mới kịp, nó dừng lại đây chỉ một phút thôi.

Người nói với Panselin cũng là viên đại úy hiến binh có râu mép. Qua những lời lẽ của ông ta, Panselin hiểu rằng các nhà chức trách cho rằng chàng là Raphael Fraga, chàng thanh niên sắp di cư sang Nam Mỹ. Giấy tờ mà họ tìm thấy trong túi áo chàng chứng tỏ chàng là Fraga. Chẳng có ai lại dẫn xác đi ngoài đường với giấy tờ của người khác. Và cũng không ai lại mang giấy phép di cư của người khác trong người bao giờ. Không ai mò đến nhà ga này với một cái vé tàu đi sang Nam Mỹ của người khác... Cố nhiên, ảnh của Fraga trên các giấy tờ không giống Panselin lắm. Nhưng phân biệt sao được tóc nâu và tóc vàng, mắt xanh và mắt đen. Vả chăng như cảnh sát, thuế quan và hỏa xa đã quyết định mặt của chàng giống với mặt của Fraga trong ảnh trên các giấy tờ rồi, chàng làm sao mà cãi lại lời của nhà chức trách?

Panselin đứng dậy. Chàng quyết định không nói gì hết. Cũng như ở sở Cảnh sát, chàng đã im lặng khi họ buộc tội, chàng cũng sẽ im lặng khi các nhà chức trách cho rằng chàng là Raphael Fraga, rằng chàng sắp di cư sang Nam Mỹ.

Trên đời, ta không nên cãi lại người điên và nhà chức trách. Theo luật pháp, không bao giờ có một cảnh sát nào, ông đội thuế quan nào lại nói sai sự thực. Toán học, khoa học và các ông Thánh có thể lầm. Nhưng ông Cảnh sát, không bao giờ lầm. Lời nói của ông Cảnh sát không bao giờ sai sự thật. Một người mặc đồng phục Cảnh sát, Tòa án mà mở miệng là chỉ để nói sự thật mà thôi. Nếu sự thật có trái ngược với lời ông Cảnh sát hay ông Tòa là sự thật có lỗi, sự thật có tội không biết uốn mình cho đúng với lời nói của

nhân viên nhà nước mặc sắc phục. Nếu người bận đồng phục nói rằng Trời sắp mưa là Trời sẽ mưa thật; nếu Trời đẹp thì phong vũ biểu mà không bị ai đầu độc thì Trời cũng có âm mưu phá rối trị an. Các nhà chức trách đã dựng Panselin dậy để dạy cho chàng biết rằng chàng là Raphael Fraga sắp di cư sang Nam Mỹ. Vậy thì chàng sẽ di cư. Chàng làm sao mà dám nói ngược lại lời những người chỉ mở miệng để nói ra sự thật? Không! Nếu cãi lại lời của Cảnh sát chàng sẽ bị bỏ tù. Vậy thì chàng sẽ bận áo vào, cúi mặt xuống. Vả lại, ý muốn di cư vừa nổi dậy trong trí óc Panselin. Chàng chỉ sợ người ta nắm đầu lại. Chàng chụp ngay lấy thông hành bỏ vội vào túi. Nhưng ông Cảnh sát canh gác biên giới đã giơ tay ra ngăn lại và nói:

– Khoan đã chứ. Làm gì mà gấp thế! Đưa thông hành đây để cho ta đóng dấu vào cho.

Rút cái dấu và hộp mực trong túi ra, ngài cảnh sát biên phòng nói với Panselin:

– Chúc chú mày lên đường may mắn!

Rồi cất hộp mực vào túi ông ta nói tiếp:

– Con dấu và hộp mực này, ta không bao giờ vứt bừa bãi trên bàn giấy. Nó tượng trưng cho quyền lực cho phép xuất ngoại. Không có nó không ai được đi ra khỏi nước. Khi ta đóng dấu này trên thông hành của một người là đấy thực sự có quyền ra khỏi nước...

Đúng lúc ấy một nhân viên đưa thư đi xe gắn máy cũng vừa phóng xe đến nhà ga, mang theo cái túi thư đặc biệt để gởi cho xe lửa Xuyên Đông. Anh ta lôi ra một xấp thư đưa cho «xếp ga» và một tập báo rồi nói:

– Có tin về tai nạn xe lửa đây.

Trang nhất tờ báo viền đen xung quanh, ở giữa có mấy dòng chữ lớn: « Chiếc cối xay gió nhỏ bé của chuyến tàu Xuyên Đông, chiếc xe lửa xinh xắn nhất của chúng ta, đã đâm xuống vực sâu đêm hôm qua vì cầu treo bị gãy. Không có một hành khách nào trên xe lửa khi nó gặp nạn. Chỉ có hai người chết là trưởng xa Roland Panselin và người thợ máy Mathieu. Mathieu là một niên trưởng của nhân viên và công nhân Hỏa xa sắp về hưu. Trưởng xa Panselin là nhân viên trẻ nhất. Mathieu đi chuyến này là chuyến chót. Panselin mới đi chuyến đầu tiên... Cả hai người, nhân viên trẻ nhất và già nhất, cùng rơi xuống thác. Không có hy vọng tìm ra xác hai người khi nước chưa xuống. Người ta tìm được mũ két và áo ngoài của viên trưởng xa, bận lần đầu để làm bổn phận. Người vợ của viên trưởng xa Panselin, chủ quán ở khu Mảnh Trăng, có xin phép được đi theo đoàn người đi tìm xác chồng. Chị ta muốn lấy xác Panselin đem về chôn... Bạn đọc chắc chưa quên Panselin là người hùng bị oan uổng trong vụ cướp bảy nhà băng giết bốn người gác. Ba tháng nay, Panselin vào làm cho Hỏa xa. Chính phủ đã cấp cho gia đình hai nạn nhân trợ cấp... » Bài báo đã làm cho mọi người : ông cảnh sát, ông quan thuế, hiến binh, nhân viên Hỏa xa bùi ngùi thương cảm. Thương cảm cho ông thợ máy già Mathieu chết trong chuyến đi chót, nhất là thương cảm cho Panselin, chết trong chuyến đi đầu tiên.

Một hồi còi xe lửa rú lên chát chúa, báo hiệu con tàu Xuyên Đông sắp đến. Nó dừng lại một phút tại nhà ga biên giới. Các nhà chức trách bèn lau nước mắt khóc thương cho số phận bi thảm của người công dân Panselin thân yêu để chạy ùa ra bến, chỗ xe

Xuyên Đông dừng. Ông đại diện cảnh sát biên giới kéo Panselin đi theo, vừa kéo vừa giục:

– Mau đi, con ơi! Mau lên đi! Tàu Xuyên Đông chỉ dừng có một phút thôi. Chẳng lẽ mày đã đi bộ suốt đêm để lỡ tàu ở đây sao con?

Panselin nhấc chiếc va ly của Fraga lên tay và chạy ra bến. Sau lưng chàng, tất cả các giới chức đều chạy theo tiễn chân, vừa chạy vừa giơ tay vẫy chào thân thiết. Một người nói:

– Đối với những người nghèo như chú nhỏ dễ thương này, được di cư sang Nam Mỹ quả là may mắn hiếm có. Thôi chúc con lên đường bình yên.

Tàu Xuyên Đông lại chạy với những toa tàu bọc da như một dãy phòng khách thượng lưu, Panselin đặt mình xuống một cái băng bọc nhung trong một toa hạng nhì. Chàng không có gan thò đầu ra cửa sổ. Chàng sợ các nhà chức trách – đã đẩy chàng lên xe lửa – thấy được rằng họ đã lầm lẫn vào phút chót. Đầu óc chàng lúc này như bàng hoàng, như rỗng không. Mặc dù, theo luận lý, chàng chẳng có gì để nhớ tiếc và cũng không có gì để tự trách mình. Chàng đã biết rằng Kyria Filothéa sẽ được nhận một khoản tiền trợ cấp hàng tháng để gọi là được đền bù vì tai nạn đã xảy ra cho chàng. Chàng cũng biết Filothéa sẽ đi tìm thi hài của chàng như một góa phụ tuyệt vọng, yêu chồng nồng nàng. Panselin tự bảo với mình: « Ta bỏ đi xa cái thế giới này là phải ».

Panselin nghĩ rằng các nhà chức trách không biết đến sự hiện diện của Fraga trên chuyến tàu chỉ vì Fraga có một cái vé xe lửa quốc tế và không lên tàu ở ga đầu tiên. Giờ này, ở trên Trời, chắc Fraga sẽ bằng lòng vì thấy Panselin thực hiện cái giấc mộng di cư

sang Nam Mỹ châu, cưới một thiếu nữ « ngọt như mật », một thiếu nữ như bốc lửa tên là Paloma. Ở trên Trời, chắc Fraga cũng sẽ bằng lòng vì đã thực hiện được mộng ước qua một người khác, lúc rời cõi đời trước khi đặt chân đến Nam Mỹ để nhận cái quán chạp phô, mà chàng đã được thừa hưởng, chuyên bán trâm cài tóc gương soi mặt v.v... cho các thiếu nữ, báo chí, thuốc lá, vé số v.v... Chàng thì thầm nói với Fraga :

– Tôi sẽ cầu nguyện suốt đời cho anh. Anh đã muốn tôi mang tên anh khi tôi phải bỏ tên của tôi để được đội mũ két đỏ của một người trưởng xa xe lửa. Anh đã tặng cho tôi tên của anh – Fraga – tức là trái dâu, một cái tên chỉ được dùng theo số nhiều, theo tiếng La Tinh. Anh đã muốn chia sẻ với tôi trên con tàu, tên họ của anh như mọi người đã chia cơm sẻ áo cho nhau. Bây giờ, tôi lấy hết tất cả những gì của anh, vì anh đã ở trên Trời, nơi con người chỉ giữ lại cái tên rửa tội mà thôi. Còn dưới đất này, bây giờ chính tôi là Fraga, tôi sẽ được thừa hưởng cái quán chạp phô của anh ở Nam Mỹ. Cầu xin anh và tất cả các vị Thánh, các Thiên thần đang bao quanh lấy anh, cầu xin các vị Thánh, các Thiên thần mà anh đã vẽ lúc còn sống dưới cõi trần này, độ trì cho tôi, bảo vệ cuộc đời sắp đến của tôi...

Rồi Panselin ngủ thiếp đi trên chuyến xe lửa quý phái sang trọng nối liền phương Đông với phương Tây – và trong trường hợp này – nối liền phương Đông và phương Tây với vùng nhiệt đới Nam Mỹ thơ mộng.

* * *

30

Cái chết của người con gái cùng khổ Descamisado – người không có áo.

Panselin bây giờ gọi là Raphael Fraga. Năm năm trời đã trôi qua kể từ ngày chàng đến Nam Mỹ. Bây giờ chàng là một bolichoro – chủ quán trong thành phố Santa Rosa. Chàng đã là công dân nhập tịch của nước Cộng hòa La Tinh độc lập. Ngoài ngôi Boliche, ngôi quán đắt khách bán vé số, báo, thuốc lá v.v... chàng còn có một Quinta (một ngôi nhà mát ở thôn quê) có nuôi ngựa, bò, và ong, ở Pampa. Ngôi Boliche đặt ngay trong nhà chàng, một ngôi nhà rosada, bằng gạch đỏ. Panselin ăn ở như vợ chồng với một cô gái nhiệt đới rất đẹp, hai mươi ba tuổi tên là Fémérida Colombo mà chàng gọi là Paloma, theo ý của chàng thanh niên Fraga nói với chàng trước khi gặp nàng.

Panselin không thay đổi bao nhiêu so với lúc chàng còn sống ở khu Mảnh Trăng đi làm nhà băng và thỉnh thoảng phải cuốc bộ vì không có tiền mua vé tàu điện. Chàng chỉ hơi gầy hơn, nét mặt rắn rỏi hơn, đen hơn. Nước da của chàng bây giờ màu ô liu. Chàng bận một bộ quần áo rất nhẹ, sơ mi trắng, cà vạt màu xám, giày đen vớ trắng, lối ăn mặc phổ thông của dân chúng vùng nhiệt đới. Gia sản chàng được

thừa hưởng nhân danh Raphael Fraga, đã biến thành một con người thuộc thành phần thị dân tiểu tư sản. Không có một ai nghi ngờ chàng không phải là người có ảnh dán trên thông hành. Vả chăng, bây giờ chàng đã có thông hành, dán ảnh chàng và mang chữ ký của chính chàng. Chỉ có cái tên là không phải tên chàng mà thôi. Nhưng chàng mang đã quá lâu, đến nỗi bây giờ giá có người gọi chàng bằng cái tên thực chính thức của chàng ngoài đường phố, chàng cũng không quay đầu lại. Chàng đã đã hoàn toàn quen là Raphael Fraga rồi.

Sáng hôm nay, Panselin rất hoang mang lo lắng. Chàng bước vào Ty cảnh sát Santa Rosa và hỏi:

– Senior, Ty trưởng có đây không?

Người tùy phái hỏi lại:

– Có chuyện gì vậy?

– Tôi vừa mới giết vợ tôi xong và đến đây xin nộp mình.

Trong văn phòng, có ba cảnh sát viên trực đêm. Cả ba râu ria xồm xoàm, mắt lờ đờ đang chầu đầu lại chơi bài. Khi nghe Panselin khai rằng chàng vừa giết vợ xong, cả ba đều ngẩng mặt lên nhìn Panselin trong một giây đồng hồ. Nhìn vì tò mò, rồi cúi xuống đánh bài như trước. Người cầm cỗ bài nói với chàng:

Ngồi kia đi, ông Ty trưởng sắp đến.

Panselin sửng sốt, mặt ngớ ra. Hồi còn ở nhà, tại tổng hành dinh cảnh sát, đại tá Prétorian và nhân viên đã tra tấn chàng đến gần chết để bắt chàng thú nhận tội đã giết mấy người gác đêm. Nhưng chàng lương thiện vô tội. Bây giờ Panselin là một tên sát nhân, chàng đến sở cảnh sát để tự thú. Nhưng các cảnh sát viên lại lừng khừng bảo chàng kiếm chỗ ngồi,

rồi họ lại tiếp tục đánh bài, không thèm chú ý đến chàng nữa. Panselin chịu không hiểu nổi thế nào là phải, thế nào là trái.

Đúng lúc ấy, ông Ty trưởng từ cửa sau bước vào. Một người cảnh sát trong đám ba người đang đánh bài, báo cáo:

– Senior này khai vừa giết vợ và bây giờ đến đây để ở tù.

Vừa báo cáo, cảnh sát viên này vừa tiếp tục chơi bài, tỉnh bơ. Nhưng Panselin vẫn không khỏi thấy « rét ». Chàng đứng dậy trình với ông trưởng ty cảnh sát:

– Thưa ông, tôi là Raphael Fraga. Tôi vừa giết vợ. Tôi đến đây xin chịu tội.

Ông trưởng ty cảnh sát:

– Mời Senior vào bàn giấy tôi. – Quay sang phía mấy nhân viên đang đánh bài: Ê! Sanchez đem bàn máy chữ vào văn phòng tôi để ghi cung từ của Senior sát nhân.

Nghe ông cảnh sát trưởng nói như vậy, Panselin không tin tưởng vào tai của mình nữa. Chàng đã sống năm năm trong nước Cộng hòa La tinh độc lập. Chàng đã hiểu rõ xứ sở này đến mức tối đa, trên cương vị của một người dân di cư đến sinh sống ở đây. Nhưng chưa bao giờ Panselin tưởng tượng được rằng, ở đây, các nhà chức trách mời phạm nhân ngồi và còn gọi phạm nhân là chàng, bằng tiếng « ngài sát nhân ».

Thấy Panselin còn chưa hết ngạc nhiên, ông trưởng ty nhắc lại một lần nữa, rất lễ phép:

– Xin mời Senior vào đây.

Nói xong, ông đưa tay ra dấu mời Panselin vào văn phòng. Văn phòng của ông trưởng ty cảnh sát

trông rất sơ sài tầm thường. Tường quét qua một nước vôi trắng, bàn ghế bằng gỗ tạp sơn trắng. Mọi công thự, công sở của nước này đều lụp xụp như vậy cả. Nhìn qua người ta cảm tưởng như là các nhà chức trách đều đi nghỉ mát hết ráo.

Cảnh sát trưởng ngồi vào bàn giấy, hất hàm về phía người cảnh sát viên ngồi sau bàn máy chữ, hỏi:

– Thế nào, chú đã bắt đầu được chưa, Sanchez?

Rồi quay sang nói với Panselin:

– Xin mời Senior khai đi.

– Cách đây chừng một giờ, tôi đã giết nhà tôi. Nó chết rồi.

Panselin nói một cách nghẹn ngào, nước mắt rơi lả chả. Trong những trường hợp, những hoàn cảnh cuối cùng, lời nói có một tác động mạnh mẽ hơn là hành vi, cử chỉ. Bây giờ, khi thú nhận tội ác bằng những lời lẽ nói trên, Panselin mới đo lường được tính chất quan trọng ghê gớm của việc mình đã làm. Những lời nói chính của mình đã làm cho Panselin xúc động vì tội ác vừa phạm.

Nghe chàng khai xong, ông cảnh sát trưởng lắc đầu:

– Senior khai như vậy không được. Chúng ta phải làm việc đúng với nguyên tắc, thủ tục. Trước hết xin Senior khai cho chúng tôi biết tên họ, tuổi tác, địa chỉ.

– Tôi tên là Raphael Fraga, hai mươi tám tuổi. Tôi thuộc thành phần dân ngoại quốc di cư sang đây. Tôi đã sống tại đây được năm năm và đã được nhập quốc tịch Cộng hòa La Tinh độc lập. Sở dĩ tôi di cư sang đây vì tôi có một ông chú, làm ăn tại đây đã lâu ngày cho tôi thừa hưởng cái Boliche của ông để lại bằng

chúc thư. Tôi cư ngụ ngay tại Boliche của tôi ở đại lộ Độc lập. Tôi còn có một Quinta ở Rosario cách thủ đô ba mươi cây số.

– Vậy Senior là một bolichero, cư ngụ tại đại lộ Độc lập và Senior vừa giết vợ xong, có phải như vậy không? Hai người cưới nhau bao lâu rồi?

Panselin ngập ngừng:

– Thưa Signor, tôi không có cưới...

– Senior khai mới giết vợ xong... Vậy Senior phải có một người vợ chứ? Senior giết làm sao được khi không có vợ? Phải có lập luận chứ. Sự thật như thế nào?

– Tôi có sống với người đàn bà ấy thật, nhưng chúng tôi không có cưới nhau.

– Vậy là Senior đã giết một người đàn bà xa lạ, đâu có phải giết vợ. Hai người có cưới nhau đâu? Tôi yêu cầu Senior phải có lập luận, vì Senior đang đứng trước mặt nhà chức trách. Chúng tôi, những người đại diện cho luật pháp, chúng tôi không thể viết ra những chuyện không đàng hoàng, không hợp lý. Senior thử tưởng tượng rằng một nhân viên cảnh sát như tôi, bận sắc phục cảnh sát nước Cộng hòa La Tinh độc lập của chúng tôi, có thể ghi vào biên bản lời khai của Senior, khai đã phạm tội giết vợ... trong khi Senior chưa hề cưới vợ bao giờ, hay không?

– Thưa, tôi có cưới vợ trên thực tế. Chúng tôi ăn ở với nhau như vợ chồng.

Panselin muốn điên lên, thần kinh như muốn đứt tung. Chàng vừa mới thú nhận rằng chàng vừa phạm một tội ác ghê tởm nhất, mà con người có thể phạm trên mặt đất này. Vậy mà cảnh sát lại đi hỏi vớ vẩn

về những chi tiết về chữ nghĩa không đâu. Ông này thiệt là kỳ.

– Thế người đàn bà bị ông giết là ai đấy? Chị ta tên gì?

– Tên nàng là Féménida Colombo, nhưng mọi người quen gọi nàng là Paloma. Nàng hai mươi ba tuổi. Quê nàng ở Norte, về phía Bắc.

– Nàng có bà con gì ở đây hay không?

– Nàng còn có một người anh. Gia đình nàng thuộc về thành phần Descamisados, (tức là thành phần vô sản). Gia đình nàng chẳng có gì hết.

– Nàng cư ngụ tại nhà ông có phải không?

– Thưa phải. Nàng sống chung với tôi được năm năm rồi. Chúng tôi quen nhau ngay khi tôi vừa mới đặt chân đến đây. Nàng quả thiệt là một Descamisada chân chính, nghèo không ai bằng.

– Vậy là hai người sống với nhau không chính thức chứ gì?

– Thưa phải. Nhưng chuyện Signor hỏi đã thuộc về quá khứ và không có gì quan trọng nữa. Tôi đã giết chết nàng. Bây giờ nàng không còn nữa. Nàng không còn là vợ chính thức của tôi nữa. Nàng đã chết rồi, và tôi vẫn yêu nàng, thưa ông trưởng ty.

Panselin bật lên khóc nức nở.

– Tại sao hai người lại không cưới nhau?

– Thưa ông, chuyện này bây giờ còn ăn nhằm gì nữa. Nàng đã chết rồi, chết vì tay tôi.

– Tôi nói cho Senior hay rằng sống chung mà không có cưới xin là bị luật pháp nước chúng tôi trừng trị. Tại sao ông yêu nàng mà lại không cưới nàng?

– Vì Giáo Hội không cho phép nàng được lấy tôi. Nhưng bây giờ tất cả những điều ấy có gì quan hệ nữa đâu. Nàng chết là tất cả những điều đó đối với tôi vô nghĩa. Câu trả lời của Panselin đã làm cho ty trưởng cảnh sát ngớ ra tưởng như mình nghe nhầm. Trong ánh mắt ông, người ta thoáng thấy như có một cái gì đáng sợ, đáng tởm. Người cảnh sát Sanchez cũng dừng tay lại, há hốc miệng ra nhìn Panselin. Một lúc sau, trưởng ty cảnh sát mới mở miệng, lắp bắp hỏi Panselin :

– Vậy ra Giáo Hội không cho hai người lấy nhau? Ông không phải là người Công giáo sao?

– Tôi cũng là tín đồ Thiên Chúa giáo. Nhưng tôi không phải là người Công giáo.

– Vậy ra ông là người ngoại đạo hả?

Panselin thấy rõ rằng, những người cảnh sát này sẽ không có cái thái độ vừa sợ hãi vừa kinh tởm như thái độ họ lúc này, nếu chàng khai là chàng bị cùi hay bị dịch hạch. Chàng la lớn :

– Thưa tôi không phải là người ngoại đạo. Tôi là một người theo Chính Thống Giáo Hy Lạp. Tôi ở châu Âu tới. Ở bên chúng tôi, Chính Thống giáo nhiều vô kể.

Ngay Panselin cũng không khỏi có cái cảm tưởng ghê tởm khi nghe nói đến hai tiếng «ngoại đạo».

Cảnh sát trưởng đứng dậy quay mặt ra phía sau nhổ toẹt xuống sàn để tỏ thái độ :

– Eretico! (Một tên ngoại đạo!)

– Thưa ông, một người theo đạo Chính thống, một người Thiên Chúa phương Đông khác xa với một kẻ ngoại đạo. Chúng tôi cũng là con cái của một Giáo hội như Giáo hội của quí ông, ngoại trừ một vài chi tiết

khác biệt. Thí dụ như chúng tôi làm dấu Thánh giá trên vai bên phải trước và vai bên trái sau. Sự khác biệt đó có gì là quan trọng đâu? Khi chúng tôi làm dấu Thánh giá, chúng tôi tự đặt mình vào địa vị của Đức Kitô trên thập tự giá. Còn các ông, các ông đặt mình trước mặt Người, cũng như các ông làm dấu Thánh giá trên trên vai trái trước. Đây chỉ là một vấn đề vị trí mà thôi, chẳng có gì đáng kể. Kể ra cũng có nhiều điều khác biệt nữa. Như trong Giáo Hội của quí ông các cha mặc áo có cổ trắng trong khi các cha của chúng tôi nghèo hơn, chỉ có cổ đen. Các linh mục của các ông sáng dậy cạo mặt đều đều, nhưng linh mục và con chiên chúng tôi đều nghèo; họ không cạo mặt bao giờ cả. Cạo mặt và mang cổ trắng, đối với chúng tôi, là quá sang trọng và xa xỉ...

– Tại sao ông không phải là người Công giáo?

– Thưa vì mẹ tôi là người Chính Thống. Chính mẹ tôi đã dạy cho tôi làm dấu Thánh giá. Đấy là điều trước tiên bà dạy cho tôi. Mẹ tôi còn bảo rằng chúng ta đặt tay lên trán vì Đức Chúa Cha, đặt xuống ngực vì Đức Chúa Con và làm dấu trên hai vai cho Đức Thánh Thần, sau đó mới nói Amen... Tôi còn nhớ mẹ tôi đã tỏ ra rất bằng lòng, rất tự hào khi thấy tôi làm dấu Thánh giá lần đầu tiên không sai trật!... Thưa quí ông, xin quí ông hiểu cho rằng làm việc phải đối với tôi, có nghĩa là những gì mẹ tôi đã dạy... Tôi cũng không cho rằng làm dấu Thánh giá trên vai trái trước hay hơn là làm dấu Thánh giá trên vai phải trước. Nhưng đối với tôi, làm những gì ngược lại với lời dạy của mẹ tôi là làm bậy. Chính Thống Giáo đối với tôi là tiếng mẹ đẻ, là da thịt của tôi, là màu xanh đôi mắt tôi. Tôi sẽ phản tất cả nếu tôi phản lại mẹ tôi, phản lại đất nước tôi và phản lại trời ở trên cao

nhìn xuống tôi. Tôi đã trình bày tất cả với cha xứ để van xin ngài cho tôi được cưới Paloma, nhưng tiếc thay, cha xứ đã không hiểu. Ông ta quát lên rằng người Chính Thống sẽ phải đi xuống địa ngục vì Chính thống giáo tức là ngoại đạo. Ông còn nói rằng mẹ tôi phải xuống địa ngục đời đời kiếp kiếp, cha tôi cũng thế và tôi cũng sẽ phải lên giàn hỏa địa ngục theo cha mẹ tôi. Khi nghe cha xứ nói như vậy, tôi chịu không nổi và hết sức bất bình. Tôi đã nói thẳng với ông:

– «Nếu quả như vậy thực thì tôi cũng muốn địa ngục, bằng cách giữ Chính Thống Giáo, bởi vì tôi muốn ở cạnh cha mẹ tôi, dân tộc tôi, dù có bị đóng cửa Thiên đường để đi xuống Địa ngục tôi cũng chịu. Tôi muốn đến chỗ cha mẹ tôi ở. Tôi muốn và không thể sống xa cha mẹ tôi mãi mãi. Tôi muốn được nói một thứ tiếng với mẹ tôi».

Ông cha xứ thấy tôi nói vậy bèn cấm Paloma lấy tôi. Paloma cũng dâm liều và nói với cha xứ rằng bằng lòng chia xẻ đời sống với tôi dưới hỏa ngục. Bất chấp lời đe dọa rút phép thông công của cha xứ, nàng về sống với tôi vì chúng tôi yêu nhau.

Panselin vừa nói vừa khóc, nước mắt chảy ràn rụa trên mặt chàng.

Cảnh sát trưởng thắc mắc:

– Có phải vì yêu nàng nên Senior mới giết nàng hay không?

– Thưa không phải! Đây là một sự bất hạnh đối với tôi.

– Bao nhiêu tên sát nhân đều nói như vậy hết. Bây giờ anh làm ơn kể lại tất cả mọi chi tiết, mọi sự kiện từ đầu chí cuối xem sao. Anh đừng nói dối.

Bởi vì những lời khai của anh sẽ được ghi âm đầy đủ. Xin nhớ cho như vậy. Bây giờ xin anh khai đi.

– Tôi xin thề với ông rằng, quả thật là một mối bất hạnh của tôi, một mối bất hạnh lớn, một mối bất hạnh do đô đốc Malagamba gây ra cho chúng tôi. Có thể nói rằng chính ông ấy là thủ phạm.

– Vậy là Senior Malagamba giết Fémérida Colombo phải không?

– Thưa không phải! Chính tôi giết, chính tôi. Nhưng vì ông ấy cho nên tôi mới phạm tội giết vợ. Hoàn toàn vì ông ấy.

– Tôi chưa hỏi anh vì ai và vì việc gì mà anh đã giết người đàn bà ấy. Anh sẽ phải khai việc ấy với các quan Tòa ngày anh ra lãnh án treo cổ. Ở đây, trong nước cộng hòa La Tinh, những người phạm tội giết đàn bà đều bị treo cổ. Tại sao anh lại giết bà ấy? Anh giết như thế nào?

– Thưa vì bị Senior Malagamba khiêu khích.

Cảnh sát trưởng đứng vụt dậy. Ông ta tỏ ra cáu kỉnh đến tột độ. Ông ta rời bàn giấy đến ngồi gần Panselin, thái độ đầy đe dọa, như sẵn sàng đánh chàng.

– Tôi đã nói rồi mà. Tôi hỏi anh vì sao anh giết và giết như thế nào. Anh có trả lời không thì bảo?

– Thưa, chiều hôm qua tôi có việc phải đi Porto del Rio... Tôi phải đến đó để khai với quan thuế về một thùng hàng từ Châu Âu gởi sang cho tôi. Trên xe ca trở về mọi người đều hỏi tôi rằng tối hôm qua tôi có ngủ ở Porto del Rio không? Tôi trả lời là có, đêm qua tôi ngủ ở đó. Thế là họ phá lên cười và hỏi tôi rằng, tối qua tôi có để quần áo ngủ ở nhà cho Senior Malagamba mượn hay không? Hay ông ấy phải mang

đồ ngủ đi, vì ông ấy ngủ trên giường tôi tối hôm qua. Ngủ với vợ tôi. Tôi giận điên lên vì tưởng là họ nói đùa một cách khả ố. Nhưng không phải! Cả thành phố biết chuyện này. Những người đồng hành với tôi trên xe ca đã nói cho tôi hay rằng Đô đốc Malagamba đã đánh cá với hai người em của ông ấy – ông tổng trấn và ông tướng tư lệnh – rằng ông ấy sẽ ngủ được với vợ tôi, tại nhà tôi. Cả thành phố đều biết chuyện đánh cá này. Bởi vậy cho nên những người đi chung xe lấy làm ngạc nhiên khi tôi không biết gì hết. Bắt đầu người ta tưởng rằng tôi đã thỏa thuận với Senior Malagamba. Người ta còn bảo đảm với tôi rằng Fémérida cũng không lạ gì chuyện này và việc nàng không nói tôi biết thực là khó hiểu... Tôi lập tức thuê taxi về nhà lúc hai giờ sáng. Cửa sổ nhà tôi lúc ấy vẫn còn mở. Và tôi đã nhìn thấy cái mũ của Senior Malagamba đặt trên cái ghế bên giường ngủ của tôi, còn ông ta thì đang ngủ với vợ tôi trong giường.

– Tôi không hỏi anh thấy những gì và làm những gì lúc bấy giờ. Cái ấy không quan hệ gì hết. Tôi chỉ hỏi có phải anh đã rút súng lục ra bắn chết người vợ đáng thương của anh, có phải vậy không?

– Thưa không! Tôi đứng ngoài cửa sổ nhìn vào. Và thấy Đô đốc Malagamba nằm trong giường tôi, đúng chỗ của tôi nằm hàng đêm. Tôi còn thấy khẩu súng lục của ông ta để gần cửa sổ. Máu nóng bốc lên mặt, tôi vơ lấy súng và lẩy cò. Senior Malagamba nhảy vọt ra khỏi giường, ông ta chỉ mặc có sơ mi trần trên người. Ông vọt ra chạy.

Đang nói nửa chừng, Panselin dừng lại vì thấy cảnh sát viên Sanchez không đánh may lời khai của chàng. Panselin ngừng hỏi ông cò

— Thưa, các ông không muốn ghi lời khai của tôi sao ?

— Có chứ, chúng tôi đã ghi lời khai của anh. Anh khai là thấy vợ ngủ với một người khác, anh liền bắn chết nàng.

— Thưa đâu có phải vậy. Senior Malagamba...

— Anh đến đây để khai việc anh giết vợ như thế nào hay đến để nói chuyện về Senior Malagamba ?

— Cả thành phố này đều thấy Senior Malagamba chỉ mặc áo ngủ từ nhà tôi vọt ra chạy như ma đuổi. Áo quần, giày mũ của ông còn ở trong phòng tôi.

— Chuyện ấy ăn nhằm gì với việc anh giết vợ ? Anh giết vợ anh hay Senior Malagamba giết ?

— Thưa chính tôi. Nhưng...

— Chẳng có nhưng gì hết. Những việc ấy ông giải thích với bồi thẩm đoàn sau. Chúng tôi, cảnh sát không phải là bồi thẩm. Có phải anh tự nguyện đến đây để nộp mình chứ gì ?

— Thưa vâng.

— Sanchez, lấy một tờ giấy khác ra và đánh mấy mấy giòng sau : « Trước mặt chúng tôi, ty trưởng cảnh sát thành phố Santa Rosa, tên Raphael Fraga, Bolichero, cư ngụ tại đường Độc lập, có đến trình diện chúng tôi. Đương sự khai rằng đã giết vợ hồi ba giờ sáng ngày hôm nay bằng một viên đạn súng lục bắn trúng ngực. Tờ khai này đã được đọc lại cho tên Raphael nghe, công nhận là đúng và ký tên vào tờ khai này ». Chỉ có thế thôi.

Cảnh sát trưởng cầm tờ khai và đưa cho Panselin :

— Ký đi.

– Thưa, tờ khai này chưa đủ.

– Lời lẽ lời khai này đúng hay sai?

– Thưa đúng như không đủ. Senior Malagamba đã đột nhập nhà tôi bằng bạo lực.

– Anh đến đây đâu có phải để báo cho tôi biết rằng Senior Malagamba là một người có máu ba mươi lăm, mà để khai rằng anh đã giết vợ phải không nào?

– Nàng chết vì dạn lạc. Tôi không muốn giết vợ tôi. Tôi xin được trình bày với ông như vậy.

– Cảnh sát không có thì giờ để nghe anh kể dài giòng. Cảnh sát chỉ có nhiệm vụ ghi nhận tất cả những sự kiện. Anh có giết vợ hay không?

– Thưa có, nhưng...

– Chả có nhưng gì cả, Senior làm cho tôi muốn cáu rồi. Anh đến đây để khai rằng anh đã giết vợ anh. Lời khai được ghi nhận rồi. Chỉ có thế. Anh ký đi. Công việc xong rồi, anh phải để chúng tôi làm việc khác chứ. Chúng tôi không có thì giờ để nghe anh kể...

Panselin ngập ngừng rồi ký, nghĩ bụng là sẽ giải thích sau. Vì vụ sát hại vợ chàng là hậu quả của một hoàn cảnh đặc biệt. Chuyện quan hệ trong vụ này là hoàn cảnh đưa đến hậu quả là vụ giết người.

Sau khi ký xong, Panselin đưa tờ khai cho cảnh sát trưởng rồi đứng chờ. Một phút sau, ông ta ngẩng mặt lên và thấy Panselin còn đứng lẫn ngẫn tại chỗ:

– Tại sao anh nhìn tôi kỹ thế? Có gì sao?

Panselin:

– Thưa không có gì cả. Tôi đợi.

– Anh đợi cái gì?

– Thưa đợi quyết định của ông.

– Chẳng có quyết định gì hết! Anh đi đi.

— Tôi, tôi được đi sao?

— Vâng! Tôi đã nói với anh rằng xin mời anh đi, đi trước khi tôi nổi giận. Anh biến đi cho lẹ giùm tôi.

— Ông không bắt tôi sao? Tôi vừa khai với ông rằng là tôi vừa giết vợ tôi mà.

— Phải, tôi hiểu. Anh khỏi phải cần nhắc lại rằng anh là một tên sát nhân. Hàng ngày, chúng tôi gặp quá nhiều sát nhân rồi. Anh cũng chẳng có gì đặc biệt hết.

— Thưa, ông cho tôi về sao? Ông vẫn để tôi được tự do mặc dù tôi vừa mới thú tội?

Cảnh sát trưởng tỏ ra sốt ruột:

— Phải. Anh cút gấp đi.

— Thưa ông không bắt tôi sao?

— Không. Anh này lằng nhằng quá. Anh làm cho tôi mất cả bình tĩnh. Bây giờ, tôi mời anh biến đi gấp. Anh nhớ cho là trừ trường hợp có lệnh gọi, anh không được thò mặt đến đây nữa. Anh hiểu chưa? Adios.

Panselin bước ra khỏi ty cảnh sát như người say rượu. Chàng không hiểu được gì hết nữa rồi. Chuyện xảy ra ngoài sức tưởng tượng của chàng. Chàng đã phạm tội giết người, giết vợ. Vì tai nạn không cố ý. Nhưng dù sao chàng cũng đã giết chết vợ. Chàng đi nộp mình. Vậy mà cảnh sát khi nghe chàng khai báo xong, lại không bắt giam chàng mà còn đuổi chàng về sống tự do ở ngoài. Người ta đã đá chàng trở về với tự do bằng những cú đá đít. Panselin biết chắc là chàng không mơ. Nhưng chàng không thể nào hiểu nổi vì sao cảnh sát lại không giam chàng. Cảnh sát dùng để làm gì nếu không bắt giam những tên sát nhân đến nộp mạng?

31

Địa ngục La Tinh ở nhiệt đới.

Panselin ra khỏi ty cảnh sát Santa Rosa chàng vừa mới biết, mới làm quen với địa ngục. Chàng muốn trở về ngôi nhà xây bằng gạch đỏ của chàng, nơi đang đặt thi hài Féménida, vợ chàng. Về đến nơi, Panselin thấy nhà bị niêm phong, trước cửa có một cảnh sát viên đứng gác. Thấy chàng, viên cảnh sát này nói :

— Bây giờ cấm ông vào nhà nầy, phải chờ điều tra xong đã.

— Vậy thì bao giờ tôi mới được vào nhà tôi ?

— Tôi không biết gì hết. Ông lại ty mà hỏi xem.

Panselin bỏ đi lại quán rượu ở đầu phố. Chàng gọi một ly bia. Người ta làm như không nghe tiếng chàng. Panselin gọi thêm một lần nữa, lớn tiếng. Lần này, người bồi nhìn chàng rồi nhún vai như muốn nói với chàng rằng anh ta không thể lấy bia cho chàng uống. Người ta đã cấm anh ta, không cho anh ta phục dịch cho Panselin. Qua thái độ của anh bồi, Panselin hiểu rằng không có quán rượu nào trong thành phố này bằng lòng bán cho chàng đồ ăn, ngay cả ly nước

lạnh cũng đừng hòng. Cả thành phố đã biết rõ vụ giết người này rồi, mặc dù không có tờ báo nào đăng tin hết. Chẳng những thế, Panselin còn bị mọi người xa lánh, chàng đi trên hè phố này thì người ta đi sang hè phố bên kia. Vì người ta sợ giày dép bị bẩn nếu dẫm lên dấu chân của một tên sát nhân người nước ngoài ngoại đạo. Panselin thắc mắc không hiểu chàng có lỗi gì với thành phố này ? Chàng đã giết vợ vì tai nạn mà không có dự mưu khi bắt gặp vợ chàng ngủ với đô đốc Malagamba, nhà quý phái lớn nhất xứ sở này. Chàng đã giết vợ bằng khẩu súng lục của đô đốc. Panselin đã đi nộp mình để chờ đợi bị trừng phạt xứng đáng với tội trạng. Nhưng người ta đã không giam chàng. Người ta đã ném chàng ra khỏi ty cảnh sát, ném chàng ra đường. Không ai bằng lòng cho chàng tá túc. Mọi người đều không muốn nhìn chàng nữa, thấy chàng là ngoảnh mặt đi. Ngoài nỗi đau đớn về tinh thần và đạo lý, còn có ánh nắng mặt trời nóng bỏng. Trong địa ngục ở dưới âm phủ, lửa đun từ dưới lên. Nhưng trong địa ngục La Tinh ở vùng nhiệt đới, lửa lại từ trên cao chụp xuống.

Khi Panselin đi gần đến trung tâm thành phố, Panselin đã thấy đô đốc Malagamba ở đàng xa. Lệ thường, đô đốc Malagamba có dậy sớm như thế này bao giờ đâu ? Tay ông quấn băng trắng đeo vào cổ. Ông bận đồng phục. Mọi người đều đi theo ông dưới phố, ở hai bên đường, nơi các cửa sổ. Những người có mặt đều vẫy tay hoan hô ông như hoan hô một vị anh hùng vừa chiến thắng trở về. Malagamba đi một chốc lại dừng lại để diễn thuyết cho những người dân, đêm qua đã thấy ông mặc áo ngủ, chân đất chạy như ma đuổi từ nhà chàng về biệt thự của đô đốc. Tuần nào cũng vậy, đô đốc Malagamba cũng dụng

chạm đến tiết hạnh của một Descamisada, một xử nữ nhà nghèo, hiếp một thiếu nữ tiểu tư sản hoặc chui qua cửa sổ để vào phòng ngủ của một người đàn bà có chồng. Tất cả thành phố đều đã được thông báo trước khi chuyện xảy ra. Cả thành phố hiểu rõ từng chi tiết một về những vụ lăng nhăng của ông đô đốc này. Bởi vì chính ông ta đem đi kể trong các quán cà phê khắp thành phố, kể to tiếng cho nhiều người nghe. Mọi người đều cười nói vui vẻ và tỏ ra khâm phục, kể cả người chồng, người anh em và bố mẹ thiếu nữ và phụ nữ nạn nhân cũng lấy làm khoái chí. Ở đây, trên dãy đất Nam Mỹ Châu này, chưa bao giờ có những vụ nổi loạn. Mọi người đều tỏ ra bằng lòng với những nhà độc tài của họ. Tất cả đều bằng lòng với những tay quyền quí đã bóc lột họ, biến họ thành nô lệ, thành Descamisados. Quần chúng nô lệ « không có sơ mi » tôn sùng các nhà độc tài của họ. Các nhà quí tộc, một xã hội riêng của những nhà độc tài, đối với những nước nhiệt đới, giống như mặt trời. Mọi người đều chấp nhận tất cả những gì từ nơi họ mà ra. Người ta thần thánh hóa họ. Không có ai có ý nghĩ điên rồ là khởi loạn chống lại mặt trời.

Panselin mò lại gần đám người đang vây quanh đô đốc Malagamba. Nhà quý tộc này giơ cao cánh tay bị băng lên và thuyết : « Đêm vừa qua một cô gái đẹp trong thành phố này đã bị giết chết. Nàng là một trong những người đàn bà có thể làm cho biết bao nhiêu người đàn ông sung sướng. Sứ mạng của các cô gái đẹp là gì, nếu không phải là để đem lại cho những người đàn ông trên quả đất này tất cả những gì sung sướng và hạnh phúc. Fémérida là một cô gái tuyệt vời. Vậy mà có một tên dã man ở đâu tới nước này giết chết nàng. Vì vậy, hỡi các bạn đàn ông cũng như đàn

bà, tôi xin cho các bạn hay rằng, người nào trong các bạn mà cho tên dã man đã giết chết người đẹp của chúng ta, tá túc tức là đã phạm tội lỗi xấu xa. Người ấy sẽ bị trừng trị. Đích thân tôi sẽ quất nát mặt người ấy đi. Tất cả chúng ta đều phải tẩy chay tên sát nhân, hãm cho nó chết đói và chết khát trong cô đơn. Đàn bà được Chúa tạo ra để cho người đàn ông thương yêu và ôm ấp trong đôi tay rắn chắc, không phải để bị giết như súc vật».

Mọi người đều hoan hô nhà quý tộc. Tất cả, không trừ một ai, đều tán thành những lời nói của Senior Malagamba. Cũng cần phải nhớ rằng, vào lúc trời còn sớm như lúc này, mọi người đều bắt đầu ra khỏi nhà để đi làm. Những người nghe Senior Malagamba thuyết đều là người lớn, đứng đắn, không phải chỉ có trẻ con. Họ thành thật hoan nghênh những lời lẽ nói trên của nhà quí phái. Chưa có một nơi nào trên trái đất mà tính cách nô lệ lại được các tầng lớp quần chúng nhất loạt chấp nhận như ở đây. Nhân dân thành thật hoan nghênh các nhà độc tài và thấy mọi việc làm của các nhà độc tài, kể cả những vụ giết người tra tấn từ đày đều tốt đều hay. Không có một ai muốn nổi loạn. Vì họ công nhận rằng tất cả những gì của các nhà độc tài, tất cả những gì từ các nhà độc tài mà ra, đều tốt cả. Cố nhiên người ta cũng hy vọng rằng nếu một ngày nào đó, lục địa Nam Mỹ Châu sẽ nổi dậy đánh đổ các nhà độc tài với sự viện trợ của các nước ngoài. Nhưng người ta không thể ngăn cấm được quần chúng khóc thương họ.

Cái quang cảnh trước mắt làm cho Panselin sợ đến mất hồn. Chàng bỏ chạy rồi tìm đến văn phòng luật sư lớn nhất thành phố. Chàng gõ cửa và vào yết kiến luật sư :

– Thưa luật sư, xin luật sư lo giùm cho công việc của tôi. Câu chuyện như thế này...

Ông luật sư đáp :

– Anh khỏi mất công. Tôi biết rõ câu chuyện, biết rõ từng chi tiết một.

– Vậy luật sư có lo được cho tôi không ?

– Bây giờ tôi chưa thể nói được. Lúc nào việc này được đưa ra Tòa Án bàn cãi hãy hay. Còn lúc này anh chưa phải cần đến luật sư. Các nhà chức trách đã thụ lý việc của anh đâu.

– Sáng nay tôi đã đến ty cảnh sát thú nhận tội lỗi. Tôi cũng đã ký tên vào tờ khai. Như vậy, các nhà chức trách đã thụ lý rồi đấy chứ.

– Ai bảo với anh thế ? Đâu có phải việc của anh đã được tòa án thụ lý. Anh hiện nay đang đứng trước mặt tôi. Anh chưa bị bắt giam, anh còn được tự do ở ngoài. Như vậy có nghĩa là các nhà chức trách chưa biết gì về vụ này. Nếu đã thụ lý thì anh đã bị giam rồi.

– Thưa luật sư, tôi vừa mới đến cảnh sát tự thú, cách đây mới có hai giờ đồng hồ thôi. Như vậy là nhà chức trách đã biết được công chuyện như thế nào rồi đấy chứ !

– Cảnh sát biết việc này ngay từ bốn giờ sáng. Đô đốc Malagamba đã triệu tập trưởng ty cảnh sát đề đến nhà và đã trình bày rõ sự. Ngoài cảnh sát còn có ông tổng trấn, ông quan Tòa và cả tôi nữa. Không những thế mà thôi, dân chúng cũng được thông báo đầy đủ về vụ này. Anh chỉ thú nhận với cảnh sát những điều họ đã biết trước.

– Vậy sao họ không giam tôi lại ?

– Thủ tục án tiết ở đây khác hẳn, bên châu Âu các anh, ngay khi anh vừa mới phạm tội, cảnh sát bắt giam ngay người phạm tội và có khi bắt giam cả những người vô can lương thiện nữa. Ở bên các anh, khi đã bị bắt, rất khó vận động xin tự do lại. Ở đây thủ tục của chúng tôi khác; thủ tục của chúng tôi hay hơn nhiều. Anh có gì để phải phàn nàn không? Anh được tự do, chẳng lẽ anh phàn nàn vì được tự do.

– Thưa có chứ, tôi muốn được trở về nhà tôi. Nhưng nhà tôi bị niêm phong. Người ta cũng cấm tôi, không cho tôi vào nhà và quán chạp phô của tôi. Tôi đi vào quán rượu gọi bia uống cũng không được. Tôi đã được nghe đô đốc Malagamba cấm mọi người giúp tôi, kể cả một ly nước lạnh cũng không được cho tôi. Ông ta còn cấm không cho mọi người trả lời tôi, chào lại tôi v.v.. Bị tẩy chay kiểu này còn khổ hơn cả bị đi tù nữa.

– Nhưng không ai tỏ ra tàn bạo đối với anh, phải không? Cảnh sát đối với anh vẫn lịch sự chứ?

– Thưa họ đối xử với tôi đàng hoàng tử tế. Quả thật cảnh sát không có qua một cử chỉ tàn bạo nào đối với tôi hết. Nhưng tình cảnh này của tôi không thể kéo dài được nữa. Tôi xin luật sư lo giùm tôi vụ này đi. Phải làm cho trắng ra trắng đen ra đen thực phân minh.

– Tại sao vậy? Anh được tự do mà. Được tự do không hơn ở tù sao?

– Cái tự do kỳ cục này chẳng hay ho gì hết. Người ta cấm tôi vào nhà tôi, cấm tôi vào quán, vào khách sạn. Người ta còn ra lệnh cho mọi người không cho tôi cả một ly nước uống nữa.

– Phải, người ta từ chối anh mà từ chối một cách lễ phép phải không? Anh chưa chính thức bị tố cáo một tội ác nào hết. Vì vậy cảnh sát chưa công bố gì về anh hết. Mà cũng vì vậy cảnh sát không bắt anh, không nói với anh bằng lời lẽ khiếm nhã. Nếu có người nào nói với anh như vậy thì người ấy sẽ bị lột áo ngay.

– Tại sao không bắt tôi khi chính tôi đã tự thú và mọi người đều biết rõ sự việc như thế nào? Người ta còn đợi gì mà không ra lệnh tống giam tôi, mà không bỏ tôi vào tù?

– Anh biết là người đàn bà bị anh giết còn có một người anh phải không? Người này là bà con gần nhất của chị ta. Trách nhiệm đau đớn là để đơn kiện anh thuộc về người này. Đấy là con người bị thiệt nhiều nhất. Người này có quyền ưu tiên được tố cáo anh trước cả ông biện lý, bởi vì anh đã giết chết con gái của anh ta. Đấy là tính cách tế nhị và sự lễ độ mà luật pháp xứ chúng tôi dành cho những người nghèo khổ... Công bằng không có nghĩa là ta có thể quên sự tế nhị của tâm hồn, không có nghĩa là ta có thể quên thái độ lịch sự.

– Thưa người anh của Paloma ở tận bên Hoa Kỳ...

– Tôi biết. Mặc dù ở tận bên Hoa Kỳ, anh ta cũng được thông báo. Sứ quán của chúng tôi ở bên ấy sẽ phải lo việc này. Khi người anh của người đàn bà bị anh giết đưa đơn khiếu nại, ngành tư pháp của chúng tôi mới hoạt động. Lúc ấy anh mới bị bắt, sẽ bị đem ra xử, sẽ bị treo cổ. Còn bây giờ, anh phải đợi. Anh còn phải đợi luật pháp bày tỏ sự kính trọng đối với người chết và thân nhân.

– Thưa tôi tưởng là đối với vụ sát nhân Tòa án phải hoạt động ngay mới phải. Dù thân nhân người

xấu số không khiếu nại, ngành tư pháp vẫn phải thụ lý. Một vụ sát nhân đụng chạm đến toàn thể xã hội, không riêng gì bà con quyến thuộc của nạn nhân mà thôi. Việc giết một người có ý nghĩa vi phạm luật pháp của mọi quốc gia trên trái đất này. Đấy là một quy ước quốc tế. Các ông không thể không tôn trọng. Mặc dù tôi không phải là luật gia, tôi cũng biết rằng mọi nước, bất kỳ thuộc về vĩ tuyến nào, vị trí nào trên quả đất này cũng phải hành sự như tôi vừa mới trình bày xong.

– Chúng tôi có bỏ qua việc trừng trị các tội nhân đại hình đâu? Có phải chúng tôi không tôn trọng các điều luật tố tụng quốc tế đâu? Chúng tôi chỉ hy sinh một ít thì giờ để bày tỏ sự kính trọng, bày tỏ sự lịch sự của nền tư pháp quốc gia này mà thôi. Anh có thể yên trí rằng không có tên sát nhân nào khỏi bị xử giảo. Nhưng trước khi đưa ra xử, chúng tôi dành quyền ưu tiên tố cáo cho gia đình nạn nhân trong một thời gian nào đó. Anh có thấy rằng thái độ lịch sự nền tư pháp quốc gia này đẹp không nào.

– Như vậy, nếu người anh Paloma không tố cáo tôi thì các ông không đem tôi ra xử sao?

– Anh cứ yên trí là người này nhất định phải tố cáo anh. Y đâu phải là con vật mà lại có thể bỏ qua không buộc tội con người đã giết chết em gái của y một cách bỉ ổi... Nhưng chúng ta còn phải chờ...

– Thưa, chờ đến bao giờ?

– Không ai biết được phải chờ đến bao giờ. Cũng có thể mau nhưng cũng có thể chậm. Phải chờ các nhà chức trách ở đây gửi thư cho sứ quán ở Hoa Kỳ, yêu cầu sứ quán tìm ra người anh kia và yêu cầu người anh kia nộp đơn khiếu nại. Khi có đơn, ông

biện lý sẽ chính thức lên tiếng buộc tội anh. Nghe đâu người ta đã bắt đầu xúc tiến công việc liên lạc với sứ quán chúng tôi ở Hoa Kỳ thì phải.

– Luật sư biết rõ hồ sơ của tôi mà. Luật sư cũng đã đi điều tra từng chi tiết một, y như là tôi sẽ phải tới văn phòng luật sư.

– Tôi biết anh sẽ phải đến văn phòng tôi. Tôi tưởng là anh phải đến sớm hơn nữa kia.

– Tại sao luật sư biết tôi phải đến đây?

– Tôi biết là anh đã phạm tội lúc bốn giờ sáng, biết anh sẽ đến ty cảnh sát để thú tội, và sau đó anh sẽ đi tìm luật sư. Đi tìm luật sư với tất cả sự hoang mang thất vọng của một phạm nhân, của một người chết đuối đi cầu cứu. Trong thành phố này tôi là luật sư bậc thầy của các luật sư khác. Trường hợp của anh rất nặng. Tất nhiên anh sẽ phải đi tìm một luật sư thật giỏi. Trường hợp của anh hết sức nặng. Anh giết người, giết đàn bà chứ không phải đàn ông. Anh nên biết rằng ở Mỹ Châu La Tinh, giết một người đàn bà là phạm tội hết sức nặng, nặng tội gấp nghìn lần giết đàn ông. Bởi vì chúng tôi, chúng tôi yêu mến, chúng tôi thần thánh hóa đàn bà. Và do đó, chúng tôi phải rất cứng rắn đối với những người phạm tội giết đàn bà. Bởi vậy, người phạm tội như anh sẽ đi tìm luật sư tài ba nhất. Luật sư ấy là tôi, vì vậy tôi đã đợi anh.

– Thưa tôi xin phép hỏi luật sư vì sao mà luật sư biết chuyện của tôi? Tai nạn do tôi gây ra vào hồi bốn giờ sáng. Vậy phải có người đến báo cáo cho luật sư biết các chi tiết chứ?

– Tôi là anh em cùng cha khác mẹ với đô đốc Malagamba. Tôi là người đầu tiên bị ông ấy dựng dậy

hồi bốn giờ sáng để kể cho tôi nghe mọi chuyện, để hỏi ý kiến và nhờ tôi bào chữa...

– Vậy té ra luật sư bảo vệ cho Senior Malagamba sao?

– Tôi sẽ bào chữa cho ông ấy lúc cần. Anh em phải bào chữa cho nhau chứ.

– Luật sư đã bào chữa cho ông ấy thì bào chữa cho tôi thế nào được? Lẽ ra luật sư phải cho tôi biết ngay từ đầu mới phải.

– Có ích gì đâu mà phải nói trước cho anh biết.

– Có chứ! Nếu biết vậy tôi sẽ tìm một luật sư khác khỏi mất công ở đây.

– Một luật sư khác? Thành phố này có bảy luật sư, cả bảy người đều đã nhận bào chữa cho đô đốc Malagamba trong trường hợp ông cần đến. Anh phải biết rằng tất cả chúng tôi đều là bà con anh em với Senior Malagamba. Anh có đến luật sư nào rồi cũng thế. Ít nhất, đến đây anh cũng còn được biết sự thật để khỏi mất công chạy quanh. Anh phải cám ơn tôi mới phải.

– Vậy tất cả luật sư của Tòa án Santa Rosa đều là bà con anh em với nhau cả sao?

– Phải.

– Vậy là không ai có thể chống lại Senior Malagamba cả sao? Ông ta là người đã khiêu khích và đưa đến tội ác? Và tôi không có thể nào tìm được một luật sư để bào chữa cho tôi trước quan Tòa cả sao? Chẳng lẽ tôi lại giao công việc bào chữa cho phe thù nghịch với tôi sao?

– Đúng như vậy. Anh nên bỏ cái ý định nhờ bào chữa đi. Ai lại nhờ một luật sư bà con với kẻ bị

anh tố cáo là người khiêu khích và đưa đến tội ác! Có phải anh định tố cáo đô đốc tội ấy không?

– Thưa đúng như vậy. Ông ta đã đột nhập nhà tôi. Tôi đã bảo vệ vợ tôi. Bảo vệ danh dự của tôi. Cố nhiên, tôi đã không làm được những việc ấy một cách hữu hiệu. Tôi chưa hề biết đến cây súng bao giờ. Chỉ có tối qua tôi mới cầm đến nó lần đầu, cho nên tôi đã lở quớ bắn chết vợ. Nhưng chính vì Senior Malagamba nên mới có chuyện. Tôi phải nói được với quan tòa điều ấy.

– Anh quá ngây thơ. Tôi nói thật cho anh biết rằng chẳng ai có thể tố cáo được Senior Malagamba, anh cũng như người khác. Tôi nói thật cho anh hay rằng chúng tôi, thành phần lãnh đạo nước Cộng hòa La Tinh độc lập, chúng tôi đã thiết lập được quyền uy tại xứ này trong nhiều thế kỷ vừa qua. Nếu như chúng tôi không có những biện pháp tự vệ thì làm sao chúng tôi có thể tồn tại được.

– Vậy ra cái gì cũng thuộc về các ông cả sao? Tòa án cũng của các ông à?

– Chẳng phải chỉ có thế mà thôi đâu, anh Fraga ạ. Chắc anh cũng nhận thấy rằng chúng tôi là những người lịch sự lễ phép, nhưng chúng tôi luôn tỉnh táo. Chúng tôi không muốn làm bất cứ việc gì đưa đến tự diệt. Anh hiểu chứ. Tôi cũng nói cho anh biết rằng ngoài việc tự vệ, chúng tôi cũng muốn thụ hưởng sự giàu sang, địa vị và quyền thế. Chẳng lẽ anh muốn chúng tôi để cho bất kỳ tên cầu bơ cầu bất nào đó mới ở xa đến cũng có thể hạ chúng tôi ngay? Như vậy là phản nhân bản.

– Nếu các ngài muốn thụ hưởng giàu sang địa vị, muốn yên ổn hưởng lạc thú thì Senior Malagamba đừng có ngủ với vợ tôi ngay trong nhà tôi...

– Tạo hóa đã phú cho Senior Malagamba một sinh lực quá dồi dào. Ở đây không ai lạ gì chuyện đó. Ông ấy như một con bò rừng. Tất cả chúng tôi đều biết điều đó. Một khuyết điểm nhỏ như vậy – nếu giàu sinh lực là một khuyết điểm – đâu có đáng để cho Senior Malagamba bị thân bại danh liệt? Mình hãy nói chuyện với nhau đứng đắn đi. Ở đây không ai cho phép anh lôi đồ đốc xuống bùn chỉ vì ông ấy có một sinh lực thiên phú quá dồi dào, vì như vậy quả là một sự bất công ghê gớm. Chúng tôi không thể để cho một tên vô danh tiểu tốt từ châu Âu sang kiếm cơm để sống, bôi nhọ Senior Malagamba, và bôi nhọ đời sống của chúng tôi. Chúng tôi mở cửa cho dân chúng ở vùng khác di cư tới đây kiếm ăn, nhưng họ đừng có làm quá. Chúng tôi có làm hại gì đến ai đâu.

– Senior Malagamba vào nhà tôi lúc tôi đi vắng và cưỡng bách vợ tôi, vậy mà luật sư bảo rằng không làm làm hại đến ai hết?

– Tôi xin lỗi anh. Senior Malagamba, chỉ làm bổn phận của một con người lịch sự, đáp ứng lời mời của vợ anh. Ông ta đã đáp ứng lời mời, nhân danh một nhân vật hào hoa bay bướm. Làm sao ông ta từ chối được lời mời? Ông ta không dùng bạo lực để đột nhập vào nhà anh và không cưỡng bức vợ anh. Trái lại, chính vợ anh...

– Nếu vợ tôi mở cửa cho Senior Malagamba vào chăng nữa, thì cũng chỉ vì nàng quá sợ, quá hèn nhát. Tôi biết trên lục địa Nam Mỹ này, chính các ông đã thủ tiêu nhân tính của con người, thủ tiêu luôn đạo lý. Ở đây, không có ai dám chống lại giới thượng lưu quý phái, dù chỉ chống trong giấc mơ. Giới thượng lưu muốn gì là mọi người phải dâng cúng ngay, dâng

cúng tất cả những gì mà họ có, mồ hôi và sức lao động, vợ và con gái. Dâng cúng xong, họ còn hôn tay ngài quý tộc để bày tỏ sự tri ân. Tôi xin nói thẳng là các ông đã làm lệch bản tính con người đến mức mà mọi người đều thấy sung sướng khi bị bóc lột và bị làm nhục. Mọi người ở đây đã thần thánh hóa những ngài độc tài, những tên đao phủ giết họ. Điều này tôi có biết. Tôi cũng công nhận là người con gái bị hiếp dâm cũng có thể quỳ xuống hôn tay người đã hiếp cô ta. Tôi cũng đồng ý với luật sư rằng vợ tôi cũng có thể mở cửa cho Senior Malagamba vào. Nhưng không thể vì vậy mà Senior Malagamba lại không có tội. Tình trạng này cũng không có thể kéo dài được nữa đâu. Thiên Chúa không thể chịu đựng lâu dài tình trạng con cái của Người được tạo theo hình ảnh của Người phải sống mãi mãi trong tình trạng bị ô nhục như ở châu Mỹ La Tinh này. Một ngày nào đó công lý sẽ được chiếu sáng trên nền lục địa này.

— Nhưng công lý đã ngự tại đây rồi còn gì nữa. Chúng tôi hết sức công bằng. Tất cả mọi công dân bất kỳ thuộc thành phần nào, thượng lưu quí tộc cũng như bọn Descamisados, bọn cùng khổ, đều bằng lòng về số phận của mình và đều bảo thủ. Chẳng có ai muốn thay đổi gì hết ở đây. Điều này chứng tỏ rằng tất cả đều tốt đẹp, rằng thế giới này là thế giới đẹp nhất. Ở đây, chỉ có những kẻ ở ngoài tới mới đòi thay đổi nhất là dân di cư. Có thể dân di cư đều bị chủ nghĩa cộng sản đầu độc, nhưng chúng tôi không trách họ. Chúng tôi biết họ đều là những Desesperados, những con người tuyệt vọng. Và chúng tôi tin chắc rằng ở đây chúng tôi có một xã hội công bằng nhất so với bất kỳ xã hội nào trên trái đất.

Bằng chứng là lục địa này có một số lượng tín đồ Thiên Chúa đông đảo hơn cả. Giáo hội Thiên Chúa của chúng tôi là giáo hội lớn nhất hoàn cầu. Tố cáo xã hội của chúng tôi bất công cũng chẳng khác gì tố cáo đức Thánh Cha Giáo Hoàng bất công, tố cáo Đức Kitô bất công. Như thế thì quá lắm !

– Tôi sẽ đến xin nhà thờ bảo vệ, tôi sẽ đến yết kiến đức Tổng Giám Mục Santa Rosa.

– Đức Tổng Giám Mục là một bậc thánh. Nhưng ngài cũng là anh em cùng cha khác mẹ với Senior Malagamba... Ông thân sinh ra chúng tôi cũng giống như đô đốc Malagamba vậy. Ngài có chín đứa con chính thức, mười ba con riêng. Đức Tổng Giám Mục và tôi thuộc về thành phần thứ hai. Nhưng tất cả chúng tôi đều được ngài thừa nhận đàng hoàng, cho ăn học tử tế và chu cấp đầy đủ. Thực là một con người phi thường... Ngài cũng tràn trề sinh lực như một con bò rừng vậy.

Anh đến Đức Tổng Giám Mục làm gì cho mắt công ? Thử hỏi ngài có thể nào lên tiếng chống lại anh ruột của ngài không ? Ngài yêu cha mẹ, yêu anh em gia đình. Yêu anh em là đúng đạo lý chứ ? Luôn tiện tôi cũng cho anh hay luôn rằng, ông thân sinh ra chúng tôi đã dạy dỗ các con để cho một số trở thành luật gia sau này làm tổng trưởng, tổng trấn, một số trở thành các nhà tài chánh ngân hàng. Một số khác sẽ làm tướng lãnh. Số còn lại sẽ là các nhà ngoại giao. Ai ưa tu hành thì làm Giám mục, Tổng giám mục... Nghĩa là ngài đã gần như phân chia các con thành nhiều thành phần chức nghiệp để cho chúng nó bảo vệ nhau hữu hiệu. Bởi vậy, anh chỉ có thiệt khi chống lại Senior Malagamba mà thôi. Vì anh sẽ « đụng » đến quân đội trước hết rồi sau đó là Giáo

hội, Tòa án và luật sư đoàn... Senior Malagamba và gia đình là những gì tôi vừa mới kể ra đó, như vậy cũng chưa phải là hết. Có thể nói Senior Malagamba và gia đình của ông, tất cả chúng tôi, là cả nước này. Tất cả những gì trên trời, trên mặt đất và trong lòng đất đều là của chúng tôi. Năm tới đến lượt Senior Malagamba được cử làm tổng trấn thành phố Santa Rosa này. Anh thử nghĩ xem, chúng tôi có thể nào để cho Senior Malagamba bị lôi ra Tòa để xử về một vụ án sát nhân, một năm trước khi ông ta nhận chức tổng trấn Santa Rosa sao ?

– Vì không muốn cho tên tuổi của Senior Malagamba bị bôi bẩn, các ông mới không cho vụ này ra Tòa chứ gì ? Nghĩa là các ông sẽ dìm vụ này đi chứ gì ? Đem vụ án giết người này ra xử, các ông không thể không nêu ra tên tuổi của đô đốc Malagamba, phải không ? Các ông không muốn xử tôi, nhứt định không xử tôi có phải không ?

– Cũng gần gần như vậy. Anh sẽ không bị đưa ra tòa. Thủ tục tố tụng của xứ sở này cho phép chúng tôi « ngâm tôm » vụ này đến bao giờ cũng được.

– Trong khi chờ tòa xử, các ông cấm không cho tôi về nhà tôi ở, cấm không cho tôi bán quán, các ông cấm các nhà hàng không cho tôi được ăn uống, cấm các khách sạn không cho tôi ở trọ và cấm mọi người chuyện trò với tôi. Các ông muốn cô lập cho tôi chết đói chết khát...

Các ông tưởng như vậy là tôi phải cúi đầu hàng phục các ông sao ? Xin lỗi ông, còn lâu ! Tôi sẽ đi tìm một luật sư ngoại quốc đem về đây, để xin xử ! Tôi sẽ sang Hoa kỳ chẳng hạn, tìm luật sư. Người Hoa kỳ có một ý niệm về công lý rõ ràng.

– Điều anh nói cũng đúng. Quả thực người Hoa kỳ cũng có một ý niệm về công lý và tự do khác với chúng tôi. Nhưng anh còn quên mất điều sau: đối với tất cả những vấn đề gì có liên quan đến Mỹ châu La Tinh, người Hoa kỳ còn bảo thủ hơn chúng tôi nữa, còn phản động hơn chúng tôi nữa. Người Hoa kỳ không muốn Mỹ châu La Tinh thay đổi. Nam Mỹ là một khối thuần nhất trong khuôn khổ của châu Mỹ, mặc dù nó có nhiều nước nho nhỏ. Và nếu có chuyện gì lộn xộn rắc rối xảy ra ở Nam Mỹ thì người Hoa kỳ phải « lãnh » đủ, trước cả chúng tôi. Nam Mỹ chúng tôi là yếu điểm của Hoa kỳ ở Bắc Mỹ. Người Hoa kỳ thừa biết điều đó và biết luôn rằng người ta chỉ có thể đánh gục được Hoa kỳ bằng cách tấn công các nước Cộng hòa Nam Mỹ. Bởi vậy anh đừng hòng nhờ cậy người Hoa kỳ giúp anh ở Nam Mỹ. Họ tiến bộ, tự do và có tinh thần công lý... nhưng chỉ ở quê hương họ mà thôi. Còn đối với những vấn đề Nam Mỹ, người Hoa kỳ còn bảo thủ và phản động hơn cả các vua nước Pháp nữa. Ngay chúng tôi, gia đình Malagamba, chúng tôi cũng không bảo vệ quyền lợi của chính chúng tôi chắc chắn bằng người Hoa kỳ bảo vệ cho chúng tôi. Người Hoa kỳ chính là sức mạnh của chúng tôi. Khi chúng tôi muốn thay đổi một cái gì đó, muốn cho dân vô sản ít tiền, chúng tôi cũng bị người Hoa kỳ cấm. Cho dân nghèo tiền của và tự do tức là đưa họ đến sự nổi loạn. Cho tiền của và tự do cho dân nghèo còn nguy hiểm hơn là cho thuốc nổ. Vì vậy anh không có một chút hy vọng nào nếu anh đi Mỹ để tìm luật sư Hoa kỳ.

– Tôi không nản. Những điều ông vừa mới nói càng làm cho tôi quyết tâm hơn nữa. Thế nào tôi cũng tìm ra một giải pháp, và giành được công lý.

Con người sống trên quả đất có thể chịu đựng tất cả trừ bất công và nô lệ. Người nào chấp nhận bất công và nô lệ không còn là người nữa, mà là con vật. Thưa luật sư, tôi muốn sống và chết như một con người, dù phải chết tức khắc.

– Tôi hỏi Fraga, cuối cùng anh trách chúng tôi chuyện gì? Anh trách chúng tôi vì chúng tôi không bỏ tù anh, không xiềng xích anh hay sao? Anh là một tên sát nhân nhưng chúng tôi vẫn để anh tự do. Có phải vì thế mà anh trách chúng tôi không? Chúng tôi đã phạm một tội bất công ghê gớm là vẫn để anh tự do hay sao?

– Thưa, các ông đâu có để cho tôi được tự do, các ông không bỏ tù tôi nhưng lại ném tôi xuống địa ngục. Các ông muốn giết tôi bằng vũ khí của những người hèn nhát. Các ông muốn giết tôi từ từ, giết tôi bằng thất vọng, bằng lo lắng và cô đơn, bằng sự mệt mỏi, bằng đói khát... Được rồi tôi xin chấp nhận.

– Để một người được tự do bên ngoài đâu phải là một tội ác.

– Thưa, có chứ, Senior! Giữa các nước trên thế giới này, quốc gia phạm trọng tội không phải là quốc gia có nhiều vụ sát nhân mà là nước không chịu xét xử những phạm nhân. Nhân danh công lý tôi yêu cầu phải trừng trị những người đã sát hại Paloma. Người chịu trách nhiệm chính, thủ phạm trong vụ này là Senior Malagamba, mặc dù tôi là người đã bắn.

– Senior Malagamba sẽ không bao giờ bị lôi ra tòa, không bao giờ cả. Anh mất thì giờ vô ích. Sẽ không bao giờ có phiên tòa như anh muốn.

– Thưa, chưa chắc ! Tôi còn sống là tôi còn hy vọng đem vụ này ra tòa. Nếu muốn dập hẳn vụ này đi, chỉ có một cách là các ông cho người ám sát tôi.

– Anh thừa biết rằng chúng tôi không có thói quen sát nhân. Chúng tôi có những vũ khí khác. Nhưng tôi muốn nói thực với anh là chúng tôi chỉ muốn anh đi ra khỏi xứ này mà thôi. Anh đã trở thành một phần tử bất hảo. Anh đã làm cho máu chảy, đã phá rối trật tự và reo rắc hỗn loạn trong xứ sở này. Bây giờ chúng tôi yêu cầu anh ra đi.

– Thưa không. Bây giờ tôi nhất định không đi. Tôi quyết ở lại và chiến đấu tới cùng.

*
* *

32

Ân huệ của nước Cộng Hòa lân bang

Panselin ra bến tàu. Trời vừa tối. Panselin không chịu nổi nữa. Từ lúc ra khỏi nhà luật sư, một đám lỏi con lằng nhằng đi theo chàng. Chừng hai mươi đứa tất cả. Chàng đi đâu, chúng theo tới đó. Chúng không dám lại gần chàng bao giờ, cũng không có đứa nào nói gì hết. Chúng chỉ đi theo và trương mắt ra ngó chàng mà thôi. Panselin dừng, chúng cũng dừng và im lặng đứng ngó. Nhiều lần Panselin đã quay lại lấy đá ném và rượt theo. Chúng bỏ chạy nhưng rồi lại trở lại đi theo chàng. Đi theo đằng xa xa, im lặng để trương mắt ngó chàng. Đôi mắt lớn mở trừng trừng – như sợ hãi, như kinh tởm, thế thôi.

Rượt đuổi không được, Panselin đã nhiều lần ráng sức bỏ rơi đám lỏi tỳ bám riết mình, tựa như lương tâm bị cắn rứt theo đuổi người phạm tội. Theo đuổi khắp nơi, không rời một giây, một phút, nhưng chàng thất bại, không bỏ rơi được chúng. Cuối cùng chàng phải đầu hàng.

Cả ngày hôm nay, Panselin đã ráng kiếm một chỗ ăn. Nhưng mọi hàng quán đều không chịu bán cho

chàng. Chàng vừa vào một quán hay một hiệu bánh, một cửa hàng thực phẩm là tụi lỏi con đã đứng phía ngoài nhìn vào. Thế là chàng lại phải đi ra tay không. Dân buôn bán ở Santa Rosa đã quyết định để cho Panselin chết đói, chết khát. Không một lữ quán nào, từ sang đến tồi, chịu cho chàng thuê phòng. Panselin cũng trở về nhà chàng mấy lần nhưng đều không được vào. Đến nhà xác xem mặt vợ cũng bị cấm cửa. Cả ngày Panselin chỉ chạy quanh. Đến tòa Giám Mục. Đến các tòa soạn báo chí, nhà bạn bè. Không một ai tiếp chàng hết. Họ quá sợ Malagamba. Mà Malagamba đã ra lệnh cho mọi người phải tẩy chay cho Panselin chết đói chết khát, chết bờ chết bụi!

Dân chúng Santa Rosa bỏ cả công ăn việc làm để theo dõi Panselin, như theo dõi con bò rừng lồng lộn trên đấu trường. Quả thực Panselin đã quay cuồng trong thành phố Santa Rosa như một con bò rừng mù đang lồng lộn tìm người đấu bò ẩn mặt.

Xế chiều, Panselin đến ty cảnh sát. Người lính gác như đợi sẵn chàng đến với câu trả lời có sẵn:

— Ông trưởng ty dặn ông đợi lệnh triệu tập rồi hãy đến. Chưa có lệnh, ông không được phép đến đây.

Panselin đành bỏ đi. Tìm đến nhà luật sư, người duy nhứt đã mở cửa cho chàng vào, kéo ghế mời chàng ngồi. Lần này, luật sư không tiếp chàng nữa và cho người thư ký ra nói:

— Senior trạng sư về nhà nghỉ mát ở dưới quê. Có gì, mười ngày nữa hãy trở lại.

Panselin biết mình thua rồi và đành chịu đầu hàng. Một người chống sao nổi cả một dân tộc? Chàng định bỏ đi, chạy sang nước Cộng hòa lân bang, thuê một luật sư ở bên ấy, để nếu có thể được, buộc Tòa xử

ngỏ hầu báo thù cho cô vợ yêu thương. Nếu thất bại, cũng nhờ ông luật sư thanh toán ngôi quán, ngôi nhà ở quê và mọi thứ của cải khác chuyển sang nước Cộng hòa bên cạnh để lập lại cuộc đời.

Đấy là chương trình dài hạn của Panselin. Còn bây giờ chàng chỉ muốn có một điều: đi khỏi nơi đây! Thoát khỏi đám nhóc con đeo chàng lẳng nhẳng, thoát khỏi hàng ngàn con mắt theo dõi, rình rập chàng. Tìm một Bodega để ăn uống và một cái giường để ngã lưng xuống đánh một giấc. Chàng đã kiệt sức rồi, kiệt hoàn toàn. Những gì vừa xảy ra như một cơn ác mộng, như một giấc mơ phải «lãnh» lúc tỉnh. Nhiều lần Panselin đã bịt lấy mắt, bưng tai, rồi phóng xa chạy như bị ma đuổi. Chạy cho đến khi hai chân mỏi nhừ, chàng mới dừng lại... Sau chàng chừng mười thước, đám lỏi tỳ vẫn lặng lẽ đưa mắt ngó chàng. Chưa bao giờ, có một hình ảnh có một sức đe dọa ghê sợ đến như vậy. Chưa bao giờ sự đe dọa lại dán chặt vào da thịt chàng không hở một phút, độc địa đến như vậy, đối với Panselin!

Panselin chạy ra bến tàu. Không có tiền trong túi nhưng chàng vẫn xông vô phòng bán vé... Chàng muốn trốn khỏi địa ngục La Tinh. Chàng nói với người bán vé:

— Thưa, tôi muốn đi chuyến tàu sắp chạy kia sang nước bên cạnh. Tôi không có tiền mặt để mua vé. Senior có thể cho tôi thế đồng hồ này không? Chậm nhứt là chiều mai là tôi sẽ trả tiền một vé khứ hồi.

— Senior khỏi lo vụ tiền bạc. Luật sư của Senior đã mua vé và giữ chỗ cho Senior rồi... Chúng tôi đang đợi Senior đây.

Panselin ngạc nhiên:

– Tôi có luật sư nào đâu? Vả chăng người ta làm sao biết được tôi muốn sang nước Cộng hòa bên kia? Chính tôi, trước đây một giờ, cũng chưa biết mà.

– Xin thứ cho lỗi hơi tò mò của tôi. Sáng nay Senior có đến văn phòng luật sư. Chính ông luật sư đã điện thoại cho chúng tôi ngay, sau khi Senior sẽ phải xuất ngoại sang nước Cộng hòa bạn vì công việc. Ông ta cũng nghĩ rằng Senior quá bận rộn cho nên phải giữ sẵn chỗ Senior cho chắc ăn. Ông chu đáo với Senior đấy chứ? Ông còn nói rằng Senior đang buồn ghê gớm và chắc chắn Senior không có tiền trong người.

– Thưa bao giờ có chuyến nữa?

– Thưa, mười phút nữa. Nhưng ông luật sư của Senior đã giữ chỗ cho Senior chuyến sau kia, nửa giờ nữa mới chạy. Ông còn giữ cho Senior một bàn ăn và một «ca bin» để nghỉ... Vì ông bảo rằng chắc chắn Senior mệt đến ngất người khi ra đến bến tàu.

Nghe nói như vậy, Panselin biết ngay là người ta đã giăng ra một cái bẫy để chờ chàng chui vào. Biết vậy nhưng Panselin không biết bẫy này như thế nào nữa. Chàng không suy nghĩ gì được cả vì quá mệt.

Đặt mình xuống trên cái ghế dài trên bến tàu, Panselin nhìn ra mặt nước bát ngát của cái hồ lớn như biển ngăn cách hai nước cộng hòa láng giềng. Tàu đò qua lại giữa hai nước chạy chậm rì rì. Nó chạy mất bảy giờ mới đi từ đây đến bến tàu nước lân bang. Nghĩa là đến mờ sáng hôm sau, Panselin mới đến bến tàu nước kia. Tuy đang tính nhầm thời gian. Panselin vẫn «ngửi» được âm mưu của kẻ thù và biết mình sẽ rơi vào bẫy của họ. Nhưng chàng mệt quá độ, không đủ sức để tính toán tránh né. Hai mắt

chàng díu lại, chàng sắp lăn ra ngủ. Nhưng Panselin vẫn gắng nghĩ đến người vợ không cưới xin mới chết, chết vì tay chàng đêm qua. Chàng có cảm tưởng như chuyện xảy ra lâu lắm rồi... Lần lượt ký ức đưa chàng về quán Mảnh Trăng với hình ảnh Kyria Filothéa thoáng hiện rồi biến đi nhường chỗ cho chuyến xe lửa nhỏ đâm xuống thác và cuối cùng hình ảnh chàng thanh niên Raphael Fraga, được phép di cư sang Nam Mỹ, người đã cho chàng tên họ và cuộc đời.

... Rồi Panselin đi vào giấc ngủ sau câu kinh « Xi Chúa đẩy sóng gió đi xa con ».

Đang mơ màng, Panselin bỗng nghe có tiếng gọi:

— Senior Fraga, dậy đi! Tàu sắp chạy rồi đó.

Người gọi chàng là nhân viên phát vé lên tàu. Y dẫn chàng đến tận cầu tàu, chúc chàng thượng lộ bình an.

Tàu đò « Titicaca » đã rời bến. Panselin khát khô cả cổ nên uống cả chục chai Cervez (la-de) rồi mới ăn trước khi về « ca bin » hạng nhất, do ông luật sư anh em cùng cha khác mẹ với Malagamba giữ sẵn cho chàng — đánh một giấc dài.

Sáng hôm sau tàu đã đến bến của nước Cộng hòa láng giềng với nước Cộng hòa La Tinh đã cho Panselin nhập tịch. Được đánh thức dậy lúc trời vừa sáng, Panselin nôn nóng xuống tàu trước hết. Chàng muốn lên bờ gấp, nhưng cảnh sát viên của nước Cộng hòa lân bang nhã nhặn chận Panselin lại và hỏi:

— Cảm phiền Senior cho coi giấy tờ!

Panselin đưa thông hành ra trình, yên trí vì thông hành hợp lệ. Vả lại, sự chuyển dịch của hành khách và hàng hóa giữa hai nước láng giềng rất dễ dàng, không có gì khó khăn, phiền phức.

– Senior Fraga, chúng tôi rất tiếc không thể để cho Senior vào lãnh thổ chúng tôi.

– Vì sao vậy?

Sức khỏe của Panselin đã phục hồi. Chàng đã sẵn sàng chiến đấu...

– Xin nói thật... Senior bị coi là thành phần bất hảo.

– Thành phần bất hảo sao? Vì những lý do gì mà tôi bị liệt vào thành phần bất hảo?

– Xin Senior cứ đọc xem tài liệu này. Thông tư của phủ thủ tướng bổn quốc: «Từ chối không để cho Senior Raphael Fraga nhập cảng nước cộng hòa... vì đương sự đang bị cơ quan cảnh sát nước cộng hòa lân bang ra lệnh truy nã vì tội sát nhân...».

– Nếu bị truy nã vì tội sát nhân thực sự thì tôi lên tàu thế nào được? Đây là một sự nhầm lẫn. Tôi sang đây chỉ tìm một luật sư rồi về. Tôi đâu có muốn trốn đi đâu, trái lại hẳn. Các ông điều tra chắc biết.

– Thưa vấn đề này không có liên quan gì với chúng tôi cả. Chúng tôi rất tiếc nhưng không thể giúp gì cho Senior. Chúng tôi được lệnh không để cho Senior nhập cảnh và phải chấp hành thượng lệnh.

Panselin biết là có nói gì, làm gì cũng bằng thừa. Chàng nhường chỗ cho các hành khách xuống rồi mới hỏi các cảnh sát viên kia:

– Tôi có thể gọi điện thoại từ nơi đây cho một luật sư không?

– Máy điện thoại ở trên lãnh thổ quốc gia mà chúng tôi lại được lệnh không để cho Senior đặt chân lên... đất nước chúng tôi...

Không làm sao được. Panselin đành quay lên tàu trở lại và đến gõ cửa phòng thuyền trưởng. Chàng được tiếp ngay, khỏi phải đợi một phút nào hết. Thuyền trưởng tỏ ra thông cảm với chàng :

– Ồ ! Đây là một sự hiểu lầm mà thôi, Senior Fraga. Bây giờ Senior hãy trở về để thu xếp mọi việc đi. Chiều mai, Senior lại đi tàu tôi cũng được mà, có sao đâu? Tôi biết thủ tục và nguyên tắc hành chánh vừa « rùa » vừa rắc rối ; mấy cha biên phòng lại càng « hách » hơn ai hết. Senior lại lạ gì thủ tục với nguyên tắc hành chính nữa. Tranh hơi với họ làm gì !

Mời Senior uống với tôi một ly « cà phê ».

– Cảm ơn thuyền trưởng quá. Tôi thành thật ghi ơn thuyền trưởng đã trấn an, khuyến khích tôi. Thưa bao giờ mình nhổ neo nhỉ ?

– Hai giờ rưỡi nữa. Bây giờ tôi tưởng Senior nên đi nghỉ cho khỏe rồi ăn một bữa cơm ngon. Chiều nay tàu lại đến nước ông rồi. Mọi việc sẽ được dàn xếp cho ông xem... Nếu Senior cần gì xin đừng ngần ngại gọi tôi. Chúng tôi vừa được biết những tai nạn của Senior, chúng tôi thấy có bổn phận phải giúp đỡ Senior như mọi người văn minh và mọi người giữ đạo Thiên Chúa.

Panselin trở về « cabin » nghỉ. Tắm rửa qua loa rồi xuống ăn sáng với những hành khách mới. Suốt cả ngày, Panselin không muốn nghĩ gì hết vì chàng không đoán ra ý định của kẻ thù. Tại sao luật sư Malagamba, em một kẻ thù của chàng, lại mua vé tàu cho chàng trong khi lão biết rằng chàng đã bị nước làn bang cấm nhập cảnh.

Để cho Panselin biết rằng chàng là tù nhân của họ chăng? Hay chỉ vì đầu óc cuồng loạn của họ? Dù

vì lý do gì đi nữa, họ cũng đã lầm. Chuyến đi này đã đem lại cho Panselin ý chí chiến đấu bị suy giảm mạnh mẽ sau một ngày trời quay cuồng ở Santa Rosa. Nhờ chuyến đi này, Panselin mới biết rằng chàng là một du dân chân chính, nghĩa là một người hồn nhiên có thể quên mọi đau khổ khi có một trò giải trí mới mẻ. Panselin không thể hiểu được kẻ thù của chàng bày ra âm mưu gì để hại chàng nữa. Mọi người chỉ có thể đoán ra âm mưu của những người cùng một giống nòi, một thành phần văn hóa mà thôi. Bởi vì những người cùng giống nòi, văn hóa cùng suy luận như nhau. Cố nhiên, trong việc sắp đặt âm mưu giăng bẫy v.v... có người suy luận vững, hiểu biết nhiều, có người suy luận hiểu biết kém. Nhưng cách suy nghĩ của họ với ta chỉ là một, tương tự với nhau. Ngược lại, những ý nghĩ, cách suy luận và phản ứng của những người xa lạ thuộc về một nền văn minh khác biệt với chúng ta, là những điều ta không thể nào nắm được. Người dân của một lục địa xa lạ cũng giống như một cuốn sách viết bằng một sinh ngữ lạ. Người ấy có đứng trước mặt, ta cũng không hiểu được y nghĩ gì, y sẽ hành động ra sao... Panselin biết là kẻ thù đang giăng bẫy để hại chàng, nhưng chàng không hiểu được ý định của họ. Panselin uống thực nhiều... để khỏi phải nghĩ đến bẫy của kẻ thù. Uống nhiều, giấc ngủ của chàng nặng như chì... Sáng hôm sau, bồi tàu đánh thức chàng dậy.

Panselin nhảy lên « bong » tàu. Râu mép mọc lởm chởm vì quên mang theo đồ cạo mặt. Cũng như lần trước, Panselin hăm hở chen lấn để xuống bến trước hết. Vừa đặt chân lên cầu thang, Panselin thấy viên thuyền trưởng đang vẫy tay gọi chàng. Panselin đành quay lại. Thuyền trưởng nói với chàng :

– Xin mời Senior vào phòng tôi một chút. Có việc liên quan đến Senior đây!

Panselin theo vào phòng. Thuyền trưởng rút ra một bức điện tín đưa cho Panselin:

– Tôi vừa nhận bức điện tín cách đây 10 phút. Senior xem đi.

«... Tiếp theo thông tư ngày hôm qua cấm Senior Raphael Fraga đặt chân lên lãnh thổ quốc gia chúng ta vì đương sự bị nước láng giềng coi là thành phần bất hảo và ra lệnh truy nã.

Hôm nay, phủ thủ tướng thông tri cho thuyền trưởng «Titicaca» biết để tuân hành điều sau:

«Senior Raphael Fraga, ngoại nhân có mặt trên một chiếc tàu mang quốc kỳ nước chúng ta, phải được đối xử đàng hoàng đúng với chánh sách đối xử với người nước ngoài tỵ nạn. Thuyền trưởng không được phép giao đương sự cho cảnh sát nước láng giềng nếu không có lệnh của cơ quan tư pháp quốc gia. Chẳng những thế mà thôi, thuyền trưởng phải đãi ngộ Senior Raphael Fraga đúng với chánh khách dành cho dân tỵ nạn»

Panselin ngơ ngác:

– Vậy là tàu này của nước khác, không phải tàu của nước tôi sao?

– Đúng rồi, tàu nầy không phải là tàu của nước ông đâu, Senior ạ.

Panselin hiểu vì sao lão luật sư lại dành cho chàng chỗ trên tàu này. Lão muốn chàng lên tàu một nước khác vì khi đặt chân lên tàu này, đương nhiên chàng đã rời khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa La Tinh độc lập, Panselin nói với thuyền trưởng:

– Mọi công dân có thể về nước. Tôi muốn trở về trình diện các ông tòa đang truy tầm tôi.

– Cố nhiên, Senior có thể xuống bến. Nhưng đặt chân ra khỏi tàu này, Senior bị bắt ngay tức khắc.

– Tôi muốn bị bắt mà. Chỉ có cách ấy tôi mới đưa được vụ án vợ tôi chết ra ánh sáng mà thôi. Thuyền trưởng không ngăn cản tôi được. Ông đã không cấm tôi lên tàu. Vậy có lẽ nào ông lại cấm tôi xuống?

– Khi đặt chân lên tàu, Senior là một công dân tự do của nước ông. Nhưng mấy giờ trước đây Senior đã thành một tên sát nhân bị truy nã và sẽ bị câu lưu nếu xuống bến. Vì Senior ở trên tàu này, chúng tôi không thể giao Senior cho chánh quyền, nếu không có lệnh của Tòa án nước chúng tôi. Đây là qui ước quốc tế dành cho dân tỵ nạn. Có thể Senior là người ngay, bị hàm oan. Chính phủ nước chúng tôi phải xét trước khi giao Senior cho quý quốc. Qui ước quốc tế bắt buộc cơ quan tư pháp nước chúng tôi phải xét kỹ hồ sơ của Senior trước khi trục xuất. Nghĩa là, lúc này Senior – đang ở trên con tàu ngoại quốc – chỉ có thể rời tàu để về nước, nếu có một nghị định trục xuất...

Trên bến, trưởng ty cảnh sát Santa Rosa và mấy người phụ tá vênh mặt lên nhìn Panselin. Họ đã tống cổ được Panselin đi một cách hợp pháp.

– Vậy tôi phải làm gì bây giờ?

Thuyền trưởng:

– Senior phải ở lại tàu này.

– Rồi tôi phải lên bến bên quý quốc hay sao?

– Tôi rất tiếc phải nói với Senior rằng không phải như vậy. Lúc nãy, Senior đã được xem văn thư của

nước chúng tôi nói rằng Senior bị coi là thuộc thành phần bất hảo.

– Tàu « Titicaca » của thuyền trưởng chỉ qua lại hai bến thuộc quý quốc và nước tôi mà thôi. Nó không đi đến một nơi khác cho tôi xuống. Bên quý quốc chánh phủ quý quốc không cho tôi đặt chân đến và cũng không giao tôi cho chánh phủ nước tôi một khi tôi đang ở dưới sự bảo vệ của quốc kỳ quý quốc. Có phải vậy không ạ?

– Thưa hoàn toàn đúng.

– Cả hai đều không cho tôi đặt chân lên. Tàu này chỉ cập hai bến ấy mà thôi. Vậy là tôi chỉ có thể ở lại tàu này mà thôi chứ gì?

– Phải. Chỉ có một giải pháp cho Senior : ở lại trên tàu này. Và chờ...

– Chờ gì, thưa thuyền trưởng? Chính thuyền trưởng nói rằng tôi không được phép xuống bến nào hết. Tôi cũng không có thể ở lại trên tàu suốt cả đời. Ở đến lúc thuyền trưởng phải ném tôi xuống hồ hay sao?

– Không ai nghĩ đến chuyện ấy cả, Senior cứ yên trí đi.

– Không biết tôi phải giam lỏng trên con tàu này giữa trời và nước vùng nhiệt đới Nam Mỹ, không được đặt chân xuống đâu hết... đến bao giờ?

Thuyền trưởng :

– Senior hỏi quá nhiều. Tôi không biết gì về vụ này nhiều hơn Senior đâu!

Tàu « Titicaca » lại rời bến, với những hành khách mới. Và với Panselin « người khách cả đời ». Thủy thủ

và thuyền trưởng lên xuống tùy thích và sẽ rời con tàu Titicaca, lúc về hưu. Còn Panselin không có cái quyền ấy. Chàng phải ở lại làm hành khách đến mãn đời trên tàu Titicaca. Thiểu số cầm quyền đã loại được Panselin mà không cần phải giết chàng. Họ đã đưa được Panselin trên một con tàu rồi cúp ngang quyền được rời tàu xuống bến của chàng. Để dẹp luôn vụ án giết chết Paloma, bởi vụ án có thể đốt cháy tương lai chính trị của đô đốc Malagamba, tổng trấn tương lai của thành phố Santa Rosa, vì những rắc rối do nó đem đến. Vụ án cũng có thể đem đến những đổi thay nơi địa ngục La Tinh ở Nam Mỹ, một địa ngục đầy ắp chuối đường và ánh sáng mặt trời.

Loại được Panselin là giữ cho vùng nhiệt đới yên ổn như cũ, chẳng có gì thay đổi. Địa ngục nhất định và bắt buộc phải đứng yên, vĩnh viễn không có đổi thay. Và không có lối thoát. Địa ngục không thể đổi thay, tiến bộ. Không thể có cách mạng. Địa ngục Nam Mỹ là thiên đường của thiểu số quý tộc, bởi vì địa ngục là thiên đường của Ác quỷ.

*
* *

33

Những tên con buôn nước biển, gió và khí trời.

Thế là Panselin bị cầm chân đến hai ngày liền trên tàu Titicaca. Con tàu đã đi về bốn lượt giữa hai xứ láng giềng Nam Mỹ độc lập. Nhiều lần chàng đã tìm cách lên bờ – lên xứ nào cũng được, mà không xong. Chàng đâm hoảng, sợ kẹt luôn, chẳng còn cơ hội thoát thân khỏi cái nhà tù nổi này. Ban đêm chàng nằm mơ thấy bị cột vào miền nhiệt đới, bị treo cổ ở miền nhiệt đới bằng một sợi dây lơ lửng từ trên Trời thả xuống. Trong những cơn ảo mộng, miền nhiệt đới biến thành một thứ xiềng xích lửa, cột chặt chàng vào miền hỏa ngục của những gốc gồi, những bụi mía, bụi chuối. Đôi lần đi trên boong tàu, chàng toan nhảy đại xuống nước, bơi vô bờ. Nhưng dù có bơi vô được thì cũng đến trở thành tù nhân của một trong hai xứ cộng hòa ở ven hồ. Thỉnh thoảng Panselin đã gạ bắt chuyện với du khách nhưng lần nào cũng bị chú bồi bàn rất lễ phép cho hay chớ có chuyện trò với họ. Người ta không cấm mà chỉ yêu cầu đừng trò chuyện thôi. Cấm hay yêu cầu cũng thế! Khoảng hai giờ, vị thuyền trưởng chiếc Titicaca mời chàng lên ca-bin của ông ta uống rượu khai vị. Ông ta nói :

– Tôi nhận thấy Senior mất bình tĩnh và mất ngủ. Tôi muốn làm một cái gì cho Senior. Vậy cơm chiều xong sang ca-bin tôi đánh bài chơi.

– Ông dư biết tôi làm gì có tiền.

– Thì ta đánh bài ăn mấy món đồ nho nhỏ, như hồi còn đi học. Đánh cho tiêu thì giờ ấy mà.

Sau bữa cơm chiều Panselin lên ca-bin thuyền trưởng đánh bài. Chàng đã sợ bị tay đi biển này lột hết đồng hồ, viết máy đến chiếc ví tiền. Nhưng thuyền trưởng không có ý định lột đồ của ông khách có mặt trên tàu. Ông ta đặt gói thuốc hút dỡ lên bàn :

– Tôi đặt gói thuốc !

– Còn tôi... chiếc ví rỗng này được không ?

Hai người vui vẻ cười giỡn, ăn qua ăn lại. Mang cả ca vát, nút măng sết ra đặt. Để giỡn chơi mà ! Bỗng ông thuyền trưởng lên tiếng :

– Tôi đặt một vé số Tombola chợ phiên quân đội. Họ ép mua đấy. Cũng có nhiều lô trúng khá ra phết : con gấu nhồi bông, mấy chai rượu chát, vài bộ đồ trà... Chịu không bạn ?

– Chịu chớ ! Còn tôi, tôi đặt tấm « cạc » đi ô tô buýt tháng. Mắc kẹt trên tàu này thì « cạc » ô tô buýt mà làm quái gì ?

Mãi nửa đêm hai người mới chia tay nhau về phòng ngủ. Kể ra cũng vui. Đánh bạc cả đêm uống cả chục chai la de thứ nhỏ mà được thua có bao nhiêu ? Ông thuyền trưởng « ăn » ô tô buýt đô thị Santa Rosa nhưng « thua » lại Panselin tấm vé Tombola của chợ phiên quân lực xứ cộng hòa.

Sáng hôm sau, giữa lúc các du khách lên bờ thì Panselin bị đánh thức dậy đột ngột.

– Senior Fraga, thuyền trưởng kêu ông gấp. Ông lên ngay đi và nhớ mang theo tấm vé Tombola vừa ăn hồi khuya nghe.

Ở ca bin thuyền trưởng có hai người lạ mặt. Nhất định chẳng phải du khách, mà có vẻ nhân viên quan thuế hay cảnh sát. Thuyền trưởng hướng về Panselin nói :

– Xin lỗi Senior Fraga về vụ làm mất giấc ngủ. Nhưng hai vị này có chút chuyện muốn hỏi. Chuyện có liên quan tới Senior.

– Ngài có tấm giấy số Tombola của chợ phiên quân đội?

Nghe hỏi, Panselin tái mặt. Không hiểu lại có chuyện gì nữa đây với tấm giấy số này? Chàng bèn đáp :

– Đúng, tôi có tấm Tombola vừa « ăn bài » của ông thuyền trưởng đây. Quí ông hỏi vậy có ý gì... mà quí ông là ai đã?

Một người lên tiếng :

– Xin Senior cho coi tấm giấy số.

Panselin chìa tấm giấy số ra.

Hai người coi chăm chú và cất tiếng hỏi thuyền trưởng :

– Thưa thuyền trưởng, ngài có xác nhận tấm giấy số này không thuộc về ngài nữa... và từ nay thuộc quyền sở hữu của Senior Raphael Fraga chăng?

– Dĩ nhiên ông ta là người sở hữu tấm vé số, chân chính sở hữu chớ sao?

– Vậy thì thưa Senior, chúng tôi xin hân hoan loan báo là tấm giấy số trúng một lô du lịch. Vâng,

hai tuần lễ nghỉ ngơi bên bờ Hắc hải, ăn ở đại lữ quán, giấy máy bay khứ hồi bao luôn. Xin có lời mừng ngài...

Nói rồi cả hai cùng mở cạc táp lấy ra, nào giấy máy bay, chương trình du lịch, mấy tập sách nhỏ. Vừa vặn một... thư viện bỏ túi. Họ đưa hết cho Panselin :

— Thưa... sẽ lên đường ngay ngày mai, bằng phản lực cơ, từ phi trường nước cộng hòa, kế bên. Ngài khỏi cần chiếu khán. Mọi thủ tục thông hành sẽ hoàn tất ở phi trường nơi ngài tới. Sáng mai chúng tôi sẽ mang xe Hãng lại rước ngài, tận cầu tàu này.

Quá nghi ngờ, Panselin hỏi lại :

— Thưa... Hãng nào?

Thuyền trưởng bèn giải thích :

— Mấy ông này là nhân viên cung cấp cát, nước biển và gió khơi. Nghĩa là Hãng du lịch ấy mà, Senior Fraga. Họ lãnh tổ chức những cuộc du lịch tập thể. Thử nhìn coi, khẩu hiệu của họ in trên mấy cái gạt tàn thuốc kìa : « Hãy thực hiện những ước mơ của quí vị qua các Hãng du lịch. Là những cơ quan chuyên ban ân huệ cho mọi người. Thời đại này, không phải các ông Thánh đi ban ân huệ cho mọi người, mà các Hãng du lịch. Họ đưa quí vị du khách lên phi cơ, như trên những tấm thảm bay vậy. Đưa cả đám một lúc tới tuốt đằng đầu địa cầu, rước vào ngự trong các lữ quán quốc tế, sang như tỷ phú. Du khách lại còn được chăm sóc như con bệnh nhà giàu nữa.

Một ông trong Hãng du lịch lên tiếng nhận xét :

— Hình như Senior Fraga coi bộ không hân hoan đón nhận dịp may này. Ngài có vẻ như suy tư những gì như nghi ngờ... Chúng tôi thông cảm trường hợp quí vị. Những ân sủng bao giờ chẳng làm con người ngỡ ngàng. Xin đảm bảo là Hãng du lịch của chúng tôi

chuyên tổ chức những chuyến du hành tập thể đến mọi nơi trên trái đất này. Hay là ngài không thể tham dự chuyến du hành mà thần tài vừa mang lại? Hay là ngài mắc công chuyện không thể bỏ đi được?

Thuyền trưởng vội nói:

— Đâu có, trái lại là khác. Tôi chẳng vừa giải thích với quý ông sao? Senior Fraga đây đang ở trường hợp «kẹt» vô cùng. Ở trên tàu tôi, nhưng không được phép đặt chân lên bờ cả hai xứ cộng hòa. Lạc quan đến như tôi cũng thấy Senior Fraga chẳng có cách nào rời tàu. Tàu cặp bến nào cũng cấm đặt chân lên bờ thì làm sao mà rời? Vậy mà vớ được ân sủng của quí ông...! Quý ông không đưa ông ấy lên bờ mà lại lên máy bay; không dè khẩu hiệu quảng cáo của quý ông trên mấy cái gạt tàn thuốc lá lại đúng đến thế!

Panselin vẫn ngậm tăm, nghi ngờ. Biết đâu mấy cha độc tài lại chẳng giăng một cái bẫy mới? Nhưng Panselin đâu có quyền lựa chọn, chàng nói:

— Vậy thì sáng mai tôi sẽ đợi các ông trên boong tàu, sẵn sàng đi theo ra phi trường. Thật ra tôi chẳng muốn làm phật lòng các ông. Có điều tôi phải nói là những thứ ân sủng mà quí ông ban cho tôi hẳn do lệnh ông đô đốc Malagamba và đàn em. Họ đã đẩy tôi khỏi thành phố, tống tôi lên tàu này để «cầm chân». Và bây giờ đẩy tôi sang Âu châu để tống xuất khỏi vùng Nam Mỹ, để khỏi phải nhìn thấy tôi nữa mà, để vùng đất của họ, vùng địa ngục của mấy gốc gồi, buội mía, sẽ chẳng có gì thay đổi và bất công sẽ mãi mãi vẫn là bất công. Tuy nhiên tôi vẫn phải chấp nhận, để ra khỏi cái nhà tù nổi này. Thôi! mai ta gặp nhau.

Thuyền trưởng lên tiếng:

– Quý ông mang lại cho Senior những điều tốt lành như vậy, Senior lại có vẻ gay gắt như thế?

– Thuyền trưởng... Thì tấm vé số đó, ông đã nhét vào tay tôi cho họ, như trong chuyện Alexandre Dumas vậy! Nhưng ông dù sao cũng có chút chân tình... nên tôi đâu có trách móc gì? Tôi dư biết nếu không chịu nhận vụ này thì bọn độc tài đâu để ông làm thuyền trưởng, chúng lột nón lột lon của ông ngay. Vả lại, không biết chừng lối thoát này lại hay kia đấy! Xin cám ơn thuyền trưởng!

*
* *

34

Panselin trở về chốn cũ: quán Mảnh Trăng

Sau năm năm vắng mặt, Panselin trở lại quê nhà cùng đám người du lịch. Có ai nhận ra chàng đâu. Bây giờ chàng mang tên Raphael Fraga, với thông hành hợp lệ. Chàng về quê hương nhưng là người ngoại quốc, công dân của một nước cộng hòa độc lập Nam Mỹ. Chẳng ai buồn để ý đến chàng. Ở phi trường cũng như ở trạm kiểm soát, thông hành và hành lý, ở khách sạn cũng như ở ngoài phố. Họ là một nhóm du khách mười tám người. Vị hướng dẫn lên tiếng thay mặt họ, chọn món ăn ở nhà hàng, trả lời cho các ông nhà đoan, cảnh sát.

Panselin thừa biết từ vụ vé số đến hai tuần lễ du lịch châu Âu miễn phí, tất cả đều được bọn họ dựng lên cốt đầy chàng ra khỏi Santa Rosa, cho bọn độc tài khỏi bị mất mặt vì vụ hạ sát cô bé tình nhân của chàng. Thực tế là chàng bị trục xuất.

Viên hướng dẫn trước khi lên đường đã được lệnh bỏ rơi chàng giữa đường, như người ta liệng bỏ một chiếc va ly. Cảnh sát trưởng Santa Rosa đã bảo thẳng với y: «Đi mười tám nhưng về mười bảy nghe chưa?

Cái thằng Raphael Fraga, bỏ lại dọc đường, ở lữ quán, nhà ga hay phi trường nào chẳng được... như một chiếc valy để quên. Nhiệm vụ nặng nề của một hướng dẫn viên là chớ quên du khách cũng như hành lý. Nay làm trái lại thì quá dễ. Vụ này thu xếp cho xong, về không có nó là được».

Kế hoạch của bọn độc tài là vậy, nhưng sự tình lại diễn tiến khác hẳn.

Đặt chân về tới mảnh đất quê hương, Panselin quên hẳn vụ mình mang tên người khác, quốc tịch khác và trở về với tư cách du khách khác. Chàng bỗng trở lại nguyên hình Panselin, con người không phải là một phần của xứ sở mà là xứ sở thu gọn lại. Panselin là du dân, cố nhiên yêu đất nước nhưng không yêu như nông dân, ngày đêm đổ mồ hôi trên luống cày, sống nhờ đất và bám cứng lấy đất không bao giờ rời, Panselin quen sống lối du dân nên yêu đất cũng như yêu mảnh trời mà không bao giờ chiếm làm của riêng, với mối tình không cầu lụy. Với người du dân, đêm đến dừng chân bên vệ đường nằm sấp dán ngực trần trên mặt đất, âu yếm như với người yêu, nhưng sáng mai lại phải ra đi. Giờ đây, chân chàng lại đặt lên đất cũ. Chàng hút thở không khí cũ của mình, sống lại dưới bầu trời cũ. Buổi chiều, trong khi mười bảy người khách khác đi thăm viện bảo tàng, Panselin lại « nhảy » tàu điện ngay trước hí viện quốc gia. Chàng đi ngang qua thành phố, đi ngang qua ty cảnh sát, nơi chàng bị cảnh sát tra tấn dã man vì muốn bắt chàng phải nhận tội giết người mà chàng không phạm. Chàng đi qua khách sạn Đông Phương nơi chàng đã ăn táo tàu ướp sữa, nơi chàng đã vứt tiền qua cửa sổ như một nhà tỷ phú, rất hào hoa, hách dịch. Món táo tàu hấp sữa đối với chàng, đã là một hành vi tuyệt vọng, một cách trốn

khỏi thực tế, một nhu cầu. Trong cuộc đời một người, có những tai ách quá nặng nề, nặng đến độ con người không thể nào giữ thăng bằng được nữa, không thể nào tỉnh táo được nữa. Lúc bấy giờ, nạn nhân sẽ làm ngược lại điều mình phải làm, lảo đảo như một võ sĩ sắp ngã đo ván trên đài. Panselin cảm thấy nhục nhã và hổ thẹn vì hành vi của mình. Chàng tiếc món tiền bỏ ra để ăn món táo tàu ướp sữa đến đứt ruột.

Tàu điện chạy qua ngân hàng quốc gia và các ngân hàng mà chàng đã từng làm việc để trả nợ cho bố và giúp đỡ người gác đêm Thổ Nhĩ Kỳ Ali. Đến ga, Panselin nhìn lại cư xá công nhân hỏa xa, chàng nhớ lại cái mũ kết đỏ giống như vừng hào quang trên đầu, bộ đồng phục và huy hiệu «bánh xe cất cánh bay». Chàng cũng nhớ đến con tàu nhỏ và tai nạn năm nào...

Hình ảnh rực rỡ trong đầu chàng lúc này là hình ảnh của Raphael Fraga, con người mà chàng đang mang tên tuổi, làm chủ số phận và các giấy tờ cần thiết khác. Chàng không ý thức được tầm quan trọng việc làm của chàng: đoạt tên họ một con người. Panselin là du dân nên không coi trọng những nguyên tắc, những quy luật của dân định cư. Vả lại, cũng không phải là chàng tự động bước lên con tàu «cái cối xay gió nhỏ bé của chuyến xe lửa tốc hành Xuyên Đông», con tàu đã chở Raphael Fraga đi sang Nam Mỹ. Chính cảnh sát biên phòng đã đẩy chàng lên trên con tàu ấy, đẩy chàng vào chỗ Fraga. Lúc ấy Panselin có ý nghĩ là sau khi bị tra khảo một cánh oan uổng, cảnh sát đã thưởng cho chàng một chuyến du lịch sang Nam Mỹ cũng phải. Coi như là một sự đền bù những thiệt thòi mà chàng đã chịu.

Xe vượt qua khu chợ, khu Bình Khang, để đến ga cuối khu Mảnh Trăng. Panselin bước xuống. Tim đập

rộn ràng, nhưng không ai nhìn chàng cả. Người ta cho rằng chàng chỉ là một du khách trên tàu điện. Đến khu Mảnh Trăng, Panselin nhìn bao quát cả khu đất rộng đến tận tường Công binh xưởng. Các ổ chuột của đám vi trùng vẫn nhấp nhô lộn xộn như cũ.

Khu ngoại ô nghèo nàn này không hề thay đổi. Đói rách khốn khổ không bao giờ thay đổi, cũng như địa ngục. Nghèo khổ đau đớn và rách rưới là những hình ảnh cuối cùng của địa ngục kéo lê trên đất này.

Đang đi, Panselin bỗng đứng lại. Trước mắt chàng, khu Mảnh Trăng vừa có một cái nghĩa địa mới toanh. Nghĩa địa này rộng mênh mông, tiếp giáp với hàng rào dây thép gai của Công binh xưởng, xung quanh cũng có hàng rào dây kẽm gai kín mít.

Khu Mảnh Trăng chưa có điện và nước máy. Cũng chưa làm đường phố vỉa hè. Hẳn không phải là những công việc cấp bách, cần thiết bằng có một nghĩa trang thực rộng. Trong khu phố ổ chuột của đám vi trùng, nghĩa trang còn cần hơn cả tòa thị chính, ty cảnh sát.

Đám vi trùng chết liên tục, không ngừng, ngay khi còn bé. Panselin nghĩ và không khỏi khâm phục các nhà chức trách đã phân phối công quỹ một cách thực hợp lý. Hội đồng thành phố đã chia đúng cho các khu phố đủ ngân khoản để làm những công việc cần thiết nhất. Thí dụ như khu phố ở chính giữa thành phố cần phải có những công viên đẹp đẽ, những bức tượng điêu khắc và những dãy đèn chạm trổ thực đẹp. Các khu biệt thự lại cần bể tắm. Những khu phố tư sản cần phải có các ngân hàng, các nhà kho và một viện âm nhạc. Những khu phố thợ thuyền cần có nhà thương và các cơ quan cứu tế xã hội. Trong khi ấy, các khu phố ổ chuột lại cần nghĩa trang như

Khu Mảnh Trăng này. Panselin lại gần nghĩa trang và quan sát. Chàng mỉm cười buồn bã vì thấy rằng đám vi trùng thực là náo nức chiếm chỗ trong nghĩa trang. Một phần lớn nghĩa trang đã có người chiếm ngụ, tranh nhau chiếm ngụ.

Panselin lại gần quán Mảnh Trăng, trong bụng phập phồng lo ngại. Chàng đứng xa nhìn, nhưng không vào. Từ khi bị bắt, chàng nhận được tin tức của vợ có hai lần mà thôi. Lần đầu là lần Kyria Filothéa đưa đơn xin ly dị, lần thứ hai là lần tai nạn xảy ra. Chàng biết chính phủ đã cấp cho nàng một khoản trợ cấp. Lúc bấy giờ các báo cũng có đăng tin là Filothéa đóng cửa quán mấy ngày để chịu tang và nàng còn muốn xin đi theo đoàn tìm xác chàng. Panselin lấy làm bằng lòng vì Filothéa đã nhận được trợ cấp. Khi còn sống chàng không cho vợ một đồng xu nào hết, nhưng lúc chết rồi chàng lại có tiền để cho. Có những người hào hiệp lúc còn sống nhưng cũng có những người chết rồi mới tỏ ra hào hiệp, Panselin thuộc vào loại thứ hai. Chàng biết chắc rằng Kyria Filothéa và ông bố sẽ sung sướng đến cực độ khi được nhận một khoản tiền trợ cấp, nhờ cái chết, cũng coi như là của chàng. Hai cha con vợ chàng đã yêu tiền bạc một cách say mê, coi tiền bạc như là một người sống, đại khái như cảnh sát trưởng hay ông tổng trưởng vậy. Với Kyria, nếu trên bàn có một tấm ngân phiếu, nàng sẽ không coi là ngồi một mình. Kyr Christaki cũng thế. Càng có nhiều tiền, lão lại càng có cảm tưởng xung quanh lão có nhiều người. Kyr Christaki đã mơ ước được như những người đi làm, hằng tháng lãnh lương vào ngày nhất định. Nhờ Panselin, hai cha con lão cũng đã được lãnh tiền hàng tháng như công chức vậy.

Đang nghĩ về Kyria, bỗng nhiên Panselin sực nhớ đến Paloma, người con gái nghèo miền Nam Mỹ, thành phần Descamisada – người không có áo – của chàng. Paloma đã chết vì tay chàng.

Paloma và Kyria quả là hai thái cực. Khác nhau và ngược với nhau hoàn toàn. Về thể xác. Kyria chỉ gồm có những đường thẳng và những góc, trông giống như những ngôi nhà theo kiến trúc gô tích. Trái lại Paloma có một thân mình gồm toàn những đường cong, không có qua một đường thẳng nào, một góc nào. Kyria là giòng dõi những tên đạo tặc xứ Pinde, sống như những con ốc, ngược giòng, luôn luôn chiến đấu và chuyển động. Paloma, trái lại, không hề muốn cử động, nàng chỉ cử động khi bị người khác thúc đẩy. Nàng không hề chọn lựa gì hết. Những người khác chọn giùm nàng, như tất cả mọi người trong các xứ Cộng hòa độc lập Nam Mỹ, vì vậy xa cách hình ảnh Chúa hơn cả. Thượng Đế đã tạo nên con người theo hình ảnh của Người, hình ảnh mà chỉ Thượng Đế, Thiên Thần và loài người có. Mất đi tự do là con người đánh mất tất cả hình ảnh giống Thượng Đế. Mất tự do, không còn được tự do lựa chọn, con người chẳng thể ác mà cũng chẳng thể thiện. Không còn tự do thì không còn làm người nữa. Đức thánh Phaolô chẳng từng thét lớn: « Chúa đã giải phóng chúng ta vì Người đã muốn chúng ta được tự do ». Đám dân khốn cùng miền Nam Mỹ đã chối bỏ quyền con người, quyền mang hình ảnh Thượng Đế và giao trọn tự do của họ vào tay bọn độc tài. Họ không thể là người nữa, mà là cây là đá. Họ hết lựa chọn, dù thiện hay ác. Vì vậy dù là người tình của Panselin, nàng Paloma cũng đã mở cửa ra cho ông tướng Malagamba. Nàng có yêu đâu. Nàng phải vâng lời. Nàng cũng chẳng cho việc

ngủ với người đàn ông khác là lường gạt ái tình. Khi giật khẩu súng khỏi tay Panselin và cũng vì vậy mà mất mạng, nàng chỉ phản ứng như một tên nô lệ mù quáng bảo vệ chủ. Nàng đã chết một cách ngu ngốc để bảo vệ đô đốc Malagamba, dù hắn ta chẳng lâm nguy chút nào. Vì như bất cứ thằng hèn nào, hắn chỉ khoác chiếc áo sơ mi và đi chân, chạy trối chết ngoài thành phố. Cuộc sống và cái chết của Paloma đâm lố bịch và vô nghĩa, như bất cứ tên nô lệ nào. Con người đã chối bỏ tự do chỉ còn là một thứ ngợm.

Cha Molifta ở Rodina đã bắt buộc bọn con nít phải học thuộc lòng trong giờ giáo lý lời thánh Grégoire: «Biết suy tư, biết lý luận mà để sang bên sự tự do thì có nghĩa là mất đứt quyền có tư tưởng. Lý trí còn dùng để làm gì một khi quyền lựa chọn nằm trong tay người khác? Có tự do mà không xử dụng thì đạo đức cũng mất luôn, đã mất đạo đức thì cuộc đời mất hết giá trị. Lúc bấy giờ ý niệm về cái thiện sẽ bị dẹp bỏ, và tội lỗi tha hồ tác hại». Nghe cha dạy vậy bọn nhỏ có hiểu gì đâu. Chỉ học thuộc lòng như học thơ vậy. Ngờ đâu khi ra đời sau này, đứa nào cũng có dịp thấy những lời dạy trên là đúng. Panselin cũng vừa kiểm chứng thấy ở địa ngục miền Nam Mỹ, dân khố rách áo ôm đã buộc mình vào cuộc đời của bọn lãnh tụ độc tài, hệt như những thứ sâu bọ sống ký sinh trên thân những con thú dữ.

Khi bọn độc tài bị tiêu diệt, bọn khố rách đáng lẽ phải hân hoan vì lấy lại được tự do nhân phẩm, nhưng chúng lại rên rỉ vì tưởng đâu chủ chết là mình cũng hết sống. Vì vậy mới có những cảnh trớ trêu bi ổi nhất cõi đời này: bọn người bị đày đọa, đau khổ lại chiến đấu cho bọn độc tài khát máu có quyền tồn tại.

Panselin nghĩ tất cả những điều ấy trong lúc đi một vòng quanh quán ở ngoài xa. Phía sau cái q ấy bằng gỗ trắng không có Kyria Filothẻa mà cũng không có ông bố, mà là một người đàn bà khác, có thể là người chị em Kyria. Panselin không dám lại gần. Chàng sợ bị bắt lại nếu có gặp những người quen. Người ta sẽ tố cáo chàng. Chàng sẽ bị xử tội mạo nhận tên người khác di cư bất hợp pháp và cả một lô tội lệ khác nữa khi chàng lấy tên của Fraga để di cư sang Nam Mỹ. Cảnh sát đã rất bất bình khi chàng còn sống mà không chết trong tai nạn xe lửa như chính quyền đã công bố. Tội nặng nhất của chàng là nói ngược lại nhà chức trách. Bởi vì, lúc mà các giới chức nhà nước đã cho rằng chàng đã chết, thì Panselin, nếu là công dân tốt, phải chết thực sự. Chàng không có quyền làm cho nhà nước và cảnh sát trở nên ngớ ngẩn khó coi. Trước đây chàng đã nhận di cư sang Nam Mỹ phần lớn vì không muốn cãi lại lời của nhà chức trách. Lúc bấy giờ chính các cảnh sát viên đã đánh thức chàng dậy trong phòng đợi nhà ga và la lớn : « Này ông Fraga sắp di cư sang Nam Mỹ, dậy mau đi mà lên tàu », chàng đã không nói gì. Chàng đã từng chịu đau đớn khổ sở khốn nạn khi cãi lại các nhà chức trách cảnh sát rằng chàng không giết các người gác đêm, không cướp của nhà băng. Từ đó chàng đã thề không cãi lại lời của nhà chức trách. Nhất là khi các nhà chức trách ra lệnh cho chàng lên tàu lửa tốc hành Xuyên Đông để đi sang Nam Mỹ. Cãi lại là ngu. Vì vậy chàng đã lên tàu và đã ra đi. Bây giờ, năm năm sau chàng lại có mặt trước quán Mảnh Trăng. Lần này chàng bị các nhà chức trách nước Cộng hòa La Tinh ở Nam Mỹ tống khứ để dập tắt một vụ án có thể làm tổn thương đến đám thượng lưu xứ ấy.

Có những con vi trùng đi vào quán, chân kéo lê một cách nặng nề nhọc mệt như bị xiềng vậy. Cô gái bán quán thắp lên ngọn đèn dầu hỏa. Panselin lánh ra xa để khỏi bị nhận diện. Chàng lại đi về phía nghĩa trang. Nơi khu Mảnh Trăng này, cái nghĩa trang mới rộng mênh mông là đẹp hơn cả. Mồ mả của những con vi trùng mới chết chiếm đất, chen nhau khắp nghĩa trang.

Nơi cổng nghĩa trang, một con bé, tay ôm bó hoa đã đứng sẵn ở đó như một thứ lính gác bên cạnh cánh cổng nghĩa trang làm bằng dây thép gai.

Panselin hỏi con bé:

– Cháu tên gì?

– Cháu tên là Garofizza.

Con bé có đôi mắt rất đẹp, da trắng như cẩm thạch. Tuổi nó chừng mười hai. Nó cũng thiếu ăn như tất cả mọi con vi trùng khác. Thân hình bé tí xíu của nó nằm gọn trong tấm áo choàng maphorion che kín cả đầu, vai và toàn thân, dài quá đầu gối. Con bé đi chân đất.

Panselin hỏi nó:

– Cháu bán hoa cho nghĩa trang hay sao?

Chàng hết sức ngạc nhiên. Chàng không tưởng được rằng lại có những con vi trùng muốn có hoa đặt trên phần mộ mình.

– Thưa phải, cháu bán hoa cho nghĩa trang này.

Tuy trả lời cho chàng như vậy nhưng nó lại giấu kín bó hoa hồng vào trong áo. Bó hoa hồng của nó rất đẹp nhưng hơi úa.

– Bó hoa hồng cháu giá bao nhiêu?

– Thưa ông, bó hoa này cháu không bán. Nếu ông cần ngày mai cháu mang đến. Ngày mai cháu sẽ đem đến cho ông một bó nhé?

– Không, tôi muốn mua bó này.

– Bó hoa này, đã có một bà khách mua rồi, bà ấy sắp đến.

– Cháu có bán được nhiều hoa không?

– Thưa ông không. Cháu chỉ có một bà khách mà thôi. Một bà khách thiệt tốt. Ngày nào bà cũng đến hết. Và ngày nào bà cũng mua cho cháu một bó hoa. Chạng vạng tối bà đến. Bà mua một bó hoa và cho luôn cháu số tiền lẻ. Bao giờ bà ấy cũng bảo với cháu: «Garofizza, cháu giữ lấy đi, rồi cầu nguyện giùm cho linh hồn ông chồng của ta...» Ngày nào bà cũng nói với cháu như vậy suốt năm năm nay. Trước đây chính bà nội của cháu bán hoa trong nghĩa trang, Nhưng bà chết cách đây sáu tháng và để lại công việc bán hoa cho cháu. Nơi nghĩa trang này, cháu chỉ có một bà khách ấy mà thôi. Nhưng bà khách ấy đến đều không bỏ sót một bữa nào. Mùa hè cũng như mùa đông, nắng ráo cũng như mưa gió, bà vẫn đến. Bà mua hoa cho mộ chồng bà. Khi đặt hoa lên mộ xong, bà còn ở lại cầu nguyện một lúc lâu. Còn cháu chờ cho bà bắt đầu cầu nguyện là cháu chuồn ngay không như bà cháu. Bà cháu thường chờ để chào bà khách trước khi ra về. Mà bà khách lại cầu nguyện thực lâu cả tiếng đồng hồ liền. Vì vậy, bà cháu mới bị cảm lạnh mà chết. Má cháu giao cho cháu việc bán hoa nhưng lại bảo cháu đừng có chờ bà khách mà bị cảm lạnh như bà cháu...

Con bé Garofizza còn kể nhiều nữa về bà khách và kết luận: «Bà khách yêu chồng tha thiết. Bà cháu

bảo rằng khó có được một mối tình nào đẹp như vậy trên quả đất này».

– Bà khách này cũng ở khu này chăng?

– Bà ở đây. Bà tên là Kyria Filothéa, chủ quán Mảnh Trăng. Ông chưa vào quán Mảnh Trăng này sao? Mọi người ở đây đều ghé vào quán trước khi ra nghĩa địa này. Từ khi ông cụ của bà chết đi, bà phải thuê một cô người làm để trông coi quán rượu để bà chiều nào cũng đi thăm mộ... Ông cụ chết cách đây ba năm. Ngôi mộ của ông ta ở đằng cuối nghĩa trang kia, trên mộ có một cái thánh giá bằng đá lớn. Kyria ngày nào cũng đến cầu nguyện trước mộ ông cụ, nhưng bà lại dành hoa cho mộ ông chồng. Không bao giờ bà cắm hoa nơi mộ ông cụ mà chỉ cắm hoa nơi mộ ông chồng. Mọi người đều nói rằng bà ấy yêu chồng một cách tha thiết, thành thật và sâu sắc. Y như trên màn ảnh vậy.

– Đấy là mộ ông chồng thứ nhất hay mộ ông chồng thứ hai của bà ta?

Con bé có vẻ bất bình vì câu hỏi có ý nghĩa xúc phạm đến Kyria Filothéa. Nó xẵng giọng trả lời:

– Kyria chỉ có một ông chồng thôi. Ông ấy là một con người đàng hoàng, thuộc vào hạng dân thầy dù ông ta ngụ tại quán Mảnh Trăng. Ông ấy là một con người rất lịch sự, tóc vàng mắt xanh. Trước kia ông ấy là nhân viên ngân hàng nhưng sau ông ấy không thích làm việc ở nhà băng nữa nên mới sang làm xe lửa và giữ chức trưởng xa, không may thiệt mạng trong một tai nạn xe lửa. Xác ông ấy bị nước cuốn đi mấy tháng sau mới tìm được. Người ta đã đem xác ông ta về đây và làm đám tang thiệt lớn, có cả một lễ cầu hồn với bảy ông cha làm lễ. Lúc bấy giờ cháu còn bé

tí xíu nhưng cháu cũng đã biết. Cháu cũng đã khóc như mọi người ở đây đã khóc thương ông Panselin. Ông Panselin tức là chồng bà Kyria, là người chồng đẹp nhất, khôn ngoan nhất và tốt nhất, so với những người chồng khác trên quả đất này. Cháu lớn lên cháu cũng muốn lấy được một người chồng tha thiết như ông Panselin. Cháu cũng sẽ yêu chồng như bà Kyria đã yêu ông Panselin. Hàng ngày bà ấy đến đây cầu nguyện và nói chuyện thì thầm với ông ấy như lúc còn sống... Thực là tội nghiệp cho ông Panselin.

Panselin hỏi:

— Cháu có thấy mặt ông ấy bao giờ chưa?

— Thấy ai? Có phải ông nói đến ông Panselin không? Có chứ, cháu thấy ông ta rồi. Lúc ấy cháu còn bé lắm nhưng cũng nhớ được mặt ông ta. Ở khu Mảnh Trăng này, mọi người đều nhớ đến ông ta mãi mãi bởi vì ông ta là người đẹp nhất và tốt nhất.

— Ông ta lớn hay bé?

— Ông ta người cao lớn khỏe mạnh.

Panselin nghe con bé ca tụng mình. Tại sao người chết rồi bao giờ cũng đẹp hơn tốt hơn những người còn sống? Trong đời chàng, mọi người gặp chàng chẳng ai cho chàng là đẹp trai hết. Nhưng bây giờ khi họ tưởng chàng đã chết rồi, mọi con vi trùng ở đây đều cho rằng chàng là một con người vĩ đại, gì cũng nhất hết.

— Nếu bây giờ cháu gặp lại ông Panselin, cháu nhận ra ông ta không?

— Chắc chắn là cháu phải nhận ra mặt ông ta ngay chứ. Cháu đã thấy ảnh ông ta khi đi theo bà cháu xem đám tang. Không những Kyria và ông cụ mà rất nhiều người ở đây đã đi đến nhà xác để coi

mặt Panselin khi người ta vớt xác ông từ dưới đáy dòng thác lên. Má cháu đã bế cháu lên cao để nhìn cho rõ. Xác ông được đặt trên một cái bàn cẩm thạch, mặt mày thay đổi hết nhưng mọi người ở đây đều nhận ra ngay.

– Kyria cũng nhận rằng xác người chết đó là xác ông chồng cô ta?

– Phải rồi. Bà ấy còn ôm lấy xác ông Panselin mà khóc ngất.

– Vậy là cái ông Panselin đã được chôn ở đây, nơi nghĩa trang này, và bà vợ của ông ta vẫn đem hoa đi viếng mộ đều đều hằng ngày, suốt năm năm hay sao?

– Đúng như vậy. Đấy là mối tình đẹp nhất thế giới này.

Vừa lúc ấy, một bóng người nhỏ bận toàn đồ đen hiện ra ở đầu đường. Bóng ấy đi hối hả về phía nghĩa trang, như đến một chỗ hẹn hò yêu đương. Cả bước chân đi vội vã cũng giống như bước chân đi của những người đang yêu.

– Nếu sáng mai ông tới đây cháu sẽ đem đến cho ông mấy tạp chí có hình của người ta viết về mối tình của Kyria Filothéa và Panselin. Báo chí đã đăng hình Filothéa ôm bó hoa ngồi khóc bên mộ chồng. Mai ông đến chứ.

– Cố nhiên ngày mai ta sẽ đến. Thôi chào cháu nhé. Rồi chàng lãng ra xa.

Panselin đứng nhìn Kyria cầm lấy bó hoa rồi mở xắc trả tiền cho con bé và đi thẳng không đợi nó thối lại tiền lẻ. Panselin thấy nàng dừng lại trước một ngôi mộ được coi như là ngôi mộ chính chàng. Kyria đang cầu nguyện. Panselin đợi cho con bé đi xa rồi

mới lại gần. Chàng muốn xem tận mắt cái cảnh người vợ dữ dằn của chàng, người vợ đã bố trí một cái bẫy để cho chàng bị mắc mưu và phải cưới nàng, lại tỏ ra yêu chàng thực lòng khi nàng tưởng chàng đã chết và thờ phụng chàng như thờ phụng những ông Thánh.

Panselin có những cảm tưởng kỳ dị hết sức. Cái cảnh trước mắt chàng thật độc đáo. Chính các ông Thánh, lúc còn tại thế cũng chưa hề được thấy các đệ tử thờ phụng mình một cách thành khẩn. Các ông Thánh chỉ được phong thánh sau khi họ chết khá lâu. Nhưng Panselin còn hơn các ông Thánh là được thấy tận mắt cảnh Kyria Filothéa quỳ gối trước mộ được coi là mộ của chàng, vừa khấn khứa vừa khóc, vừa cầu nguyện cho chàng.

Cái cảnh này quả có sức lôi cuốn đối với những người còn sống khiến cho Panselin mất hết lý trí và không tự chủ được nữa. Chàng chạy thật nhanh lại ngôi mộ và ôm chặt lấy Filothéa nói thẳng một hơi:

– Anh còn sống đây này. Em khỏi mất công đi tìm anh tại nghĩa trang này. Mình sẽ sống với nhau mãi, không xa nhau nữa.

Kyria Filothéa hoảng sợ. Nàng giẫy mạnh và né được mặt sang một bên để la cầu cứu. Nàng la còn lớn hơn cả tiếng còi hụ của công binh xưởng nữa. Vừa la vừa giẫy. Cuối cùng nàng thoát khỏi tay Panselin để bỏ chạy. Panselin nắm lại được và ôm bổng nàng lên để giải thích cho Kyria hiểu là chàng còn sống, khi chàng bị coi là đã chết rồi. Chàng nói là chàng rất xúc động vì mối tình của nàng dành cho chàng đã chết và vì vậy, chàng sẽ làm cho mối tình chết này thành mối tình sống.

Ngoài cổng nghĩa trang, thấp thoáng bóng đèn. Đèn của những người thợ công binh xưởng chạy về phía

nghĩa trang vì họ nghe tiếng Kyria kêu cứu! Họ cho rằng người đang đuổi bà chủ quán Mảnh Trăng là một tên đạo tặc cưỡng dâm nên xông vào cứu người góa phụ, vừa hô hoán ầm ĩ gọi thêm người. Panselin nghe được trong tiếng hô hoán căm giận của đám đông có thể sẵn sàng đập chết tươi chàng trước khi chàng kịp giải thích được cho họ hiểu rằng chàng là Panselin người đã chết, nhưng thực sự còn sống. Số người đi cứu Kyria từ phía tàu điện ùa ra mỗi lúc một đông.

Ôm người mềm nhũn của Kyria trong tay, Panselin suy tính việc giải thích lúc này là không thể được, cả việc trù trừ đứng lại lâu hơn cũng thế, thêm vài giây là chết. Cho nên Panselin phải đặt Kyria xuống đất và chạy vụt về phía công binh xưởng. Trèo lên tường và bị thương. Nhưng đám đông đã lại gần hơn nữa, vừa đuổi vừa la hét, đầy phẫn nộ. Panselin sợ quá bất chấp dây thép gai, bất chấp mảnh chai vỡ cắt vào da chàng khiến máu tuôn xối xả, Panselin trườn đu được lên đầu tường rồi nhảy đại xuống phía công binh xưởng, chạy thục mạng. Phía sau, đám đông dừng lại. Họ không dám vượt tường nhảy vào đất công binh xưởng đuổi theo tên bạo dâm vì sợ lính gác công binh xưởng bắn bất tử. Nhà binh ít chịu suy nghĩ trước khi nổ súng. Vả lại còn có mìn nữa...

Nhờ liều, Panselin thoát được. Nhờ chàng liều mạng chạy bừa trên bãi mìn sang đến bờ tường phía Nam công binh xưởng và gắng hết sức vượt được tường một lần nữa rồi nhảy đại xuống bên kia, một miếng đất đã cày xong và ngã vật xuống. Đất đã cày xong êm như tấm nệm, dịu như vòng tay của bà mẹ, mát như ngực người yêu.

Panselin nằm úp mặt xuống đất. Sung sướng được dừng lại, được nằm nghỉ trên miếng đất đã cày xong. Chàng lẩm bẩm:

— Đất mẹ! Mẹ ơi!

Chàng ngất luôn rồi ngủ lịm, vì quá mệt. Ngực áp đất. Má áp đất. Người duỗi dài, thoải mái trên mặt đất dịu mát và độ lượng.

* * *

Tên cưỡng dâm trong nghĩa trang Khu Mảnh Trăng

Tin lan như chớp. Kyria Filothéa, bà chủ quán Mảnh Trăng, góa phụ của cố trưởng xa Roland Panselin, người đã tử nạn vì công vụ, cho công vụ và trong công vụ, vừa bị một gã toan cưỡng dâm giữa lúc nàng đang đặt bó hoa lên mộ chồng trong nghĩa trang khu Mảnh Trăng, bên cạnh Công binh xưởng.

Cô bé Garofizza bán hoa trước cửa nghĩa trang đã hô hoán báo động. Thợ thuyền công binh xưởng tan làm chiều đã nghe thấy tiếng nạn nhân và cô bé la lối. Họ vác đèn pin chạy tới, rọi khắp nghĩa trang để săn thủ phạm. Họ thấy Kyria nằm yên bất động trên mộ chồng và chở đi nhà thương. Thủ phạm cuống cuồng chạy trốn, nhảy qua tường thành Công binh xưởng. Mấy người săn đuổi đều bỏ cuộc vì họ ngán xâm nhập vào kho đạn. Họ biết bọn lính canh cơ sở quân sự này đã có lệnh bắn bỏ tất cả những gì động đậy mà không cần hô khẩu lệnh.

Giả thuyết thứ nhất đưa ra ở cục cảnh sát là gã cưỡng dâm làm việc trong công binh xưởng. Hắn trèo tường vượt qua mà lính có nổ súng đâu. Cảnh sát còn cho rằng hắn có thể là người Mỹ. Những tên từng hạ

sát bọn gác đêm chẳng phải là người Mỹ làm trong công binh xưởng đó sao?

Giả thuyết này bị bác bỏ ngay từ lúc sơ khởi vì lẽ chở nạn nhân Kyria đi được vài phút thì người ta tìm ra chiếc áo khoác của thủ phạm, móc trên hàng rào dây thép gai rào tường thành công binh xưởng. Một chiếc ba-đờ-xuy màu nâu, trên áo có nhãn hiệu của nhà sản xuất: «Santa Rosa, Industra Nationale de la Republica Latina Sud Americana».

Vậy rõ ràng vụ xâm phạm tiết hạnh Kyria Filothéa đã để lại tấm danh thiếp ở ngay tại phạm trường. Áo treo trên bờ tường nghĩa trang. Cho nên xếp biệt đội hình sự ra lệnh: «Kiểm soát tất cả bọn kiều dân gốc Nam Mỹ».

Nhờ mấy cú tê-lê-phôn của kẻ vô danh và nhờ những lời kêu gọi dân chúng cộng tác với cảnh sát để truy tầm thủ phạm, người ta biết ngay là hiện có một toán du khách người nước Cộng hòa La tinh ở miền nhiệt đới vừa đến vào buổi sáng. Thế là cảnh sát tìm ngay ra lữ quán mà đám du khách trú ngụ một cách dễ dàng. Và cảnh sát tới vây lúc mười giờ tối. Bọn du khách Nam Mỹ lúc bấy giờ đang quây quần nơi phòng khách lữ quán uống cà phê và nghe một người trong bọn chơi lục huyền cầm biểu diễn vài bản Tango. Người gác cửa, vị phụ trách tiếp tân của lữ quán đang đọc ấn bản đặc biệt của các báo nói về vụ «xâm phạm tiết hạnh» trong nghĩa trang khu Mảnh Trăng.

Đúng lúc cảnh sát đang hỏi thăm người gác cửa coi bọn du khách tới vào giờ nào thì đài phát thanh loan báo:

– «Chúng tôi xin mạn phép ngưng ngay bản tin để loan báo cùng quí vị thính giả một tin buồn: bà

quả phụ Panselin – chồng làm hỏa xa, người bị kẻ lạ mặt xâm phạm tiết hạnh ở nghĩa trang khu Mảnh Trăng giữa lúc đang đặt bó hoa lên mộ chồng – vừa trút hơi thở cuối cùng ở bệnh viện. Nạn nhân đã bất tỉnh trước khi được chở đi cấp cứu và không hồi tỉnh lại được nên không thể cho biết chi tiết nào về kẻ bạo dâm. Tuy nhiên, em bé bán hoa trước cửa nghĩa trang tên Garofizza đã cho biết đầy đủ về tướng mạo hung thủ nhờ trước đó em đã nói chuyện thật lâu với hắn. Theo em, kẻ bạo hành là một thanh niên tóc vàng, có đôi mắt lớn, y phục rất chỉnh chạc và ngôn ngữ rất lịch sự.

Theo những tin tức đầu tiên của cảnh sát thì thủ phạm là một công dân Nam Mỹ, ở Santa Rosa, thủ đô một nước cộng hòa độc lập miền nhiệt đới. Chiếc áo khoác ngoài của hắn đã thấy ở phạm trường. Tên cuồng dâm sẽ bị truy tố về tội sát nhân vì nạn nhân của y đã từ trần sau đó»...

Cảnh sát trưởng hỏi toán du khách:

– Nhóm các ông đông đủ, không thiếu một người nào chứ?

Gã hướng dẫn bèn điểm danh tại chỗ và cho hay:

– Chúng tôi tất cả 18 người. Hiện diện trong phòng khách này 17 người. Người thứ 18 vắng mặt.

– Hắn đâu?

– Hắn không thấy về. Bữa cơm tối nay cũng bỏ luôn.

– Vắng mặt từ lúc nào?

– Hắn tách khỏi đoàn từ lối xế trưa. Bữa cơm trưa đông đủ 18 người, nghĩa là có mặt hắn!

– Ông có chắc hắn không ở lì trong phòng không?

– Chắc chớ? Mỗi phòng chung cho hai người, buổi chiều hắn có về phòng lúc nào đâu?

Tôi có thể tả tướng mạo hắn được...

– Ông có biết hắn bị chúng tôi hỏi thăm về chuyện gì không? Tình nghi sát nhân, xâm phạm tiết hạnh, hiếp dâm và sát nhân, đồng thời ở trong một nghĩa trang. Ông có giữ giấy thông hành của hắn chớ?

– Thưa không. Du khách đi trong đoàn tôi đều tự giữ lấy giấy thông hành.

Trong phòng khách mọi người đều im tiếng. Gã chơi đàn cũng ngừng biểu diễn; dù chẳng ai trong nhóm biết nghe ngoại ngữ nhưng tất cả đều đoán ra là ông du khách thứ 18 đã phạm tội hiếp dâm và sát nhân. Những danh từ «phạm pháp» đó thì tiếng nước nào chẳng na ná giống nhau. Tất cả đều kinh sợ ra mặt khiến cho mấy cảnh sát được dịp lên mặt quan trọng.

Cảnh sát trưởng hỏi tiếp:

– Có ai giữ được một tấm hình của tên sát nhân đó không? Tôi gọi hắn là sát nhân vì tôi biết chắc chính hắn – người cùng đi với quí vị, người du khách thứ 18 của quí vị – là thủ phạm bạo hành trong nghĩa trang Mảnh Trăng. Vậy quí vị có bổn phận giúp chúng tôi truy lùng ra hắn, có ai biết gì về hắn không?

Cũng vẫn gã hướng dẫn lên tiếng:

– Chúng tôi đâu biết? Chỉ biết những cái gì trông thấy trước mắt. Đại khái là y có đi trong đoàn. Y cư ngụ ở Santa Rosa, tên Raphael Fraga, thương gia cỡ ba mươi tuổi.

– Quí vị có thấy tên sát nhân có để lộ một vẻ gì khác thường... Nhất là qui bà? Các bà đi chung phi

cơ với hắn, ăn chung bàn, ở chung lữ quán với hắn... Vậy chắc hẳn phải nhận ra có gì lạ nơi hắn chứ?

Gã hướng dẫn viên thông ngôn lại. Nhưng mấy bà du khách lắc đầu, nhún vai. Họ chẳng thấy điểm gì khác lạ cả.

– Ông hướng dẫn viên... Ông giữ việc hướng dẫn quí ông, quí bà đây. Ông hẳn phải chịu trách nhiệm phần nào về những chuyện xảy ra. Ông được phép «hướng dẫn» tới xứ tôi những du khách, đâu có được đưa đến quân sát nhân, cưỡng dâm. Quân khốn đó phải giữ ở nhà. Ai lại đem «xuất cảng»?

– Thưa ông cảnh sát trưởng, chúng tôi chẳng phạm tội gì hết. Chúng tôi là một hãng quốc tế. Chúng tôi tổ chức những cuộc du lịch tập thể. Chỉ có bấy nhiêu. Còn tất cả những gì khác chẳng liên quan đến chúng tôi.

– Không liên quan gì sao? Các ông đã mang sang những thằng phạm pháp, những quân khủng hoảng tình dục ở miền nhiệt đới... Cái đó không liên quan gì sao? Một phụ nữ đã bị hạ sát. Kể từ giờ này, còn nhiều phụ nữ khác, vợ con chúng tôi có thể bị làm «hỗn» bởi chính thằng quỉ dâm dục mà các ông vừa mang tới đây.

Gã hướng dẫn bình tĩnh đáp.

– Với khách hàng, chúng tôi đâu thể hỏi chứng thư «tình dục» lành mạnh?

– Bắt buộc phải hỏi chớ?

– Khó khăn lắm, thưa ông cảnh sát trưởng, làm ngành này ai dám bắt du khách xuất trình chứng thư tình dục lành mạnh? Các công ty hàng không, kể từ các công ty hàng không, hàng hải đến các lữ quán, các sở hỏa xa đâu có bị buộc phải hỏi khách chứng

thư tình dục? Tại sao bắt buộc riêng bọn tổ chức du lịch chúng tôi, chỉ bọn chúng tôi, phải làm cái vụ đó? Chúng tôi đâu có liên quan gì đến vụ phạm pháp? Chúng tôi rất lấy làm tiếc...

– Vậy là đủ rồi. Nếu các ông rất «lấy làm tiếc» đã mang đến đây một thằng bạo dâm là đủ rồi. Bây giờ, từng người một, quí vị du khách phải khai rành rẽ cho chúng tôi biết về tướng mạo hung phạm. Để nếu nó không trở về đoàn, chúng tôi còn phải truy tầm và nắm đầu nó bằng được.

Sau đó cả đoàn du khách phải ở lại phòng khách để cảnh sát lấy khẩu cung suốt đêm. Từng người một bị hỏi rất lâu, mỗi người còn phải làm một tờ khai bằng tiếng Tây Ban Nha. Cùng lúc đó, cảnh sát còn cho người mò theo dấu vết tên sát nhân, kiếm hắn khắp nghĩa trang, công binh xưởng, vô từng ổ chuột khu Mảnh Trăng, từng nhà điếm nơi khu Bình Khang, từng quán cà phê trong thành phố.

Cảnh sát còn nhờ Interpol (cảnh sát quốc tế) can thiệp với Santa Rosa cung cấp mọi chi tiết liên quan đến hung thủ. Mọi người hết sức ngạc nhiên. Từ ngày ra đời đến nay, đây là lần đầu cơ quan cảnh sát quốc tế can thiệp hữu hiệu và nhanh chóng hết sức. Cảnh sát Santa Rosa cung cấp tin tức rất sốt sắng, nhanh chóng hơn cả sự ước mong của mọi người.

«... Đây là Cục cảnh sát Santa Rosa. Chúng tôi khỏi phải lục tìm trong văn khố, mà hiện có trong tay hồ sơ trọn vẹn và lý lịch hung phạm mà quý sở muốn truy nã. Từ mấy bữa nay, chúng tôi cũng có lệnh tầm nã hắn. Hắn mang tên Raphael Fraga, thương gia, cư ngụ tại Santa Rosa từ khi di cư tới, cỡ năm năm nay. Hắn bị tầm nã ở đây về tội sát nhân và nạn nhân là người tình của hắn tên Fémérida Colomb, tự

Paloma. Một vụ hạ sát bằng tình dục. Ở quý quốc hắn toan bạo dâm một phụ nữ trong nghĩa trang và nạn nhân đã tử trần sau cuộc bạo hành? Thật đúng như chúng tôi e ngại. Tên Fraga quả là một trọng phạm, một thằng bệnh hoạn tình dục. Nếu không bắt được hắn ngay sợ còn nhiều thảm án nữa. Hắn bạo dâm. Xin lưu ý quí vị bên đó rằng hắn rất nguy hiểm, nguy hiểm lắm lắm. Lúc nào cũng mang võ khí. Chúc quí vị thành công và đề cao cảnh giác».

Cảnh sát Santa Rosa biết Panselin có bao giờ mang vũ khí, nhưng họ mong có người giết giùm, thủ tiêu luôn cho đỡ bận tâm. Ý muốn của họ rất có hy vọng thành sự thật. Từ năm giờ sáng các báo phát hành đợt đầu đều cho lên trang nhất đầy đủ tin tức về vụ án mạng bạo dâm trong nghĩa trang khu Mảnh Trăng. Cả tướng mạo Panselin cũng được mô tả trên các báo tuy không có ảnh. Ngược lại, không báo nào không đăng ảnh Kyria Filothéa.

Các bài tường thuật vụ thảm án của báo chí đã làm cho thiên hạ thương cảm. Một mối tình vượt lên trên cái chết. Sự trung thành của một góa phụ năm năm trời còn thương xót người chồng ngắn số, còn mang hoa đặt lên mộ chồng. Một vụ cưỡng dâm trong nghĩa trang gây nên chết chóc kinh khủng! Khủng hoảng tình dục? Lại có màu sắc... ngoại quốc nữa vì dính dáng đến vùng nhiệt đới Nam Mỹ. Bằng ấy yếu tố trong một vụ án mạng giữa khung cảnh rối rắm của khu Mảnh Trăng, cạnh công binh xưởng và xóm Bình Khang, báo chí tha hồ khai thác!

Còn tên cưỡng dâm Fraga lại biến mất. Không một dấu vết để lại.

36

Panteleimon, vị khổ tu loạn thần kinh.

Một tuần rồi Panselin trốn chui trốn nhủi trong rừng, trong ruộng và trong vũng sình lầy ; không dám ló mặt ra gặp một ai, không dám mò ra tỉnh hay vô làng xóm. Chàng biết để lộ tung tích là rồi đời. Sau buổi gặp gỡ Filothéa trong nghĩa trang Mảnh Trăng, chàng đã biết những gì xảy ra, nhờ đọc những tờ bố cáo ra giá cái đầu hung phạm dán ở cột đèn, gốc cây, vách tường. Chàng còn biết là người góa phụ vốn thương xót người chồng quá cố đã hoảng sợ ngã ngất đi, khi thấy người xưa lù lù xuất hiện. Nàng đã trút hơi thở cuối cùng ở bệnh viện... còn chàng thì bị tăm nã vì tội mưu toan hãm hiếp.

Panselin có thể ra trình diện và nhìn nhận là chồng của người đàn bà bất hạnh, chàng thoát chết trong tai nạn hỏa xa và năm năm nay phải đổi tên khác, sống ở một lục địa khác. Chàng có thể nói lên, nói lên tất cả sự thật bất cứ lúc nào, ở bất cứ một đồn hiến binh nào. Nhưng chàng biết làm như vậy sẽ chẳng đi đến đâu. Ra trình diện còn tệ hơn. Từ bao thế kỷ nay, đám người du dân đã từng dạy khôn rằng muốn yên thân với nhà cầm quyền thì chỉ có một cách duy nhất là

xa chạy cao bay, đừng cho họ thấy mặt? Bản thân chàng giờ đây phải lãnh biết bao nhiêu trọng tội oan uổng, thà cắn răng chịu đựng còn hơn là ló mặt ra cho cảnh sát thấy. Đành phải nhường đại lộ cho mấy ông cảnh sát, hiến binh tuần tiễu còn những thằng lương thiện nhất thì cứ băng đồng mà đi vậy. Đô thị xin nhường lại cho mấy ngài đô trưởng, mấy ông hội đồng và cảnh sát. Thà sống biệt ở thôn quê, càng xa nhà cầm quyền càng tốt. Những đô thị đã lọt vào tay nhà cầm quyền rồi thì thằng dân đen đành... chờ có dịp là lập tức rời đô thị. Thằng dân đen chỉ mong sao trốn khỏi đô thị, chẳng phải vì tiếng động hoặc thiếu không khí, không gian; mà vì đô thị đã bị đặt dưới bàn tay sắt của các nhà cầm quyền đã thẳng tay cai trị rồi. Tránh những con đường, chàng đâu có phải người phó mặc cho số mệnh. Panselin biết rằng chẳng có thể làm gì khác hơn là chạy, trốn biệt. Cả một bộ máy cảnh sát quốc tế đã phát lệnh truy nã chàng về tội giết người, giết cô nhân tình tuốt bên Nam Mỹ cũng như giết vợ, là Kyria Filothéa. Bị gán tội giết hai người đàn bà thì lên tiếng ai thèm nghe? Cái đầu chàng đã được ra giá... một triệu, sống hay chết cũng được. Chàng trốn luôn. Tám ngày không cạo mặt, người ốm nhom. Chàng sống nhờ mấy củ khoai còn sót ngoài đồng, mấy trái cây và mấy thứ hạt mọc hoang. Chàng phải đi mót từng bông lúa mì, lúa mạch để ăn cho đỡ đói. Nhai mấy nhánh lúa thét rồi cũng quen.

Ăn như ăn bánh mì vậy. Sống được nhờ nó nhưng làm sao kéo dài mãi được đây? Lúa mì mới gặt còn rơi rớt vài bông để mót ăn, nhưng ăn hết rồi biết tìm đâu ra. Mà phải có một mình chàng mót lúa? Còn biết bao nhiêu là chim sống nhờ vào những hạt lúa rơi đó. Đói có lúa mì sống ăn, khát có nước suối, nhiều lúc Pan-

selin cảm thấy sung sướng. Chàng lấy làm ngạc nhiên thấy kẹt vào cảnh nguy khốn như vậy mà còn cảm thấy sung sướng được. Chàng có tự do. Đó là thứ duy nhất mà người và Thiên Chúa có chung. Con người tự do mới mang hình ảnh Thiên Chúa. Con người ngang hàng với thần linh, đứng trên vạn vật trong vũ trụ. Tự do là mối thiêng liêng duy nhất ta có. Để mất nó là mất tất cả, mất hết.

Nỗi lo sợ duy nhất của Panselin là gặp phải người. Người ta gặp nhau là chuyện bình thường còn với chàng chỉ có cái chết. Vì vậy Panselin chạy trốn loài người. Không gặp người nào là sung sướng. Các đường, lớn nhỏ vô làng đầy nghẹt những lính, cảnh sát, hiến binh sục sạo, săn chàng như săn thú dữ. Một trọng phạm quốc tế. Kẻ giết người. Một thằng phải bắn bỏ. Đêm ngày Panselin lo tránh người. Người là mối hiểm họa duy nhất. Không thể chờ đợi những gì tốt lành nơi con người, nên Panselin tránh người, trốn người. Con người trở nên đáng sợ, không thể gần được.

Giữa lúc Panselin nằm ngã lưng ngửa mặt nhìn trời lợi dụng chút tự do để mơ mộng thì giữa cánh đồng, cách chàng vài mét, có bóng người hiện ra đột ngột. Chàng vùng dậy, nấp rình. Thằng người đó cũng ngập ngừng, dường như nó cũng sợ xáp lại gần Panselin. Nó luôn quay đầu ngó lại như chờ bọn đi sau. Có thể là họ muốn bắt sống Panselin. Thằng đi đầu này chỉ là thằng dẫn đường, còn một bọn đi sau kìa. Nhiều lắm.

Đầu óc Panselin căng thẳng. Chàng chăm chú theo dõi hắn đang tiến tới. Chàng hốt hoảng nhìn quanh và muốn vùng chạy trốn. Không thể được, thằng kia gần quá, dành phải liều mạng sống chết với hắn. Thằng kia chần chừ. Nó cúi xuống làm như lượm một cái gì nhưng quơ mấy nhánh rơm, vẻ sợ hãi.

Panselin đợi cho nó đến sát cỡ hai bước mới chồm dậy, bất ngờ tấn công ngay.

Hai tay siết cổ nó thật chặt, Panselin dọa:

– Mày kêu báo hiệu, tao giết.

– Xin tha...

Tên kia van vỉ, tuy nó to con hơn, khỏe hơn. Nhưng Panselin vẫn bóp chẹn cổ nó.

– Ấy... đừng giết tôi, xin ông.

– Mày có vũ khí không?

– Dạ không.

– Mày quay lại, hai tay giơ lên.

Nó tuân lệnh, Panselin lục khắp người nó, nhưng nó không có gì.

– Mày được phái đi theo dấu tao phải không? Mày phải chết.

Tên kia sợ nhưng không run. Panselin dọa:

– Mày tính bắt tao để lấy bạc triệu, tao cho mày xuống địa ngục chơi.

– Nhưng tôi... tôi có làm gì hại người anh em đâu?

– Câm họng đi thằng cớm! Ai «người anh em» với thứ mày? Anh em với mày là mấy thằng cớm kìa. Mày cũng là cớm phải không?

– Thưa không, tôi là tu sĩ.

– Càng đáng chết! Tao sẽ cho mày biết mùi hỏa ngục. Mày có biết cấm điều thứ 55 của Thánh Basile không? «Người bổn đạo mà săn đuổi kẻ tội phạm sẽ bị truất quyền được hưởng Minh thánh; tu sĩ phạm tội săn đuổi kẻ có tội sẽ mất phép thông công. Chúa đã phán «Kẻ nào dùng gươm dao sẽ chết vì gươm dao». Mày bảo mày là tu sĩ, tại sao mày còn săn đuổi tao?

– Tôi đâu có săn đuổi người anh em?

– Thế mày lai vãng chỗ này làm gì? Tại sao mày cứ quanh quẩn chỗ tao nấp?

– Tôi đi lượm mấy nhánh lúa mì rơi sót ngoài đồng, người anh em thấy đây này...

Nghe vậy, Panselin siết cổ nó mạnh thêm:

– Lượm mấy nhánh lúa mì rơi? Mày tưởng bịp tao dễ vậy hả? Lượm lúa mì làm gì? Mày lượm tao đề lãnh thưởng thì có...

– Tôi ngắt mấy nhánh lúa mì, lượm hạt thật. Tôi xin thề...

– Mày lượm lúa mì về làm gì? Có điên mới làm cái việc vô nghĩa đó, may ra ba ngày mới được một kilô lúa! Đi ăn mày còn hơn. Ba xu thì ai cũng cho mày được hết. Tội gì phải mất công ra đồng lượm lúa rơi vải ba bốn ngày để được ba xu. Mày nói láo!

– Tôi lượm lúa rơi là lượm cho dòng khổ tu Prosphoras. Lượm về làm bánh cho các khổ tu ăn. Tôi là tu sĩ Panteleimon, ở tu viện Đức Mẹ Đồng Trinh.

– Mày lại nói láo, tao giết! Tu viện Đức Mẹ Đồng Trinh nào không có nỗi ba xu mua lúa, lại bắt tu sĩ đi mót ngoài đồng mang về làm bánh như chim vậy? Mày chỉ cốt săn đuổi tao để lấy một triệu bạc? Thú nhận đi rồi chết!

Panselin đe dọa, bóp cổ mạnh nữa, như một thằng ác ôn ra oai với một đàn em đã bị mình chẹt cổ họng. Thốt nhiên chàng thấy hồ thẹn.

– Thôi được... Bây giờ mày muốn nói gì thì nói đi, tao sẵn sàng nghe... Nếu mày nói láo, tao giết. Tụi nó đâu? Những thằng sai mày tới đây chúng nó ở đâu?

– Có ai sai tôi tới đâu, người anh em?

– Bọn hiến binh... hay dân làng chẳng hạn? Chúng nó đâu? Tại sao chúng nó biết tao ẩn trong cánh đồng này? Chúng trông thấy bóng tao phải không? Trả lời ngay, mày muốn sống hay chết thì trả lời thực đi?

– Người anh em ở đây có ai biết đâu? Chính tôi cũng không biết mà? Tôi đi mót lúa cho tu viện để về làm bánh.

– Để làm bánh cho các tu sĩ, nếu không tiền mua thì xin chỗ nào chẳng được ít ki lô bột mì? Xứ này là vựa lúa của toàn châu Âu, ai nỡ lòng từ chối vài ki bột?

– Không phải vậy, người anh em! Chúng tôi hầu hạ Đức Chúa Trời, bánh ăn hàng ngày phải tự mình làm ra. Luật dòng chúng tôi là vậy, phải đi lượm lúa rơi vãi, từng hạt từng bông một ở ngoài đồng, ở đường phố. Muôn ngàn hạt lúa rơi vãi trên thế gian này phải được thâu góp lại, làm thành tấm bánh ăn hàng ngày là Mình Thánh Chúa. Truyền thống dòng khổ tu Prosphoras của chúng tôi là đi lượm từng hạt lúa rơi làm thành miếng bánh ăn hằng ngày để cầu nguyện cho sự thống nhất toàn vẹn của Thiên Chúa giáo toàn thế giới, dưới ngôi nhà độc nhất của Chúa. Như muôn ngàn hạt lúa rơi ở khắp nơi nếu có người nhặt cũng làm thành miếng bánh để dâng lên bàn thờ Chúa. Do đó, tôi đến đây chẳng phải vì tìm bắt người anh em. Tôi không biết có người anh em ở đây. Hãy tin tôi đi.

– Tôi từng ở tu viện mà đâu có nghe nói lượm từng hạt lúa rơi làm bánh thờ kính Chúa.

– Đó là luật bổn dòng, là truyền thống của tu viện Đức Mẹ đồng trinh, chúng tôi làm theo gương các vị Thánh cha ngày xưa...

– Ông biết tôi là ai không?

— Biết chứ? Làm sao mà tôi không nhận ra người anh em cho được? Người anh em là hình ảnh của Chúa, là con người, nghĩa là anh em của tôi. Có thấy người mới thấy Chúa.

— Thế nghĩa là qua tôi, ông nhìn thấy hình ảnh Chúa?

— Dĩ nhiên là vậy! mỗi con người là hình ảnh Chúa, ở bất cứ người nào cũng vậy.

Panselin ngắt lời:

— À, cái đó thì trật rồi! Nhìn tôi, ông phải nhận ra một thằng hèn tên Roland Panselin, tức Raphael Fraga; một thằng từng hạ sát con nhân tình của nó ở bên Nam Mỹ; một thằng chồng dám giết vợ là Kyria Filothéa; một thằng lấy tên người khác mà cảnh sát ở mọi nơi đều đã có lệnh tầm nã. Là thằng mà ai giết được còn được thưởng một triệu đồng: Có thông cáo, có cáo thị yết mọi nơi. Đó, nhìn tôi ông phải nhận ra vậy mới đúng.

Vị khổ tu Panteleimon quay mặt về phương đông, lột chiếc nón chóp nhỏ trên đầu và chầm chậm làm dấu thánh, Panselin lên tiếng:

— Thế nào ông nhà tu... Nhìn nơi tôi ông còn thấy hình ảnh Chúa nữa chăng? Ông còn cho tôi là cung điện thánh thiện của thần linh. Có thần linh nào ngự trong một chỗ bẩn thỉu như cơ thể thằng sát nhân?

— Có chớ, người anh em. Nhìn người anh em tôi có thấy Chúa chứ? Vì người anh em là người và người nào cũng mang hình ảnh Thượng Đế và là cung điện thần linh. Có ai xóa bỏ được hình ảnh Chúa trong con người. Người anh em có thể ăn cắp, che giấu hay bôi bẩn, nhưng hình ảnh Thượng Đế vẫn tồn tại vĩnh viễn

trong người anh em như mọi người. Nhơ bẩn cũng tồn tại.

Thầy dòng khổ tu Panteleimon cầm lấy tay Panselin đưa lên môi hôn. Hôn thong thả thành kính. Panselin đỏ mặt vì xúc động. Lần đầu, có người hôn tay chàng. Chàng cảm thấy có một luồng ánh sáng ấm áp len vào cơ thể và tỏa ra xung quanh bao bọc lấy chàng.

Chàng thắc mắc:

– Ông thầy tu, ông hôn tay một kẻ sát nhân sao?

– Người anh em là hình ảnh của Chúa, là anh em của tôi, dù anh em có phạm tội cũng thế.

– Điều ông nói có thật không đấy?

– Đâu phải là lời của tôi, đấy là lời của Đức Kitô được các đức Thánh cha của chúng ta nhắc mãi. Các người sống ngoài đời, các người biết đủ thứ nhưng lại quên mất rằng Chúa luôn luôn yêu thương con người. Chúa biết con người có tự do và có thể vùng dậy bất kỳ giờ phút nào. Người anh em đừng có buồn. Có phải một mình người anh em phạm tội mà thôi đâu? Tất cả mọi người cùng phạm tội. Tôi thấy người anh em như một đứa bé khốn khổ vì sợ hãi. Người anh em lại đói, lại mệt nữa. Đi với tôi đi.

– Đi đâu? Ông thầy tu, ông muốn tôi theo ông đi đâu?

– Tôi muốn đem người anh em đi ẩn ở một chỗ kín. Ở một chỗ mà người anh em khỏi sợ nguy hiểm, để người anh em được nghỉ ngơi và yên chí khỏi lo sợ. Người anh em có nói là cảnh sát đang lùng bắt người anh em để giết chứ gì? Vậy tôi sẽ dẫn người anh em đến một nơi nghỉ ngơi chắc chắn, khỏi lo sợ gì hết.

– Thầy sẽ bị treo cổ nếu thầy giấu tôi, cho tôi ẩn trú.

Tu sĩ Panteleimon:

– Tôi chẳng sợ gì hết.

– Tôi nhắc lại là thầy sẽ bị treo cổ, thầy sẽ bị coi là đồng lõa.

– Không, tôi sẽ không bị gì hết. Chúa đâu có cho tôi cái vinh dự được chết vì một cử chỉ biểu lộ lòng yêu thương! Cái vinh dự đó lớn quá đối với một tu sĩ hèn mọn như tôi. Được chết vì yêu thương đồng loại là một vinh dự chỉ dành riêng cho các vị thánh. Tôi không phải là bậc thánh. Người anh em đi với tôi đi.

– Thầy không sợ bị treo cổ thật sao?

– Tôi đã nói là được chết treo vì yêu thương con người là một vinh dự quá lớn, tôi không dám mơ ước đến. Chết như vậy đẹp quá, đối với tôi.

– Nếu tôi chui ra người ta sẽ thấy tôi, và sẽ bắn tôi ngay từ đàng xa.

— Tôi đi trước cho.

Panselin đã sẵn sàng đi theo vị tu sĩ. Nhưng bỗng nhiên chàng thấy nghi ngờ ông thầy tu này. Chàng nói:

– Tôi xin nói cho thầy hay rằng nếu bán tôi cho lính, thầy cũng chẳng được gì đâu. Thầy đừng hòng có một triệu tiền thưởng. Vì tôi sẽ giết thầy trước.

– Bỏ các ý nghĩ ngờ vực đi. Ngờ vực là bản tính của ma quỷ.

Thầy dòng Panteleimon nhặt bó lúa lên để đi về. Vừa đi thầy vừa mót những bông lúa mì còn sót lại. Đi được một quãng, thầy cúi xuống bưng bó lúa mót được hồi sáng. Panselin lẽo đẽo đi theo thầy. Chàng nói:

– Thầy để tôi vác cho một nửa. Thầy cho tôi được góp một phần công trong việc nhặt lúa về làm bánh cho các tu sĩ.

– Xin Chúa tha tội cho tôi!

Lời nói của thầy ăn nhịp với bước đi và nhịp tim dập trong người thầy.

Hai người vừa đi vừa tiếp tục nhặt nốt những bông lúa mà thầy Panteleimon đã mót sẵn và để lại một chỗ. Cả hai người đều vác nặng. Panselin mệt bở hơi tai nhưng rất khoan khoái. Cả đời chưa bao giờ Panselin làm việc thích thú như lúc này. Công việc của nhà khổ tu, và gánh nặng trên vai của Panselin đã có một ý nghĩa. Mỗi một động tác cúi mình để nhặt một bông lúa bỏ vương bỏ vãi – hàng ngàn lần cúi xuống ngẩng lên như vậy – của nhà tu, hòa hợp với sự vần xoay của vũ trụ. Con người không làm việc lẻ loi.

Panselin hỏi:

– Còn xa không thầy?

– Không xa đâu. Chỉ cầu mười kinh « Tượng trưng cho lòng tin » là tới rồi.

– Thầy đo đường dài bằng kinh sao?

– Không riêng gì đường dài mà cả thời gian nữa, tôi cũng đo bằng lời kinh. Đời sống của chúng tôi đã dành để cầu nguyện để Chúa bao giờ cũng đoái tới chúng tôi. Trong tu viện của tôi, từ nhiều thế kỷ nay, chưa bao giờ dứt lời cầu kinh. Nhờ cầu nguyện, Chúa bao giờ cũng hiện diện trên quả đất. Chúng tôi cầu nguyện cho những ai không có quyền, những ai không được và những ai không muốn cầu nguyện...

Tên tu sĩ Panteleimon có nghĩa là «lòng lân tuất, lòng trắc ẩn». Tên thật hợp với con người, với cử chỉ lời nói của thầy.

Panselin không hiểu rõ lắm những lời lẽ của tu sĩ Panteleimon.

Đang đi, Panselin bỗng đứng khựng lại. Chàng để cho bó lúa rơi xuống, dầu óc căng thẳng, chuẩn bị chạy. Trước mặt chàng là một hàng dậu cây xanh, bên trong hàng dậu là tu viện. Nhưng xung quanh dậu, mấy chục cảnh sát đứng dầy đặc, cách chàng vài chục thước. Cảnh sát và hiến binh đã thiết lập hành dinh trước cửa tu viện. Vũ khí xếp dài dài. Có cả ngựa nữa. Và có cả mùi rượu mùi thuốc lá nồng nặc. Thấy Panselin dừng lại, tu sĩ Panteleimon hỏi:

— Tại sao người anh em dừng lại? Sợ lính phải không? Tôi quên cho người anh em hay rằng mấy ngày nay, lính đóng ở tu viện để lùng bắt một phạm nhân quốc tế.

— Họ tìm tôi đấy mà. Tôi đã nói với thầy rồi...

— Bây giờ tôi mới biết họ tìm người anh em. Lúc nãy người anh em có nói nhưng tôi không chú ý. Nhưng đừng sợ gì hết. Chẳng có ai đụng được đến người anh em hết, khi người anh em vững tin nơi Chúa. Đi vào với tôi, đừng sợ gì hết.

Nói xong, tu sĩ Panteleimon nhặt bó lúa lên bỏ lên vai lại cho Panselin và nói:

— Đừng sợ. Cứ đi vào với tôi, tôi sẽ đem đi trốn.

Panselin sợ mất hồn. Đám cảnh sát đứng cách chàng có mấy chục thước, cùng nhìn chàng và ông tu sĩ. Lúc này chàng mới nhận ra rằng Panteleimon là một người

điên, một người không hiểu rõ việc mình làm. Tại sao, chàng Panselin lại nghe theo một người điên ? Chàng nhìn quanh để tìm đường chạy nhưng chậm quá rồi. Chạy là chết.

– Hãy cứ vác bó lúa lên vai. Và theo tôi. Một khi người anh em vẫn vác bó lúa trên vai và đi theo tôi, chẳng có ai làm gì người anh em hết. Lính cũng không chú ý đến nữa. Ngược lại, nếu người anh em vứt bó lúa mà người anh em đã định vác về cho các tu sĩ làm bánh để bỏ chạy, người anh em sẽ bị bắn chết ngay. Cứ đi theo tôi, Chúa sẽ che chở cho người anh em.

Panselin đành đi theo ông thầy tu loạn thần kinh. Chàng không có lối thoát, bỏ chạy sẽ bị lính quay súng bắn chết tươi. Không có đường nào khác hơn là cứ vác bó lúa đi theo ông thầy tu điên đầu này. Lối thoát duy nhứt của chàng là đâm đầu vào miệng sói. Chàng đành đi vào tu viện giữa hai hàng cảnh sát, hiến binh đến đây để vây bắt chàng. Người chàng run lên bần bật. Để tự trấn tĩnh, để quên đi cái miệng sói mà chàng đang xông vào. Panselin bắt đầu cầu kinh, cầu lớn theo như tu sĩ...

•
• •

37

Những kẻ đêm ngày canh gác trên cõi đời

Panselin đã lộ tung tích từ ba ngày nay. Cảnh sát biết chàng nương náu trong rừng, trong đồng. Để bắt bằng được Panselin, viên chỉ huy hiến binh đã đặt bộ chỉ huy ngay ở tu viện, sung công mấy gian nhà ở của tu sĩ để ông ta và các sĩ quan tạm trú, binh sĩ thì cắm trại rải rác chung quanh tu viện.

Panselin nhắm mắt lại. Sân tu viện đầy nhóc lính mà ông thầy tu vẫn dẫn Panselin vào được. Đúng là Panselin tự đi tìm cái chết.

– Để mấy bó lúa xuống cạnh chỗ lúa của tôi.

Tu sĩ Panteleimon xếp hàng mấy bó lúa, kế bên hồ nước giữa sân, trông thẳng vào thánh đường. Panselin bắt chước xếp theo, trong khi bọn lính vây quanh chăm chú nhìn.

– Người anh em chờ tôi ở đây. Cứ niệm mười lần kinh Tin kính là tôi trở về. Tôi phải đem vụ này trình lên Cha Bề trên. Người anh em cứ vững tin là thế nào cũng được cứu rỗi.

Từ ngoài sân, qua khung cửa sổ, Panselin thấy tu sĩ Panteleimon bước vào phòng ăn. Chung quanh chiếc

bàn trắng, tu sĩ và sĩ quan ngồi lẫn lộn. Người đầu bàn, người mang cây thánh giá gỗ trước ngực chắc là Cha Bề trên, Panteleimon đi thẳng tới gần, sụp xuống quỳ lạy sát đất và hôn bàn tay.

– Bề trên... Xin ngài ban phép lành cho con.

Cha Bề trên bèn làm dấu thánh giá cho tu sĩ Panteleimon. Ông ta lại quỳ xuống cảm tạ rồi đến gần bên, thì thào nói thầm bên tai vị tu viện trưởng:

– Trình cha Bề trên... Con tìm thấy con người mà cảnh sát đang truy nã để bắt về treo cổ ở ngoài đồng. Để cứu hắn, con đã đưa về đây. Con đã hứa dẫn hắn đi trốn, hứa cho ăn và cho một chỗ ngủ. Tu viện ta thiếu gì những chỗ trốn được! Xin cha thuận cho.

Cha Bề trên đứng bật dậy, xanh mặt. Tay ông run run...

– Thưa, hắn đang đứng ngoài sân, bên hồ nước. Mong cha ban phép lành cho hắn? Ở đây, hắn khỏi lo bị hại...

Viên đại tá hiến binh chợt nói xen vô:

– Có chuyện gì đấy? Ai... khỏi lo bị hại?

Cha Bề trên đáp:

– Thưa đại tá, một kẻ khốn cùng vừa được tu sĩ Panteleimon nhặt về.

Tu sĩ Pateleimon đỡ lời cha Bề trên:

– Thưa đại tá, y là một con người cực kỳ đau khổ, một người đang ở trong một hoàn cảnh đáng thương tâm. Tôi dẫn về đây để giúp đỡ...

Cha Bề trên vẫy tay ra hiệu:

– Đi theo tôi, thầy Panteleimon! Thầy quên rằng một tu sĩ chỉ được phép lên tiếng khi Bề trên cho phép hay sao?

– Xin cha Bề trên tha tội Tu sĩ Panteleimon nói rồi quỳ xuống làm dấu thánh trước khi theo cha Bề trên sang phòng bên. Cha Bề trên có vẻ giận dữ. Ngài nắm chặt đầu gậy, giằn giọng :

– Panteleimon, thầy đi quá trớn khi đưa nó vô tu viện?

– Thưa cha Bề trên, đó là kẻ phạm tội mà cảnh sát, hiến binh đang lùng bắt. Con đã đem kẻ sát nhân đáng thương đó vô đây.

– Vậy mà thầy lại nói oang oang trước mặt viên đại tá... là đã đem nó về đây ! Có phải thầy muốn nạp nó cho cảnh sát không?

Panteleimon, lại quỳ sụp xuống chân cha Bề trên :

– Thưa không ! Con muốn cứu nó.

– Nếu bọn hiến binh biết tên sát nhân trốn trong tu viện thì chúng nó sẽ lùng kiếm, không sót chỗ nào. Chúng nó sẽ phá phách tan hoang hết tất cả và nhốt hết mọi tu sĩ, thầy có biết thế không?

– Trình cha Bề trên, con trọn tin nơi sự sắp đặt của Chúa.

– Tôi không hiểu thầy có điên hay không khi thầy dẫn nó về đây nạp mạng và làm liên lụy cả tu viện? Đầu óc thầy ra sao mà có thể làm như vậy được ? Thầy có nghĩ kỹ không ?

– Dạ, con nghĩ rằng có Chúa cứu giúp thì cái gì cũng xong hết

– Thế hiến binh đang lùng bắt nó mà thầy dám dẫn nó về tận đây, thầy làm như vậy là cứu nó hả?

– Trình cha Bề trên... một khi Chúa đã sắp đặt thì nó sẽ thoát nạn. Nó sẽ đứng sừng sững trước mắt mà bọn lính chẳng thấy. Nó ăn chung ngủ chung mà

bọn lính vẫn không hay. Người như nó cần được giúp đỡ. Nó bị mọi săn đuổi khắp nơi, như một con thú. Có ai cho nó nương náu đâu? Một tuần lễ nay chỉ có mấy hột lúa mì, mấy cọng rễ cây để ăn cầm hơi. Lúc con gặp nó trong đống rạ, nó vồ lấy và đè ra bóp cổ. Nó sợ cả loài người.

– Panteleimon, đúng là thầy điên, làm bậy quá. Thầy đặt cả cái cộng đồng tu viện này và cả tương lai của nó nữa vào tình huống thật hiểm nghèo, thành mối nguy chung cho tất cả mọi người!

– Trình cha Bề trên, nếu đã vẹn tin nơi Chúa...

– Thầy đã vượt mọi giới hạn. Thương người cũng phải hợp lý? Thầy có biết hành động của thầy làm tất cả tu viện 500 người lâm nguy thực sự một cách vô ích không? Dẫn thằng đó về đây thì khác gì tống nó vào ngục? Thầy và anh em trong tu viện cũng vào tù luôn. Thầy thấy chưa?

– Trình cha, nếu Chúa đã an bài thì chẳng thể xảy ra như vậy!

– Thầy chẳng thương Chúa mà cũng chẳng thương đồng loại khi thầy tống nó vào tù cùng một lúc với bao anh em mình...

Cha Bề trên gọi cha phụ tá và cha quản lý tu viện lại rồi chỉ vào Panteleimon nói:

– Khốn khổ, thầy Panteleimon lại vừa gây họa cho cả tu viện này. Thầy dám mang vào tu viện thằng trọng phạm Nam Mỹ mà cảnh sát lùng tìm cả tuần lễ trong vùng này. Kìa, nó đang đứng ngoài sân, bên cạnh hồ nước!

Mọi người quay ra nhìn phía Panselin. Hắn đang đứng xớ rớ bên mấy bó lúa, người run cầm cập,

miệng cầu kinh, chờ ông thầy tu Panteleimon trở ra. Cha Bề trên ra lệnh:

– Phải kiếm cách đưa con người khốn khổ kia ra mau khỏi nơi này, càng sớm càng hay. Còn thầy Panteleimon thì đưa vào dưỡng trí viện, thầy không thể ở cùng với chúng ta vì thầy sẽ làm chết cả tu viện.

– Thưa cha Bề trên. Giúp đỡ một kẻ khốn cùng, một người anh em sát nhân là điên sao? Thấy một con mồi bị săn đuổi như thú dữ, trốn chạy ngoài đồng mà cứu giúp là điên sao?

– Thầy làm cho tu viện này bị đe dọa trầm trọng.

– Thưa cha Bề trên, con tưởng là một tu viện đâu cần an ninh? An ninh là vấn đề ở ngoài đời còn chúng ta đã chối bỏ hẳn. Ở ngoài đời, con người tụ tập sống với nhau vì quyền lợi. Còn ở tu viện thì chỉ có tình thương, không vì quyền lợi nên chẳng cần an ninh.

– Ít nhất trước khi hành động, thầy phải xin phép cha Bề trên đã.

– Vậy là cha đã chấp nhận giúp đỡ những kẻ mạnh, đầy quyền thế... còn những kẻ hèn yếu, tội lỗi thì cha muốn từ chối?

– Panteleimon, thầy đi khỏi nơi này ngay đi! Mang cả thằng giết người mà thầy vừa dẫn tới. Thầy có quyền che giấu, bảo vệ hắn, nhưng ở trong tu viện này thì không được. Vả lại đối với mấy ông sĩ quan kia, ta sẽ không phải với họ nếu ta bắt họ phải ngồi chung bàn với tên sát nhân mà họ được lệnh truy nã.

– Trình Cha Bề trên, sao cha cứ có ý nghĩ trọng đãi người quyền thế... kẻ giàu sang, trục xuất kẻ phạm tội, không cho ăn, không cho nương náu. Nếu thế con xin đi cùng một lúc với hắn.

– Thầy nói gì?

– Thưa, nếu cha Bề trên xua đuổi hắn đi thì con sẽ đi cùng một lúc với hắn. Xin cha Bề trên ban phép lành cho..

Cha phụ tá lên tiếng:

– Thầy định đi đâu?

– Con sẽ kiếm ra một chỗ cho hắn nương náu và sau đó sẽ lo cho hắn.

Cha Bề trên ra lệnh:

– Thôi được, Chúa sẽ cứu giúp thầy, dù điên. Thầy hãy đem theo hai bao khoai, đưa hắn lên động các nhà ẩn tu. Cho nó trốn trên ấy.

– Thưa cha Bề trên, không được đâu. Chắc chắn cha Philodor không chịu dung nạp đâu? Đã ba năm nay người có chịu gặp một người nào đâu? Người sẽ xua đuổi hắn, y như cha bây giờ vậy.

– Thầy hãy nói là nếu người không cho nương náu thì hắn phải chết. Chỉ có một mình ẩn sĩ Philodor cho trốn trong động là còn hy vọng sống sót. Thầy nói là ý ta muốn vậy. Đi mau đi, lên ngay trên động...

Thầy Panteleimon bồn chồn cả gan ruột vì thầy Panteleimon chưa hề được gặp, được hầu chuyện với cha Philodor.

Cha Philodor là một đức Cha ẩn sĩ. Đã mấy năm nay Cha chẳng cho ai thấy mặt, nên không rõ Cha còn sống hay đã thăng rồi.

Thông thường các vị ẩn sĩ phải nhịn ăn để quân bình hóa được linh hồn và thể xác, hòa hồn và xác thành một. Họ lên núi qui ẩn trong hang chịu cô độc tuyệt đối. Khi giã từ tu viện để nhập động, các vị ẩn sĩ đạo cao đức trọng đều dự tang lễ của chính mình

trước khi ra đi. Ẩn sĩ chết một mình, thân xác cũng chẳng tìm ra để chôn cất. Cho nên buổi từ giã tu viện cũng là giã từ luôn cuộc đời. Đó là lý do làm cho tu sĩ Panteleimon e ngại, sợ ẩn sĩ không chấp nhận cho tên trọng phạm vô động.

Khi cha quản lý khiêng bao khoai lại, thầy Panteleimon gợi ý, hỏi :

– Chắc ẩn sĩ Philodor không cho tụi tôi vô động quá.

– Thầy cứ nói là thừa lệnh cha Bề trên!

Có mấy bao khoai, tu sĩ Panteleimon ngó quanh tìm Panselin để cùng vác, nhưng tu sĩ ngạc nhiên thấy Panselin đang chuyện trò với những gã hiến binh quanh hồ nước.

Tu sĩ Panteleimon mời cha Bề trên ra chứng kiến cái nghịch cảnh đó, giữa đám cảnh sát với kẻ mà họ đang truy nã.

– Thưa cha Bề trên, phải chăng chó sói và cừu non đang sống hòa bình? Hiến binh đáng lẽ truy nã để bắn chết hắn theo lệnh trên thì họ lại cho hắn ăn uống tử tế, cùng nói chuyện.

Cha Bề trên nhìn qua cửa sổ rồi nói như ra lệnh :

– Đưa hắn đi ngay. Một phút trễ là một thảm họa cho hắn. Chỉ cần một lời nói tầm thường cũng đủ sinh chuyện, hết gỡ.

Vị khổ tu gọi Panselin, nhưng Panselin đâu có nghe. Bọn hiến binh vây quanh chàng, bắt Panselin cụng ly. Vị khổ tu gọi lớn :

– Nào, ta đi lên động ở ẩn... Nơi đây đâu phải là chỗ cho người anh em? Lên động mau lên...

Bọn lính nghe tin Panselin sắp lên động ẩn tu đều tỏ thái độ kính cẩn vì đó đâu phải chuyện tầm thường, chuyện xảy ra mỗi ngày? Họa hoằn lắm mới có một vị chân tu, tự nguyện giam mình trong động đá, cắt mọi liên lạc với người phàm tục, sống biệt lập ngưỡng vọng lên Chúa. Vì vậy bọn lính kính cẩn nhờ Panselin ban phép lành, nhờ ngay thằng trọng phạm mà chúng có lệnh truy nã, sống hoặc chết, ban phép lành.

Thầy Panteleimon, nói với cha Bề trên; giọng hân hoan:

— Thưa cha Bề trên, rõ ràng bọn lính thành kính ngã mũ chào kẻ trọng phạm chúng đang săn đuổi. Đó cũng nhờ ơn Chúa.

Cuối cùng, tu sĩ «loạn thần kinh» Panteleimon cũng kéo được Panselin vai vác bao khoai, bước ra khỏi tu viện.

Cha Bề trên nhìn theo, miệng lẩm bẩm:

— Lạy Chúa hẳn cũng hiếm có những tu sĩ «điên khùng» như thầy Panteleimon.

* * *

38

Thầy khổ tu Philodor ban tự do cho Panselin

Hang núi của các nhà ẩn tu ở ngang sườn một ngọn núi đá hiểm trở. Cha Philodor, đã sống tại động này đã lâu lắm rồi, đã cách biệt hẳn với thế giới phàm tục. Ngay các thầy tu ở tu viện dưới chân núi đem thực phẩm lên cũng không được thấy mặt và không được nghe tiếng nói của nhà tu hành. Mỗi lần lên động, họ cũng để thức ăn lại rồi ra về.

Cha Philodor là một tu sĩ thuộc dòng Hesychaste, chủ trương sống trong cô độc tuyệt đối để đạt đến trạng thái Apatheia, nghĩa là trút bỏ được đến mức tối đa « lớp vỏ da », cũng như mòn rách nát như quần áo vải bên ngoài, do Adam và Êva bận vào người lúc bị trục xuất ra khỏi Địa đường (Eden). Như vậy không phải các nhà ẩn tu tự hủy hoại xác thịt. Chúa không muốn đời sống của các đứa con ẩn tu bị rách nát vì sự tương tranh giữa linh hồn và thân xác. Trái lại hẳn, mục đích của các nhà ẩn tu là hủy diệt bức thành tội lỗi chia rẽ thể xác và linh hồn, với mục đích tu dưỡng chân tâm, chân tính của con người. Thánh Grégoire de Nysse « khi bức tường Ác đã bị đập sập, linh hồn và thể xác sẽ kết hợp trở lại trong

một sự hòa hợp thượng đẳng... Như vậy, phần bên trong của con người bị che giấu bao bọc hoàn toàn phần bên ngoài hiển hiện, và phần bên ngoài hiển hiện lại bao bọc hoàn toàn phần bên trong bị che giấu. Lúc ấy con người mới đáng được gọi một cách đúng đắn là con cái của Chúa » (P.G. 44, 1289 D.)

Khi nhà ẩn tu đạt đến trạng thái Apatheia, là đã gần như các Thiên thần. Tuy nhiên, nhà ẩn tu vẫn còn mang theo thân xác nặng nề vốn là vật chất hữu cơ có sinh có diệt, mặc dù đã trút được «lớp vỏ da» bên ngoài. Nhà ẩn tu phải noi theo cách sống các Thiên thần cùng không ngủ không ăn, đoạn tuyệt hoàn toàn với mọi cám dỗ của thế sự, để tập trung hoàn toàn vào việc tu hành, vì thể xác vẫn còn sống trên mặt đất, chưa phải ở trên Trời. Nhà ẩn tu chỉ giống như Thiên thần sau khi nhắm mắt.

Nhờ có các vị ẩn tu, Trời hạ xuống gần mặt đất, qua cách sống và lời cầu nguyện của họ. Trời Đất kết liền với nhau.

Cha Philodor đã cách biệt hoàn toàn với nhân thế, kể cả tên họ.

Panselin phải đến ẩn thân với một nhân vật như vậy.

Đến đầu cửa động có một cây thánh giá bằng gỗ chạm trổ công phu, nhưng chẳng có một dấu hiệu gì chứng tỏ nơi đây có người ở.

Thầy Panteleimon nói với Panselin:

– Không chắc cha Philodor còn sống. Nhiều khi lên đây, người ta chỉ còn thấy di hài của các ngài ẩn tu mà thôi. Người ta tổ chức tang lễ các nhà ẩn tu khi các ngài rời tu viện lên đây là vì vậy.

Nói xong, thầy Panteleimon la thật lớn:

– Cha Philodor ở đâu? Con đem lên cho cha một người cần ẩn thân ở đây, theo lời cha Bề trên. Dưới tu viện, lính đến đông lắm. Họ đến cốt để bắt người này. Cha ra chào khách đi chớ! Con biết cha cương quyết không muốn hội diện với bất kỳ người nào. Con dẫn người mà Chúa gởi đến để thử thách cha đây!

Tiếng nói của cha Philodor từ trong động vẳng ra:

– Thầy đem người cần trốn tránh lên ẩn thân ở đây phải không?

– Cha Bề trên muốn cha giữ người này lại và che chở cho người ta... Cảnh sát, hiến binh đang lùng sục khắp nơi để bắt anh ta. Sống cũng bắt, chết cũng bắt!

– Cầu xin Chúa che chở cho anh ta. Chúa đầy quyền năng làm gì cũng được, còn tôi, tôi chẳng làm được gì cả. Xin cúi mình vâng theo ý Chúa.

– Xong rồi, cha Philodor bằng lòng nhận anh rồi đó. Anh cứ ngồi đây đợi cha ra. Anh phải ráng kiên nhẫn. Nếu cha Philodor có ra chậm, anh cũng đừng có sợ.

Panselin hỏi với giọng nói ngậm ngùi:

– Thầy đi... sao?

– Chưa đâu! Nhưng chốc nữa tôi cũng phải xuống, phải về đến tu viện trước khi trời tối để có mặt trong buổi lễ chiều. Nhưng tôi chưa đi ngay đâu, tôi còn ở lại với anh một chốc nữa.

Nói xong, tu sĩ Panteleimon đi vào động, nhóm bếp lửa cho cháy sáng lên. Panselin theo chân bước vào. Thạch động đã được các nhà ẩn tu sửa sang lại trong nhiều đời đã qua. Phía trong, ánh lửa chiếu sáng những tượng Chúa, những thánh giá do các ẩn tu

khắc vào đá. Người ta có cảm tưởng như đây là một giáo đường nhỏ.

Thầy Panteleimon chờ lửa cháy sáng mới đứng dậy đi lấy cỏ khô giải thành đệm cho Panselin rồi luộc mấy củ khoai. Ông đưa cho Panselin ăn trước, mình ăn sau. Thầy ăn ngon lành vì đã quá đói. Thầy nói với Panselin :

– Giường anh tôi làm giúp rồi. Nằm như vậy thú lắm, đừng để lửa tắt mất. Lửa không có là lạnh thấu xương. Chiều mai, tôi sẽ mang lên cho anh cái chăn.

Trong động chỉ có tiếng của thầy dòng Panteleimon nói với Panselin mà thôi. Không có qua một chút tăm hơi, không có quá một dấu vết nào chứng tỏ rằng còn có cha Philodor trong động :

Panselin cầm một củ khoai lên ăn. Nhưng chàng chợt nhớ đến cha Philodor và hỏi Panteleimon :

– Ta phải mời cha Philodor ăn với chớ ?

Panteleimon xua tay :

– Ấy chết, đừng. Nhà ẩn tu « kỵ » nhất là bị quấy nhiễu lúc đang cầu kinh. Cầu nguyện liên tục và lớn tiếng. Cha Philodor không ăn bao nhiêu và gần như không ngủ nữa. Ngài không có giường. Thỉnh thoảng mới ngủ ngồi một chốc mà thôi.

Rồi tu sĩ Panteleimon ra về. Khi ra đến cửa động ông còn quay lại cúi rạp mình chào Panselin. Panselin đỏ mặt vì xúc động. Nếu trước kia có người cúi mình trước chàng như thế, Panselin hẳn đã có can đảm suốt cả cuộc đời. Nhưng đến nay nhờ sự cúi mình của thầy dòng Panteleimon, Panselin mới ý thức được cái nhân vị và cái giá trị nhân phẩm của chàng. Đến bây giờ chàng mới hiểu được con người là một nhân vật tự do độc lập và cao quý. Con người là sinh vật duy

nhất làm chủ được mình, nghĩa là con người hoàn toàn tự do muốn trở thành gì cũng được... Nghĩa là nó hoàn toàn tự do tự tạo.

Sau khi nhà khổ tu Panteleimon ra về, Panselin nằm xuống ngủ một mạch.

Panselin vừa ngủ được một chốc thì bị lay dậy. Cha Philodor đang đứng cạnh chàng. Một tấm da cừu và một túi vải đắp lên người của nhà ẩn tu thay cho y phục. Tóc dài, râu dài còn đen rậm. Mặc dù nhà ẩn tu trông giống như một người rừng, dã man, nhưng sự có mặt của ngài, đối với Panselin thật là đẹp và sáng rực hơn cả ánh sáng của bếp lửa sau lưng chàng.

Nhà ẩn tu nói :

– Tôi xin lỗi đã đánh thức người anh em dậy. Tôi đem thêm củi ra để đốt... Không có lửa, động này lạnh lắm. Tôi có mang ra đây cho người anh em một cái mền để đắp. Người anh em còn trẻ quá ! Tại sao lại ra nông nỗi này ? Họ muốn giết người anh em thật sao ?

– Thưa cha vâng. Con đã thoát khỏi tay bọn họ mấy lượt. Bây giờ con cùng đường. Con sẽ bị treo cổ.

– Con sợ chết lắm phải không ?

– Dạ phải. Con sợ chết lắm.

– Con muốn sống với mọi giá, chứ gì ! Cũng phải. Con còn trẻ quá. Mà tuổi trẻ thì ham sống mãnh liệt. Cha hiểu. Nhưng tại sao họ lại muốn treo cổ con ? Có thật con nguy hiểm quá chừng cho xã hội của họ ở ngoài đời chăng ?

– Thưa Cha, con phạm rất nhiều tội, cả trọng tội nữa. Nhưng họ lại muốn treo cổ con vì chính những tội đó mà con chưa hề phạm tới.

Panselin bật khóc.

Nhà ẩn tu hỏi Panselin :

– Trước hết, con là ai ? Con cho cha biết rõ con là ai ? Con phạm tội gì ? Con có muốn xưng tội với cha và sau đó được xá tội hay không ?

– Lạy cha có chứ ! Có điều con không đi xưng tội lâu lắm rồi.

– Bây giờ con quỳ xuống đi. Tên con là gì ?

Nhà ẩn tu cởi khúc dây thừng (cùng một loại với dây thừng nông dân dùng để cột trâu bò) bằng đay quấn ngang lưng ra và thắt thành hình thánh giá. Ông ôm hôn cây thánh giá đay xong rồi quàng qua cổ, hình thánh giá nằm trước ngực. Khúc dây thừng đã biến thành một tế khí – Panselin quỳ trước mặt vị ẩn tu xưng tội :

– Con tên là Roland Panselin. Bố con là một người Gitan du dân. Bộ lạc con chuyên làm nghề sắt, mọi thứ nghề... Nghĩa là chúng con đều là thợ thủ công làm đủ nghề : thợ rèn, thợ khóa, thợ kim hoàn v.v.., Nhưng tất cả đã bị tàn sát chết hết rồi. Bị tàn sát bên bờ sông, ngay chỗ cắm trại. Năm xưa, vào một buổi tối, lính tráng và hiến binh say rượu, từ lâu đài của nhà quý tộc chúa ở địa phương kéo xuống chỗ cắm của bộ lạc con để bắt gái. Những người đàn ông trong bộ lạc đã chống cự để bảo vệ vợ con và con gái của họ. Thế là tất cả đều bị tàn sát bằng súng liên thanh. Bị giết sạch cả đoàn, con gà con chó cũng không từ. Sáng mai, người ta đếm được xác năm mươi người cả đàn ông đàn bà và trẻ con. Có cả xác ngựa, gà, chó. Một vụ tàn sát, thưa cha.

Nhưng cũng có một người sống sót. Một đứa trẻ mười tuổi – bố con. Bố con chạy trốn được vào trong

nhà xứ để kể lại chuyện – y như chuyện của Job trong Kinh thánh, tàn sát cả bộ lạc, nhân danh người sống sót duy nhất. Bố con được một vị linh mục nhân từ là cha Myron Molifta cứu giúp. Bố con được nuôi tại nhà xứ rồi được cha Molifta gởi cho đi học để trở về làm thầy giáo trường làng ngay tại địa phương cả bộ lạc bị tàn sát. Ông lấy một thôn nữ. – Mẹ con. Bà chết lúc sinh ra con.

– Bố con là một thầy giáo hư hỏng, một công dân xấu. Ông không thể làm quen với đời sống định cư. Dân tộc con đời sống trên bánh xe, luôn luôn di chuyển trên mọi nẻo đường. Bởi vậy, sống tại một nơi nhất định, mỗi ngày thức dậy đúng ở chỗ mình đã ngủ tối hôm trước, đều đều ngày này qua tháng nọ là một điều quá khó, đối với bố con. Hơn nữa vụ tận sát cả bộ lạc mà bố con được chứng kiến khiến cho ông vừa sợ vừa căm giận mọi nhà cầm quyền và mọi luật lệ của dân định cư. Ông vi phạm đủ thứ tội trạng khiến cho mọi người định cư đều phát ngán. Cuối cùng, ông tiêu sạch quỹ của hợp tác xã nông nghiệp mà ông là chủ tịch kiêm thủ quỹ.

Để cứu ông khỏi bị khổ sai, con đã bỏ học để vào làm cho ngân hàng để vay một món tiền đủ để cho bố con trả nợ hợp tác xã. Số tiền này, con phải trả bằng lương tháng trong mười lăm năm. Quá mất tinh thần, nghĩa là quá chán đời vì vụ này, con đã để mình rơi vào tội trọng... với con gái của một lão chủ quán rượu. Vì vậy, con phải lấy ả làm vợ, dù không yêu. Rồi một hôm con bị buộc tội cướp của giết người. Vì cảnh sát nhầm lẫn, buộc tội oan cho con, tra tấn con một cách tàn nhẫn... Đến khi được minh oan, được trả tự do, con lại bị nhà băng thải hồi vì tên tuổi con bị bôi bẩn. Con vào làm cho hỏa xa. Chuyến tàu của con đâm

xuống thác, một đêm mưa bão. Nhưng con thoát chết, con là người duy nhất thoát chết trong tai nạn xe lửa y như bố con là người thoát chết duy nhất trong vụ tàn sát. Trong chuyến tàu hôm ấy, có một thanh niên đi Nam Mỹ tên là Raphel Fraga. Khi tỉnh dậy, con thấy lạnh quá. Trời lại mưa mà mình chỉ mặc áo sơ mi trần nên con lấy áo vét của Fraga bận vào cho ấm và xách theo cái va ly nhỏ của Fraga. Con lần mò lội bộ trong núi gần cả ngày trời để đến nhà ga biên giới để loan báo tai nạn. Vừa đến nơi, con lăn ra ngủ vì mệt quá độ. Các nhà chức trách đi điều tra tai nạn để yên cho con ngủ, nhưng lại lục túi và xét va ly con xách theo. Thấy trong túi con có vé tàu đi Nam Mỹ và giấy tờ của Fraga, họ cho con là chàng thanh niên được phép di cư sang Nam Mỹ Raphael Fraga. Họ đánh thức con dậy để lên xe lửa Xuyên Đông chỉ dừng tại nhà ga biên giới có một phút. Khi con biết là các nhà chức trách lầm con là Fraga, con muốn nói ra sự thật nhưng còn trù trừ thì xe lửa đã sắp chạy. Lúc ấy, con cũng muốn đi xa nữa. Thế là chuyến xe lửa tốc hành Xuyên Đông liền « bốc » con đi xa và giúp con giữ kín được câu chuyện. Sau đó, con đã sống ở nước Cộng hòa La Tinh độc lập năm năm dưới một căn cước khác và những giấy tờ di cư của người khác. Chẳng ai biết gì hết, cho nên con được gia nhập quốc tịch Cộng hòa La Tinh độc lập. Bên Nam Mỹ, con sống chung với một cô gái nghèo mạt, một Descamisada (người không có áo). Bên ấy, người nghèo đúng là nghèo đến mức không có áo mặc, như danh xưng của họ đã nói lên sự thật, không phải là danh xưng có ý nghĩa tượng trưng. Con biết cha không bằng lòng về lối sống không chính thức kết hôn mà con trình bày. Nhưng con xin trình cha để cha biết rằng ông linh mục ở bên ấy không

chịu làm phép cưới cho chúng con. Ông cho con là kẻ ngoại đạo, vì con làm dấu thánh giá bắt đầu bằng vai bên phải mà không bắt đầu bằng vai bên trái như họ. Ông còn nói rằng không làm lễ hôn phối thì nhất định con phải xuống hỏa ngục vì vấn đề làm dấu vai bên phải. Một thời gian sau, nhà quyền quý nhất xứ, anh ruột của Đức Tổng giám mục và ông tổng trấn, ngủ với cô vợ con. Một hôm con đi vắng, ông ta chui vào giường, nằm vào chỗ của con, bên cạnh cô vợ của con. Thấy cái súng lục của ông ta để trên đống áo quần trên cái ghế cạnh giường, con chụp lấy súng bắn bừa. Ông ta vọt ra chạy trốn. Con nhân tình của con nhào ra giằng lấy súng và chết vì đạn lạc. Con cũng không hiểu vì sao nó chết nữa. Có Chúa làm chứng cho con là con không hề muốn giết cô ta và đó là lần đầu con cầm lấy cây súng. Sau đó, con đến ty cảnh sát nộp mình và khai ra tội trạng. Nhưng cảnh sát Santa Rosa không chịu bắt con. Trái lại, họ còn âm mưu với nhau và bố trí để tống con lên phi cơ trả về nước cũ. Họ không muốn cho tên tuổi của nhà quyền quí kia và tên tuổi của gia đình anh em ông ta bị bôi nhọ trong một vụ giết người. Vì vậy, họ mới tống cổ con đi xa, trục xuất con ra khỏi nước họ.

Vừa về đến đây, con định đi thăm vợ con, người vợ chính thức. Nàng được nhà nước cho một khoản trợ cấp, vì mọi người, kể cả vợ con, đều tin rằng con đã chết. Người ta đã đem một kẻ nào vào chôn nơi ngôi mộ của con. Con đã thấy vợ con nơi nghĩa trang. Người ta cho con hay rằng năm năm nay, vợ con ngày nào cũng đến cầu nguyện nơi ngôi mộ đó. Lúc ấy, con chạy đến ôm lấy vợ hôn và cho nàng biết là con còn sống. Con nghĩ là con đem đến cho nàng một sự vui khó tả nhưng không ngờ nàng thét lên kêu cứu

khi thấy con còn sống. Nàng chỉ yêu người chồng đã chết, lầm là con. Còn chính con, người chồng ấy còn sống lại làm cho cô ta hốt hoảng. Cô ta kêu cứu dữ quá khiến cho con phải bỏ chạy. Còn nàng được đem về nhà thương, và chết luôn. Thế là cảnh sát ra thông cáo gọi con là một tên bạo dâm và treo giải thưởng một triệu cho bất kỳ ai bắt được con còn sống hay giết chết con cũng được. Cả tuần nay con trốn chui trốn nhủi trên rừng, trong bưng hay ngoài đồng. Con đã tính giết thầy Panteleimon đã bắt gặp con ngoài đồng, vì tưởng thầy là cảnh sát. Nhưng nhờ ơn Chúa, con chưa phạm tội đại ác ấy. Rồi thầy dẫn con về tu viện. Nơi đây, cũng có lính đóng. Cha Bề trên tu viện đã quở trách thầy Panteleimon vì đã dẫn con về tu viện để chạm mặt với đám lính đi vây bắt con đang đóng tại tu viện... Rồi người ta đưa con lên đây. Vậy là con tạm ẩn mình ở đây với cha, nếu cha cho phép. Nhưng chắc con cũng không làm phiền cha lâu lắm đâu! Vì thế nào họ chả tìm ra con? Dưới kia có hàng ngàn cảnh sát hiến binh đang lùng bắt con để treo cổ. Vấn đề chỉ là thời gian mà thôi.

Chỉ có vậy thôi, thưa cha. Con không có cách gì thoát nổi họ cả. Con cũng không thể nào minh oan được. Con biết rõ cảnh sát và những người có quyền hành thời nay mà. Họ trông thấy ai cũng là sát nhân hết...

– Trái lại, con ơi, cha thấy nơi mọi người có tội, hình ảnh của một con người, và thấy nơi con người, hình ảnh của Chúa.

– Thưa cha, điều cha nói hay lắm. Nhưng nó chẳng thay đổi được gì hết và cũng chẳng giúp cho con thoái khỏi bị bắn chết hay bị treo cổ..

Panselin lại khóc... Chàng sợ chết quá chừng.

Cha Philodor đi vào trong động sâu với cây thánh giá bằng thừng trước ngực không cởi ra như thường lệ. Vào trong động, cha quỳ xuống, mặt ngoảnh về phía Đông, mắt ngẩng lên nhìn Trời, cầu nguyện.

Vị ẩn tu đứng dậy. Nét mặt khác hẳn, rạng rỡ như có hào quang. Ông nói với Panselin bằng giọng nói như giọng nói nhẹ nhàng:

– Nếu cảnh sát có tới đây hỏi con, hãy bảo với chúng rằng con là đệ tử, là con tinh thần của cha. Con hãy bận áo tu này của cha. Thấy con bận áo tu, chúng nó sẽ tin tưởng nơi con hơn!... Còn áo quần và vật dụng con có những gì, đưa đây cha đem giấu cho.

Mấy phút sau, nhà ẩn tu Philodor rời sơn động. Panselin, bận y phục ẩn tu của cha, ngồi một mình bên bếp lửa. Trong khi ấy, cha Philodor, mặc quần áo của Panselin và mang theo gói đồ của chàng, dấn bước vào rừng thông tối đen. Dưới tu viện, chuông đồ hồi báo hiệu giờ hành lễ bắt đầu.

*
* *

39

Thắng

Sáng hôm sau, chủ nhật. Mãi 11 giờ, tu viện vẫn vắng lặng như tờ. Các tu sĩ đều ở trên giáo đường dự lễ thông công. Các sĩ quan và binh lính đóng quân mấy ngày nay ở tu viện cũng dự lễ. Đồng phục cảnh sát lẫn lộn với y phục đen của các tu sĩ.

Các tu sĩ bắt đầu khai lễ từ chiều hôm trước khi trời mới tối làm lễ liên tục trong 12 giờ liền.

Giữa lúc bài Thánh ca Koinònikon sắp được cất lên báo hiệu lễ thông công thì hai tên lính vừa thở hồn hển vừa bước vào nhà thờ, men đến gần đại tá Martial tư lệnh hiến binh, đang sắp quỳ xuống làm lễ, báo cáo:

– Báo cáo đại tá, chúng em vừa bắn chết tên sát nhân Nam Mỹ!

Đại tá Martial giật mình vội ra khỏi giáo đường. Tất cả mọi quân nhân đều ra theo. Trong nhà thờ, chỉ còn các tu sĩ điềm nhiên tiếp tục hành lễ.

Ra khỏi cửa nhà thờ, đại tá hỏi ngay:

– Bắn nó được ở đâu?

– Thưa đại tá, cách đây chừng bốn cây số. Đơn vị bọn em đã bắn được nó. – Một trung úy lên tiếng đáp thay cho hai anh lính vào nhà thờ lúc nãy.

– Bắn được nó lúc mấy giờ?

– Trước đây, chừng 15 phút. Nó chết ngay vì một «băng» đại liên...

Martial đã đi đến cạnh giếng nước giữa sân tu viện, vừa đi vừa nghe vừa hỏi:

– Có gì nữa, báo cáo tiếp đi.

– Thưa, chỉ có thế thôi.

– Tôi cần chi tiết, nhiều chi tiết. Trung úy báo cáo lại diễn biến nội vụ tôi nghe.

– Thưa đại tá, mười lăm phút trước đây, em và đơn vị em có mặt ở nhà thờ làng A... cùng dân làng dự lễ. Tất cả đều đang quỳ, bỗng em nghe có tiếng súng nổ, nhưng không ai động đậy hết.

Vị linh mục vẫn đọc tiếp lời kinh. Lúc này tiếng đại liên nổ liên hồi sát bên tai chúng em. Em vọt ra và thấy anh trung sĩ chạy lại báo cáo với em là đã bắn chết tên sát nhân. Nó đã chết ở giữa đường, cách nhà thờ A chừng một trăm mét.

Em đã đến tận nơi xem xét mọi chi tiết. Tất cả đều chính xác hoàn toàn. Đúng theo lệnh trên, em cho bố trí linh gác trên mọi nẻo đường ra vô làng, trước nhà thờ, trước nhà xã trưởng và trên mọi cây cầu. Em còn cắt thêm mấy toán tuần tiễu thay nhau đi tuần.

Giữa lúc chuông đồ báo giờ thông công, tên sát nhân – có lẽ quá đói và biết chắc là mọi người đều đi nhà thờ hết – đã rời chỗ nấp, mò vô quán chạp phô để kiếm đồ ăn. Linh gác và một toán tuần tiễu trông thấy nó đến trước tiệm, đã hô lệnh «đứng lại» đúng theo nguyên tắc. Tên sát nhân liền chạy về phía rừng. Lính vừa hô vừa bắn lên trời. Nhưng tên sát nhân vẫn không chịu đứng lại. Lúc nó sắp biến vào rừng,

chúng em mới phải tập trung ba khẩu đại liên nhắm vào nó nhả đạn. Tên sát nhân ngã gục xuống chết ngay.

Báo cáo xong, viên trung úy móc tấm thông hành trong mình người bị chết đưa ra. Đại tá Martial đón lấy, liếc qua. Thông hành đề tên Raphael Fraga, thương gia. Santa Rosa... ông ta nhận xét:

– Thông hành này sắp mục rồi. Tên sát nhân sống ngoài trời quá lâu, y như một con thú vậy. Nó đói quá liều mạng đâm đầu ra trước họng súng để ăn trộm bánh.

Viên trung úy:

– Thưa, em đã coi kỹ áo quần, các giấy tờ khác, ví tiền, giày v.v.. Tất cả đều mang nhãn hiệu các cửa hàng ở Santa Rosa, nước Cộng Hòa La Tinh độc lập.

– Trung úy có cho chở xác nó tới đây không?

– Thưa có!

Hai người lính khiêng một cái «băng ca» bằng cây, trên phủ một tấm «bạt» bằng kaki nhà binh. Tấm bạt ướt đẫm máu tươi. «Băng ca» được khiêng đến cạnh giếng nước. Viên trung úy cúi xuống, lật một góc «bạt» lên cho đại tá Martial nhìn kỹ xác chết.

– Não bể hết rồi. Bao nhiêu đạn đều trúng vào đầu nên nét mặt tên sát nhân khó nhận ra lắm.

– Thưa chúng em phải ngắm kỹ vì sợ bắn trật!

– Các chú cởi đồ nạn nhân ra để ghi lại mọi vật dụng vào biên bản. Kêu y sĩ của đơn vị lên đây để làm phúc trình chuyên môn cho đầy đủ. Khỏi cần chở xác tên sát nhân đi giải phẫu luật y làm gì cho mất công. Lý lịch của nó rõ ràng lắm rồi, chả có gì thắc mắc cả. Bây giờ hãy đem xác của nó vào nhà xác của tu viện đã.

Nhà xác của tu viện ở cạnh cửa ra vào giáo đường. Đại tá Martial ra lệnh :

– Cắt lính gác nơi nhà xác. Cấm ra vào khi y sĩ chưa làm phúc trình và chưa làm bản kê khai vật dụng của tên sát nhân.

* * *

Chuông báo lễ tất vừa đổ. Các tu sĩ lần lượt rời giáo đường. Họ không thấy xác người chết vừa được lính đem vào nhà xác tu viện để lập biên bản...

Về phía cuối sân tu viện, trước phòng ăn, đại tá Martial đang tập họp sĩ quan và hạ sĩ quan lại tuyên bố :

« Tất cả sĩ quan, hạ sĩ quan và binh sĩ có tham gia trực tiếp hay gián tiếp vào việc săn đuổi tên sát nhân đều được nghỉ phép một tuần. Mấy binh sĩ có công bắn hạ tên sát nhân, ngoài món tiền thưởng một triệu, còn được hưởng thêm mỗi người một ngàn đồng. Họ được tự do ngày hôm nay ».

Từ trong đám binh sĩ, thầy dòng khổ tu Pentelei-mon chạy hối hả về phía đại tá Martial, vạt áo tu xòe ra như đôi cánh đen vỗ lên vỗ xuống, lớn tiếng hỏi :

– Đại tá giết được nó rồi sao ? Nó chết chưa ?

– Phải ! Chúng tôi vừa thắng. Tên sát nhân đã chết, đã bị giết chết sáng nay, cách đây khoảng nửa giờ và xa đây chừng ba cây số.

Tay thầy dòng khổ tu Panteleimon xoắn vạt áo, dáng thất vọng. Thầy nói với đại tá Martial :

– Không phải, không phải như vậy. Ông chưa giết được nó? Sự thật không phải như vậy, thưa đại tá?

Đại tá Martial:

– Trái lại! Không có gì thật hơn lời tôi vừa mới nói với thầy.

Cha phụ tá tu viện trưởng, cha quản lý, những người đã biết việc Panteleimon đem Panselin đi trốn chiều qua – cùng sấn lại lôi thầy dòng đi và giải thích với viên chỉ huy hiến binh:

– Xin lỗi đại tá, vị thầy dòng khổ tu này yếu thần kinh cho nên tính nết thất thường. Rồi quay sang Panteleimon: « Thầy đi với chúng tôi! »

Nhưng Panteleimon vẫn la lớn:

– Các ông đâu có giết được nó! Nó đâu đã chết. Nó đâu có thể bị giết được?

Cha phụ tá:

– Thầy Panteleimon, đừng nói nhảm nữa. Đi với chúng tôi về nghỉ đi.

Đại tá Martial thắc mắc:

– Tại sao ông ta lại kỳ cục như vậy?

Cha phụ tá giải thích:

– Thưa, thầy dòng Panteleimon yếu thần kinh nên đâm ra khùng khùng. Nghe có người bị giết, thầy như lên cơn.

Trong khi ấy, Panteleimon dẫy dụa, giật tay ra khỏi tay Cha quản lý và la lớn:

– Tôi muốn thấy tận mắt xác nó. Cho tôi thấy xác nó đi.

Đại tá Martial:

– Được, tôi cho thầy vào nhà xác nhìn mặt nó,

Rồi ông to tiếng ra lệnh :

– Lính gác đâu ! Hãy chỉ cho vị thầy dòng này thấy xác tên sát nhân. Để cho ông ta thấy rõ và bình tâm trở lại.

Thầy dòng khổ tu Panteleimon chạy vội xuống nhà xác. Bước vào, không thèm nhìn lính gác, thầy đứng nhìn vài giây đồng hồ rồi bước ra. Nét mặt thầy thay đổi hẳn. Thầy xúc động cực độ, đôi mắt như muốn bật ra ngoài. Chân thầy bước lảo đảo trên các bậc thềm giáo đường như người tìm không ra hướng đi.

Chợt thấy bóng vị tu viện trưởng tu viện ở đằng xa, thầy chạy lại gần đấng bề trên, khóc nức nở.

Vị tu viện trưởng cúi xuống trấn tĩnh người tu sĩ. Sĩ quan, hạ sĩ quan, binh sĩ và tu sĩ cũng đứng im theo dõi thầy dòng Panteleimon.

Cha Bề trên :

– Thầy Panteleimon ! Panteleimon, người anh em của ta, con ta ! Hãy bình tĩnh !

Cha Bề trên nói xong, làm phép Thánh trên đầu Panteleimon. Vị thầy dòng khổ tu này đứng dậy, ghé vào tai Cha Bề trên, nói thầm từng tiếng một ngắt quãng, vừa nói vừa nấc vì đau đớn :

– Trình Cha Bề trên, chúng nó giết chết Cha ẩn tu Philodor rồi ! Đâu phải là tên sát nhân ! Cha thánh nhân Philodor đã lấy quần áo Panselin mặc vào rồi cạo râu cắt tóc để đi ra cho lính bắn chết thay cho Panselin. Cha thánh nhân Philodor chết để cho tên sát nhân nhưng là một con người lương thiện, được tự do... như gương Chúa...

HẾT

Giá : 4.000đ00